

Số: 24 /2025/BB-HBS

Hà nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 +9, số 46-48 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số doanh nghiệp: 0102659313

Hôm nay, ngày 28 tháng 10 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (Sau đây gọi là “Công ty HBS”) tổ chức cuộc họp.

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM HỌP:

Thời gian: Vào 08 giờ 30 ngày 28 tháng 10 năm 2025.

Địa điểm: Tầng 7+9, số 46-48 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

A. Thành phần Hội đồng sáng lập

- | | |
|---------------------------|----------------------------------|
| 1. TS. Nguyễn Thị Loan | - Chủ tịch Hội đồng sáng lập |
| 2. Ths. Trịnh Thanh Giảng | - Phó chủ tịch Hội đồng sáng lập |
| 3. LS. Dương Đình Khuyến | - Thành viên Hội đồng sáng lập |
| 4. TS. Nguyễn Văn Cần | - Thành viên Hội đồng sáng lập |
| 5. Ths.BS. Trần Mỹ Linh | - Thành viên Hội đồng sáng lập |

B. Thành phần Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------------|---------------------|
| 1. Bà Trần Mỹ Linh | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Trịnh Thanh Giảng | - Phó chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Phan Trung Kiên | - Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Lê Trí Dũng | - Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Minh Sơn | - Thành viên HĐQT |

C. Thành phần Ban Tổng giám đốc

- | | |
|---------------------|---------------------|
| 1. Ông Lê Tiến Dũng | - PTGD Công ty HBS. |
| 2. Ông Bế Công Sơn | - PTGD Công ty HBS |

Tổng số thành viên tham dự họp: 05/05 thành viên.

Tổng số phiếu đủ điều kiện biểu quyết: 05 phiếu biểu quyết

Cách thức dự họp: tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

Chủ tọa cuộc họp: Bà Trần Mỹ Linh – Chủ tịch HĐQT

Thư ký cuộc họp: Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thư ký cuộc họp



Ký bởi: CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
HÒA BÌNH

MỤC I. CÁC NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA KẾT QUẢ RÀ SOÁT LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÀY 26/06/2025.

I. ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

A. XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH NIÊM YẾT TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX) NGÀY 06/07/2010, KẾ NĂM 2011 ĐẾN NAY. Thể hiện:

Công ty cổ phần chứng khoán Hòa bình (Công ty HBS) là Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP HN (HNX) ngày 06/07/2010, mã cổ phiếu HBS. Do vậy, Đại Hội đồng cổ đông quy định trách nhiệm và quyền hạn cho Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (TGD) trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua và phê duyệt là một quy định **hoàn toàn chính xác và bắt buộc theo pháp luật Việt Nam**. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS là văn bản pháp lý cao nhất của Công ty, do ĐHĐCĐ thông qua, nhằm xác định rõ cơ cấu tổ chức, vai trò và quyền hạn của các Bộ phận trong công ty, bao gồm cả HĐQT, Ban kiểm soát và Ban TGD, đảm bảo hoạt động tuân thủ pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS.

1. Vai trò của Điều lệ trong việc quy định quyền hạn và trách nhiệm:

(1) Xác định cơ cấu tổ chức: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS là quy định về cách thức tổ chức bộ máy quản lý của công ty, bao gồm HĐQT, Ban kiểm soát và Ban TGD, cùng với nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ phận. **(2) Đảm bảo tuân thủ pháp luật:** Mọi quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS đều phải tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, đảm bảo công ty hoạt động hợp pháp. **(3) Bảo vệ quyền lợi cổ đông:** Việc quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các Bộ phận quản lý giúp cổ đông biết rõ vai trò của họ trong việc điều hành và quản lý công ty.

2. Tại sao ĐHĐCĐ phải thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS? ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề quan trọng nhất. Việc ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS đảm bảo sự đồng thuận và chấp thuận của cổ đông đối với khung pháp lý quản trị Công ty. Các Nghị quyết và Biên bản của ĐHĐCĐ, bao gồm cả việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty HBS và gửi cho các Cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán, được quy định cụ thể như sau:

Thứ nhất, Trích dẫn nội dung Điều 30, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ năm 2011-2021, được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội 06/07/2010 (mã chứng khoán HBS) quy định Trách nhiệm và quyền hạn của Đại Hội đồng cổ đông như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

2. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm: Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

3. **Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:** (1) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm; (2) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. (4) Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; (5) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; (6) Lựa chọn công ty kiểm toán; (7) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành; (8) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; (9) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; (10) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập; (11) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; (12) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; (13) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; (14) Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (15) Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; (16) Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; (17) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (18) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: (1) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 30 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; (2) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán. (3) Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông."

Thứ hai, Trích dẫn nội dung Điều 43, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ năm 2011-2021, được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội 06/07/2010 (mã chứng khoán HBS) quy định Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị như sau:

1. **Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty.** Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội

✓ 3

đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. **Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.** Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: (1) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; (2) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; (3) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; (4) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; (5) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó; (6) **Đề xuất** các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; (7) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; (8) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; (9) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); (10) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; (11) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. **Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:** (1) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; (2) Thành lập các công ty con của Công ty; (3) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 135 và trừ trường hợp quy định tại **Khoản 1, khoản 3, Điều 165, Luật Doanh nghiệp** phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh); (5) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; (6) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; (7) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá **30.000.000.000 đồng** Việt Nam (ba mươi tỷ đồng) hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; (8) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; (9) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; (10) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần; (11) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết

định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
(12) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

9. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, các cổ đông hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ nghị quyết và các quyết định có liên quan.

10. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

11. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

12. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

13. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí

✓ 45

phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

14. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

15. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ: thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông; trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp; thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối (thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty); các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.”

Thứ ba, Trích dẫn nội dung Điều 44, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ năm 2011-2021, được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội 06/07/2010 (mã chứng khoán HBS) quy định Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT Công ty HBS như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: (1) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; (2) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; (3) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; (4) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; (5) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị; (6) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư

ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: (1) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; (2) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; (3) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; (4) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; (5) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; (6) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty. (7) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Thứ tư, Trích dẫn nội dung Điều 54, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ năm 2011-2021, được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội 06/07/2010 (mã chứng khoán HBS) quy định Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát Công ty HBS như sau:

A. Danh sách nhân sự Ban kiểm soát của Công ty HBS

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Sinh ngày 15/03/1980. CCCD số: 001180000614, ngày cấp: 13/10/2014, nơi cấp: Cục CSĐKQLCT và DLQGVDC. Bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ngày 26 tháng 4 năm 2018 nhiệm kỳ 2018-2023, theo Biên bản số **01/2018/BB-HBS** ngày 26/04/2018.

2. Bà Phạm Thị Sen - Sinh ngày 08/10/1983. CCCD số: 001180000614, ngày cấp: 13/10/2014, nơi cấp: Cục CSĐKQLCT và DLQGVDC. Bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ngày 28 tháng 4 năm 2022 nhiệm kỳ 2018-2023, theo Nghị quyết số **02/NQ-ĐHĐCD** ngày 28/04/2022.

3. Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Sinh ngày 01/01/1979. CCCD số: 030079010226 Ngày cấp: 07/04/2021, nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội. Bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ngày 05 tháng 07 năm 2023 nhiệm kỳ 2023-2028, theo Quyết định số **31/2023/QĐ-HBS** ngày 05/07/2023.

4. Ông Đoàn Đức Giang - Sinh ngày 13/09/1993. CCCD số: 034093004973 ngày cấp: 23/08/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội. Bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ngày 22 tháng 3 năm 2024 nhiệm kỳ 2023-2028, theo Quyết định số **01B/2024/QĐ-HBS** ngày 22/03/2024.

B. Trích dẫn nội dung trách nhiệm, quyền hạn của Ban kiểm soát tại Điều 54, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ năm 2011-2021, như sau:

1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

4. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

5. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

6. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

7. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

8. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

9. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý; Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại tiết (xii) điểm b khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện;

Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của công ty vi phạm quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

10. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

11. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát.

12. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thứ năm, Trích dẫn nội dung Điều 50, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ năm 2011-2021, được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội 06/07/2010 (mã chứng khoán HBS) quy định Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành như sau:

1. Ông Trần Kiên Cường – Nguyên TGD Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình. CMND số 013498909 cấp ngày 30/03/2012. Nơi ở: Số nhà 373, Phường Bạch Đằng, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex ủy quyền đại diện cho các cổ đông nắm giữ cổ phần, vốn góp, cổ phiếu (mã giao dịch VMD) tại Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex cho ông Trần Kiên Cường kể từ ngày 27/06/2014 đến ngày 31/12/2021, Số lượng cổ phiếu mã VMD nắm giữ là 1.098.680 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 7,12% trên tài khoản chứng khoán 082C000015 của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thuộc Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2. Ông Phan Sỹ Hải – TGD Công ty HBS tại Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 29/09/2020 đến ngày 10/10/2022 tại Quyết định số 115/2022/QĐ-HĐQT (Ông Phan Sỹ Hải sinh ngày 04/07/1986; CCCD số: 001086024454, ngày cấp: 12/06/2018, nơi cấp: Cục CSĐKQLCT và DLQGVDC. Nguyên quán: Nghệ An. Địa chỉ thường trú: P 103Đ8 Vĩnh Hồ, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội. Số điện thoại: 0915090904; Email: phansyhai@gmail.com;

3. Ông Nguyễn Thành Nam – TGD Công ty HBS tại Quyết định số 145/2022/QĐ-HBS ngày 05/12/2022 và Quyết định 46/2023/QĐ-HBS 19/09/2023; (Ông Nguyễn Thành Nam sinh ngày 14/11/1969, CCCD số: 022069002083, cấp ngày 01/11/2018, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH nguyên quán, Quảng Ninh ; Địa chỉ: số 39 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam; Số điện thoại: 0917516969; Email: namnt@hbse.com.vn).

4. Ông Đinh Thế Lợi – Tổng Giám Đốc Công ty HBS tại Quyết định số 32/2023/QĐ-HBS, ngày 27/07/2023 và Quyết định số 38/2023/QĐ-HBS ngày 10/08/2024 (Ông Đinh Thế Lợi sinh ngày 21/08/1980, CCCD số: 022080001291, ngày 10/07/2021 của Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;- nguyên

quán: Quảng Ninh. Địa chỉ thường trú tại P402 Nhà N1 Khu 7,2Ha, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam, Số điện thoại 0888336668; Email loidt@hbse.com.vn)

5. Ông Nguyễn Phan Trung Kiên – Tổng Giám Đốc Công ty HBS tại Quyết định số 12/2024/QĐ-HBS ngày 06/05/2024 và Quyết định số 12A/2024/QĐ-HBS ngày 06/05/2024 (CMT/CCCD số: 001082051933, ngày cấp: 10/05/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;- Ngày sinh: 23/09/1982; nguyên quán: Xã Hương Thủy, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ thường trú: Phòng 1109 tòa B, Chung cư Viglacera TLN01, đường Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Số điện thoại: 0902266866; Email: nptk82@gmail.com.)

Trong đó có nội dung chi tiết quy định tại Điều 50, Điều lệ tổ chức và hoạt động như sau:

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 4 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

Vào ngày 25 tháng 1 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Thứ sáu, Trích dẫn nội dung Điều 50, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ năm 2011-2021, được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội 06/07/2010 (mã chứng khoán HBS) quy định Trách nhiệm và quyền hạn của Người quản lý như sau:

A. Danh sách các cán bộ quản lý của Công ty HBS tuân thủ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty HBS:

1. Bà Nguyễn Ngọc Dung – Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Khối tài chính và Kế toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex. CMT/CCCD số: 001172017590, ngày cấp: 19/04/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Ngày sinh: 29/07/1972; Nguyên quán: Hà Nội, Việt Nam. Địa chỉ thường trú: Số 29 Quang Trung, Trần Hưng Đạo – Quận Hoàn Kiếm – Thành phố Hà Nội. Số điện thoại: 0936270541; Email: dungnn@vmdgroup.com.vn. Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex số: 28/2013/QĐ-VMG ngày **29/11/2013** đến ngày **30/05/2022**, bị đình chỉ công tác, (chưa có Quyết định miễn nhiệm, chưa chấm dứt HĐLĐ).

2. Nguyễn Hà Hải Như- Phó TGD HBS tại quyết định số (Ngày sinh 12/01/1979; CCCD số 042179000572, ngày cấp 13/11/2021; Địa chỉ: Số 46 Bà Triệu, Hà Nội; số điện thoại 0983242909

3. Phạm Hồng Vương- Phó TGD HBS tại Ngày sinh 22/02/1982; CCCD số 036082009102, ngày cấp 28/06/2018; Địa chỉ: Phòng 303, Nhà 176, Ngõ 178, Đường Giải phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, TP Hà Nội; số điện thoại 0936366568

4. Nguyễn Viết Bình- Phó TGD HBS; Ngày sinh 01/01/1980; Địa chỉ: Số 1 dãy E7 TTXN X20 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội; CCCD số 034080002349, ngày cấp 09/10/2021, tại Cục CSĐKQLCT và DLQGVDC; Số điện thoại 0975068686

4. Bà Nguyễn Kim Nguyên - Phó trưởng Phòng kế toán giao dịch của Công ty Cổ phần chứng khoán Hòa Bình tại Quyết định số 97/HĐLĐ-HBS ngày 15/05/2010. CMT/CCCD số: 001175026347, ngày cấp: 13/04/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát. Ngày sinh: 02/11/1975; Nguyên quán: Bắc Giang; Địa chỉ thường trú: Tổ 13 Bồ Đề, Long Biên, Thành Phố Hà Nội; Số điện thoại: 0904118903; Email: nguyennk@hbse.com.vn.

5. Trần Văn Hồng - Trưởng phòng dịch vụ tài chính tại quyết định ; Ngày sinh 21/09/1977; CCCD số 001177020226, ngày cấp 27/02/2019; Địa chỉ: 171b, B1, Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội; số điện thoại 0915562980

B. Trích dẫn nội dung Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Chương IX, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty HBS, trong đó có các nội dung như sau:

1. Quy định của “Người quản lý công ty” có nghĩa là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm cán bộ quản lý của Công ty.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Người quản lý được quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Chương IX, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty HBS như sau:

Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trítương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những Hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã,

đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 58. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;**
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành;**
- c) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành.**

2. Khi thực hiện bỏ phiếu quyết định thực hiện các giao dịch có liên quan, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có liên quan đến các giao dịch đó sẽ không được tham gia bỏ phiếu.

3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

4. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các Hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

5. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 của Điều này và các quy định pháp luật khác.

II. XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA ÔNG TRẦN KIÊN CƯỜNG – PHÓ TGD CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Thứ nhất, Quá trình rà soát hồ sơ pháp lý của Công ty HBS đã phát hiện Ông Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT, Nguyễn Ngọc Dung KTT, cấu kết với Phan Sỹ Hải – Q.TGD; Phạm Thị Sen – Trưởng Ban kiểm soát; Nguyễn Thị Kim Nguyên - PPKT và các cá nhân liên quan “**Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty HBS**” vào hồi 8h30 phút **ngày 28/04/2022** Khách sạn Mường Thanh Hà Nội Centre – Số 78, Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội trái quy định pháp luật với các nội dung sau:

Bà Nguyễn Hà Hải Như – PTGD HBS, được bầu làm Trưởng ban kiểm tra tư cách Cổ đông, đọc biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, kết quả kiểm tra tư cách cổ đông: (1) Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông/người được ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội: 06 người, tương ứng với **24.605.765 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **74,56%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty. (2) Căn cứ vào Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ **01/01/2021**, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có từ **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp trở lên là hợp lệ, Ban kiểm tra tư cách cổ đông tuyên bố cuộc họp Đại hội đồng cổ đông diễn ra vào ngày 28/04/2022 đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

Bằng chứng chứng minh: Kể từ ngày 12/12/2022, Nhóm cổ đông của Bà Nguyễn Thị Loan đã thu hồi ủy quyền **06 cá nhân** và ủy quyền quản lý cổ phiếu cho 06 cá nhân dưới đây:

STT	Đại diện ủy quyền quản lý cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Chuyển sang đại diện ủy quyền do nhóm cổ đông của bà Nguyễn Thị Loan chỉ định
1	Tổng số cổ phiếu HBS 24.605.755 nhóm cổ đông của bà Nguyễn Thị Loan đến ngày 15/06/2025	24.605.755	24.605.755 cổ phiếu Chiếm tỷ lệ 74,8%
1	Nguyễn Hữu Dũng 1.500.000 HBS	1.500.000	Chuyển 1.500.000 HBS cho Nguyễn Anh Đức ngày 12/12/2022
2	Lê Thị Thanh Nhân 4.300.000 HBS	4.300.000	Chuyển 4.300.000 HBS cho Nguyễn Anh Đức ngày 12/12/2022
3	Trịnh Ngọc Duyên 1.505.755 HBS	1.505.755	Chuyển 1.505.755 HBS cho Lê Đình Dương ngày 22/07/2024
4	Phạm Ngọc Quân 8.000.000 HBS	8.000.000	Chuyển 8.000.000 HBS cho Nguyễn Phan Trung Kiên ngày 19/09/2024
5	Lê Duy Phúc 4.300.000 HBS	4.300.000	Chuyển 4.300.000 HBS cho Bé Công Sơn ngày 21/01/2025

6	Nguyễn Thị Hải 5.000.000 HBS	5.000.000	Chuyển 5.000.000 HBS cho Lê Đình Dương ngày 20/12/2022
---	---------------------------------	-----------	--

Như vậy, Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông/người được ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội: 06 người, tương ứng với 24.605.765 cổ phần, chiếm tỷ lệ 74,56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty HBS thuộc sở hữu của nhóm cổ đông Bà Nguyễn Thị Loan đại diện và ủy quyền cho cho 06 cá nhân quản lý. Tuy nhiên, cuộc họp cổ đông bất thường ngày 28/4/2022 chưa được sự đồng ý của Bà Nguyễn Thị Loan, vi phạm khoản 1, Điều 141 và khoản 1,2,3, Điều 143, Luật Doanh nghiệp 2020, **không đủ điều kiện để tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường**. Tóm tắt diễn biến Đại hội cổ đông như sau:

1. Biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu gồm: Để điều hành Đại hội, Đại hội đã tiến hành bầu Ban Chủ tọa, sau khi nghe danh sách nhân sự dự kiến do Ban tổ chức giới thiệu, 100% cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban Chủ tọa gồm các thành viên sau đây:

(1) Ban Chủ tọa: Ông Trần Kiên Cường – Ủy viên HĐQT – Chủ tọa Đại hội Bà Nguyễn Ngọc Dung – Kế toán trưởng (Nguyễn Ngọc Dung là KTT Công ty HBS kể từ ngày 29/02/2008 đến ngày 30/05/2022) Thành viên, **vi phạm khoản 3, Điều 153 Luật doanh nghiệp năm 2020:** “3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết” **Lý do vi phạm:** Thời điểm ngày 28/04/2022, Bà Nguyễn Thị Loan – Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật, nhưng không có bất kỳ văn bản nào xin ý kiến Bà Nguyễn Thị Loan thông qua Luật Sư.

(2) Để giúp việc cho Ban Chủ tọa và thực hiện công tác kiểm phiếu của Đại hội, sau khi nghe danh sách nhân sự dự kiến do Chủ tọa giới thiệu, số cổ đông đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã biểu quyết đồng ý thông qua Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu gồm các thành viên sau đây:

(3) Thư ký: Ông Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS

(3) Ban kiểm phiếu: Bà Nguyễn Hà Hải Như – PTGD HBS - Trưởng ban kiểm phiếu; Bà Quán Thị Như Hoa - Thành viên; Bà Võ Thị Thùy Hoa - Thành viên.

2. Các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ bất thường: Chủ tọa đại hội ông Trần Kiên Cường xin ý kiến cổ đông về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát cho các năm còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023:

(1) Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với các Ông/Bà sau đây: Bà Nguyễn Thị Loan – Nguyên Thành viên – Chủ tịch HĐQT; Bà Tạ Thị Thùy Trang – Nguyên Thành viên HĐQT; **Miễn nhiệm chức danh Thành viên – Trưởng Ban Kiểm soát đối với Bà Nguyễn Thị Thanh Lan**

(2) Xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua qui chế bầu bổ sung và tiến hành bầu 02 thành viên HĐQT và 01 thành viên BKS cho các năm còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023.

3. Cổ đông dự họp sau khi biểu quyết tán thành thông qua các nội dung trên đây, Ông Phạm Hồng Vương giới thiệu về danh sách các ứng viên đề cử/ứng cử, Sơ yếu lý lịch của các thành viên đề cử/ ứng cử để Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu theo qui định. Kết quả bầu bổ sung sẽ được Ban kiểm phiếu thông báo sau khi tiến hành kiểm phiếu bầu: **(1) Ông Trần Kiên Cường** – thay mặt HĐQT báo cáo trước toàn thể Đại hội kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022. **(2) Tiếp đến đại diện Ban kiểm soát** báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021, kế hoạch năm 2022. **(3) Bà Nguyễn Ngọc Dung** – Kế toán trưởng lên đọc Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021. **(4) Ông Trần Kiên Cường** đọc tờ trình số 01/HĐQT-HBS ngày 18/04/2022, xin ý kiến cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2021; **(5) Ông Phạm Hồng Vương** đọc xin ý kiến trước Đại hội tờ trình số 02/TT-HBS ngày 18/04/2022 về việc ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn tổ chức kiểm toán, kiểm toán BCTC của HBS trong năm 2022. **(6) Tiếp sau Chủ tọa Đại hội cũng lần lượt xin ý kiến cổ đông thông qua các tờ trình số 03/TT-HBS ngày 18/04/2022 về thù lao HĐQT, BKS năm 2022, (7) Ông Trần Kiên Cường Chủ tọa đại hội xin ý kiến Đại hội Thông qua tờ trình số 05/TT-HBS ngày 18/04/2022 về phương án “phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động” (chi tiết phương án kèm theo). (8) Sau cùng chủ tọa đọc tờ trình số 04/TT-HBS ngày 18/04/2022 xin ý kiến cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, cụ thể:**

Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của công ty Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty	Người đại diện theo pháp luật của công ty Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

4. Cổ đông dự họp sau khi biểu quyết thông qua các tờ trình và tiến hành thảo luận. Cổ đông tham dự đại hội đã phát biểu ý kiến trước Đại hội về việc đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và đưa vào nội dung chia cổ tức cho cổ đông để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông gắn bó đồng hành cùng công ty. Cổ đông có ý kiến về việc công ty có lợi nhuận sau thuế và bổ sung các quỹ lớn; 10 năm chưa chia cổ tức cho cổ đông. Ông Trần Kiên Cường – Chủ tọa tri cuộc họp giải thích do nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ

5. Ban Kiểm soát thông qua mà không có nội dung chia cổ tức cho cổ đông. ĐH đồng cổ đông có thẩm quyền bổ sung nội dung này vào cuộc họp. Sau khi hội ý, Ban Chủ tọa cuộc họp quyết định đưa nội dung chia cổ tức cho cổ đông ra lấy ý kiến ĐHĐ cổ đông ngay trong kỳ họp này. Kết quả lấy ý kiến các cổ đông tham dự họp đồng ý bổ sung nội dung chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty vào ngay kỳ họp ĐHĐ cổ đông này để cổ đông biểu quyết.

6. Biên bản kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội 100% thông qua tán thành. Bà Nguyễn Hà Hải Như – PTGD - Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Biên bản kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội như sau:

TT	Nội dung	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không có ý kiến (%)
1	Thông qua thành viên Ban Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu	100%		
2	Thông qua nội dung chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội	100%		
3	Thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Loan- Chủ tịch HĐQT và bà Tạ Thị Thùy Trang – Thành viên HĐQT Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Thanh Lan	100%		
4	Thông qua qui chế và tiến hành bầu bổ sung Thành viên HĐQT và Thành viên BKS	100%		
5	Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty	100%		
6	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch năm 2022	100%		
7	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022	100%		
8	Thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán	100%		
9	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2021	100%		
10	Thông qua mức thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS năm 2022	93,88%	6,12%	
11	Thông qua việc Ủy quyền HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán HBS trong năm 2022	100%		
12	Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ	100%		
13	Thông qua phương án chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	93,88%	6,12%	

TT	Nội dung	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không có ý kiến (%)
14	Thông qua việc bổ sung nội dung chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán vào nội dung cuộc họp để cổ đông biểu quyết. Thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. Thời gian thực hiện trong năm 2022. Ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông; tỷ lệ chia cổ tức và lựa chọn hình thức chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu để tăng vốn. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện xây dựng và thông qua phương án chia cổ tức và toàn bộ các thủ tục với các cơ quan quản lý nhà nước; sửa đổi điều lệ/ giấy phép hoạt động của công ty.	100% cổ đông tham dự cuộc họp đồng ý bổ sung nội dung.	100% cổ đông tham dự cuộc họp đồng ý thông qua việc chia cổ tức cùng ủy quyền cho HĐQT thực hiện	
15	Kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT và Thành viên BKS cho các năm tiếp theo của nhiệm kì 2018-2023. - Ông/Bà trúng cử bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kì 2018-2023, gồm: Ông Lê Xuân Tùng (CCCD số 001095011022) và ông Phạm Hồng Vương (CCCD số 036082009102) - Ông/Bà trúng cử bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kì 2018-2023, là: Ông Bùi Đức Thắng (CCCD số 033092005866)			

Lý do thứ nhất: Trích dẫn nội dung ý kiến của các thành viên tham dự cuộc họp ngày 15/06/2025 tại Công ty HBS trong đó có nội dung: Nhân viên của HBS làm việc thời điểm đó không nhớ có tổ chức cuộc họp này mà chỉ nghe ông Trần Kiên Cường và bà Nguyễn Ngọc Dung trao đổi lại. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2022 có nội dung bầu ông Lê Xuân Tùng làm thành viên Hội đồng quản trị, tuy nhiên sáng ngày 28/4/2022 ông Lê Xuân Tùng đi đón bà Nguyễn Thị Loan và không hề biết chuyện này.

(2) Về tư cách cổ đông tham dự và tính pháp lý của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2022:

- Trong hệ thống, danh sách cổ đông và biên bản kiểm tra tư cách cổ đông các lần đại hội đều được lưu trữ nghiên túc, tuy nhiên riêng cuộc họp ngày 28/4/2022 không có thông tin.

- Các cổ đông lớn là bà Nguyễn Thị Hải (15,15%), Lê Duy Phúc (13,03%), Phạm Ngọc Quân (24,24%), Lê Thị Thanh Nhân (14,03%) (Tổng số cổ phần nhóm này nắm giữ là 65,45%) là các cổ đông chỉ được nhận ủy thác từ

công ty VMG, không phải chủ sở hữu thực sự và không được quyền biểu quyết khi chưa xin ý kiến của chủ sở hữu. Vì vậy nhóm cổ đông này không đủ điều kiện được tham gia cuộc họp đại hội đồng cổ đông này. **Điều này đồng nghĩa với việc cuộc họp đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2022 không đủ điều kiện để tổ chức.** Việc Ban lãnh đạo HBS vẫn cố tình tổ chức cuộc họp và thông qua các nội dung trong cuộc họp là sai quy định pháp luật. Các biên bản, tài liệu cuộc họp cũng như các hoạt động liên quan cuộc họp này đều không có giá trị về mặt pháp lý bao gồm việc miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, thay đổi đại diện pháp luật và thay đổi điều lệ công ty, thay đổi thành viên HĐQT.

Do vậy, Các nội dung, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường thể hiện kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội cổ đông bất thường do Bà **Bà Nguyễn Hà Hải Như** – Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Biên Bản đại Hội đồng cổ đông bất thường là không có giá trị pháp lý theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020, trong đó có việc miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Loan – Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật sang Ông Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật là trái quy định pháp luật. **Là cơ sở để Trần Kiên Cường hoàn thiện hồ sơ trình ủy Ban chứng khoán chấp thuận vi phạm Khoản 1, Khoản 2, Điều 152, Luật doanh nghiệp năm 2020 “1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty”.**

Lý do thứ hai: Rà soát Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 28/04/2024. Về cơ bản, Điều lệ Công ty đã tham chiếu đến Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC. Tuy nhiên, nội dung tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS còn tồn tại một số quy định chưa phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn (Chi tiết tại Phụ lục số 05)”. **không đúng sự thật.**

Tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/04/2022, chủ tọa đại hội là Ông Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT đọc tờ trình số 04/TT-HBS ngày 18/04/2022 xin ý kiến cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty HBS, Người đại diện theo pháp luật của Công ty HBS Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

2. Trích dẫn nội dung Biên bản giải trình của Công ty HBS ngày 16/05/2025, trong đó có nội dung: theo biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 28/4/2022, nội dung cuộc họp thông qua sửa đổi Điều 3 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS, “Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty” **được sửa thành** “Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty”. Tuy nhiên theo quy chế của Công ty HBS được niêm yết trên hệ thống công bố thông tin của UBCK, Công ty HBS Công ty HBS không thay đổi Điều 3, quy chế Công ty HBS vẫn giữ nguyên “Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ

tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty". Sai phạm này chỉ ra hai vấn đề cần được làm rõ: Trường hợp có cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty HBS ngày 28/4/2022 thì với nội dung đã thông qua, quy chế Công ty HBS phải được thay đổi?.

Lý do thứ ba: Ngày 11/05/2022, Ông Trần Kiên Cường – ký Quyết định số 05/2022/NQ-HĐQT bổ nhiệm Ông Trần Kiên Cường – Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 10/05/2022. Ông Trần Kiên Cường đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty HBS.

1. Tại văn bản Đề nghị Thay đổi thông tin tài khoản khách hàng tổ chức, Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Chứng Khoán Hòa Bình số tài khoản

Số tài khoản: 0011004136449

Thay đổi người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản. Hủy đăng ký người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Loan. Bổ sung thêm đại diện hợp pháp là ông Trần Kiên Cường, CMND/CCCD số 013498909 ngày 30/03/2012 nơi cấp Công an Hà Nội, chức vụ: **Chủ tịch HĐQT.**

Thay đổi người được ủy quyền hợp pháp của Chủ tài khoản. Bổ sung người được ủy quyền Phạm Hồng Vương CCCD 036082009102 ngày cấp 01/05/2021 nơi cấp Cục CS QLHC về TTXH, chức vụ **Phó tổng giám đốc.**

Ngày 04/01/2022, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hà Nội, có địa chỉ tại tầng 1, đến tầng 5, số 11B Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP Hà Nội. Đại diện: Bà Phạm Thị Hồng Vân – PGĐ chi nhánh (Bên A) và Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình, Đại diện Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS (Bên B) ký Hợp đồng sử dụng tài khoản trong đó có nội dung:

1.1 Tại Điều 1: Thông tin tài khoản của khách hàng quy định:

- Số tài khoản: 0011004136449

- Tên tài khoản: Công ty cổ phần chứng khoán Hòa Bình

- Chi nhánh quản lý tài khoản: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hà Nội

Kết quả kiểm tra tài khoản VCB-0011004136449 - Vietcombank Chi nhánh Hà Nội, kể từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; Dòng tiền luân chuyển vào 1.347.327.448.830 đồng và dòng tiền luân chuyển ra 1.343.364.658.440 đồng.

1.2 Tại Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng quy định: (1) Được quyền sử dụng số dư được phép sử dụng trên tài khoản để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ. Chủ tài khoản được VCB tạo mọi điều kiện để sử dụng tài khoản của mình thuận tiện và an toàn. (2) Được lựa chọn sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán phù hợp với nhu cầu của mình do VCB cung cấp. (3) Được ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản theo quy định của pháp luật và của VCB. (4) Được yêu cầu VCB thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp các thông tin về các giao dịch thanh toán, số dư trên tài khoản của mình trong thỏa thuận với. (5) Được yêu cầu VCB tạm khóa, đóng tài khoản khi cần thiết; được gửi thông báo cho VCB về

việc phát sinh tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung. (5) **Được nhận thông tin quảng cáo** về tất cả các sản phẩm, dịch vụ, chương trình hoạt động của VCB bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc qua các kênh khác theo thỏa thuận của KH với VCB. (6) **Đảm bảo có đủ số tiền trên tài khoản** để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản. (7) **Chấp hành các quy định của pháp luật** và Quy định của VCB về mở và sử dụng tài khoản tại VCB. (8) **Thông báo kịp thời cho VCB** khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng. (9) **Hoàn trả hoặc phối hợp với VCB** hoàn trả các khoản tiền do sai sót nhầm lẫn đã ghi có vào tài khoản của mình (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của VCB/tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác). (10) **Chịu trách nhiệm trước pháp luật** về tính chính xác, trung thực của các thông tin và chứng từ thanh toán mà mình cung cấp. (11) **Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác** các thông tin liên quan về mở và sử dụng tài khoản tại VCB. Thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho VCB khi có sự thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở tài khoản. (12) **Chịu mọi trách nhiệm về những thiệt hại** do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản và các sai sót do lỗi của mình. (13) **Không được cho thuê, cho mượn tài khoản** của mình. (14) **Không được sử dụng tài khoản** của mình để thực hiện các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. (15) **Tuân thủ các quy định của pháp luật** và của VCB về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, đạo luật FATCA và các quy định khác có liên quan. (16) **Chịu trách nhiệm bảo vệ** các bí mật thông tin TK, giao dịch của cá nhân do mình quản lý để đảm bảo an toàn, bảo mật trong giao dịch thanh toán. (17) **Trường hợp KH** đề nghị tra soát, khiếu nại trong quá trình sử dụng tài khoản qua tổng đài điện thoại chăm sóc khách hàng của VCB, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc KH cần bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo 2 mẫu của VCB quy định cho từng dịch vụ cung ứng (mẫu giấy hoặc mẫu điện tử) làm căn cứ chính thức để xử lý tra soát, khiếu nại. (18) **Các quyền và nghĩa vụ khác** theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với VCB không trái với quy định của pháp luật hiện hành. (19) **Nếu KH đề nghị hủy bỏ một yêu cầu giao dịch đã được KH** tự thực hiện thì VCB có quyền quyết định trong phạm vi có thể theo các quy định, thông lệ của hệ thống ngân hàng để nỗ lực hỗ trợ KH. KH đồng ý rằng KH sẽ chịu mọi trách nhiệm ngay cả trong trường hợp người hướng đã nhận tiền và KH chịu mọi chi phí phát sinh nếu có.

Thứ hai, HĐQT Công ty cổ phần Tập Đoàn Dược Phẩm Vimedimex (Công ty VMG) phân công và ủy quyền cho ông Trần Kiên Cường – PTGD Công ty VMG và Quyết định số 178/2019/QĐ-VMG tại Quyết định số 56/2020/QĐ-VMG của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex ngày 01/02/2020 cho Ông Trần Kiên Cường - Phó Tổng Giám đốc Công ty VMG phụ trách, điều hành trực tiếp Khối Công nghệ Thông tin và các Công ty thành viên như sau:

Khối Công nghệ thông tin; Sàn giao dịch bất động sản Vimefulland online; Sàn giao dịch bán hàng dược phẩm, thiết bị y tế Online; Công ty chứng khoán Hòa Bình. **Ông Trần Kiên Cường chịu trách nhiệm các hoạt động sau:**

(1) Chỉ đạo công tác xây dựng, phát triển và quản trị triển khai khai thác mạng thông tin Tập đoàn. Chỉ đạo phát triển, bảo trì hệ thống phần mềm của Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex.

(2) **Chỉ đạo công tác quản lý hệ thống thông tin của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình.**

(3) Chỉ đạo công tác xây dựng và vận hành hệ thống quản trị bán hàng của Công ty Cổ phần Bất Động sản Belleville Hà Nội.

(4) Chỉ đạo việc thực hiện xây dựng hệ thống công nghệ thông tin Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn cơ sở 2 và việc kết nối hệ thống đối với Phòng khám đa khoa, tại các dự án bất động sản của Tập đoàn.

(5) Định kỳ hàng tuần đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Chủ tịch HĐQT. Chỉ đạo việc thực hiện xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đối với Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2 và việc kết nối hệ thống đối với siêu thị thuốc tại các dự án bất động sản của Tập đoàn. Định kỳ hàng tuần đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Chủ tịch HĐQT.

(6) **Chỉ đạo xây dựng kế hoạch kinh doanh** và triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình theo kế hoạch đã được phê duyệt và hoạt động đúng điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

(7) Chỉ đạo xây dựng và giám sát hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản Vimefulland online và Sàn giao dịch bán hàng dược phẩm, thiết bị y tế Online;

(8) Thực hiện các công việc khác khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc giao hoặc ủy quyền.

(9) **Ông Trần Kiên Cường chịu trách nhiệm toàn diện** trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty VMG và trước pháp luật về các nội dung được phân công và ủy quyền.

Thứ ba, Bà Nguyễn Ngọc Dung - PTGB Công ty VMG đã lạm dụng chức vụ quyền hạn làm trái các Quy định về Quản lý tài sản, thẩm quyền được phê duyệt gây thiệt hại tài sản, tiền của Công ty VMG và các Cổ đông, Chủ đầu tư Dự án, “Điều chuyển sử dụng Nguồn vốn” không đúng quy định, gây thiệt hại cho Công ty VMG trong quá trình thực hiện công việc quy định tại 25 quyết định phân cấp, ủy quyền của Công ty VMG và chức danh Chủ tài khoản do Công ty VMG ủy quyền trong đó có nội dung: (1) Chỉ đạo trực tiếp việc sử dụng nguồn vốn, điều chuyển vốn của Công ty Vimedimex và các Công ty sử dụng thương hiệu Vimefulland; (2) Chỉ đạo thực hiện mua sắm công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm, vật phẩm tổ chức sự kiện, các gói thầu có giá trị từ 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) trở xuống của các Khối, phòng ban và các công ty thành viên thuộc Công ty VMG.

Thứ tư, Bà Trịnh Ngọc Duyên -PTGB Công ty VMG đã lạm dụng chức vụ quyền hạn chuyển nhượng trái phép tài sản, làm trái các quy định về quản lý nguồn vốn gây thiệt hại cho Công ty VMG, Cổ đông VMG và Công ty Thanh Trì trong quá trình thực hiện Hợp đồng ủy thác đầu tư và 25 Quyết định phân

cấp, ủy quyền và Chủ tài khoản Công ty Thanh Trì do Công ty VMG ủy quyền trong đó có nội dung: Bà Trịnh Ngọc Duyên được toàn quyền quyết định và ký các văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác nguồn vốn, thanh quyết toán của Khối kế hoạch nguồn vốn và Khối Thanh quyết toán đối với những dự án đầu tư bất động sản do Công ty VMG làm chủ đầu tư và những dự án bất động sản mà Công ty VMG ủy thác góp vốn đầu tư: (1) Chỉ đạo thu xếp nguồn vốn nhanh chóng, đảm bảo tính thanh khoản và kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn; (2) Chỉ đạo xây dựng bảng giá, chính sách bán hàng đối với những dự án đầu tư bất động sản do Công ty VMG làm chủ đầu tư và những dự án bất động sản mà Công ty VMG là đơn vị phát triển dự án.

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT QUÁ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 28/04/2022 NHIỆM KỲ 2018-2023;

Thứ nhất, Xác định Đại Hội Đồng Cổ Đông Bất Thường ngày 28/4/2022, đã miễn nhiệm chức danh thành viên – Chủ Tịch HĐQT Công Ty HBS đối với Bà Nguyễn Thị Loan và bổ nhiệm ông Trần Kiên Cường – thành viên HĐQT giữ chức vụ chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty HBS nhiệm kỳ 2018-2023 là **trái quy định pháp luật** bởi số cổ đông/đại diện cổ đông/người được ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội: 06 người, tương ứng với 24.605.765 cổ phần, chiếm tỷ lệ 74,56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty HBS thuộc sở hữu của nhóm cổ đông Bà Nguyễn Thị Loan đại diện và ủy quyền cho cho 06 cá nhân quản lý. Tuy nhiên, cuộc họp cổ đông bất thường ngày 28/4/2022 **chưa được sự đồng ý của Bà Nguyễn Thị Loan**, vi phạm khoản 1, Điều 141 và khoản 1,2,3, Điều 143, Luật Doanh nghiệp 2020, và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS bởi các lý do sau đây:

Lý do thứ nhất: Ông Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT, Nguyễn Ngọc Dung KTT, cấu kết với Phan Sỹ Hải – Q.TGD; Phạm Thị Sen – Trưởng Ban kiểm soát; Nguyễn Thị Kim Nguyên – PPKT giao dịch và các cá nhân liên quan “Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty HBS” vào hồi 8h30 phút ngày 28/04/2022 Khách sạn Mường Thanh Hà Nội Centre – Số 78, Thọ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội trái quy định pháp luật với các nội dung sau:

Bà Nguyễn Hà Hải Như – PTGD HBS, được bầu làm Trưởng ban kiểm tra tư cách Cổ đông, đọc biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, kết quả kiểm tra tư cách cổ đông: (1) Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông/người được ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội: 06 người, tương ứng với 24.605.765 cổ phần, chiếm tỷ lệ 74,56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty. (2) Căn cứ vào Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp trở lên là hợp lệ, Ban kiểm tra tư cách cổ đông tuyên bố cuộc họp Đại hội đồng cổ đông diễn ra vào ngày 28/04/2022 đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

Bảng chứng chứng minh: Kể từ ngày 12/12/2022, Nhóm cổ đông của Bà Nguyễn Thị Loan đã thu hồi ủy quyền 06 cá nhân và ủy quyền quản lý cổ phiếu cho 06 cá nhân dưới đây:

STT	Đại diện ủy quyền quản lý cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Chuyển sang đại diện ủy quyền do nhóm cổ đông của bà Nguyễn Thị Loan chỉ định
1	Tổng số cổ phiếu HBS 24.605.755 nhóm cổ đông của bà Nguyễn Thị Loan đến ngày 15/06/2025	24.605.755	24.605.755 cổ phiếu Chiếm tỷ lệ 74,8%
1	Nguyễn Hữu Dũng 1.500.000 HBS	1.500.000	Chuyển 1.500.000 HBS cho Nguyễn Anh Đức ngày 12/12/2022
2	Lê Thị Thanh Nhân 4.300.000 HBS	4.300.000	Chuyển 4.300.000 HBS cho Nguyễn Anh Đức ngày 12/12/2022
3	Trịnh Ngọc Duyên 1.505.755 HBS	1.505.755	Chuyển 1.505.755 HBS cho Lê Đình Dương ngày 22/07/2024
4	Phạm Ngọc Quân 8.000.000 HBS	8.000.000	Chuyển 8.000.000 HBS cho Nguyễn Phan Trung Kiên ngày 19/09/2024
5	Lê Duy Phúc 4.300.000 HBS	4.300.000	Chuyển 4.300.000 HBS cho Bé Công Sơn ngày 21/01/2025
6	Nguyễn Thị Hải 5.000.000 HBS	5.000.000	Chuyển 5.000.000 HBS cho Lê Đình Dương ngày 20/12/2022

Lý do thứ hai: Ban Chủ tọa: Ông Trần Kiên Cường – Ủy viên HĐQT – Chủ tọa Đại hội Bà Nguyễn Ngọc Dung – Kế toán trưởng (Nguyễn Ngọc Dung là KTT Công ty HBS kể từ ngày 29/02/2008 đến ngày 30/05/2022) Thành viên, vi phạm khoản 3, Điều 153 Luật doanh nghiệp năm 2020: “3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết”. Lý do vi phạm: Thời điểm ngày 28/04/2022, Bà Nguyễn Thị Loan – Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật, nhưng không có bất kỳ văn bản nào xin ý kiến Bà Nguyễn Thị Loan hoặc thông qua Luật Sư xin ý kiến Bà Nguyễn Thị Loan.

Lý do thứ ba: Trích dẫn nội dung Chủ tọa Đại hội ông Trần Kiên Cường xin ý kiến cổ đông về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát cho các năm còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023:

(1) Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với các Ông/Bà sau đây: Bà Nguyễn Thị Loan – Nguyên Thành viên – Chủ tịch HĐQT;

(2) Miễn nhiệm Bà Tạ Thị Thùy Trang – Nguyên Thành viên HĐQT Công ty HBS và PTGD Công ty VMG;

(3) Miễn nhiệm chức danh Thành viên – Trưởng Ban Kiểm soát đối với Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

(4) Xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua qui chế bầu bổ sung và tiến hành bầu 02 thành viên HĐQT và 01 thành viên BKS cho các năm còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023. **Cổ đông dự họp sau khi biểu quyết tán thành thông qua các nội dung trên đây, Ông Phạm Hồng Vương** giới thiệu về danh sách các ứng viên đề cử/ứng cử, Sơ yếu lý lịch của các thành viên đề cử/ ứng cử để Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu theo qui định. Kết quả bầu bổ sung sẽ được Ban kiểm phiếu thông báo sau khi tiến hành kiểm phiếu bầu.

(5) Xin ý kiến Đại hội Thông qua tờ trình số 05/TT-HBS ngày 18/04/2022 về phương án “**phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động**” (chi tiết phương án kèm theo).

(6) Xin ý kiến cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, cụ thể:

Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của công ty Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty	Người đại diện theo pháp luật của công ty Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

Lý do thứ tư: Trích dẫn nội dung ý kiến của các thành viên tham dự cuộc họp ngày 15/06/2025 tại Công ty HBS trong đó có nội dung: Nhân viên của HBS làm việc thời điểm đó không nhớ có tổ chức cuộc họp này mà chỉ nghe ông Trần Kiên Cường và bà Nguyễn Ngọc Dung trao đổi lại. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2022 có nội dung bầu ông Lê Xuân Tùng làm thành viên Hội đồng quản trị, tuy nhiên sáng ngày 28/4/2022 ông Lê Xuân Tùng đi đón bà Nguyễn Thị Loan và không hề biết chuyện này.

(1) Về tư cách cổ đông tham dự và tính pháp lý của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2022:

(2) Trong danh sách cổ đông và biên bản kiểm tra tư cách cổ đông các lần đại hội đều được lưu trữ nghiêm túc, tuy nhiên riêng cuộc họp ngày 28/4/2022 không có thông tin.

(3) Các cổ đông lớn là bà Nguyễn Thị Hải (15,15%), Lê Duy Phúc (13,03%), Phạm Ngọc Quân (24,24%), Lê Thị Thanh Nhân (14,03%) (Tổng số cổ phần nhóm này nắm giữ là 65,45%) là các cổ đông chỉ được nhận ủy thác từ công ty VMG, không phải chủ sở hữu thực sự và không được quyền biểu quyết khi chưa xin ý kiến của chủ sở hữu. Vì vậy nhóm cổ đông này, không đủ điều kiện được tham gia cuộc họp đại hội đồng cổ đông này, đồng nghĩa với việc cuộc họp đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2022 không đủ điều kiện để tổ chức.

(4) Việc Ban lãnh đạo HBS vẫn cố tình tổ chức cuộc họp và thông qua các nội dung trong cuộc họp là trái quy định pháp luật. Các biên bản, tài liệu cuộc họp cũng như các hoạt động liên quan cuộc họp này đều không có giá trị về mặt pháp lý bao gồm việc miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, thay đổi đại diện pháp luật và thay đổi điều lệ công ty, thay đổi thành viên HĐQT.

Do vậy, Các nội dung, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường thể hiện kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội cổ đông bất thường do Bà Nguyễn Hà Hải Như – Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Biên Bản đại Hội đồng cổ đông bất thường là không có giá trị pháp lý theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020, trong đó có việc miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Loan – Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật sang Ông Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật là trái quy định pháp luật. Là cơ sở để Trần Kiên Cường hoàn thiện hồ sơ trình ủy Ban chứng khoán chấp thuận vi phạm Khoản 1, Khoản 2, Điều 152, Luật doanh nghiệp năm 2020 “1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty”.

Lý do thứ năm: Trích dẫn nội dung Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 28/4/2022, thông qua sửa đổi Điều 3 của Điều lệ Công ty HBS, “Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty” được sửa thành “Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty”. Tuy nhiên theo quy chế công ty được niêm yết trên hệ thống công bố thông tin của UBCK, Điều lệ công ty HBS không thay đổi Điều 3 của quy chế Công ty vẫn giữ nguyên “Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty”. Sai phạm này chỉ ra hai vấn đề cần được làm rõ:

(1) Nếu thực sự có cuộc họp ngày 28/4/2022 thì với nội dung đã thông qua, quy chế Công ty HBS phải được thay đổi?

(2) Tại sao UBCK Nhà nước đồng ý phê duyệt thay đổi Chủ tịch HĐQT và người đại diện pháp luật của Công ty HBS khi quy định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không được tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

(3) Trên hệ thống công bố thông tin của UBCK, Điều lệ công ty HBS niêm yết các năm 2018, 2022, 2023, 2024. Lý do tại sao, Điều lệ Công ty HBS năm 2019, 2020, 2021 không niêm yết vì không thay đổi nội dung so với Điều lệ của năm 2018, do vậy, theo quy định không phải niêm yết lại. Năm 2023, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty HBS thay đổi số thành viên HĐQT so với các năm năm 2018. Năm 2024, căn cứ vào hoạt động kinh doanh và kế hoạch phát triển của công ty, Điều lệ tổ chức và hoạt động bổ sung nội dung liên quan Mô hình hoạt động IB IFMC Investment Group để đảm bảo công ty hoạt động và được kiểm soát theo đúng quy định pháp luật.

(4) Ngày 15/06/2025, Bà Trần Mỹ Linh và ông Lê Tiến Dũng khẳng định: Kể từ năm 2022 đến nay, bà Trần Mỹ Linh và ông Lê Tiến Dũng không hề chỉ đạo gì về các hoạt động tài chính, kế toán tại công ty HBS. Mọi hoạt động liên quan đến hoạt động tài chính, kế toán của Công ty HBS từ năm 2022 đến 2024 là do bà Trịnh Ngọc Duyên lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Phó tổng giám đốc của VMG chỉ đạo. Tuy nhiên, các hoạt động chỉ đạo của bà Trịnh Ngọc Duyên hoàn toàn không thông qua ý kiến của HĐQT và Ban lãnh đạo của VMG.

Lý do thứ sáu: Ngày 11/05/2022, Ông Trần Kiên Cường – ký Quyết định số 05/2022/NQ-HĐQT bổ nhiệm Ông Trần Kiên Cường – Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 10/05/2022. Ông Trần Kiên Cường đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. **Điều 2:** Ông Trần Kiên Cường có quyền lợi, nghĩa vụ theo quy định của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình. **Điều 3:** Quyết định này thay thế các quyết định liên quan trước đó. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ông Trần Kiên Cường và các phòng ban trong Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Lý do thứ bảy: Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/4/2022, đã miễn nhiệm chức danh Thành viên – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS đối với Bà Nguyễn Thị Loan và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, trong đó, có Ông Lê Xuân Tùng (Ông Lê Xuân Tùng là con trai của Bà Nguyễn Thị Loan) không tham dự Đại hội và không được ai trao đổi về nội dung này. Ngày 11/05/2022, Ông Trần Kiên Cường – ký Quyết định số 05/2022/NQ-HĐQT bổ nhiệm Ông Trần Kiên Cường – Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty HBS Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 10/05/2022.

Như vậy, Quyết định miễn nhiệm chức danh thành viên - Chủ tịch HĐQT **trái quy định pháp luật phải bị hủy bỏ** vì nó vi phạm pháp luật, làm cho quyết định đó trở nên vô hiệu và không có giá trị pháp lý. Cụ thể, việc miễn nhiệm cần tuân thủ các căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm việc không đủ tiêu chuẩn, có đơn từ chức hoặc các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ Công ty HBS.

Căn cứ hủy bỏ Quyết định: (1) **Vi phạm pháp luật:** Quyết định miễn nhiệm trái pháp luật sẽ không có hiệu lực pháp luật và **bị coi là vô hiệu.** (2) **Bảo vệ quyền lợi cổ đông:** Việc hủy bỏ quyết định đảm bảo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, vốn có thể bị ảnh hưởng bởi các quyết định quản trị vi phạm pháp luật gây tổn thất cho Công ty VMG số tiền **8.254.770.118.388 đồng.**

IV. TRỊNH NGỌC DUYÊN, NGUYỄN NGỌC DUNG VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐÃ ĐƯA RA 11 PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ DÒNG TIỀN LUÂN CHUYỂN QUA HỆ THỐNG TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS.

Trích dẫn đường link của Trịnh Ngọc Duyên- Phó TGD, H:\HSB-Duyên\TTPP 2\XU\KHAC

Phương án 1: Tạm ứng cho các cá nhân trong HBS

Ưu điểm: (1) Rút được tiền ra nhanh để đảm bảo mục tiêu ngắn hạn; (2) Không không mất các chi phí đi kèm

Nhược điểm: (1) Gần như phải xử lý qua tiền mặt nên khó giải trình được mục đích sử dụng tiền; (2) Khó xử lý công nợ sau này; (3) Pháp lý không đầy đủ; (4) Sau này nếu Công ty cần vay hoặc huy động trái phiếu chi phí lãi vay bị loại trừ khi tính thuế; (5) Treo lâu dễ bị Cơ quan thuế, Công ty kiểm toán yêu cầu giải trình.

Phương án 2: Ủy thác cho cá nhân tổ chức ngoài HBS mua bất động sản phục vụ làm chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty chứng khoán

Ưu điểm: (1) Đầy đủ pháp lý; (2) Rút được tiền ra nhanh để đảm bảo mục tiêu ngắn hạn; (3) Không mất các chi phí đi kèm

Nhược điểm: (1) Khó xử lý công nợ sau này; (2) Sau này nếu Công ty cần vay hoặc huy động trái phiếu chi phí lãi vay bị loại trừ khi tính thuế; (3) Treo lâu dễ bị Cơ quan thuế, Công ty kiểm toán yêu cầu giải trình.

Phương án 3: Góp vốn để tăng vốn điều lệ của 1 Công ty khác trong tập đoàn hoặc thành lập Công ty mới

Ưu điểm: (1) Đầy đủ pháp lý; (2) Xử lý qua tiền gửi ngân hàng nên sẽ minh bạch hơn; (3) Thích hợp đối với các Công ty trong tập đoàn cần tăng vốn điều lệ để làm chủ đầu tư các Dự án. (4) Số tiền xử lý được nhiều

Nhược điểm: (1) Bị khống chế giá trị đầu tư; (2) Mất các chi phí đi kèm; (3) Phải công bố thông tin (Theo Luật chứng khoán); (4) Nếu đầu tư với giá trị 35% tổng tài sản trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất thì phải thông qua đại hội cổ đông (Theo Luật doanh nghiệp); (5) Nếu Công ty trong tập đoàn bị lỗ dễ ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông khác; (6) Nếu Công ty trong tập đoàn bị lỗ dễ bị Công ty kiểm toán yêu cầu trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dẫn tới báo cáo tài chính đã được kiểm toán có thể bị lỗ

Phương án 4: Mua lại phần vốn góp của 1 Công ty đã góp vốn vào 1 Công ty khác trong tập đoàn

Ưu điểm: (1) Đầy đủ pháp lý; (2) Xử lý qua tiền gửi ngân hàng nên sẽ minh bạch hơn; (3) Xử lý tốt có thể sẽ không mất Thuế TNDN (Thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn = Giá chuyển nhượng – Giá mua của phần vốn chuyển nhượng – Chi phí chuyển nhượng); (4) Số tiền xử lý được nhiều

Nhược điểm: (1) Bị khống chế giá trị đầu tư; (2) Mất các chi phí và thời gian để chuẩn bị hồ sơ góp vốn; (3) Phải công bố thông tin (Theo Luật chứng khoán); (4) Nếu đầu tư với giá trị 35% tổng tài sản trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất thì phải thông qua đại hội cổ đông (Theo Luật doanh nghiệp); (5) Nếu Công ty trong tập đoàn bị lỗ dễ ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông khác; (6) Nếu Công ty trong tập đoàn bị lỗ dễ bị Công ty kiểm toán yêu cầu trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dẫn tới báo cáo tài chính đã được kiểm toán có thể bị lỗ.

Phương án 5: Mua lại phần vốn góp của 1 cá nhân đã góp vốn vào 1 Công ty khác trong tập đoàn

Ưu điểm: (1) Đầy đủ pháp lý; (2) Xử lý qua tiền gửi ngân hàng nên sẽ minh bạch hơn; (3) Số tiền xử lý được nhiều

Nhược điểm: (1) Bị khống chế giá trị đầu tư; (2) Có thể sẽ phải chịu thuế TNCN từ việc chuyển nhượng vốn nếu Công ty đó là Công ty Cổ phần; (3) Mất các chi phí và thời gian để chuẩn bị hồ sơ chuyển nhượng; (4) Phải công bố thông tin (Theo Luật chứng khoán); (5) Nếu đầu tư với giá trị 35% tổng tài sản trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất thì phải thông qua đại hội cổ đông (Theo Luật doanh nghiệp); (6) Nếu Công ty trong tập đoàn bị lỗ dễ ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông khác; (7) Nếu Công ty trong tập đoàn bị lỗ dễ bị Công ty kiểm toán

yêu cầu trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dẫn tới báo cáo tài chính đã được kiểm toán có thể bị lỗ.

Phương án 6: Hợp tác kinh doanh với 1 Công ty trong tập đoàn

Ưu điểm: (1) **Đầy đủ pháp lý;** (2) Xử lý qua tiền gửi ngân hàng nên sẽ minh bạch hơn; (3) Số tiền xử lý được nhiều

Nhược điểm: (1) Bị khống chế giá trị đầu tư; (2) Khó xử lý công nợ sau này; (3) Phải phân chia tỷ lệ lợi ích giữa các bên khi tham gia hợp tác kinh doanh sau này xử lý thuế phức tạp; (4) Mất các chi phí và thời gian để chuẩn bị hồ sơ hợp tác kinh doanh; (5) Phải công bố thông tin (Theo Luật chứng khoán); (6) Nếu đầu tư với giá trị 35% tổng tài sản trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất thì phải thông qua đại hội cổ đông (Theo Luật doanh nghiệp)

Phương án 7: Làm hợp đồng dịch vụ tư vấn và ứng trước cho các đơn vị trong tập đoàn

Ưu điểm: (1) **Đầy đủ pháp lý;** (2) Xử lý qua tiền gửi ngân hàng nên sẽ minh bạch hơn

Nhược điểm: (1) Số tiền xử lý được ít; (1) Khó tìm được dịch vụ thích hợp; (3) Mang tính chất tạm thời

Phương án 8: Cho vay tổ chức cá nhân (bị cấm trong Công ty chứng khoán)

Phương án 9: Chuyển tiền làm biện pháp bảo đảm thanh toán (bị cấm trong Công ty chứng khoán)

Phương án 10: Tổ chức trong tập đoàn phát hành trái phiếu, HBS mua trái phiếu (không khả thi vì xử lý hồ sơ phức tạp)

Phương án 11: Tổ chức trong tập đoàn phát hành cổ phiếu, HBS mua cổ phiếu (không khả thi vì xử lý hồ sơ phức tạp)

Thứ ba, Từ 11 phương án trên, quá trình đối chiếu trên sổ phụ sao kê ngân hàng và chứng từ hồ sơ kế toán Trịnh Ngọc Duyên và Nguyễn Ngọc Dung được phù phép như sau:

Trường hợp 1: Chuyển tiền từ tài khoản công ty vào tài khoản cá nhân đang làm việc tại Công ty.

Cách thứ nhất xem như một khoản Công ty mượn: (1) **Lập hợp đồng, hoặc biên bản mượn tiền;** (2) **Lập phiếu thu tiền:** Nợ TK 111/ Có TK 3388; (3) **Lập UNC chi tiền ngân hàng trả lại:** Nợ TK 3388/ Có TK 112

Cách thứ hai đưa vào là một khoản tạm ứng: (1) **Lập giấy đề nghị tạm ứng;** (2) **Lập UNC chi tiền ngân hàng cho tạm ứng:** Nợ TK 141/ Có TK 112; (3) **Lập phiếu thu tiền hoàn ứng:** Nợ TK 111/ Có TK 141

Trường hợp 2: chuyển tiền từ tài khoản Cá nhân vào tài khoản công ty. Tài khoản giám đốc. Tài khoản nhân viên khác trong công ty

Cách thứ nhất đưa vào khoản công ty mượn cá nhân: (1) **Lập hợp đồng, hoặc biên bản mượn tiền giữa công ty với cá nhân;** (2) **Lập phiếu Chi tiền cho vay:** Nợ TK 1388/ Có TK 111; (3) **Cá nhân chuyển tiền ngân hàng trả lại:** Nợ TK 112/ Có TK 1388

Cách thứ hai Hai xem là khoản tạm ứng: (1) Lập giấy đề nghị tạm ứng; (2) Lập phiếu chi tiền tạm ứng: Nợ TK 141/ Có TK 111; (3) Lập thủ tục tiền hoàn ứng: Nợ TK 112/ Có TK 141;

Trường hợp 3: chuyển tiền từ tài khoản Công ty vào tài khoản cá nhân khác không làm việc tại doanh nghiệp

Với trường hợp này, cần xem đây là khoản công ty mượn nên giờ trả lại.

Cách thứ nhất đưa vào khoản công ty mượn nên giờ trả lại: (1) Lập hợp đồng, hoặc biên bản mượn tiền; (2) Lập phiếu thu tiền: Nợ TK 111/ Có TK 3388; (3) Lập UNC chi tiền ngân hàng trả lại: Nợ TK 3388/ Có TK 112

Cách thứ hai xem là khoản tạm ứng cho cá nhân để mua hàng

Nhưng do không biết nên chuyển khoản nhằm vào tài khoản của cá nhân nên xin hoàn lại : hoặc không mua hàng nữa hoặc xem đó là khoản đặt cọc mua hàng nhưng không mua được nên trả lại

Lập giấy đề nghị thanh toán

Lập UNC chi tiền ngân hàng cho tạm ứng: Nợ TK 331/ Có TK 112

Lập phiếu thu tiền hoàn ứng: Nợ TK 111/ Có TK 331

3. Cách thứ ba xem như cá nhân tạm ứng tiền hàng: Nhưng công ty không có khả năng cung cấp nên trả lại tiền cho cá nhân hoặc xem đó là khoản ký quỹ

Trường hợp 4: Mua lại phần vốn góp của 1 Công ty đã góp vốn vào 1 Công ty khác trong tập đoàn

Khi mua lại phần vốn góp trong một công ty cùng tập đoàn, công ty mẹ hoặc công ty mua sẽ ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con/liên kết, đồng thời ghi giảm vốn gốc tại công ty góp vốn cũ nếu có lãi/lỗ từ giao dịch, cùng với việc ghi nhận doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính và các khoản thuế liên quan.

Hạch toán chuyển nhượng cổ phần công ty cổ phần: Hạch toán khi chuyển nhượng bằng đúng giá trị phát hành: Nợ TK 111, 112: Tiền thu từ chuyển nhượng; Có TK 4111: Giá trị cổ phần chuyển nhượng; Hạch toán khi giá chuyển nhượng cao hơn giá trị phát hành (có lãi): Nợ TK 111, 112: Tiền thu từ chuyển nhượng; Có TK 4111: Giá trị cổ phần chuyển nhượng. Có TK 4112: Thặng dư vốn cổ phần.

Hạch toán khi giá chuyển nhượng thấp hơn giá trị phát hành (bị lỗ): Nợ TK 111, 112: Tiền thu từ chuyển nhượng; Nợ TK 635: Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần; Có TK 4111: Giá trị cổ phần chuyển nhượng

Trường hợp 5: Mua lại phần vốn góp của 1 cá nhân đã góp vốn vào 1 Công ty khác trong tập đoàn

Khi mua lại phần vốn góp của một cá nhân, công ty cần xác định rõ giao dịch này là chuyển nhượng vốn góp hay trả lại vốn góp để có phương pháp hạch toán phù hợp, thường liên quan đến tài khoản 515 (Doanh thu tài chính) hoặc 635 (Chi phí tài chính) tùy thuộc vào lãi/lỗ, tài khoản 411 (Vốn đầu tư của chủ sở hữu) và các tài khoản thuế liên quan như 3334 (Thuế TNDN). Các trường hợp xử lý

(1) Công ty mua lại phần vốn góp (thường là công ty mẹ hoặc công ty trong tập đoàn):

Xác định giá trị: Phải xác định giá trị khoản vốn góp mà cá nhân đó đã góp vào công ty (vốn gốc) và giá trị công ty mua lại (thường căn cứ vào giá thị trường hoặc giá thỏa thuận).

Lập bút toán:

Nếu có lãi: Nợ TK 111, 112 (tổng số tiền thực nhận): Ghi số tiền thanh toán cho cá nhân góp vốn. Có TK 515 (Doanh thu tài chính): Ghi phần lãi phát sinh từ việc mua lại vốn góp. Có TK 411 (Vốn đầu tư của chủ sở hữu): Ghi phần vốn gốc tương ứng với phần vốn góp đã mua lại.

Nếu có lỗ: Nợ TK 635 (Chi phí tài chính): Ghi phần lỗ phát sinh từ việc mua lại vốn góp. Có TK 111, 112 (tổng số tiền thực nhận): Ghi số tiền thanh toán cho cá nhân góp vốn. Có TK 411 (Vốn đầu tư của chủ sở hữu): Ghi phần vốn gốc tương ứng với phần vốn góp đã mua lại.

Xử lý thuế: Cần xem xét nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với cá nhân và có thể cả thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với công ty mua lại nếu có chênh lệch.

(2) **Cá nhân nhận lại vốn góp từ công ty:** Trường hợp này là công ty trả lại vốn góp cho chủ sở hữu. Kế toán ghi nhận giảm vốn góp của chủ sở hữu trên tài khoản 411. Việc hạch toán sẽ phụ thuộc vào hình thức trả vốn (tiền mặt, tài sản cố định,...).

V. BIÊN BẢN BÀN GIAO HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN GIỮA KẾ TOÁN TRƯỞNG QUA TỪNG THỜI KỲ.

Căn cứ vào bảng cân đối phát sinh và Biên bản bàn giao giữa Bà **Nguyễn Ngọc Dung**- Kế toán trưởng HBS kể từ ngày 29/02/2008 đến ngày 30/05/2022 cho bà **Nguyễn Thị Thu Dung**- Kế toán trưởng HBS kể từ ngày 01/06/2022 trong đó có nội dung:

1. Tại biên bản bàn giao ngày 01/06/2022 tiền và tương đương tiền 227.058.447.539 đồng, trong đó: (1) Khoản tiền 205.689.533.756 đồng là tiền của Công ty HBS, (HĐTG 207.000.000.000 đồng, số dư tiền tại VCB, BIDV, Hdbank 19.765.432.507 đồng; tiền mặt tại quỹ 293.015.032 đồng); (2) Tiền của nhà đầu tư 21.368.903.783 đồng.

STT	Số tài khoản	Số tiền nộp vào	Số tiền chi ra
	Biên Bản bàn giao ngày 01/06/2022 tiền và tương đương tiền 227.058.447.539 đồng, trong đó: (1) Số tiền 205.689.533.756 đồng là vốn điều lệ của Công ty HBS, (HĐTG 207.000.000.000 đồng, số dư tiền tại VCB, BIDV, Hdbank 19.765.432.507 đồng; tiền mặt tại quỹ 293.015.032 đồng) (2) Tiền của nhà đầu tư 21.368.903.783 đồng	278.558.850.774	284.809.879.686
I	Tài khoản mở tại Vietcombank	247.634.567.177	255.903.119.045
1	VCB-0301000327778 của Vietcombank chi nhánh Hoàn Kiếm	247.537.621.425	255.903.075.045

2	VCB-0931004198340 của Vietcombank chi nhánh Hoàng Mai kể từ ngày 16/11/2021 đến 1/05/2023	96.945.752	44.000
II	Tài khoản mở tại BIDV	27.064.183.500	24.964.191.732
1	BIDV-12210003663729 của BIDV chi nhánh Hà Thành	27.064.156.000	24.964.191.424
2	BIDV-1221000003189 của BIDV chi nhánh Hà Thành	27.500	308
III	Tài khoản mở tại Hdbank	3.860.100.097	3.942.348.909
1	Hdbank-020704070002279 của HDbank chi nhánh Hoàn Kiếm	2.719.282.374	2.968.687.692
2	Hdbank-020704070021358 của HDbank chi nhánh Hoàn Kiếm	1.140.817.723	973.661.217
IV	Tài khoản mở tại Techcombank		220.000
	Tecombank Hội sở 19120953999011		220.000

2. Tổng giá trị cho vay Margin của Công ty HBS từ nguồn tiền vay của Công ty VMG số tiền **50.000.0000.000 đồng** ngày 27/05/2020 trái với quy định của HĐQT Công ty HBS, tuy nhiên ngày bàn giao 01/06/2022, Dư nợ Margin của Công ty HBS số tiền 33.036.511.749 đồng

3. Tổng giá trị cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của Công ty HBS từ nguồn tiền vay của Công ty VMG số tiền **49.111.005.034 đồng** ngày 27/05/2020, tuy nhiên ngày bàn giao Dư nợ ứng trước số tiền 4.433.717.695 đồng.

VI. GIÁ TRỊ DÒNG TIỀN VÀO TRÊN 11 TÀI KHOẢN BỎ NGOÀI SỔ SÁCH KẾ TOÁN, ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SỔ PHỤ, SAO KÊ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG CỦA CÔNG TY HBS KỂ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/12/2024.

Thuyết minh tóm tắt tổng giá trị dòng tiền vào **7.934.211.509.199 đồng** và Tổng giá trị dòng tiền chi ra **8.254.770.118.388 đồng** trên 11 Tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán, được ghi nhận trên sổ phụ, sao kê tài khoản ngân hàng số tiền của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024. Thể hiện:

(1) Số lượng chứng khoán chuyển về Công ty HBS tại **215 tài khoản cá nhân** mở tại Công ty HBS, tương ứng với trị giá chứng khoán kể từ 05/01/2021 (**thời gian đã được sửa trên hệ thống HOS**) đến ngày 28/12/2024 và trị giá chứng khoán chuyển về **365.196.162.087 đồng**.

(2) Tổng giá trị dòng tiền vào, dòng tiền ra giai đoạn I, kể từ ngày 04/01/2021 đến 31/10/2021: Dòng tiền vào **2.200.709.083.577 đồng** và dòng tiền chi ra **2.266.601.877.678 đồng** trên 11 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán, được ghi nhận trên sổ phụ, sao kê tài khoản ngân hàng của Công ty HBS.

(3) Tổng giá trị dòng tiền vào, dòng tiền chi ra Giai đoạn II, kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024: Dòng tiền vào **5.948.396.971.410 đồng** và dòng tiền chi ra **5.874.262.217.659 đồng** trên 15 tài khoản trong đó 09 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán được ghi nhận trên sổ phụ, sao kê tài khoản ngân hàng của Công ty HBS.

A. SỐ LƯỢNG CHỨNG KHOÁN CHUYỂN VỀ CÔNG TY HBS TẠI 215 TÀI KHOẢN CÁ NHÂN MỞ TẠI CÔNG TY HBS, TƯƠNG ỨNG VỚI TRỊ GIÁ CHỨNG KHOÁN KỂ TỪ 05/01/2021

1. Số lượng chứng khoán chuyển về Công ty HBS tại 215 tài khoản cá nhân mở tại Công ty HBS, tương ứng với trị giá chứng khoán kể từ 05/01/2021 (thời gian đã được sửa trên hệ thống HOS) đến ngày 28/12/2024 và trị giá chứng khoán chuyển về 365.196.162.087 đồng.

STT	Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Giá trị chứng khoán
A	Số lượng chứng khoán chuyển về Công ty HBS và trị giá chứng khoán trên 215 tài khoản mở tại Công ty HBS kể từ 05/01/2021 (thời gian đã được sửa trên hệ thống HOS) đến 28/12/2024 và trị giá chứng khoán chuyển về 365.196.162.087 đồng	13.324.056	365.196.162.087
1	Năm 2021: “68 Tài khoản nhận chứng khoán chuyển về Công ty HBS”, số lượng 146 mã cổ phiếu tương ứng với 4.882.774 cổ phiếu, và giá trị cổ phiếu 137.239.852.539 đồng ;	4.882.774	137.239.852.539
2	Năm 2022: 139 Tài khoản nhận chứng khoán chuyển về Công ty HBS”, số lượng 215 mã cổ phiếu tương ứng với 7.464.712 cổ phiếu và giá trị cổ phiếu 196.911.518.530 đồng	7.464.712	196.911.518.530
3	Năm 2023: “14 Tài khoản nhận chứng khoán chuyển về Công ty HBS”, số lượng 37 mã cổ phiếu, tương ứng với 448.275 cổ phiếu và giá trị cổ phiếu 3.690.111.268 đồng	448.275	3.690.111.268
4	Năm 2024: “09 Tài khoản nhận chứng khoán chuyển về Công ty HBS”, số lượng 26 mã cổ phiếu, tương ứng với 528.295 cổ phiếu, và trị giá cổ phiếu 27.354.679.750 đồng	528.295	27.354.679.750

2. Nội dung trên được minh chứng bằng giao dịch liên quan đến cá nhân Bà Lê Thị Băng Tâm là cựu Thứ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch HĐQT của HDBank và Vinamilk và Nguyễn Thị Tích là chuyên gia cấp cao của Ngân hàng HDBank

STT	Tài khoản	SL CK sở hữu	Thành tiền
		10.941.539	86.667.592.642
1	Bà Lê Thị Băng Tâm là cựu Thứ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch HĐQT của HDBank và Vinamilk; CCCD số 010043782, ngày cấp	715.800	21.009.530.260

	18/02/2008; Ngày sinh 16/04/1947; Địa chỉ: Tầng 10, Số 32 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0903401189, mở tài khoản số 082C106868 tại Công ty HBS, nộp tiền vào 825.000.000 đồng ngày 05/04/2022 và rút tiền ra 722.700.000 đồng kể từ ngày 30/09/2022 đến 31/12/2024. Số dư tiền 102.300.000 đồng, và đã rút 152.000.000 đồng ngày 03/02/2025. Tuy nhiên, số dư chứng khoán trên tài khoản 06 mã chứng khoán (HDB, FIT, FPT, MBB, NVL, TVS) với số lượng 715.800 cổ phiếu, tương ứng với giá trị 21.009.530.260 đồng.		
2	Nguyễn Thị Tích là chuyên gia cấp cao của Ngân hàng HDBank, số tài khoản 082C126668 mở tại Công ty HBS; số tiền 1.017.600.000.000 đồng; Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk,		1.017.600.000.000

3. Chi tiết giao dịch nộp tiền, rút tiền, mua bán chứng khoán của cá nhân Lê Anh Tuấn, Lê Thị Băng Tâm, Nguyễn Thị Tích, Nguyễn Thị Hoan

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
I	Tài khoản Lê Anh Tuấn-082C001179; CCCD số 001079032953, ngày cấp 19/04/2021; Ngày sinh 17/11/1979; Địa chỉ: Do Lộ, Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội; số điện thoại 0988851949					
		6.913.609.000	5.223.812.000	1.251.270.001	3.318.000.000	1.821.542.000
1	04/01/2021	0	25.400.000	0	0	
2	05/01/2021	1.000.000	1.350.000	0	0	
3	06/01/2021	0	12.900.000	0	0	
4	07/01/2021	19.437.000	0	0	0	
5	08/01/2021	1.180.000	5.150.000	0	0	
6	12/01/2021	0	6.480.000	0	0	
7	13/01/2021	0	6.715.000	0	0	
8	14/01/2021	0	11.096.000	0	0	
9	15/01/2021	0	4.005.000	0	0	
10	18/01/2021	0	1.880.000	0	0	
11	19/01/2021	8.010.000	21.604.000	0	0	
12	20/01/2021	6.940.000	0	0	0	
13	21/01/2021	0	3.150.000	0	0	
14	22/01/2021	0	4.641.000	0	0	
15	25/01/2021	1.480.000	0	0	0	
16	26/01/2021	17.547.000	5.379.000	0	0	
17	27/01/2021	29.133.000	2.906.000	0	0	
18	28/01/2021	11.560.000	60.360.000	0	0	
19	29/01/2021	4.050.000	13.925.000	0	0	
20	01/02/2021	20.445.000	6.800.000	0	0	
21	02/02/2021	865.000	13.175.000	0	0	
22	03/02/2021	0	1.815.000	0	0	
23	04/02/2021	0	513.000	0	0	
24	05/02/2021	0	1.035.000	0	0	
25	08/02/2021	12.854.000	0	0	0	
26	09/02/2021	3.580.000	0	0	0	
27	24/02/2021	0	750.000	0	0	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
28	03/03/2021	0	2.315.000	0	0	
29	04/03/2021	0	6.525.000	0	0	
30	08/03/2021	0	4.220.000	0	0	
31	09/03/2021	0	33.610.000	0	0	
32	10/03/2021	0	54.118.000	0	0	
33	12/03/2021	0	210.000	0	0	
34	16/03/2021	5.577.000	2.310.000	0	0	
35	17/03/2021	0	1.560.000	0	0	
36	23/03/2021	1.830.000	1.360.000	0	0	
37	24/03/2021	10.605.000	980.000	0	0	
38	25/03/2021	4.170.000	0	0	0	
39	26/03/2021	3.100.000	0	0	0	
40	29/03/2021	3.010.000	4.140.000	0	0	
41	30/03/2021	0	8.590.000	0	0	
42	31/03/2021	5.870.000	4.640.000	0	0	
43	01/04/2021	459.000	1.437.000	0	0	
44	05/04/2021	14.120.000	3.964.000	0	0	
45	06/04/2021	0	2.120.000	0	0	
46	07/04/2021	5.900.000	457.000	0	0	
47	08/04/2021	0	2.078.000	0	0	
48	09/04/2021	0	566.000	0	0	
49	12/04/2021	25.565.000	0	0	0	
50	13/04/2021	108.315.000	8.302.000	0	0	
51	14/04/2021	2.090.000	2.245.000	0	0	
52	15/04/2021	30.770.000	2.650.000	0	0	
53	16/04/2021	104.585.000	6.715.000	0	0	
54	19/04/2021	33.524.000	18.000.000	0	0	
55	20/04/2021	30.414.000	5.540.000	0	0	
56	22/04/2021	152.295.000	84.400.000	0	0	
57	23/04/2021	0	51.460.000	0	0	
58	26/04/2021	3.060.000	168.815.000	0	0	
59	27/04/2021	55.230.000	8.613.000	0	0	
60	29/04/2021	0	1.259.000	0	0	
61	04/05/2021	94.552.000	12.800.000	0	0	
62	05/05/2021	6.170.000	0	0	0	
63	06/05/2021	0	3.430.000	0	0	
64	07/05/2021	30.280.000	1.100.000	0	0	
65	10/05/2021	72.630.000	0	0	0	
66	11/05/2021	24.760.000	0	0	0	
67	12/05/2021	67.500.000	7.000.000	0	0	
68	13/05/2021	46.690.000	7.500.000	0	0	
69	14/05/2021	0	9.810.000	0	0	
70	17/05/2021	64.980.000	54.765.000	0	0	
71	18/05/2021	12.120.000	42.030.000	0	0	
72	19/05/2021	48.630.000	79.460.000	0	0	
73	20/05/2021	95.590.000	66.199.000	0	0	
74	21/05/2021	30.470.000	631.000	0	0	
75	24/05/2021	0	9.300.000	0	0	
76	25/05/2021	0	8.830.000	0	0	
77	26/05/2021	0	3.860.000	0	0	
78	27/05/2021	25.500.000	2.680.000	0	0	
79	28/05/2021	3.850.000	28.690.000	0	0	
80	31/05/2021	0	75.430.000	0	0	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
81	01/06/2021	0	3.980.000	0	0	
82	02/06/2021	7.800.000	19.710.000	0	0	
83	03/06/2021	0	39.770.000	0	0	
84	04/06/2021	0	53.670.000	0	0	
85	07/06/2021	0	20.318.000	0	0	
86	08/06/2021	0	33.703.000	0	0	
87	09/06/2021	31.520.000	28.400.000	0	0	
88	10/06/2021	9.600.000	0	0	0	
89	11/06/2021	5.010.000	6.610.000	0	0	
90	14/06/2021	0	10.980.000	0	0	
91	16/06/2021	0	5.550.000	0	0	
92	17/06/2021	0	29.100.000	0	0	
93	18/06/2021	0	24.605.000	0	0	
94	21/06/2021	8.400.000	9.325.000	0	0	
95	22/06/2021	3.060.000	41.975.000	0	0	
96	23/06/2021	42.240.000	1.660.000	0	0	
97	28/06/2021	53.680.000	0	0	0	
98	29/06/2021	35.560.000	0	0	0	
99	30/06/2021	9.900.000	0	0	0	
100	05/07/2021	0	29.620.000	0	0	
101	07/07/2021	75.722.000	64.051.000	0	0	
102	09/07/2021	0	26.200.000	0	0	
103	12/07/2021	0	85.550.000	0	0	
104	13/07/2021	116.812.000	35.900.000	0	0	
105	14/07/2021	0	14.295.000	0	0	
106	15/07/2021	25.400.000	6.190.000	0	0	
107	19/07/2021	31.116.000	5.602.000	0	0	
108	20/07/2021	23.777.000	23.889.000	0	0	
109	29/07/2021	680.000	0	0	0	
110	11/08/2021	0	1.640.000	0	0	
111	13/08/2021	2.225.000	14.075.000	0	0	
112	16/08/2021	0	3.710.000	0	0	
113	17/08/2021	0	9.600.000	0	0	
114	18/08/2021	0	5.480.000	0	0	
115	20/08/2021	0	23.825.000	0	0	
116	23/08/2021	0	6.140.000	0	0	
117	25/08/2021	0	4.500.000	0	0	
118	27/08/2021	0	7.850.000	0	0	
119	30/08/2021	0	3.385.000	0	0	
120	31/08/2021	0	6.585.000	0	0	
121	06/09/2021	0	7.250.000	0	0	
122	08/09/2021	0	5.850.000	0	0	
123	09/09/2021	0	23.510.000	0	0	
124	10/09/2021	0	3.020.000	0	0	
125	13/09/2021	0	750.000	0	0	
126	14/09/2021	0	1.210.000	0	0	
127	15/09/2021	0	11.940.000	0	0	
128	17/09/2021	0	6.150.000	0	0	
129	22/09/2021	0	35.400.000	0	0	
130	23/09/2021	0	57.293.000	0	0	
131	24/09/2021	0	46.444.000	0	0	
132	27/09/2021	0	13.955.000	0	0	
133	28/09/2021	0	44.255.000	0	0	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
134	04/10/2021	0	13.200.000	0	0	
135	07/10/2021	0	4.060.000	0	0	
136	08/10/2021	2.850.000	0	0	0	
137	12/10/2021	0	9.090.000	0	0	
138	13/10/2021	0	5.125.000	0	0	
139	14/10/2021	0	8.450.000	0	0	
140	15/10/2021	0	4.000.000	0	0	
141	18/10/2021	0	4.000.000	0	0	
142	22/10/2021	0	2.705.000	0	0	
143	26/10/2021	0	8.525.000	0	0	
144	27/10/2021	0	20.900.000	0	0	
145	29/10/2021	0	1.520.000	0	0	
146	03/11/2021	2.320.000	5.400.000	5.000.000	0	
147	05/11/2021	0	230.000	0	0	
148	11/11/2021	0	10.654.200	0	0	
149	16/11/2021	0	7.170.000	0	0	
150	17/11/2021	17.094.000	5.240.000	0	0	
151	18/11/2021	0	2.241.500	0	0	
152	19/11/2021	0	17.753.000	0	0	
153	22/11/2021	0	21.209.000	0	0	
154	23/11/2021	2.470.000	0	0	0	
155	24/11/2021	0	5.660.000	48.000.000	0	
156	25/11/2021	0	15.210.000	0	0	
157	26/11/2021	0	2.190.000	0	0	
158	29/11/2021	0	0	10.000.001	0	
159	02/12/2021	0	10.635.000	0	0	
160	03/12/2021	0	18.161.000	0	0	
161	06/12/2021	0	20.480.000	0	0	
162	07/12/2021	0	26.594.000	50.000.000	0	
163	08/12/2021	0	2.840.000	0	0	
164	09/12/2021	0	2.320.000	0	0	
165	15/12/2021	0	6.524.000	0	0	
166	23/12/2021	4.720.000	0	0	0	
167	24/12/2021	0	0	10.000.000	0	
168	28/12/2021	0	6.990.000	0	0	
169	30/12/2021	0	10.380.000	0	0	
170	04/01/2022	0	7.780.000	10.000.000	0	
171	06/01/2022	31.015.000	0	0	0	
172	10/01/2022	21.435.000	11.320.000	0	0	
173	11/01/2022	13.900.000	32.225.000	0	0	
174	14/01/2022	0	6.320.000	0	0	
175	17/01/2022	0	7.081.000	0	0	
176	18/01/2022	0	4.540.000	0	0	
177	24/01/2022	0	0	40.000.000	0	
178	26/01/2022	730.000	0	0	0	
179	28/01/2022	9.070.000	34.615.000	0	0	
180	09/02/2022	35.375.000	10.245.000	0	0	
181	23/02/2022	0	13.460.000	0	0	
182	24/02/2022	0	20.970.000	30.000.000	0	
183	25/02/2022	0	20.617.000	24.900.000	0	
184	08/03/2022	59.665.000	0	0	60.000.000	
185	09/03/2022	8.770.000	0	0	15.000.000	
186	18/03/2022	0	0	0	100.000.000	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
187	21/03/2022	126.345.000	14.350.000	0	100.000.000	
188	22/03/2022	179.946.000	3.010.000	0	100.000.000	
189	23/03/2022	97.530.000	0	0	100.000.000	
190	24/03/2022	8.795.000	0	0	99.000.000	
191	25/03/2022	0	0	0	100.000.000	
192	29/03/2022	0	46.662.800	0	0	
193	30/03/2022	0	62.895.000	0	0	
194	31/03/2022	0	6.689.900	0	0	
195	04/04/2022	0	30.600.000	0	0	
196	05/04/2022	0	34.950.000	0	0	
197	06/04/2022	328.550.000	106.000.000	0	0	
198	08/04/2022	0	116.904.500	0	0	
199	12/04/2022	0	11.010.000	0	0	
200	13/04/2022	248.520.000	93.230.000	0	25.000.000	
201	14/04/2022	71.195.000	24.350.000	0	0	
202	15/04/2022	76.985.000	25.906.000	0	0	
203	18/04/2022	0	129.953.000	0	0	
204	20/04/2022	25.289.000	38.310.000	204.000.000	0	
205	21/04/2022	0	68.190.000	50.000.000	0	
206	22/04/2022	52.067.000	66.430.000	0	0	
207	25/04/2022	6.300.000	24.799.000	50.000.000	0	
208	28/04/2022	8.270.000	11.340.000	0	0	
209	29/04/2022	12.711.000	10.060.000	0	0	
210	05/05/2022	0	17.916.000	18.000.000	0	
211	24/05/2022	14.585.000	0	0	68.000.000	
212	25/05/2022	53.466.000	0	0	0	
213	26/05/2022	0	0	0	68.000.000	
214	27/05/2022	2.405.000	17.970.000	0	0	
215	30/05/2022	55.401.000	0	0	0	
216	01/06/2022	12.760.000	0	0	0	
217	02/06/2022	0	4.930.000	0	0	
218	03/06/2022	10.790.000	0	0	0	
219	06/06/2022	12.035.000	18.720.000	0	0	
220	07/06/2022	71.553.000	28.845.000	0	32.000.000	
221	08/06/2022	14.270.000	15.725.000	0	0	
222	09/06/2022	0	21.448.000	0	50.000.000	
223	10/06/2022	0	8.950.000	70.000.000	0	
224	13/06/2022	82.555.000	56.547.000	0	10.000.000	
225	14/06/2022	3.350.000	9.595.000	0	0	
226	15/06/2022	71.266.000	66.376.000	0	0	
227	16/06/2022	7.965.000	7.428.000	0	0	
228	17/06/2022	91.746.000	46.745.000	0	46.000.000	
229	20/06/2022	170.167.000	27.105.000	0	0	
230	21/06/2022	0	7.952.000	0	0	
231	23/06/2022	1.890.000	0	0	0	
232	27/06/2022	0	200.312.000	62.100.000	0	
233	29/06/2022	155.062.000	0	0	0	
234	30/06/2022	2.780.000	0	0	0	
235	07/07/2022	16.385.000	4.800.000	0	30.000.000	
236	11/07/2022	11.185.000	0	0	0	
237	12/07/2022	0	9.720.000	0	0	
238	13/07/2022	30.863.000	0	0	0	
239	14/07/2022	7.827.000	0	0	0	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
240	18/07/2022	11.130.000	0	0	0	
241	25/07/2022	0	59.810.000	22.000.000	0	
242	26/07/2022	0	23.538.000	23.800.000	0	
243	28/07/2022	0	2.615.000	0	0	
244	01/08/2022	0	164.905.000	11.362.000	0	
245	02/08/2022	0	27.714.000	27.597.000	0	
246	11/08/2022	0	0	0	15.000.000	
247	12/08/2022	6.366.000	0	0	0	
248	15/08/2022	8.760.000	0	0	0	
249	17/08/2022	1.575.000	0	0	0	
250	18/08/2022	3.130.000	3.490.000	0	0	
251	23/08/2022	0	3.420.000	0	0	
252	29/08/2022	6.300.000	0	0	0	
253	26/09/2022	0	39.415.000	0	0	
254	29/09/2022	39.960.000	0	0	0	
255	30/09/2022	28.325.000	0	0	30.000.000	
256	03/10/2022	19.282.000	7.134.200	10.000.000	0	
257	06/10/2022	11.890.000	2.675.000	0	10.000.000	
258	11/10/2022	6.804.000	8.219.000	0	0	
259	12/10/2022	6.667.000	5.536.250	0	0	
260	13/10/2022	10.161.000	9.500.200	0	0	
261	21/10/2022	92.881.000	0	0	100.000.000	
262	24/10/2022	88.908.000	1.655.000	0	80.000.000	
263	25/10/2022	15.140.000	0	0	50.000.000	
264	26/10/2022	34.572.000	0	0	0	
265	07/11/2022	0	79.235.000	0	0	
266	08/11/2022	40.990.000	23.260.000	0	0	
267	09/11/2022	6.560.000	0	0	0	
268	10/11/2022	23.341.000	10.707.000	0	0	
269	11/11/2022	46.487.000	3.335.000	0	0	
270	14/11/2022	0	1.115.000	0	0	
271	15/11/2022	3.647.000	9.041.360	0	0	
272	16/11/2022	6.356.000	7.240.000	0	0	
273	18/11/2022	0	6.978.300	0	0	
274	21/11/2022	0	119.234.780	0	0	
275	23/11/2022	0	0	133.261.000	0	
276	28/11/2022	0	7.530.000	0	0	
277	29/11/2022	0	8.450.000	0	0	
278	01/12/2022	0	0	15.900.000	0	
279	06/12/2022	0	18.420.000	0	0	
280	07/12/2022	0	44.895.000	0	0	
281	09/12/2022	11.710.000	0	51.300.000	0	
282	13/12/2022	0	2.340.000	0	0	
283	23/12/2022	0	57.216.790	0	0	
284	27/12/2022	0	0	59.000.000	0	
285	05/01/2023	0	64.031.000	0	0	
286	09/01/2023	0	0	64.050.000	0	
287	13/01/2023	0	101.266.000	0	0	
288	17/01/2023	0	0	100.700.000	0	
289	20/02/2023	0	20.995.650	0	0	
290	21/02/2023	0	15.456.270	0	0	
291	23/02/2023	0	5.800.000	0	0	
292	24/02/2023	0	0	35.700.000	0	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
293	27/02/2023	0	0	5.700.000	0	
294	03/03/2023	0	218.500	0	0	
295	14/03/2023	0	2.164.800	0	0	
296	16/03/2023	0	5.878.000	0	0	
297	17/03/2023	0	0	2.400.000	0	
298	20/03/2023	0	0	6.500.000	0	
299	21/06/2023	5.055.000	0	0	200.000.000	
300	22/06/2023	26.575.000	0	0	0	
301	23/06/2023	23.555.000	0	0	0	
302	26/06/2023	15.462.000	0	0	0	
303	27/06/2023	25.489.000	0	0	0	
304	28/06/2023	6.629.000	0	0	0	
305	29/06/2023	12.174.000	0	0	0	
306	03/07/2023	18.039.000	1.070.000	0	0	
307	04/07/2023	26.463.000	0	0	0	
308	05/07/2023	18.275.000	0	0	0	
309	06/07/2023	21.186.000	0	0	100.000.000	
310	07/07/2023	63.429.000	0	0	0	
311	10/07/2023	24.395.000	0	0	100.000.000	
312	11/07/2023	3.640.000	0	0	0	
313	12/07/2023	0	2.850.000	0	0	
314	17/07/2023	0	0	0	100.000.000	
315	20/07/2023	15.675.000	0	0	0	
316	27/07/2023	58.450.000	0	0	0	
317	28/07/2023	36.605.000	1.050.000	0	0	
318	31/07/2023	21.490.000	0	0	0	
319	01/08/2023	115.211.000	0	0	100.000.000	
320	02/08/2023	62.800.000	0	0	50.000.000	
321	03/08/2023	41.640.000	0	0	0	
322	04/08/2023	9.700.000	0	0	0	
323	09/08/2023	0	0	0	50.000.000	
324	10/08/2023	35.475.000	3.740.000	0	0	
325	14/08/2023	18.200.000	0	0	0	
326	28/08/2023	0	0	0	40.000.000	
327	07/09/2023	13.500.000	0	0	0	
328	12/09/2023	26.980.000	0	0	0	
329	19/09/2023	13.500.000	0	0	13.100.000	
330	25/09/2023	46.212.000	0	0	46.900.000	
331	26/09/2023	212.163.000	0	0	300.000.000	
332	27/09/2023	50.070.000	0	0	0	
333	28/09/2023	2.800.000	0	0	0	
334	03/10/2023	34.177.000	0	0	0	
335	20/10/2023	291.423.000	0	0	300.000.000	
336	25/10/2023	76.705.000	0	0	70.000.000	
337	26/10/2023	656.000	98.000.000	0	0	
338	27/10/2023	50.546.000	0	0	50.000.000	
339	30/10/2023	97.551.000	0	0	0	
340	27/12/2023	0	0	0	100.000.000	
341	12/01/2024	30.750.000	0	0	0	
342	16/01/2024	10.650.000	0	0	0	
343	31/01/2024	32.340.000	0	0	0	
344	07/02/2024	4.600.000	0	0	0	
345	19/02/2024	0	0	0	30.000.000	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
346	20/02/2024	33.565.000	0	0	0	
347	23/02/2024	17.354.000	0	0	0	
348	28/02/2024	2.730.000	0	0	30.000.000	
349	29/02/2024	10.620.000	0	0	0	
350	05/03/2024	0	3.800.000	0	0	
351	12/03/2024	2.510.000	0	0	0	
352	16/04/2024	200.675.000	0	0	200.000.000	
353	29/05/2024	0	8.800.000	0	0	
354	06/06/2024	9.100.000	0	0	0	
355	29/07/2024	0	0	0	20.000.000	
356	30/07/2024	10.665.000	0	0	0	
357	02/08/2024	24.790.000	0	0	50.000.000	
358	05/08/2024	21.400.000	0	0	0	
359	07/08/2024	12.100.000	0	0	0	
360	09/08/2024	0	24.500.000	0	0	
361	30/10/2024	5.100.000	0	0	0	
362	11/11/2024	4.392.000	0	0	0	
363	28/11/2024	0	78.000.000	0	0	
364	25/12/2024	50.454.000	0	0	0	
365	08/04/2025	12.760.000	0	0	0	
366	09/04/2025	0	0	0	50.000.000	
367	10/04/2025	67.200.000	0	0	0	
368	27/06/2025	0	0	0	30.000.000	
II	Tài khoản Lê Thị Băng Tâm-082C106868; CCCD số 010043782, ngày cấp 18/02/2008; Ngày sinh 16/04/1947; Địa chỉ: Tầng 10, Số 32 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0903401189, "Ủy quyền đặt lệnh mua bán chứng khoán cho nhân viên Công ty HBS", Vũ Minh Đức- Trưởng phòng môi giới 3 HBS; CCCD số 001084066423, ngày cấp 09/05/2021; Ngày sinh 16/12/1984; Địa chỉ: 20B Trần Xuân Soạn, Hai Bà Trưng, Hà Nội; số điện thoại 0936689339					
		822.000.000	0	874.700.000	825.000.000	21.009.530.260
1	29/03/2022	822.000.000	0	0	0	
2	05/04/2022	0	0	0	825.000.000	
3	30/09/2022	0	0	79.500.000	0	
4	13/06/2023	0	0	237.500.000	0	
5	11/07/2023	0	0	39.700.000	0	
6	17/07/2023	0	0	43.000.000	0	
7	13/09/2023	0	0	50.000.000	0	
8	26/07/2024	0	0	273.000.000	0	
9	03/02/2025	0	0	152.000.000	0	
III	Tài khoản Nguyễn Thị Hoan-082C010669; CCCD số 001165007543, ngày cấp 04/12/2024; Ngày sinh 02/11/1965; Địa chỉ: B11 tập thể Tỉnh Đội - Phúc La - Hà Đông - HN; số điện thoại 0982564168, "Ủy quyền đặt lệnh mua bán chứng khoán cho nhân viên Công ty HBS" Nguyễn Việt Long- Chuyên viên môi giới HBS; CCCD số 001076000660, ngày cấp 29/07/2013; Ngày sinh 20/01/1976; Địa chỉ: Số 66, Tổ 23 Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội; số điện thoại 0909114078					
		18.972.500.000	20.356.215.200	0	1.064.000.000	2.282.730.000
1	23/09/2021	0	49.840.000	0	0	
2	25/10/2022	26.730.000	0	0	0	
3	27/10/2022	0	28.530.000	0	0	
4	08/11/2022	121.630.000	0	0	119.000.000	
5	10/11/2022	50.055.000	0	0	0	
6	17/11/2022	0	71.250.000	0	0	
7	18/11/2022	0	54.050.000	0	0	
8	22/11/2022	0	53.580.000	0	0	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
9	07/12/2022	48.100.000	0	0	0	
10	09/12/2022	0	52.200.000	0	0	
11	20/12/2022	179.400.000	0	0	150.000.000	
12	21/12/2022	49.100.000	0	0	0	
13	26/12/2022	121.480.000	0	0	19.000.000	
14	03/01/2023	0	77.000.000	0	0	
15	06/01/2023	78.600.000	0	0	0	
16	09/01/2023	76.800.000	0	0	0	
17	02/02/2023	120.600.000	0	0	0	
18	16/02/2023	0	105.750.000	0	0	
19	20/02/2023	0	422.500.000	0	0	
20	28/02/2023	282.100.000	0	0	0	
21	06/03/2023	0	85.400	0	60.000.000	
22	09/03/2023	184.200.000	291.050.000	0	0	
23	10/03/2023	275.770.000	0	0	0	
24	14/03/2023	279.700.000	85.340.000	0	56.000.000	
25	20/03/2023	147.650.000	0	0	0	
26	21/03/2023	45.000.000	0	0	100.000.000	
27	23/03/2023	54.180.000	0	0	0	
28	27/03/2023	0	126.290.000	0	0	
29	28/03/2023	0	167.620.000	0	0	
30	30/03/2023	33.600.000	19.320.000	0	0	
31	31/03/2023	51.150.000	0	0	0	
32	03/04/2023	0	81.650.000	0	0	
33	04/04/2023	217.900.000	40.900.000	0	0	
34	05/04/2023	0	643.155.000	0	0	
35	06/04/2023	0	258.750.000	0	0	
36	11/04/2023	166.100.000	0	0	0	
37	12/04/2023	706.545.000	0	0	0	
38	13/04/2023	156.635.000	0	0	0	
39	19/05/2023	0	236.950.000	0	0	
40	23/05/2023	0	8.810.000	0	0	
41	25/05/2023	228.300.000	0	0	0	
42	29/05/2023	0	235.200.000	0	0	
43	07/06/2023	243.400.000	0	0	0	
44	08/06/2023	4.820.000	0	0	0	
45	29/06/2023	21.050.000	0	0	0	
46	30/06/2023	16.610.000	0	0	0	
47	05/07/2023	0	40.320.000	0	0	
48	06/07/2023	0	1.183.440.000	0	0	
49	09/08/2023	1.204.500.000	0	0	0	
50	10/08/2023	14.050.000	0	0	0	
51	11/08/2023	0	1.061.800	0	0	
52	18/08/2023	1.395.000	0	0	0	
53	14/09/2023	0	1.291.500.000	0	0	
54	18/09/2023	1.284.400.000	0	0	0	
55	20/09/2023	0	1.060.500.000	0	0	
56	22/09/2023	915.780.000	0	0	0	
57	25/09/2023	141.500.000	0	0	0	
58	08/11/2023	0	1.236.010.000	0	0	
59	28/11/2023	198.920.000	0	0	0	
60	05/12/2023	0	213.220.000	0	0	
61	07/12/2023	1.225.100.000	0	0	0	

STT	Thời gian	Trị giá mua CK	Trị giá bán CK	Rút tiền	Nộp tiền	Số dư CK
62	13/12/2023	17.520.000	0	0	0	
63	28/12/2023	0	86.300.000	0	0	
64	02/01/2024	87.970.000	0	0	0	
65	20/02/2024	0	1.363.330.000	0	0	
66	23/02/2024	1.356.030.000	0	0	0	
67	04/03/2024	0	1.473.330.000	0	0	
68	18/03/2024	1.456.750.000	0	0	0	
69	16/04/2024	211.140.000	0	0	200.000.000	
70	21/10/2024	0	1.894.255.000	0	0	
71	25/10/2024	1.000.250.000	0	0	0	
72	28/10/2024	544.250.000	0	0	0	
73	29/10/2024	182.000.000	0	0	0	
74	04/11/2024	158.850.000	0	0	0	
75	25/03/2025	0	2.067.100.000	0	0	
76	03/04/2025	1.132.500.000	0	0	0	
77	04/04/2025	926.490.000	0	0	0	
78	14/04/2025	0	443.500.000	0	0	
79	16/04/2025	0	450.028.000	0	0	
80	17/04/2025	428.200.000	0	0	0	
81	22/04/2025	459.500.000	0	0	0	
82	08/05/2025	0	846.000.000	0	0	
83	13/05/2025	0	392.800.000	0	0	
84	14/05/2025	0	825.700.000	0	0	
85	15/05/2025	688.600.000	0	0	0	
86	16/05/2025	1.027.400.000	0	0	0	
87	19/05/2025	275.700.000	0	0	0	
88	20/05/2025	46.500.000	0	0	0	
89	29/05/2025	0	1.139.300.000	0	0	
90	02/06/2025	0	879.400.000	0	0	
91	03/06/2025	0	359.300.000	0	0	
92	27/12/2022	0	0	0	100.000.000	
93	28/12/2022	0	0	0	100.000.000	
94	03/03/2023	0	0	0	160.000.000	

STT	Ngày giao dịch	Mã giao dịch	Loại giao dịch	Số tài khoản	Giá trị giao dịch	Ghi chú
A	Tài khoản Nguyễn Thị Tích-082C126668; CCCD số 012495284, ngày cấp 16/02/2009; Ngày sinh 01/01/1960; Địa chỉ: 503 - C4b Thành Công, Ba Đình, Hà Nội; số điện thoại 0936582899				1.026.073.200.000	
1	24/01/2014	1	004	082C126668	250.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền từ TKGDCK
2	19/02/2014	1	004	082C126668	90.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào TKGDCK
3	07/02/2014	2	004	082C126668	5.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Nộp tiền vào TKGDCK

4	20/02/2014	1	004	082C126668	90.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào TKGDCK
5	18/02/2014	1	004	082C126668	268.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào TKGDCK
6	03/03/2014	7	004	082C126668	325.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-7-Nộp tiền vào TKGDCK
7	14/03/2014	2	004	082C126668	610.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Nộp tiền vào TKGDCK
8	03/04/2014	1	004	082C126668	626.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1- CHUYEN TIEN VAO TK NGUYEN THI TICH 082C126668-01
9	10/04/2014	2	004	082C126668	316.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Nộp tiền vào TKGDCK
10	01/04/2014	1	004	082C126668	261.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1- NGUYEN THI TICH NOP TIEN MUA CHUNG KHOAN VAO TK 082C126668
11	06/03/2014	1	004	082C126668	17.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào TKGDCK
12	12/03/2014	7	004	082C126668	130.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-7-Nộp tiền vào TKGDCK
13	17/03/2014	3	004	082C126668	273.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-3-Nộp tiền vào TKGDCK
14	27/03/2014	4	004	082C126668	410.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-4-Nộp tiền vào TKGDCK
15	03/11/2017	2	004	082C126668	129.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Nộp tiền vào tk
16	13/11/2017	1	004	082C126668	290.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk (10.11)
17	21/11/2017	1	004	082C126668	252.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk
18	02/11/2017	13	004	082C126668	520.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-13-Nộp tiền vào tk
19	21/12/2017	1	004	082C126668	26.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk
20	21/12/2017	2	244	082C126668	25.500.000	

21	07/02/2018	1	004	082C126668	330.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk
22	22/02/2018	3	004	082C126668	515.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-3-Nộp tiền vào tk
23	23/02/2018	1	004	082C126668	100.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk
24	11/01/2018	1	004	082C126668	697.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk
25	16/04/2018	1	004	082C126668	1.017.600.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk
26	16/04/2018	3	004	082C126668	1.017.600.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-3-Nộp tiền vào tk
27	12/06/2018	1	004	082C126668	1.000.000.000	Gửi tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Nộp tiền vào tk
B	Tài khoản Nguyễn Thị Tích-082C126668; CCCD số 012495284, ngày cấp 16/02/2009; Ngày sinh 01/01/1960; Địa chỉ: 503 - C4b Thành Công, Ba Đình, Hà Nội; số điện thoại 0936582899				1.022.422.550.000	
1	08/10/2014	2	003	082C126668	200.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Rút tiền từ TKGDCK-126668
2	04/06/2015	4	003	082C126668	282.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 020704070000483-4-Rút tiền từ tk
3	21/01/2016	2	003	082C126668	75.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Rút tiền từ tk
4	27/04/2016	2	003	082C126668	345.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 12210000688459-2-Rút tiền từ tk
5	10/03/2016	2	003	082C126668	182.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Rút tiền từ tk
6	11/04/2016	2	003	082C126668	392.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 12210000688459-2-Rút tiền từ tk
7	03/05/2017	2	003	082C126668	82.700.000	Rút tiền tại ngân hàng 12210000688459-2-Rút tiền từ tk
8	12/05/2017	2	003	082C126668	544.600.000	Rút tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Rút tiền từ tk
9	05/03/2018	2	003	082C126668	1.551.700.000	Rút tiền tại ngân hàng 12210000688459-2-Rút tiền từ tk
10	27/02/2018	2	003	082C126668	643.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 12210000688459-2-Rút tiền từ tk

11	27/02/2018	10	003	082C126668	643.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 12210000688459-10-Rút tiền từ tk
12	27/02/2018	11	017	082C126668	-643.000.000	Hủy rút tiền tại ngân hàng
13	12/04/2018	2	003	082C126668	524.500.000	Rút tiền tại ngân hàng 12210000688459-2-Rút tiền từ tk
14	16/04/2018	2	003	082C126668	1.017.600.000.000	Rút tiền tại ngân hàng 020704070000483-2-Rút tiền từ tk
15	18/05/2018	1	003	082C126668	50.000	Rút tiền tại ngân hàng 020704070000483-1-Tạm thu phí qltk

B. XÁC ĐỊNH NGUỒN TIỀN VÀO, NGUỒN TIỀN CHI RA TRÊN TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS TỪ NGUỒN TIỀN DOANH THU KHÁCH HÀNG THANH TOÁN MUA CĂN HỘ CHUNG CƯ CAO TẦNG, BIỆT THỰ LIÊN KÈ TẠI CÁC DỰ ÁN MANG THƯƠNG HIỆU VIMEFULLAND VÀ NGUỒN TIỀN VPBANK GIẢI NGÂN KHÔNG HỢP ĐỒNG TỔNG THẦU THI CÔNG Ô ĐẤT TM01.

Tổng giá trị nguồn tiền vào số tiền 7.934.211.509.199 đồng và nguồn tiền chi ra số tiền từ nguồn tiền:

(1) Tổng giá trị doanh thu khách hàng thanh toán mua căn hộ chung cư cao tầng, biệt thự liên kè tại các dự án The Emerald, dự án Iris Garden, dự án Bellerville Hà Nội, Dự án Eden Rose, Dự án Khu đô thị Mới Đại Kim, dự án thành phần BT02, TM01 mang thương hiệu Vimefulland mang thương hiệu Vimefulland kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 của Công ty VMG số tiền **5.873.095.566.405 đồng.**

(2) Xác định nguồn tiền vào tài khoản của công ty HBS từ nguồn tiền tạo lập không hợp đồng tổng thầu thi công ô đất TM01 và nguồn tiền **1.830.000.000.000 đồng** được ký bởi Công ty VMG và Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Phát Triển Việt Nam

(3) Tài khoản nhận chứng khoán chuyển về Công ty HBS từ năm 2021 đến 2024 số tiền **365.196.162.087 đồng** (Lưu ý: 365.196.162.087 đồng không đưa vào sổ sách kế toán lý do trên hệ thống chưa thể hiện dòng tiền bán chứng khoán trên hệ thống HOS qua Tổng công ty lưu ký T+2 và bù trừ chứng khoán Việt Nam)

B.1 TÓM TẮT NGUỒN TIỀN VÀO TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS TỪ NGUỒN TIỀN TẠO LẬP KHÔNG HỢP ĐỒNG TỔNG THẦU THI CÔNG Ô ĐẤT TM01 VÀ NGUỒN TIỀN 1.830.000.000.000 ĐỒNG ĐƯỢC KÝ BỞI CÔNG TY VMG VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Thứ nhất, Ngày 21/05/2019, Kế toán trưởng Nguyễn Như Trang và Chủ tài khoản ông **Quản Xuân Dũng** của công ty cổ phần tập đoàn đầu tư phát triển việt nam ký 11 UNC chuyển khoản số tiền **1.830.000.000.000 đồng**, từ tài khoản VCB-0931004208950 của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Phát Triển Việt Nam sang 11 tài khoản cá nhân:

(1) Tại ngân hàng Techcombank Ghi có tài khoản số 19032548833019 của Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh Thăng Long; Tên tài khoản: **Quản Anh Tuấn**, số tiền **192.150.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(2) Tại ngân hàng Techcombank Ghi có tài khoản TCB19032528208010 của Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh Phương Mai; Tên tài khoản: **Nguyễn Tiến Mạnh**, số tiền **192.150.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(3) Tại ngân hàng PublicBank Ghi có tài khoản 230-8-14-00-00080 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy; Tên tài khoản: **Phạm Ngọc Quân**, số tiền **177.510.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(4) Tại ngân hàng Vietcombank Ghi có tài khoản 0021.00046.1595 của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hà Nội; Tên tài khoản: **Phạm Ngọc Trang**, số tiền **157.380.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(5) Tại ngân hàng Techcombank Ghi có tài khoản 1903.36079.15012 của Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh Hoàn Kiếm; Tên tài khoản: **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**, số tiền **155.550.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(6) Tại ngân hàng PublicBank, Ghi có tài khoản, 230.11400.00078 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy; Tên tài khoản: **Trương Thị Hà**, số tiền **173.850.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(7) Tại ngân hàng Vietcombank Ghi có tài khoản, 0931004216622 của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hoàng Mai; Tên tài khoản: **Liêu Thúy Quỳnh**, số tiền **155.550.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(8) Tại ngân hàng PublicBank, Ghi có tài khoản, 230.71400.00077 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy; Tên tài khoản: **Trần Viết Cường**, số tiền **151.890.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(9) Tại ngân hàng Vietcombank Ghi có tài khoản, 09310042116627 của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hoàng Mai; Tên tài khoản: **Trần Hoàng Minh**, số tiền **155.550.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(10) Tại ngân hàng Vietcombank Ghi có tài khoản, 093100426626 của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hoàng Mai; Tên tài khoản: **Trần Thị**

Quỳnh Nga, số tiền 155.550.000.000 đồng, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: Chuyển tiền; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(11) Tại ngân hàng PublicBank, Ghi có tài khoản, 230.71400.00076 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy; Tên tài khoản: Lê Thị Thanh Nhung, số tiền 162.870.000.000 đồng ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: Chuyển tiền; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

STT	Đơn vị thụ hưởng	Số tiền	Ngày thanh toán
B.1	Công Ty ĐPTVN chuyển khoản đi từ tài khoản VCB-0931004208950 sang 11 cá nhân tổng số tiền 1.830.000.000.000 đồng		
1	Quản Anh Tuấn - Techcombank CN Thăng Long 19032548833019	192.150.000.000	21/05/2019
2	Nguyễn Tiến Mạnh - Techcombank CN Phương Mai 19032528208010	192.150.000.000	21/05/2019
3	Phạm Ngọc Quân - Public Bank CN Cầu Giấy 2308140000080	177.510.000.000	21/05/2019
4	Phạm Ngọc Trang - VCB CN Hà Nội 0021000461595	157.380.000.000	21/05/2019
5	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Techcombank CN Hoàn Kiếm 19033607915012	155.550.000.000	21/05/2019
6	Trương Thị Hà - Public Bank CN Cầu Giấy 2301140000078	173.850.000.000	21/05/2019
7	Liều Thúy Quỳnh - VCB CN Hoàng Mai 0931004216632	155.550.000.000	21/05/2019
8	Trần Việt Cường - Public Bank CN Cầu Giấy 2307140000077	151.890.000.000	21/05/2019
9	Trần Hoàng Minh - VCB CN Hoàng Mai 0931004216627	155.550.000.000	21/05/2019
10	Trần Thị Quỳnh Nga - VCB CN Hoàng Mai 0931004216626	155.550.000.000	21/05/2019
11	Lê Thị Thanh Nhung - Public Bank CN Cầu Giấy 2307140000076	162.870.000.000	21/05/2019

B.2 TÓM TẮT NGUỒN TIỀN VÀO TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS TỪ NGUỒN TIỀN DOANH THU KHÁCH HÀNG THANH TOÁN MUA 1.186 CĂN HỘ CHUNG CƯ CAO TẦNG DỰ ÁN IRIS GARDEN, CỦA CÔNG TY NHUỆ GIANG VÀ DỰ ÁN THE EMERALD CỦA CÔNG TY MỸ ĐÌNH KỂ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN 31/12/2024.

Thứ nhất, Tổng giá trị tổn thất số tiền **2.740.158.346.719 đồng** của Công ty Nhuyễn Giang, Công Mỹ Đình từ nguồn tiền doanh thu 1.186 khách hàng mua căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald, Iris Garden thanh toán bằng tiền mặt số tiền **2.740.158.346.719 đồng** kể từ ngày 01/08/2017 đến 09/10/2020 bỏ ngoài giá trị sổ sách. Xuất hóa đơn GTGT cho 1.186 khách hàng để nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản nhà ở, nhưng không kê khai nộp thuế GTGT cho NSNN, dẫn đến Nhà nước thất thu thuế số tiền **274.281.463.788 đồng.**

STT	Nội dung	Số tiền
B.2	Tổng giá trị tổn thất số tiền 2.740.158.346.719 đồng của Công ty Nhuệ Giang, Công Mỹ Đình từ nguồn tiền doanh thu 1.186 khách hàng mua căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald, Iris Garden thanh toán bằng tiền mặt số tiền 2.740.158.346.719 đồng kể từ ngày 01/08/2017 đến 09/10/2020 bỏ ngoài giá trị sổ sách, không kê khai nộp thuế GTGT cho NSNN số tiền 274.281.463.788 đồng .	2.740.158.346.719
1	Tổng giá trị doanh thu 579 khách hàng mua căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald Thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.481.226.213.932 đồng 01/08/2017 đến 09/10/2020 bỏ ngoài giá trị sổ sách	1.481.226.213.932
1.1	Phương Xuân Thụy, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung chỉ đạo Quận Anh Tuấn, Tiết Toàn Trung, Phạm Ngọc Quân, Vũ Tuấn Cường thỏa thuận với 579 khách hàng mua 579 căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.481.226.213.932 đồng để ngoài giá trị sổ sách.	1.481.226.213.932
1.2	Xuất hóa đơn bằng giấy doanh thu 579 căn hộ thu bằng tiền mặt bỏ ngoài giá trị sổ sách số tiền 1.482.696.631.230 đồng để khách hàng nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở dự án The Emerald. Tuy nhiên, không kê khai nộp thuế GTGT cho NSNN số tiền 148.269.663.123 đồng kể từ ngày 01/08/2017 đến 25/09/2019	148.269.663.123
2	Tổng giá trị doanh thu 607 khách hàng mua căn hộ chung cư cao tầng dự án Iris Garden thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.258.932.132.787 đồng 14/03/2018 đến 09/10/2020 bỏ ngoài giá trị sổ sách	1.258.932.132.787
2.1	Phương Xuân Thụy, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung chỉ đạo Quận Anh Tuấn, Tiết Toàn Trung, Phạm Ngọc Quân, Vũ Tuấn Cường thỏa thuận với 607 khách hàng mua 607 căn hộ chung cư cao tầng dự án Iris Garden thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.258.932.132.787 đồng để ngoài giá trị sổ sách.	1.258.932.132.787
2.2	Xuất hóa đơn doanh thu 607 căn hộ thu bằng tiền mặt bỏ ngoài giá trị sổ sách số tiền 1.260.118.006.651 đồng để khách hàng nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở dự án Iris Garden. Tuy nhiên, không kê khai nộp thuế GTGT cho NSNN số tiền 126.011.800.665 đồng kể từ ngày 14/03/2018 đến 09/10/2020	126.011.800.665

B.3 TÓM TẮT TỔNG GIÁ TRỊ DOANH THU CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN THÀNH PHẦN Ô ĐẤT TM01, BT02 CỦA CÔNG TY VMG SỐ TIỀN **888.330.000.000 ĐỒNG KỂ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN 31/12/2024**

Tổng giá trị doanh thu chuyển nhượng dự án thành phần ô đất TM01, BT02 của Công ty VMG số tiền **888.330.000.000 đồng** kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 không ghi nhận trên Hợp đồng chuyển nhượng, phụ lục hợp đồng chuyển nhượng bỏ ngoài sổ sách kế toán được ghi nhận trên sổ phụ sao kê tài khoản ngân hàng, trong đó:

Thứ nhất, Tổng giá trị doanh thu chuyển nhượng dự án thành phần ô đất TM01 của Công ty VMG được ghi nhận trên Hợp đồng đặt cọc, phụ lục Hợp đồng đặt cọc; Hợp đồng chuyển nhượng “không trùng khớp” với doanh thu chuyển nhượng được ghi nhận trên sao kê tài khoản số phụ ngân hàng của Công ty VMG, nhưng bỏ ngoài sổ sách kế toán số tiền (+) 384.130.000.000 đồng. Số tiền này được Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên chỉ đạo Ông Lê Tiến Dũng:

(1) Ký chứng từ chuyển khoản => sang Công ty cổ phần Y được phẩm Vimedimex số tiền 232.090.000.000 đồng kể từ ngày 06/04/2022 đến 09/05/2022 trên tài khoản VCB-0931004196311=> sau đó rút séc tiền mặt => nộp tiền vào tài khoản VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai của Công ty HBS

(2) Chuyển khoản đi và rút séc tiền mặt trên tài khoản VCB-0931004196311 của Công ty VMG số tiền 40.774.401.740 đồng kể từ ngày 21/01/2022 đến 27/09/2022

(3) Chuyển khoản đi và rút séc tiền mặt trên tài khoản VCB-0931004205723 của Công ty Vimedimex 2 số tiền 19.985.433.400 đồng kể từ ngày 08/11/2021 đến 23/12/2022;

(4) Chuyển khoản đi và rút séc tiền mặt trên tài khoản VPB-181885588 của Công ty Vimedimex 2 số tiền 62.824.153.109 đồng kể từ ngày 12/07/2022 đến 10/02/2023;

(5) Chuyển khoản đi và rút séc tiền mặt trên tài khoản MB-3885222555888 của Công ty Vimedimex 2 số tiền 29.600.000.000 đồng kể từ ngày 19/12/2022 đến 14/04/2023

Khoản tiền 384.130.000.000 đồng được Phương Xuân Thụy, Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên, Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải, Phạm Hồng Vương, Nguyễn Hà Hải Như, Nguyễn Thị Kim Nguyên và các cá nhân có liên quan hoán đổi thành dòng tiền mua, bán chứng khoán trên sàn giao dịch HNX, HOSE kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024. D:\USB-DUYEN DIEN\VP\TONG HOP\BAO CAO\TOM TAT CAC HOP DONG

Thứ hai, Tổng giá trị doanh thu chuyển nhượng dự án thành phần ô đất BT02 của Công ty Thanh Trì nhận ủy thác của Công ty VMG được ghi nhận trên Hợp đồng đặt cọc, phụ lục Hợp đồng đặt cọc; 07 Văn bản chuyển nhượng không trùng khớp với doanh thu chuyển nhượng dự án ô đất BT02 được ghi nhận trên sao kê tài khoản số phụ ngân hàng của Công ty Thanh Trì số tiền (+) 504.200.000.000 đồng, bỏ ngoài sổ sách kế toán. Số tiền này được Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên ký chứng từ rút séc tiền mặt, thủ quỹ nộp tiền vào trên tài khoản VCB-0931004196311 của Công ty HBS. Khoản tiền 504.200.000.000 đồng được Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên, Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải, Phạm Hồng Vương, Nguyễn Hà Hải Như, Nguyễn Thị Kim Nguyên và các cá nhân có liên quan hoán đổi thành dòng tiền mua, bán chứng khoán trên sàn giao dịch HNX, HOSE kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 nhằm mục đích xóa dấu vết dòng tiền chiếm đoạt. D:\USB-DUYEN DIEN\VP\TONG HOP\BAO CAO\TOM TAT CAC HOP DONG.

STT	Nội dung	Số tiền
B.3	Tổng giá trị doanh thu chuyển nhượng dự án thành phần ô đất TM01, BT02 của Công ty VMG số tiền 888.330.000.000 đồng kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 không ghi nhận trên Hợp đồng chuyển nhượng, phụ lục hợp đồng chuyển nhượng bỏ ngoài sổ sách kế toán được ghi nhận trên sổ phụ sao kê tài khoản ngân hàng.	888.330.000.000
1	Tổng giá trị doanh thu chuyển nhượng dự án thành phần ô đất TM01 của Công ty VMG được ghi nhận trên Hợp đồng đặt cọc, phụ lục Hợp đồng đặt cọc; Hợp đồng chuyển nhượng “không trùng khớp” với doanh thu chuyển nhượng được ghi nhận trên sao kê tài khoản sổ phụ ngân hàng của Công ty VMG, nhưng bỏ ngoài sổ sách kế toán số tiền (+) 384.130.000.000 đồng. Số tiền này được Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên chỉ đạo Ông Lê Tiến Dũng: (1) Ký chứng từ chuyển khoản => sang Công ty cổ phần Y được phẩm Vimedimex số tiền 232.090.000.000 đồng kể từ ngày 06/04/2022 đến 09/05/2022 trên tài khoản VCB-0931004196311=> sau đó rút séc tiền mặt => nộp tiền vào tài khoản VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai của Công ty HBS (2) Ký chứng từ chuyển khoản sang Công ty HBS số tiền 80.000.000.000 đồng ngày 20/05/2022 => Công ty HBS chuyển khoản sang Công ty Thể hệ trẻ => chuyển tiền hoàn trả lại cho Công ty HBS 80.000.000.000 đồng. Khoản tiền 384.130.000.000 đồng được Phương Xuân Thụy, Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên, Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải, Phạm Hồng Vương, Nguyễn Hà Hải Như, Nguyễn Thị Kim Nguyên và các cá nhân có liên quan hoán đổi thành dòng tiền mua, bán chứng khoán trên sàn giao dịch HNX, HOSE kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024. D:\USB-DUYEN DIEN\VP\TONG HOP\BAO CAO\TOM TAT CAC HOP DONG	384.130.000.000
2	Dòng tiền thu vào: Tổng giá trị doanh thu chuyển nhượng dự án thành phần ô đất BT02 của Công ty Thanh Trì nhận ủy thác của Công ty VMG được ghi nhận trên Hợp đồng đặt cọc, phụ lục Hợp đồng đặt cọc; 07 Văn bản chuyển nhượng không trùng khớp với doanh thu chuyển nhượng dự án ô đất BT02 được ghi nhận trên sao kê tài khoản sổ phụ ngân hàng của Công ty thanh Trì số tiền (+) 504.200.000.000 đồng, bỏ ngoài sổ sách kế toán. Số tiền này được Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên ký chứng từ rút séc tiền mặt, thủ quỹ nộp tiền vào trên tài khoản VCB-0931004196311 của Công ty HBS. Khoản tiền 504.200.000.000 đồng được Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên, Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải, Phạm Hồng Vương, Nguyễn Hà Hải Như, Nguyễn Thị Kim Nguyên và các cá nhân có liên quan hoán đổi thành dòng tiền mua, bán chứng khoán trên sàn giao dịch HNX, HOSE kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 nhằm mục đích xóa dấu vết dòng tiền chiếm đoạt. D:\USB-DUYEN DIEN\VP\TONG HOP\BAO CAO\TOM TAT CAC HOP DONG.	504.200.000.000

STT	Nội dung	Số tiền
3	Dòng tiền chi ra: Công ty Thanh Trì rút séc tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản của Công ty chứng khoán Hòa Bình số tiền 522.125.640.272 đồng kể từ ngày 31/12/2021 đến 26/12/2022 từ nguồn tiền chuyển nhượng ô đất BT02 để ngoài Hợp đồng, PLHD chuyển nhượng, bỏ ngoài sổ sách kế toán nhưng được ghi nhận trên sổ phụ sao kê ngân hàng.	522.125.640.272
3.1	Rút séc tiền mặt 218.200.000.000 đồng trên tài khoản VPB-182555665 của Công ty Thanh Trì kể từ ngày 11/03/2022 đến 30/09/2022	218.200.000.000
3.2	Rút séc tiền mặt 49.120.000.000 đồng trên tài khoản VCB-0931004196905 của Công ty Thanh Trì kể từ ngày 02/12/2021 đến 14/04/2022	49.120.000.000
3.3	Trương Thị Hà rút séc tiền mặt 44.150.000.000 đồng trên tài khoản MB-7628222888999 của Công ty Thanh Trì ngày 26/12/2022	44.150.000.000
3.4	Chuyển khoản đi 210.655.640.272 đồng trên tài khoản VPB-182555665 của Công ty Thanh Trì kể từ ngày 31/12/2021 đến 11/07/2022	210.655.640.272

B.5 TỔNG GIÁ TRỊ DOANH THU PHÍ PHÂN PHỐI DƯỢC PHẨM, DOANH THU PHÍ CHO THUÊ VĂN PHÒNG 45 VÕ THỊ SÁU, DOANH THU CHO THUÊ CHỖ ĐỖ XE TẦNG HẦM CT8, IRIS GARDEN

Tổng giá trị doanh thu phí phân phối dược phẩm của Công ty Vimedimex Bình Dương; doanh thu phí cho thuê văn phòng 45 Võ Thị Sáu; Số dư tiền gửi các Công ty trên tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; doanh thu dự án Eden Rose; Doanh thu phí đỗ xe tầng hầm CT8, Iris Garden số tiền **472.416.909.645 đồng**

B.5	Tổng giá trị doanh thu phí phân phối dược phẩm của Công ty Vimedimex Bình Dương; doanh thu phí cho thuê văn phòng 45 Võ Thị Sáu; Số dư tiền gửi các Công ty VMG và Công ty nhận ủy thác của VMG trên tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; doanh thu dự án Eden Rose; Doanh thu phí đỗ xe tầng hầm CT8, Iris Garden; 472.416.909.645 đồng	472.416.909.645
1	Dòng tiền chi ra chuyển khoản đi, rút séc tiền mặt 219.893.715.291 đồng trên 02 tài khoản của Công ty TNHH TTPP Dược phẩm Vimedimex trong đó: trên tài khoản VCB-0931004198868 số tiền 83.333.025.516 đồng kể từ ngày 26/01/2022 đến 16/02/2023; trên tài khoản Mbbank- số tiền 136.560.689.775 đồng kể từ ngày 29/12/2022 đến 08/03/2024 từ nguồn tiền thu khách hàng thanh toán mua căn biệt thự dự án Eden Rose	219.893.715.291
2	Dòng tiền thu phí đỗ xe 03 tầng hầm số tiền 48.184.725.345 đồng, từ nguồn tiền thu phí đỗ xe 03 tầng hầm dự án The Emerald và Dự án Iris Garden	48.184.725.345
3	Tổng giá trị tổn thất của Công ty VMD số tiền 188.548.469.009 đồng từ nguồn tiền doanh thu phân phối dược phẩm của Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương kể từ ngày kể từ ngày 04/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó có khoản	188.548.469.009

	tiền Công ty CP BĐS Belleville Hà Nội chuyển khoản 15.448.044.000 đồng cho Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex kể từ ngày 25/10/2021 đến 10/02/2023 và Rút séc tiền mặt 20.000.000.000 đồng trên tài khoản VCB-0071000875046 của Công ty cổ phần Y dược phẩm Vimedimex kể từ ngày 16/11/2021 đến 18/11/2021 là tài khoản phong tỏa của tòa nhà Citilight.	
4	Công ty VMD2: Bà Nguyễn Ngọc Dung và Phạm Ngọc Quân bán TTPDP Nam Định số tiền 15.790.000.000 đồng ngày 11/11/2021, thu bằng tiền mặt	15.790.000.000

B.6 TÓM TẮT TỔNG GIÁ TRỊ PHÍ BẢO TRÌ CỦA CƯ DÂN DỰ ÁN IRIS GARDEN CỦA CÔNG TY NHUỆ GIANG KỂ TỪ NGÀY 03/07/2020 ĐẾN 01/11/2022

Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Hữu Tuấn, Quân Anh Tuấn rút tiền **79.363.353.553 đồng** trên tài khoản của Công Ty Cổ Phần Đầu tư Bất động sản Nhuệ Giang từ nguồn tiền phí bảo trì của cư dân dự án Iris Garden của Công ty Nhuệ Giang kể từ ngày **03/07/2020 đến 01/11/2022**, bao gồm cả tiền lãi Hợp đồng tiền gửi số tiền **8.701.054.331 đồng**

STT	Nội dung	Số tiền
B.6	Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Hữu Tuấn, Quân Anh Tuấn rút tiền 79.363.353.553 đồng trên tài khoản của Công Ty Cổ Phần Đầu tư Bất động sản Nhuệ Giang từ nguồn tiền phí bảo trì của cư dân dự án Iris Garden của Công ty Nhuệ Giang kể từ ngày 03/07/2020 đến 01/11/2022 , bao gồm cả tiền lãi Hợp đồng tiền gửi số tiền 8.701.054.331 đồng	79.000.000.000

B.7 TÓM TẮT NGUỒN TIỀN VÀO TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS TỪ NGUỒN TIỀN CHUYỂN NHƯỢNG 10 DỰ ÁN CỦA CÔNG TY VMG ỦY THÁC CHO 05 CÁ NHÂN MỞ TÀI KHOẢN TẠI MBBANK SỞ GIAO DỊCH III NHẬN KHOẢN TIỀN ỦY THÁC QUẢN LÝ TÀI SẢN BẰNG TIỀN MẶT

Tổng số tiền 05 cá nhân nhận ủy thác của Công ty VMG rút tiền, chuyển khoản đi trên tài khoản nhận ủy thác, tài khoản mở bổ sung thứ hai, thứ ba số tiền **1.724.014.417.994 đồng** kể từ ngày 12/09/2022 đến 30/09/2024.

STT	Nội dung	Số tiền chi ra không hợp lệ
B.7	Tổng số tiền 05 cá nhân nhận ủy thác của Công ty VMG rút tiền, chuyển khoản đi trên tài khoản nhận ủy thác, tài khoản mở bổ sung thứ hai, thứ ba số tiền 1.724.014.417.994 đồng	1.724.014.417.994
1	Nguyễn Tiến Mạnh rút tiền 520.319.970.013 đồng trên tài khoản cá nhân nhận ủy thác MB-2150116868888 kể từ ngày 21/09/2022 đến 17/07/2023	520.319.970.013

2	Nguyễn Anh Đức rút tiền và chuyển khoản đi 131.291.428.199 đồng trên tài khoản cá nhân nhận ủy thác MB-3068899999 kể từ ngày 09/12/2022 đến 21/06/2024	131.291.428.199
	Nguyễn Anh Đức rút tiền và chuyển khoản đi 295.834.896.708 đồng trên tài khoản cá nhân thứ hai MB-050568686868 kể từ ngày 03/08/2023 đến 15/03/2024	295.834.896.708
3	Quản Anh Tuấn rút tiền và chuyển khoản đi 51.112.868.770 đồng trên tài khoản cá nhân nhận ủy thác MB-8838333888 kể từ ngày 30/06/2023 đến 07/08/2024	51.112.868.770
	Quản Anh Tuấn rút tiền và chuyển khoản đi 406.718.638.869 đồng trên tài khoản cá nhân thứ hai MB-0510123838888 kể từ ngày 17/11/2022 đến 27/07/2024	406.718.638.869
	Quản Anh Tuấn rút tiền và chuyển khoản đi 53.371.767.670 đồng trên tài khoản cá nhân thứ ba MB-1568888888888 kể từ ngày 19/12/2022 đến 18/09/2024	53.371.767.670
4	Trịnh Ngọc Duyên rút tiền và chuyển khoản đi 9.332.000.000 đồng trên tài khoản cá nhân nhận ủy thác MB-80988686868 kể từ ngày 12/09/2022 đến 24/07/2024	9.332.000.000
	Trịnh Ngọc Duyên rút tiền và chuyển khoản đi 177.955.797.536 đồng trên tài khoản cá nhân thứ hai MB-246686988888 kể từ ngày 03/10/2022 đến 20/02/2023	177.955.797.536
5	Liên Thúy Quỳnh rút tiền và chuyển khoản đi 75.159.000.000 đồng trên tài khoản cá nhân nhận ủy thác MB-9276838906964 kể từ ngày 16/09/2022 đến 03/12/2022	75.159.000.000
	Liên Thúy Quỳnh rút tiền và chuyển khoản đi 2.918.050.229 đồng trên tài khoản cá nhân thứ hai MB-101878386 kể từ ngày 13/12/2022 đến 30/09/2024	2.918.050.229

(Chi tiết nêu tại phụ lục 01 đính kèm).

MỤC II. XÁC ĐỊNH DÒNG TIỀN VÀO THÔNG QUA 11 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS GIAI ĐOẠN 2021 – 2024.

I. TÓM TẮT DÒNG TIỀN VÀO, DÒNG TIỀN CHI RA TRÊN 11 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS MỞ TẠI CÁC NGÂN HÀNG KỂ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/12/2024.

Thứ nhất, Để tổng kết dòng tiền vào/ra của Công ty HBS trong giai đoạn 01/01/2021 - 31/12/2024, cần truy cập báo cáo tài chính chi tiết của công ty hoặc các sao kê ngân hàng của 11 tài khoản, Công ty HBS đang truy vết dòng tiền ngoài hệ thống và hàng nghìn tỷ đồng có dấu hiệu bị chiếm đoạt, được xử lý thông qua việc phối hợp với ngân hàng và các cá nhân liên quan.

1. Các bước cần thực hiện để lập báo cáo dòng tiền:

Thu thập dữ liệu: Bộ Phận kiểm soát đã yêu cầu Bộ phận kế toán của công ty HBS cung cấp sao kê chi tiết từ tất cả 11 tài khoản ngân hàng mở tại các ngân hàng trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

Phân loại giao dịch: Phân loại các giao dịch trong sao kê thành hai loại chính: (1) **Dòng tiền vào:** Bao gồm tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, thu hồi các khoản đầu tư, vay nợ, v.v. (2) **Dòng tiền ra:** Bao gồm tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, trả nợ, chi phí quản lý, v.v.

2. Tổng hợp số liệu: Tính tổng dòng tiền vào và dòng tiền ra cho từng tài khoản. Tổng hợp dòng tiền vào và dòng tiền ra của tất cả 11 tài khoản để có báo cáo chung.

Thứ hai, Lập báo cáo: Trình bày kết quả tổng hợp dưới dạng một báo cáo, bao gồm các thông tin sau: (1) Tổng doanh thu và các nguồn thu khác (dòng tiền vào). (2) Tổng các khoản chi cho hoạt động kinh doanh, đầu tư (dòng tiền ra). Đặc biệt về các dòng tiền bị xử lý ngoài hệ thống kế toán do các lãnh đạo cũ, gây ra thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng.

Yêu cầu của Bộ phận kiểm soát nội bộ: (1) **Thông tin không công khai:** Công ty HBS thực hiện thanh toán và phản ánh các giao dịch nằm ngoài hệ thống kế toán, cho thấy có sự xử lý dòng tiền bất thường và ngoài sổ sách. (2) **Tài liệu nội bộ:** Do tính chất nhạy cảm, thông tin chi tiết về dòng tiền vào/ra của Công ty HBS là tài liệu nội bộ và cần được yêu cầu trực tiếp từ công ty để có thể xây dựng báo cáo chính xác.

Thứ ba, Quá trình rà soát trên sổ phụ sao kê ngân hàng của Công ty HBS đối chiếu với Biên bản bàn giao ngày 01/06/2022 giữa kế toán trưởng Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Thị Thu Dung và so sánh với số liệu trên Bảng cân đối kế toán phát sinh của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 cho thấy kết quả rà soát như sau:

1. Tổng số tài khoản 18 tổng của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021, trong đó:

(1) Danh sách 07 tài khoản **đã phản ánh** trên sổ sách kế toán được ghi nhận tại Biên Bản bàn giao ngày 01/06/2022

(2) Danh sách 08 Tài khoản **đã phản ánh** trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/06/2022 đến 31/12/2024

(3) Danh sách 11 Tài khoản **chưa phản ánh** trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

2. Tổng giá trị dòng tiền vào và ra của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 trong đó:

1. Tổng giá trị dòng luân chuyển vào số tiền 7.934.211.509.199 đồng và luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng từ hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

STT	Nội dung	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh
I	Tổng giá trị dòng tiền luân chuyển vào số tiền 7.934.211.509.199 đồng và luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng từ hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	7.934.211.509.199	8.254.770.118.388

A	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	7.233.463.542.249	7.742.003.737.487
1	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh số tiền 2.571.930.730 đồng bỏ ngoài Sổ sách kế toán của HBS (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh số tiền 2.913.505.799.648 đồng bỏ ngoài Sổ sách kế toán của HBS	2.571.930.582.730	2.913.505.799.648
2	11 Tài khoản chưa phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.661.532.959.519 đồng. (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.828.497.937.839 đồng.	4.661.532.959.519	4.828.497.937.839
B	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra từ hoạt động môi giới chứng khoán 673 tài khoản cá nhân bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng. (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.	700.747.966.950	512.766.380.901

B. Chi tiết kết quả rà soát trên sổ phụ sao kê ngân hàng của Công ty HBS đối chiếu với Biên bản bàn giao ngày 01/06/2022 giữa kế toán trưởng Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Thị Thu Dung cho thấy kết quả rà soát như sau:

1. Danh sách 07 tài khoản phản ánh trên sổ sách kế toán được ghi nhận tại Biên Bản bàn giao ngày 01/06/2022, dòng tiền luân chuyển vào 278.558.850.774 đồng; dòng tiền luân chuyển ra 284.809.879.686 đồng.

STT	Số tài khoản đã phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh của Công ty HBS	Dòng tiền thực thu	Dòng tiền thực chi
I	Danh sách 07 tài khoản phản ánh trên sổ sách kế toán được ghi nhận tại Biên Bản bàn giao ngày 01/06/2022 tiền và tương đương tiền 227.058.447.539 đồng, trong đó:	278.558.850.774	284.809.879.686
A	Tài khoản mở tại Vietcombank	247.634.567.177	255.903.119.045
1	VCB-0301000327778 của Vietcombank chi nhánh Hoàn Kiếm	247.537.621.425	255.903.075.045

2	VCB-0931004198340 của Vietcombank chi nhánh Hoàng Mai kể từ ngày 16/11/2021 đến 1/05/2023	96.945.752	44.000
II	Tài khoản mở tại BIDV	27.064.183.500	24.964.191.732
1	BIDV-12210003663729 của BIDV chi nhánh Hà Thành	27.064.156.000	24.964.191.424
2	BIDV-1221000003189 của BIDV chi nhánh Hà Thành	27.500	308
III	Tài khoản mở tại Hdbank	3.860.100.097	3.942.348.909
1	Hdbank-020704070002279 của HDbank chi nhánh Hoàn Kiếm	2.719.282.374	2.968.687.692
2	Hdbank-020704070021358 của HDbank chi nhánh Hoàn Kiếm	1.140.817.723	973.661.217
IV	Tài khoản mở tại Techcombank		220.000
	Tecombank Hội sở 19120953999011		220.000

B. Chi tiết giá trị dòng tiền luân chuyển vào số tiền **7.934.211.509.199 đồng** và luân chuyển ra **8.254.770.118.388 đồng** từ hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó:

1. Chi tiết giá trị dòng tiền luân chuyển vào số tiền **2.571.930.582.730 đồng** và luân chuyển ra **2.913.505.799.648 đồng** từ hoạt động kinh doanh trên 08 Tài khoản của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

2. 11 Tài khoản **chưa phản ánh** trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó:

(1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền **4.661.532.959.519 đồng**.

(2) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền **4.828.497.937.839 đồng**.

3. Giá trị dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra từ hoạt động môi giới chứng khoán **673 tài khoản cá nhân** bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

(1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền **700.747.966.950 đồng**.

(1) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền **512.766.380.901 đồng**.

STT	Số tài khoản đã phản ánh trên bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh
A	08 Tài khoản đã phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	2.571.930.582.730	2.913.505.799.648

1	BIDV-12211000003189; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 723.066 đồng	543	723.609
2	BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2021, đã đóng tài khoản 31/12/2022	367.680.049.674	377.813.991.454
3	HDBank-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 đến 29/05/2023, đã đóng tài khoản 29/05/2023; số dư đầu kỳ 949.475.864 đồng	203.626.433.790	204.575.909.654
4	HDBank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 04/01/2021 đến 30/06/2025, đã đóng tài khoản 03/07/2025; số dư đầu kỳ 593.757.941 đồng	74.851.463.564	74.893.996.221
5	TCB-1910953999011; Từ 20/01/2021 đến 25/12/2021, đã đóng tài khoản 31/05/2023; số dư đầu kỳ 2.337.861 đồng		1.320.000
6	VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 499.745.095 đồng	1.363.161.195.029	1.363.660.940.124
7	VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 25/09/2022 và từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 59.001.850.854 đồng	93.303.089.672	152.304.962.526
8	BIDV-1220374846-12210000374846 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2024, chưa đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 1.865.271.792 đồng; số dư cuối kỳ 194.856.071 đồng	469.308.350.458	740.253.956.060

3. 11 Tài khoản chưa phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó:

(1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền **4.661.532.959.519 đồng.**

(2) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền **700.747.966.950 đồng.**

(3) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền **4.828.497.937.839 đồng.**

(4) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền **512.766.380.901 đồng.**

STT	Nội dung	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh
-----	----------	---	--

		Cá nhân	Công ty HBS	Cá nhân	Công ty HBS
A	11 Tài khoản chưa phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.661.532.959.519 đồng. (2) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng. (3) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.828.497.937.839 đồng. (4) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.	700.747.966.950	4.661.532.959.519	512.766.380.901	4.828.497.937.839
1	BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Giai đoạn 2: Số chi tiết tài khoản 112 từ ngày 04/01/2022 đến 30/12/2022, Trên , Số tiền liên quan đến 232 tỷ của ô đất TM01 chuyển vào Công ty VMD, rút séc tiền mặt; số dư đầu kỳ 19.406.259.896 đồng		232.284.346.667		212.878.086.771
2	BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng	435.022.671.294	741.690.810.534	184.188.407.733	992.523.736.287
3	BIDV-8620024954 chi nhánh Hà Thành; từ ngày 17/05/2024 đến 31/12/2024, Chưa đóng TK; số dư đầu kỳ 0; số dư cuối kỳ 62.709.268 đồng		8.400.385.000		8.463.340.405
4	BIDV-12110000067088; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 770.539 đồng		771.113		574
5	HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022, đã đóng tài khoản 29/05/2023,		206.221.905.900		204.754.341.403
	HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 1: Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022 trên sổ phụ sao kê; số dư đầu kỳ 1.467.564.497 đồng		191.381.174.093		189.913.876.036
	HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết 112 Từ 06/07/2022 đến 29/05/2022; số dư đầu kỳ 266.440 đồng		14.840.731.807		14.840.465.367
6	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng	255.320.440.523	1.092.403.669.557	325.986.716.757	1.021.735.551.258
7	VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Giai đoạn 2: Trên sổ		201.407.778		89.231

	chi tiết tài khoản 112 từ 25/09/2022 đến 11/05/2023				
8	MBB-6911665959 chi nhánh Sở GD3; Từ 22/09/2022 đến 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025		1.616.199.126.852		1.616.199.126.852
9	MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025	10.404.855.133	447.889.241.107	2.591.256.411	455.702.839.829
10	MBB-5111665995 chi nhánh Sở GD3; Từ 20/09/2022 tới 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024		288.164.507.969		288.164.507.969
11	MBB-21106178008 chi nhánh Sở GD3; Từ 19/01/2021 đến 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024; số dư đầu kỳ 469.782 đồng		28.076.787.042		28.076.317.260

II. GIÁ TRỊ DÒNG TIỀN VÀO, DÒNG TIỀN CHI RA TRÊN 11 TÀI KHOẢN ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀ SAO KÊ SỔ PHỤ NGÂN HÀNG CỦA CÔNG TY HBS KỂ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/12/2024 TỪ NGUỒN TIỀN VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY HBS

Thứ nhất, Giá trị dòng tiền vào, dòng tiền chi ra thanh toán tiền cổ tức VMD, HBS và giá trị giao dịch thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu HBS, VMD và giao dịch bán cổ phiếu HHS của Công ty VMG số tiền 384.189.254.957 đồng, trên 06 tài khoản kể từ ngày 24/06/2021 đến 23/12/2024 và số tiền chi ra thanh toán tiền cổ tức, của Công ty Vimedimex, Công ty HBS và tiền bán cổ phiếu HHS của Công ty VMG số tiền 396.021.410.100 đồng

STT	Nội dung	Số Tiền Chi Ra	Số Tiền Nộp Vào
II	Tổng giá trị Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra thanh toán tiền cổ tức VMD, HBS và giá trị giao dịch thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu HBS, VMD và giao dịch bán cổ phiếu HHS của Công ty VMG số tiền 384.189.254.957 đồng, trên 06 tài khoản kể từ ngày 24/06/2021 đến 23/12/2024 và số tiền chi ra thanh toán tiền cổ tức, của Công ty Vimedimex, Công ty HBS và tiền bán cổ phiếu HHS của Công ty VMG số tiền 396.021.410.100 đồng	396.021.410.100	384.189.254.957
1	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, Rút từ nguồn tiền của Công ty nộp tiền thỏa thuận mua cổ phiếu HBS của Nguyễn Thị Hải ngày 23/12/2022	12.000.000.000	
2	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành, Công ty VMG nộp tiền để thỏa thuận mua cổ phiếu HBS của Nguyễn Thị	7.463.000.000	7.490.000.000

	Hải ngày 20/12/2022 và rút ra ngày 23/12/2022		
3	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, Cổ tức VMD ngày 24/06/2021	24.905.796.300	24.905.796.300
4	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, Cổ tức VMD, HBS kể từ ngày 22/12/2023 đến 23/12/2024	94.160.000.000	92.473.037.500
5	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3, Nhận lợi nhuận 246 Công quyền và trả cổ tức kể từ ngày 02/08/2023 đến 19/12/2024	62.006.848.500	21.051.510.157
6	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản MB-565959999 - MBBank chi nhánh Sở GD3, về giao dịch thỏa thuận Chuyển nhượng cổ phiếu VMD, HBS và thanh toán tiền cổ tức của Công ty VMD, Công ty HBS kể từ ngày 09/12/2022 đến 23/12/2024	195.485.765.300	238.268.911.000

Thứ hai, Giá trị dòng tiền vào từ nguồn vốn điều lệ của Công ty HBS và dòng tiền chi ra gửi tiết kiệm có kỳ hạn thông qua các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số tiền **320.058.710.567 đồng trên tài khoản Vietinbank-115601135959 chi nhánh Quang Trung của Công ty HBS kể từ ngày 28/11/2021 đến ngày 30/08/2025**

STT	Số tài khoản	Số phát sinh Nợ	Số phát sinh Có
II	Giá trị các Hợp đồng tiền gửi tại Vietinbank từ nguồn tiền Vốn điều lệ của Công ty HBS đến ngày 30/08/2025	315.708.948.731	320.712.414.945
1	Vietinbank-115601135959 chi nhánh Quang Trung; Từ ngày 07/02/2025 đến 17/09/2025, đang hoạt động; Số dư cuối kỳ 14.512.884.790 đồng	315.708.404.231	320.058.710.567
2	Vietinbank-115638218686 chi nhánh Quang Trung; Từ ngày 09/05/2025 đến 15/09/2025, đang hoạt động; đang hoạt động; Số dư cuối kỳ 653.159.878 đồng	544.500	653.704.378

III. XÁC ĐỊNH NGUỒN TIỀN VÀO TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS TỪ NGUỒN TIỀN TẠO LẬP KHÔNG HỢP ĐỒNG TỔNG THẦU THI CÔNG Ô ĐẤT TM01 VÀ NGUỒN TIỀN 1.830.000.000.000 ĐỒNG ĐƯỢC KÝ BỞI CÔNG TY VMG VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Thứ nhất, Để có nguồn tiền thanh toán mua dự án trên, VPBank chỉ định các công ty sân là Công ty Bình Tân, VPBank sử dụng tài sản đảm bảo GCNQSD ô đất TM01 của Công ty VMG để giải ngân cho doanh nghiệp sân sau, khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của nhóm cổ đông của Công ty VMG đại diện Bà Nguyễn Thị Loan là vi phạm nguyên tắc tự nguyện, thỏa thuận trong giao dịch dân sự và các quy định về bảo đảm tiền vay. **Thể hiện:**

Vpbank sử dụng **“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án thành phần ô đất TM01 của Công ty VMG”**, làm tài sản đảm bảo để Vpbank giải ngân theo Hợp đồng tín dụng ngày 20/05/2019 ô đất TM01 được ký giữa Ngân hàng Vpbank và Công Ty Cp Tập Đoàn Dược Phẩm Vimedime hạn mức cho vay ngắn hạn 2.400.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay **12 tháng**. Mục đích giải ngân tạm ứng Hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng công trình ô đất TM01 ngày 22/04/2019 giữa Công Ty Cp Tập Đoàn Dược Phẩm Vimedimex và Công Ty Cp Tập Đoàn Đầu Tư Phát Triển Việt Nam.

Tạo lập không Hợp đồng tổng thầu thi công không ô đất TM01, được ký bởi Công ty VMG và Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư phát triển Việt Nam và sử dụng chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất ô đất TM01 để giải ngân LD1914001715, LD1923808429 và **Khế ước nhận nợ** số tiền **1.885.130.630.136 đồng**, thời gian ký lùi ngày, thực tế ký ngày 30/12/2021. Trong đó:

1. Công ty VMG rà soát sao kê sổ phụ ngân hàng tài khoản VPB-134868899, VPB-6766886688 của Vpbank cho thấy: Thời hạn vay vốn của Hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng công trình ô đất TM01, thời hạn vay **12 tháng** kể từ ngày 21/05/2019, đồng nghĩa với việc ngày 21/05/2020 phải thanh toán dư nợ gốc của khế ước nhận nợ LD1914001715 số tiền **1.830.000.000.000 đồng**. Tuy nhiên, khi rà soát sổ phụ sao kê ngân hàng không có giao dịch tất toán dư nợ gốc của khế ước nhận nợ LD1914001715 này, bằng chứng thể hiện thời điểm 21/05/2020 phát sinh các giao dịch sau: (1) Trên tài khoản VPB-134868899 của Công ty VMG, ngày 21/05/2020, thanh toán lai-LD1932901760-VIMEDIMEX GROUP PHARMACY CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM số tiền 946.871 đồng. (2) Trên tài khoản VPB-6766886688 của Công ty VMG, ngày 22/05/2020, Dong tien dot 2 nha o L7-76 du an A THENNA số tiền 1.018.980.000 đồng (khách hàng Dự án khu đô thị mới Đại Kim thanh toán tiền mua Biệt thự thấp tầng).

2. Trích dẫn nội dung giải trình của Lê Tiến Dũng – TGD VMG và khẳng định: Hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng công trình giữa Công ty CP Tập đoàn dược phẩm Vimedimex và Công ty CP Tập đoàn đầu tư phát triển Việt Nam **“không có thật”**. Bà Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách Khối kế hoạch và nguồn vốn đã tạo dựng hợp đồng này vào khoảng thời gian **“từ tháng**

3/2022 đến tháng 4/2022”, tuy nhiên, căn cứ Hợp đồng tổng thầu, Bà **Trịnh Ngọc Duyên** cùng Ngân hàng VPBank tạo dựng Hợp đồng vay vốn và Khế ước nhận nợ của Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Vimedimex, cụ thể: Khế ước nhận nợ số 4107262.NTL2/2019/HDCV/VPB-VIMEDIMEX ngày 20/05/2019, Bên vay: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Dược Phẩm Vimedimex, với số tiền nhận nợ **1.830.000.000.000 đồng**. Tôi không tham gia vào việc soạn thảo, đàm phán hay quyết định các điều khoản chi tiết của hợp đồng. Mọi hành động của tôi đều được thực hiện để tuân thủ đúng quy trình và với suy nghĩ phục vụ lợi ích chung của công ty. Tôi không hề biết hợp đồng này đã được tạo dựng vì mục đích trục lợi của nhóm **Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên, Liêu Thúy Quỳnh** và các cán bộ của Ngân hàng VPbank. Khi dòng tiền về tài khoản của Công ty VMG với con số rất lớn, **1.830.000.000.000 đồng**, sau đó **Vũ Anh Tuấn KTT Công ty VMG** đề nghị tôi ký UNC chuyển khoản sang Công ty Tập đoàn đầu tư và Phát triển Việt Nam, tôi có hỏi lại Duyên tại sao lại làm như vậy, lúc ký em nói với anh để có dòng tiền tất toán dư nợ gốc, lãi vay của VPBank cơ mà. Bà Duyên nói với tôi rằng, mình phải chuyển qua Công ty này, sau đó Kita Invest mới chuyển khoản sang cho Công ty VMG thì mới có tiền tất toán. Tôi xin khẳng định rằng, tôi không có động cơ trục lợi cá nhân hoặc mục đích riêng tư nào liên quan đến Hợp đồng vay vốn này.

3. Ngày 21/05/2019, Kế toán trưởng **Nguyễn Như Trang** và Chủ tài khoản ông **Quản Xuân Dũng** của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Phát Triển Việt Nam ký 11 UNC chuyển khoản số tiền **1.830.000.000.000 đồng**, từ tài khoản VCB-0931004208950 của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Phát Triển Việt Nam sang 11 tài khoản cá nhân:

(1) Tại ngân hàng Techcombank Ghi có tài khoản số 19032548833019 của Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh Thăng Long; Tên tài khoản: **Quản Anh Tuấn**, số tiền **192.150.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(2) Tại ngân hàng Techcombank Ghi có tài khoản TCB19032528208010 của Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh Phương Mai; Tên tài khoản: **Nguyễn Tiến Mạnh**, số tiền **192.150.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(3) Tại ngân hàng PublicBank Ghi có tài khoản 230-8-14-00-00080 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy; Tên tài khoản: **Phạm Ngọc Quân**, số tiền **177.510.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(4) Tại ngân hàng Vietcombank Ghi có tài khoản 0021.00046.1595 của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hà Nội; Tên tài khoản: **Phạm Ngọc Trang**, số tiền **157.380.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(5) Tại ngân hàng Techcombank Ghi có tài khoản 1903.36079.15012 của Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh Hoàn Kiếm; Tên tài khoản: **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**, số tiền **155.550.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: **Chuyển tiền**; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(6) **Tại ngân hàng PublicBank**, Ghi có tài khoản, 230.11400.00078 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy; Tên tài khoản: **Trương Thị Hà**, số tiền **173.850.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: Chuyển tiền; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(7) **Tại ngân hàng Vietcombank** Ghi có tài khoản, 0931004216622 của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hoàng Mai; Tên tài khoản: **Liều Thúy Quỳnh**, số tiền **155.550.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: Chuyển tiền; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(8) **Tại ngân hàng PublicBank**, Ghi có tài khoản, 230.71400.00077 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy; Tên tài khoản: **Trần Viết Cường**, số tiền **151.890.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: Chuyển tiền; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(9) **Tại ngân hàng Vietcombank** Ghi có tài khoản, 09310042116627 của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hoàng Mai; Tên tài khoản: **Trần Hoàng Minh**, số tiền **155.550.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: Chuyển tiền; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(10) **Tại ngân hàng Vietcombank** Ghi có tài khoản, 093100426626 của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hoàng Mai; Tên tài khoản: **Trần Thị Quỳnh Nga**, số tiền **155.550.000.000 đồng**, ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: Chuyển tiền; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

(11) **Tại ngân hàng PublicBank**, Ghi có tài khoản, 230.71400.00076 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy; Tên tài khoản: **Lê Thị Thanh Nhung**, số tiền **162.870.000.000 đồng** ngày ghi trên Ủy nhiệm chi 21/05/2019; Nội dung: Chuyển tiền; Chủ tài khoản ký và đóng dấu.

STT	Đơn vị thụ hưởng	Số tiền	Ngày thanh toán
III	Công Ty ĐTPTVN chuyển khoản đi từ tài khoản VCB-0931004208950 sang 11 cá nhân tổng số tiền 1.830.000.000.000 đồng		
1	Quản Anh Tuấn - Techcombank CN Thăng Long 19032548833019	192.150.000.000	21/05/2019
2	Nguyễn Tiến Mạnh - Techcombank CN Phương Mai 19032528208010	192.150.000.000	21/05/2019
3	Phạm Ngọc Quân - Public Bank CN Cầu Giấy 2308140000080	177.510.000.000	21/05/2019
4	Phạm Ngọc Trang - VCB CN Hà Nội 0021000461595	157.380.000.000	21/05/2019
5	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Techcombank CN Hoàn Kiếm 19033607915012	155.550.000.000	21/05/2019
6	Trương Thị Hà - Public Bank CN Cầu Giấy 2301140000078	173.850.000.000	21/05/2019
7	Liều Thúy Quỳnh - VCB CN Hoàng Mai 0931004216632	155.550.000.000	21/05/2019
8	Trần Viết Cường - Public Bank CN Cầu Giấy 2307140000077	151.890.000.000	21/05/2019
9	Trần Hoàng Minh - VCB CN Hoàng Mai 0931004216627	155.550.000.000	21/05/2019

STT	Đơn vị thụ hưởng	Số tiền	Ngày thanh toán
10	Trần Thị Quỳnh Nga - VCB CN Hoàng Mai 0931004216626	155.550.000.000	21/05/2019
11	Lê Thị Thanh Nhung - Public Bank CN Cầu Giấy 2307140000076	162.870.000.000	21/05/2019

4. Tổng số tiền 1.861.125.543.334 đồng trên 06 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021, trong đó: (1) VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 04/01/2021 đến 31/07/2021 số tiền **346.950.051.628 đồng**; (2) BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021 số tiền **604.688.048.315 đồng**; (3) BIDV-12210000374846 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021 số tiền **673.963.487.541 đồng**; (4) Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 04/01/2021 đến 31/10/2021 số tiền **20.254.822.533 đồng**; (5) HDBANK-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 05/01/2021 đến 31/10/2021; số tiền **104.656.353.565 đồng**; (6) HDBANK-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 05/01/2021 đến 31/10/2021 số tiền **110.612.779.752 đồng**.

STT	Tài khoản	Số tiền
I	Giai đoạn I: Dòng tiền thu vào 1.861.125.543.334 đồng trên 06 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021	1.861.125.543.334
1	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 04/01/2021 đến 31/07/2021;	346.950.051.628
2	BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021	604.688.048.315
3	BIDV-12210000374846 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021	673.963.487.541
4	Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 04/01/2021 đến 31/10/2021	20.254.822.533
5	HDBANK-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 05/01/2021 đến 31/10/2021;	104.656.353.565
6	HDBANK-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 05/01/2021 đến 31/10/2021;	110.612.779.752

5. Quá trình rà soát dữ liệu trên máy tính của Trịnh Ngọc Duyên đã phát hiện, sự trùng khớp giữa UNC chuyển tiền từ Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư phát triển Việt Nam trùng khớp với dữ liệu của 11 cá nhân trên máy tính của Trịnh Ngọc Duyên dẫn đến có đủ cơ sở để kết luận: Vpbank tạo lập Hợp đồng thi công không ký ngày 3/4/2022, sau đó giải ngân cho Công ty Bình Tân vay ngày 31/05/2022 số tiền **1.941.460.882.312 đồng tại 03 khế ước LD1932901760 số tiền **56.330.252.176 đồng**; LD1923808429 số tiền **55.130.630.136 đồng**; LD1914001715 số tiền **1.830.000.000.000 đồng** được nêu tại đường dẫn file **D:\USB-DUYEN DIEN\VP\TONG HOP\BAO CAO\1.4, NGÀY 04/04/2022, dưới đây:****

STT	Tên cá nhân	Trước ngày 03/04/2022	Sau ngày 04/04/2022
	Tổng	1.564.000.000.000	1.113.000.000.000
1	Quản Anh Tuấn	192.150.000.000	
2	Nguyễn Tiến Mạnh	100.000.000.000	
3	Phạm Ngọc Quân	3.660.000.000	
4	Trần Hoàng Minh	155.550.000.000	12.100.000.000
5	Trần Thị Quỳnh Nga	155.550.000.000	155.550.000.000
6	Trần Việt Cường	151.890.000.000	151.890.000.000
7	Liêu Thúy Quỳnh	155.550.000.000	155.550.000.000
8	Lê Thị Thanh Nhung	162.870.000.000	162.870.000.000
9	Trương Thị Hà	173.850.000.000	162.110.000.000
10	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	155.550.000.000	155.550.000.000
11	Phạm Ngọc Trang	157.380.000.000	157.380.000.000

Như vậy, Vpbank và của Trịnh Ngọc Duyên, Tạ Thị Vân, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang và Luật sư của Tạ Thị Vân, Trần Kiên Cường, cấu kết với Ông Đinh Văn Nho – Phó TGD VPbankvà Ông Nguyễn Duy Kiên – Chủ tịch HĐQT Công ty Kita Investment điều hướng đường đi của dòng tiền của 11 cá nhân chuyển khoản đi và rút, nộp tiền mặt vào tài khoản “tổng” VCB-03010003277789, VCB-0011004136449, HD-020704070000483 BIDV-12210000374846 của Công ty HBS, số tiền **1.843.432.772.535 đồng**, thể hiện như một nhà đầu tư mua, bán giao dịch chứng khoán trên Sàn, kể từ ngày 01/11/2021 đến 19/01/2023. Đây chính là một kiểu hoạt động kinh tế ngầm mà môi trường thuận lợi của nó là “nền kinh tế tiền mặt”, người thực hiện hành vi này chính là bà Nguyễn Ngọc Dung-Kế toán trưởng của Công ty HBS kể từ năm 2008 đến 30/05/2022, vi phạm nghiêm trọng Điều 13, Luật Kế toán, “Che” thu nhập, “giấu” doanh thu.

IV. NGUỒN TIỀN VÀO TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS TỪ NGUỒN TIỀN DOANH THU KHÁCH HÀNG THANH TOÁN MUA 1.186 CĂN HỘ CHUNG CƯ CAO TẦNG DỰ ÁN IRIS GARDEN, CỦA CÔNG TY NHUỆ GIANG VÀ DỰ ÁN THE EMERALD CỦA CÔNG TY MỸ ĐÌNH KỂ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN 31/12/2024.

Quá trình rà soát sao kê sổ phụ ngân hàng của các cá nhân và Công ty HBS cho thấy, Phương Xuân Thụy, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung – KTT Công ty HBS, Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT HBS, Phan Sỹ Hải – QTGD Công ty HBS chỉ đạo Công ty HBS chuyển tiền **2.740.762.326.024 đồng** trên 07 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 từ nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán mua căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald, Iris Garden số tiền **2.740.158.346.719 đồng** . Vi phạm Luật chứng khoán lạm dụng tư cách pháp nhân là Công ty HBS để thực hiện các hành vi, vi phạm pháp luật. Công ty HBS chỉ tồn tại như là một vỏ bọc, bức bình phong, một công cụ mà chủ sở hữu hoặc người quản lý nhằm thực hiện những hoạt động không minh bạch, vi phạm pháp luật gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VMG.

STT	Tài khoản	Số tiền
IV	Dòng tiền thu vào 2.740.762.326.024 đồng trên 08 tài khoản kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024	2.740.762.326.024
1	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 01/11/2021 đến 31/03/2022	345.629.343.351
2	VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 15/11/2021 đến 11/05/2023; Số dư đầu kỳ 362.270.739 đồng; Số dư cuối kỳ 0.000 đồng	1.431.995.185.038
3	BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 01/11/2021 đến 11/05/2023; Số dư đầu kỳ 3.323.310.392 đồng; Số dư cuối kỳ 0.000 đồng	564.534.095.705
4	BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung, từ ngày 02/11/2021 đến 31/12/2021; Số dư đầu kỳ 533.723 đồng; Số dư cuối kỳ 19.406.259.896 đồng	160.418.492.173
5	Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 02/11/2021 đến 31/12/2024; Số dư đầu kỳ 303.527.996 đồng; Số dư cuối kỳ 66.036.153 đồng	57.194.750.874
6	HDBANK-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 08/11/2021 đến 29/05/2023; Số dư đầu kỳ 123.455.677 đồng; Số dư cuối kỳ 0.000 đồng	101.689.362.599
7	HDBANK-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 02/11/2021 đến 05/07/2022; Số dư đầu kỳ 0.000 đồng; Số dư cuối kỳ 266.440 đồng	79.301.096.284

V. DÒNG TIỀN THU VÀO 888.609.536.263 ĐỒNG TRÊN 03 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS KỂ TỪ NGÀY 16/11/2021 ĐẾN 27/09/2023 TỪ NGUỒN TIỀN CHUYỂN NHƯỢNG Ô ĐẤT TM01, BT02 KHÔNG GHI NHẬN TRÊN HỢP ĐỒNG, PLHD CHUYỂN NHƯỢNG, BỎ NGOÀI SỔ SÁCH KẾ TOÁN

Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung chỉ đạo chuyển tiền vào 03 tài khoản của Công ty HBS số tiền **888.609.536.263 đồng** trên 03 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 16/11/2021 đến 27/09/2023 bỏ ngoài sổ sách kế toán, từ nguồn tiền chuyển nhượng ô đất TM01, BT02 Không ghi nhận trên Hợp đồng, PLHD chuyển nhượng, bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty VMG, Công ty Thanh Trì số tiền **888.330.000.000 đồng**. Vi phạm Luật chứng khoán lạm dụng tư cách pháp nhân là Công ty HBS để thực hiện các hành vi, vi phạm pháp luật. Công ty HBS chỉ tồn tại như là một vỏ bọc, bức bình phong, một công cụ mà chủ sở hữu hoặc người quản lý nhằm thực hiện những hoạt động không minh bạch, vi phạm pháp luật gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VMG.

STT	Tài khoản	Số tiền
V	Dòng tiền thu vào 888.609.536.263 đồng trên 03 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 16/11/2021 đến 27/09/2023 từ nguồn tiền chuyển nhượng ô đất TM01, BT02 để ngoài Hợp đồng, PLHD	888.609.536.263
1	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 01/04/2022 đến 27/09/2023	469.963.481.308

2	VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 16/11/2021 đến 25/09/2022;	20.387.912.720
3	BIDV-12210000374846 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 06/01/2022 đến 19/07/2022	398.258.142.235

VI. DÒNG TIỀN THU VÀO 594.111.839.404 ĐỒNG TRÊN 03 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS KỂ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN 31/12/2024

Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung chỉ đạo chuyển tiền vào 04 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 20/09/2022 đến 31/12/2024 số tiền **594.111.839.404 đồng** từ nguồn tiền doanh thu phí phân phối được phẩm của Công ty Vimedimex Bình Dương; Doanh thu phí cho thuê văn phòng 45 Võ Thị Sáu; Doanh thu phí đỗ xe tầng hầm CT8, Iris Garden;Vi phạm Luật chứng khoán lạm dụng tư cách pháp nhân là Công ty HBS để thực hiện các hành vi, vi phạm pháp luật. Công ty HBS chỉ tồn tại như là một vỏ bọc, bức bình phong, một công cụ mà chủ sở hữu hoặc người quản lý nhằm thực hiện những hoạt động không minh bạch, vi phạm pháp luật gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VMG.

STT	Nội dung	Số tiền
VI	Dòng tiền thu vào 594.111.839.404 đồng trên 03 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024	594.111.839.404
1	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 26/09/2023 đến 31/12/2024	3.536.230.858
2	BIDV-12210000374846 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 01/11/2021 đến 30/12/2024	518.095.401.962
3	MB-6911665959 chi nhánh Sứ GD3, Từ ngày 09/09/2024 đến 31/12/2024	72.480.206.584

VII. DÒNG TIỀN THU VÀO 03 TÀI KHOẢN MỞ TẠI MBBANK SỞ GIAO DỊCH III CỦA CÔNG TY HBS TỪ NGUỒN TIỀN CHUYỂN NHƯỢNG 10 DỰ ÁN CỦA CÔNG TY VMG ỦY THÁC CHO 05 CÁ NHÂN MỞ TÀI KHOẢN QUẢN LÝ TÀI SẢN BẰNG TIỀN MẶT.

Phương Xuân Thụy, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung – KTT Công ty HBS, Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT HBS, Phan Sỹ Hải – QTGD Công ty HBS chỉ đạo Công ty HBS chuyển tiền **1.725.275.201.535 đồng** trên 03 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 20/09/2022 đến 31/12/2024 từ nguồn tiền chuyển nhượng 10 dự án trên diện tích 459ha của Công ty VMG ủy thác cho Nguyễn Anh Đức, Nguyễn Tiến Mạnh, Trịnh Ngọc Duyên, Quân Anh Tuấn, Liêu Thúy Quỳnh số tiền **1.724.014.417.994 đồng**. Vi phạm Luật chứng khoán lạm dụng tư cách pháp nhân là Công ty HBS để thực hiện các hành vi, vi phạm pháp luật. Công ty HBS chỉ tồn tại như là một vỏ bọc, bức bình phong, một công cụ mà chủ sở hữu hoặc người quản lý nhằm thực hiện những hoạt động không minh bạch, vi phạm pháp luật gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VMG.

STT	Tài khoản	Số tiền
VII	Giai đoạn III: Dòng tiền thu vào 1.725.275.201.535 đồng trên 03 tài khoản kể từ ngày 20/09/2022 đến 31/12/2024	1.725.275.201.535

1	MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3, Từ ngày 22/09/2022 đến 06/09/2024	1.279.561.507.630
2	MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3, Từ ngày 20/09/2022 đến 23/10/2023;	288.164.397.400
3	MB-565959999 chi nhánh Sở GD3, Từ ngày 17/12/2022 đến 31/12/2024; Số dư đầu kỳ 0.000 đồng; Số dư cuối kỳ 34.177.758.214 đồng	157.549.296.505

VIII. DÒNG TIỀN NỘP VÀO 05 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS BỎ NGOÀI SỔ SÁCH KẾ TOÁN 339.582.351.512 ĐỒNG KẾ TỪ NGÀY 04/01/2021 ĐẾN 29/10/2021.

STT	Nội dung	Số tiền
1	DÒNG TIỀN NỘP VÀO 05 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS BỎ NGOÀI SỔ SÁCH KẾ TOÁN 339.582.351.512 ĐỒNG KẾ TỪ NGÀY 04/01/2021 ĐẾN 29/10/2021.	339.582.351.512
1	Dòng tiền nộp vào 73.011.616.689 đồng trên tài khoản VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 25/01/2021 đến 31/03/2021; số dư đầu kỳ ngày 31/12/2020 số tiền 59.001.850.854 đồng	94.513.906.218
2	Dòng tiền nộp vào 21.447.289.529 đồng trên tài khoản BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung, từ ngày 31/03/2021 đến 07/10/2021; số dư đầu kỳ ngày 31/12/2020 số tiền 10.133.941.780 đồng	21.447.289.529
3	Dòng tiền nộp vào 181.248.341.685 đồng trên tài khoản VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 02/08/2021 đến 29/10/2021	181.248.341.685
4	Dòng tiền nộp vào 35.799.004.979 đồng trên tài khoản VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 05/01/2021 đến 30/09/2021	35.799.004.979
5	Dòng tiền nộp vào 28.076.098.630 đồng trên tài khoản MB-0021106178008 chi nhánh Sở GD3 ngày 19/01/2021	28.076.098.630

MỤC III. XÁC ĐỊNH TRỊNH NGỌC DUYÊN, NGUYỄN NHỌC DUNG PTGB CÔNG TY VMG CÙNG VỚI BAN TGB HBS VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY HBS SỬ DỤNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA HBS ĐỂ XÓA DẤU VẾT NGUỒN GỐC DÒNG TIỀN THAM NHỮNG MÀ CÓ, THÀNH DÒNG TIỀN HỢP PHÁP.

I. SỬ DỤNG NGUỒN TIỀN 5.980.271.399.414 ĐỒNG CHO VAY MARGIN VÀ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN TRÊN 266 TÀI KHOẢN CÁ NHÂN KẾ TỪ NGÀY 04/01/2021 ĐẾN 16/11/2022 ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN HỆ THỐNG HOS CỦA CÔNG TY HBS.

Tổng giá trị dòng tiền **5.980.271.399.414 đồng** tương ứng với nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán mua căn hộ chung cư cao tầng, biệt thự liền kề tại các dự án The Emerald, dự án Iris Garden, dự án Bellerville Hà Nội, Dự án Eden Rose, Dự án Khu đô thị Mới Đại Kim...mang thương hiệu Vimefulland mang thương hiệu Vimefulland kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 của Công

ty VMG số tiền **5.873.095.566.405 đồng** được Nhóm xử lý dòng tiền bất hợp pháp thành dòng tiền hợp pháp vào các mục đích sau: tạo dựng hình thức cho vay Margin, sau đó, Công ty HBS nộp tiền, chuyển tiền vào 266 tài khoản số tiền **2.521.597.966.506 đồng** và thanh toán tiền mua chứng khoán thông qua hình thức cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán số tiền **3.458.673.432.908 đồng**.

Thứ nhất, Đinh Văn Nho-Phó TGD Vpbank; Nguyễn Duy Kiên, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung – KTT Công ty HBS, Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT HBS, Phan Sỹ Hải – QTGD Công ty HBS chỉ đạo Công ty HBS chỉ đạo sử dụng 279 tài khoản cá nhân mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty HBS và ủy quyền cho 15 nhân viên của Công ty HBS thực hiện đặt lệnh giao dịch mua bán chứng khoán với Trị giá giao dịch mua chứng khoán số tiền **2.427.671.555.500 đồng** và Trị giá giao dịch bán chứng khoán số tiền **2.473.353.528.500 đồng** kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/10/2021:

Đinh Văn Nho-Phó TGD Vpbank; Nguyễn Duy Kiên, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung – KTT Công ty HBS, Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT HBS, Phan Sỹ Hải – QTGD Công ty HBS chỉ đạo Công ty HBS nộp tiền vào tài khoản 279 tài khoản cá nhân bằng hình thức cho vay Margin và ứng trước tiền bán chứng khoán số tiền **3.459.984.427.677 đồng**, trong đó: (1) Số tiền cho vay ứng trước **1.964.382.061.626 đồng** kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/10/2021; (2) Số tiền cho vay Margin **1.495.602.366.051 đồng** kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/10/2021; nhằm hợp thức hóa nguồn gốc dòng tiền chiếm đoạt, chuyển trạng thái từ dòng tiền bất hợp pháp giải ngân không thành dòng tiền hợp pháp, sau đó 279 tài khoản cá nhân rút tiền ra để đầu tư nhận chuyển nhượng ô đất TM01, CT05, CT06 thuộc Khu đô thị Nam Thăng Long giai đoạn III của Công ty VMG.

STT	Nội dung	Số tiền vay ứng trước, Margin	Trị giá mua	Trị giá bán
	Số tiền cho vay ứng trước 1.964.382.061.626 đồng ; Số tiền cho vay Margin 1.495.602.366.051 đồng	3.459.984.427.677	2.427.671.555.500	2.473.353.528.500
1	108 tài khoản vay Ứng trước Từ 04/01/2021 đến 31/01/2021	142.845.378.298	207.800.203.000	172.035.266.300
	71 tài khoản vay Margin Từ 04/01/2021 đến 29/01/2021	123.082.373.589		
2	75 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/02/2021 đến 26/02/2021	141.485.599.264	136.016.268.000	163.773.847.800
	55 tài khoản vay Margin Từ 01/02/2021 đến 26/02/2021	97.554.920.418		
3	128 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/03/2021 đến 31/03/2021	284.980.992.616	338.520.003.600	325.829.730.500
	90 tài khoản vay Margin Từ 01/03/2021 đến 31/03/2021	219.170.087.126		
4	124 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/04/2021 đến 29/04/2021	268.485.998.834	327.840.976.000	347.294.470.700

	83 tài khoản vay Margin Từ 01/04/2021 đến 29/04/2021	185.173.734.328		
5	111 tài khoản vay Ứng trước Từ 04/05/2021 đến 31/05/2021	240.606.951.808	280.803.060.900	283.129.084.500
	87 tài khoản vay Margin Từ 04/05/2021 đến 31/05/2021	171.253.948.778		
6	134 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/06/2021 đến 30/06/2021	222.615.534.092	298.344.360.000	288.570.267.600
	97 tài khoản vay Margin Từ 01/06/2021 đến 30/06/2021	193.534.983.259		
7	110 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/07/2021 đến 30/07/2021	126.366.642.668	179.717.051.600	183.614.676.500
	81 tài khoản vay Margin Từ 01/07/2021 đến 30/07/2021	96.387.857.216		
8	132 tài khoản vay Ứng trước Từ 02/08/2021 đến 31/08/2021	155.065.859.188	201.200.662.000	225.259.752.000
	78 tài khoản vay Margin Từ 02/08/2021 đến 31/08/2021	113.069.838.400		
9	139 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/09/2021 đến 30/09/2021	172.144.677.789	219.483.500.400	229.066.609.100
	91 tài khoản vay Margin Từ 01/09/2021 đến 30/09/2021	147.205.884.905		
10	149 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/10/2021 đến 29/10/2021	209.784.427.069	237.945.470.000	254.779.823.500
	88 tài khoản vay Margin Từ 01/10/2021 đến 29/10/2021	149.168.738.032		

Thứ hai, Phương Xuân Thủy, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung – KTT Công ty HBS, Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT HBS, Phan Sỹ Hải – QTGD Công ty HBS chỉ đạo sử dụng 344 tài khoản cá nhân mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty HBS và ủy quyền cho 26 nhân viên của Công ty HBS thực hiện đặt lệnh giao dịch mua bán chứng khoán với Trị giá giao dịch mua chứng khoán số tiền **2.112.586.108.850 đồng** và Trị giá giao dịch bán chứng khoán số tiền **2.404.667.604.210 đồng** kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024:

Phương Xuân Thủy, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung – KTT Công ty HBS, Trần Kiên Cường - Ủy viên HĐQT HBS, Phan Sỹ Hải – QTGD Công ty HBS chỉ đạo Công ty HBS nộp tiền vào tài khoản 344 tài khoản cá nhân bằng hình thức cho vay Margin và ứng trước tiền bán chứng khoán số tiền **2.520.286.971.737 đồng**, trong đó: (1) Số tiền cho vay ứng trước **1.494.291.371.282 đồng** kể từ ngày 01/11/2021 đến 16/11/2022; (2) Số tiền cho vay Margin **1.025.995.600.455 đồng** kể từ ngày 01/11/2021 đến 02/08/2022; nhằm hợp thức hóa nguồn gốc dòng tiền chiếm đoạt, chuyển trạng thái từ dòng tiền bất hợp pháp thành dòng tiền hợp pháp, sau đó 344 tài khoản cá nhân rút tiền ra để đầu tư nhận chuyển nhượng 10 dự án trên diện tích 459ha của Công ty VMG ủy thác cho 10 cá nhân quản lý vốn góp tại 10 Công ty.

STT	Nội dung	Số tiền vay ứng trước, Margin	Trị giá mua	Trị giá bán
I	Kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024: Tổng số tiền cho vay Margin và ứng trước tiền bán chứng khoán số tiền 2.520.286.971.737 đồng	2.520.286.971.737	2.112.586.108.850	2.404.667.604.210
1	188 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/11/2021 đến 30/11/2021	329.557.767.017	414.787.522.000	478.810.894.600
1	100 tài khoản vay Margin Từ 01/11/2021 đến 30/11/2021	241.518.423.587		
2	174 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/12/2021 đến 31/12/2021	322.913.203.267	348.929.253.000	363.415.152.200
3	107 tài khoản vay Margin Từ 01/12/2021 đến 31/12/2021	239.319.587.207		
3	149 tài khoản vay Ứng trước Từ 04/01/2022 đến 28/01/2022	196.283.787.972	225.082.419.000	251.373.050.500
4	97 tài khoản vay Margin Từ 04/01/2022 đến 28/01/2022	144.158.522.550		
4	135 tài khoản vay Ứng trước Từ 07/02/2022 đến 28/02/2022	114.766.936.324	172.373.081.200	163.837.994.300
5	94 tài khoản vay Margin Từ 07/02/2022 đến 28/02/2022	81.341.708.743		
5	166 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/03/2022 đến 31/03/2022	218.203.585.733	361.402.899.100	285.813.068.200
6	110 tài khoản vay Margin Từ 01/03/2022 đến 31/03/2022	169.461.672.041		
6	146 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/04/2022 đến 29/04/2022	114.816.487.678	138.443.526.800	181.205.855.600
7	85 tài khoản vay Margin Từ 01/04/2022 đến 29/04/2022	67.222.883.362		
7	97 tài khoản vay Ứng trước Từ 04/05/2022 đến 31/05/2022	74.649.278.310	72.362.580.700	134.837.647.000
8	56 tài khoản vay Margin Từ 04/05/2022 đến 31/05/2022	34.705.626.719		
8	118 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/06/2022 đến 30/06/2022	49.796.134.532	66.379.725.700	142.829.740.000
9	60 tài khoản vay Margin Từ 01/06/2022 đến 30/06/2022	32.753.218.744		
9	97 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/07/2022 đến 29/07/2022	37.803.489.302	45.715.892.000	71.517.439.000
10	33 tài khoản vay Margin Từ 01/07/2022 đến 29/07/2022	14.078.457.218		
10	122 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/08/2022 đến 31/08/2022	30.724.259.753	24.826.810.200	47.987.731.400
11	08 tài khoản vay Margin Từ 01/08/2022 đến 02/08/2022	1.435.500.284		
11	39 tài khoản vay Ứng trước Từ 05/09/2022 đến 30/09/2022	2.930.855.957	8.691.366.180	11.124.854.570
12	16 tài khoản vay Ứng trước Từ 03/10/2022 đến 31/10/2022	1.571.042.836	5.363.468.780	4.364.138.800
13	09 tài khoản vay Ứng trước Từ 01/11/2022 đến 16/11/2022	274.542.601	2.892.123.590	3.792.565.190

14	85 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/12/2022 đến 30/12/2022		56.847.708.950	58.416.219.010
15	67 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 03/01/2023 đến 31/01/2023		951.917.800	4.503.348.060
16	62 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/02/2023 đến 28/02/2023		2.972.789.470	3.515.439.840
17	62 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/03/2023 đến 31/03/2023		3.507.002.640	5.440.647.830
18	72 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/04/2023 đến 28/04/2023		5.536.776.500	7.918.822.150
19	67 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/05/2023 đến 31/05/2023		5.058.346.480	7.083.928.850
20	78 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/06/2023 đến 30/06/2023		6.806.259.600	7.391.757.250
21	73 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 03/07/2023 đến 31/07/2023		5.666.520.350	9.485.996.500
22	78 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/08/2023 đến 31/08/2023		12.505.086.600	10.440.704.680
23	75 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 05/09/2023 đến 29/09/2023		6.733.461.050	13.029.434.380
24	44 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 02/10/2023 đến 31/10/2023		2.037.134.500	1.322.321.050
25	48 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/11/2023 đến 30/11/2023		4.525.077.840	5.821.831.390
26	36 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/12/2023 đến 29/12/2023		1.809.945.650	2.434.815.700
27	52 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 02/01/2024 đến 31/01/2024		2.464.690.270	2.676.385.460
28	51 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/02/2024 đến 29/02/2024		3.714.410.600	4.814.572.310
29	60 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/03/2024 đến 29/03/2024		6.187.942.200	7.098.770.110
30	50 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/04/2024 đến 26/04/2024		3.201.600.500	950.466.550
31	40 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 02/05/2024 đến 31/05/2024		1.155.823.800	9.821.978.180

32	48 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 03/06/2024 đến 28/06/2024		1.623.785.950	2.403.667.700
33	39 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/07/2024 đến 31/07/2024		27.098.390.500	31.372.611.100
34	41 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/08/2024 đến 30/08/2024		757.409.900	1.838.395.700
35	33 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/09/2024 đến 30/09/2024		60.178.748.800	60.747.679.960
36	31 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/10/2024 đến 31/10/2024		2.622.658.100	2.864.187.290
37	30 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/11/2024 đến 29/11/2024		813.465.300	281.072.250
38	35 tài khoản giao dịch mua bán chứng khoán Từ 01/12/2024 đến 31/12/2024		558.487.250	2.082.419.550

Thứ ba, 623 tài khoản ủy quyền cho 41 nhân viên của Công ty HBS thực hiện đặt lệnh giao dịch mua bán chứng khoán giai đoạn I và giai đoạn II, trong đó:

Giai đoạn I: 279 tài khoản cá nhân ủy quyền cho 15 nhân viên Công ty HBS thực hiện giao dịch đặt lệnh mua, bán chứng khoán trị giá 4.572.390.358.100 đồng kể từ 01/01/2021 đến 29/10/2021;

Giai đoạn II: 344 tài khoản cá nhân ủy quyền cho 26 nhân viên Công ty HBS thực hiện giao dịch đặt lệnh mua, bán chứng khoán trị giá 3.981.196.185.880 đồng kể từ 01/11/2021 đến 26/12/2024

STT	Nội dung	Tổng giá trị đặt lệnh	Tên người nhận ủy quyền đặt lệnh
I	Ủy quyền đặt lệnh giao dịch mua bán chứng khoán	8.560.294.117.290	
1	279 tài khoản cá nhân ủy quyền cho 15 nhân viên Công ty HBS thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán kể từ 01/01/2021 đến 29/10/2021	4.572.390.358.100	nhunhh; minhnh1; longnv; trungvd; vuongph; haips; hongtv; ducvm; thainq; thaottp; maippt; thuytm1; hoavtt; lanpk; cuongtk
2	344 tài khoản cá nhân ủy quyền cho 26 nhân viên Công ty HBS thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán kể từ 01/11/2021 đến 26/12/2024	3.981.196.185.880	hoavtt; nhunhh; vuongph; minhnh1; haips; hongtv; ducvm; thainq; longnv; trungvd; phongtd; cuongtk; thanhha; trangnt; nguyennk; thanhpc; huongpt1; duyvd; binhv; ngocbq; hoavt;

			phongdx; liennt; loidt; trunglq; kiennpt
3	15 tài khoản cá nhân ủy quyền cho 02 nhân viên Công ty HBS thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán kể từ 07/01/2025 đến 13/06/2025	6.707.573.310	trunglq; kiennpt
STT	Người nhận ủy quyền đặt lệnh	Thông tin Người nhận ủy quyền đặt lệnh	
1	binhmv	Nguyễn Việt Bình- Phó TGD HBS; Ngày sinh 01/01/1980; Địa chỉ: Số 1 dãy E7 TTXN X20 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội; CCCD số 034080002349, ngày cấp 09/10/2021, tại Cục CSDKQLCT và DLQGVDC; Số điện thoại 0975068686	
2	cuongtk	Trần Kiên Cường- Chủ tịch HĐQT HBS; Ngày sinh 23/02/1978; Địa chỉ: 373 Bạch Đằng, Hoàn Kiếm, Hà Nội; CMND số 013498909, ngày cấp 30/03/2012 tại Hà Nội; Số điện thoại 0912487799	
3	ducvm	Vũ Minh Đức- Trưởng phòng môi giới 3 HBS; CCCD số 001084066423, ngày cấp 09/05/2021; Ngày sinh 16/12/1984; Địa chỉ: 20B Trần Xuân Soạn, Hai Bà Trưng, Hà Nội; số điện thoại 0936689339	
4	duyvd	Vũ Đức Duy- Chuyên viên phòng môi giới 2; CCCD số 001095045321, ngày cấp 24/06/2021; Ngày sinh 12/03/1995; Địa chỉ: Số 2 ngách 62/1 Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội; số điện thoại 0378448999	
5	haips	Phan Sỹ Hải- Quyền TGD HBS; CCCD số 012369163, ngày cấp 11/05/2007; Ngày sinh 04/07/1986; Địa chỉ: Ngõ 63 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội; số điện thoại 0915090904	
6	hoavt	Vũ Thị Hòa- Phó phòng Nghiệp vụ khách hàng HBS; Ngày sinh 12/12/1984; Địa chỉ: số 26 ngách 211/85 tổ 44B Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội; CCCD số 038184051236, ngày cấp 11/08/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Số điện thoại 0383344527	
7	hoavtt	Vũ Thị Thùy Hoa-Chuyên viên Phòng Môi giới HBS; CCCD số 186442639, ngày cấp 22/02/2014; Ngày sinh 29/10/1987; Địa chỉ: 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0965862368	
8	hongtv	Trần Văn Hồng- Phó phòng dịch vụ tài chính; CCCD số 001177020226, ngày cấp 27/02/2019; Ngày sinh 21/09/1977; Địa chỉ: 171b, B1, Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội; số điện thoại 0915562980	
9	huongptl	Phạm Thanh Hương-Kế toán tổng hợp HBS; CCCD số 001191007400, ngày cấp 16/05/2016; Ngày sinh 30/11/1991; Địa chỉ: 29 Quang Trung, Hà Nội; số điện thoại 0852240132	
10	kiennpt	Nguyễn Phan Trung Kiên- Tổng GD HBS; CCCD số 001082051933, ngày cấp 10/05/2021; Ngày sinh 23/09/1982; Địa chỉ: 1109 tòa B Viglacera TLN01, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; số điện thoại 0902266866	

11	liennt	Nguyễn Thùy Liên-Chuyên viên Phòng Dịch vụ Tài chính HBS; CCCD số 036184000234, ngày cấp 30/12/2023; Ngày sinh 06/01/1984; Địa chỉ: 49 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0915663333
12	loidt	Đinh Thế Lợi- Tổng GD HBS; Ngày sinh 21/08/1980; Địa chỉ: P402 Nhà N1 Khu 7,2Ha, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội; CCCD số 022080001291, ngày cấp 10/07/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Số điện thoại 0888336668
13	longnv	Nguyễn Việt Long- Chuyên viên môi giới HBS; CCCD số 001076000660, ngày cấp 29/07/2013; Ngày sinh 20/01/1976; Địa chỉ: Số 66, Tổ 23 Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội; số điện thoại 0909114078
14	minhnh1	Nguyễn Hoàng Minh- Chuyên viên phòng môi giới; CCCD số 012114159, ngày cấp 05/06/2013; Ngày sinh 19/05/1980; Địa chỉ: 72 Ngõ 7 Phố Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội; số điện thoại 0936218890
15	nguyennk	Nguyễn Kim Nguyễn-Phó phòng kế toán giao dịch; CCCD số 001175026347, ngày cấp 13/04/2021; Ngày sinh 02/11/1975; Địa chỉ: 34 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0904118903
16	nhunhh	Nguyễn Hà Hải Như- Phó TGD HBS; CCCD số 042179000572, ngày cấp 13/11/2021; Ngày sinh 12/01/1979; Địa chỉ: Số 46 Bà Triệu, Hà Nội; số điện thoại 0983242909
17	phongtd	Trương Duy Phong- Chuyên viên phòng môi giới 2 HBS; Ngày sinh 12/08/1993; Địa chỉ: 282 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội; CCCD số 001093032882; ngày cấp 25/04/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Số điện thoại 0968881569
18	thainq	Ngô Quang Thái- Chuyên viên phòng môi giới 2 HBS; CCCD số 011770581, ngày cấp 05/06/2012; Ngày sinh 12/06/1973; Địa chỉ: 141 tổ 14 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; số điện thoại 0913573357
19	thanhha	Đinh Thanh Hà- Trưởng phòng CNTT HBS; CCCD số 001184004758, ngày cấp 18/12/2021; Ngày sinh 06/12/1984; Địa chỉ: 3/120 phố Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội; số điện thoại 0988848378
20	thanhpc	Phùng Công Thành- Chuyên viên Phòng môi giới 2 HBS; CCCD số 001086023491, ngày cấp 10/07/2021; Ngày sinh 12/09/1986; Địa chỉ: P311 - E2- TT Thanh Công, Phường Thanh Công, Quận Ba Đình, Hà Nội; số điện thoại 0936103093
21	trangnt	Nguyễn Thùy Trang-Chuyên viên Phòng kế toán giao dịch; CCCD số 001192006713, ngày cấp 22/06/2016; Ngày sinh 06/10/1992; Địa chỉ: TT Ga Giáp Bát, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội; số điện thoại 0961688258
22	trunglq	Lý Quốc Trung- Trưởng phòng nghiệp vụ khách hàng HBS; CCCD số 001084005855, ngày cấp 19/04/2021; Ngày sinh 07/04/1984; Địa chỉ: Số 82 Huỳnh Thúc Kháng, Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội; số điện thoại 0902291616
23	trungvd	Vũ Đức Trung- Trưởng phòng Môi giới 1 HBS; CCCD số 008084000176, ngày cấp 15/06/2018; Ngày sinh 08/07/1984; Địa chỉ: Số 18 ngách 32/2 Bưởi - Hà Nội; số điện thoại 0945028998
24	vuongph	Phạm Hồng Vương- Phó TGD HBS; CCCD số 036082009102, ngày cấp 28/06/2018; Ngày sinh 22/02/1982; Địa chỉ: Phòng 303,

		Nhà 176, Ngõ 178, Đường Giải phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, TP Hà Nội; số điện thoại 0936366568
25	thaottp	Trương Thị Phương Thảo- Chuyên viên phòng nghiệp vụ khách hàng HBS; CMND số 187386293, ngày cấp 21/07/2011; Ngày sinh 02/09/1994; Địa chỉ: Phòng 602, tòa CT1A Mễ Trì Plaza, Lương Thế Vinh, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội; số điện thoại 0981942929
26	maippt	Phó Thị Thúy Mai- Chuyên viên Bộ phận mở tài khoản HBS; Ngày sinh 09/08/1983, địa chỉ: Số 27/174 Nguyễn Ngọc Nai, P. Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội; CMND số 012835464, ngày cấp 30/07/2008 tại Hà Nội
27	thuvtml	Vũ Thị Minh Thu; Ngày sinh 11/10/1982, Địa chỉ: Số 11 ngõ 126 phố Hoàng Văn Thái, Hà Nội; CMND số 013028416, ngày cấp 21/12/2007 tại Hà Nội, Số điện thoại 0988480640
28	lanpk	Phùng Kim Lân - Trưởng phòng IT; CMND số 011650262, ngày cấp 30/10/2003; Ngày sinh 09/08/1971; Địa chỉ: Xóm 8 Định Công - Thanh Trì - Hà Nội; số điện thoại 0937898988
29	ngochq	
30	phongdx	

Thứ tư, Quá trình rà soát cho thấy: Kể từ ngày 01/01/2016, Hội đồng quản trị Công ty HBS nghiêm cấm Ban TGD Công ty HBS cho vay ký quỹ tại Quyết định số 20/QĐ-HBS, ngày 29/9/2020, do Bà Nguyễn Thị Loan –Chủ tịch HĐQT, Đại diện Pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ký ủy quyền cho Ông Trần Kiên Cường - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty được phép ký các giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình.

1. Quá trình rà soát đã phát hiện Ông Trần Kiên Cường, Nguyễn Ngọc Dung, Phan Sỹ Hải, Phạm Hồng Vương Nguyễn Kim Nguyên, Nguyễn Hà Hải Như cấu kết với nhau tạo không 266 tài khoản vay margin nhằm mục đích chuyển trạng thái dòng tiền tham nhũng tư nhân có được, sang trạng thái dòng tiền của Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản của Công ty HBS để giao dịch mua bán chứng khoán trên sàn HNX, HOSE, sau đó, 266 tài khoản rút tiền ra hợp pháp, hợp lệ đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi đối chiếu số lượng 243 Hợp đồng vay margin (bản cứng) không trùng khớp tên tài khoản, số hợp đồng vay margin trên hệ thống HOS của Công ty HBS bởi các lý do sau:

STT	Nội dung	Số hợp đồng	Ngày kí Hợp đồng
I	Quá trình rà soát đã phát hiện Ông Trần Kiên Cường, Nguyễn Ngọc Dung, Phan Sỹ Hải, Phạm Hồng Vương Nguyễn Kim Nguyên, Nguyễn Hà Hải Như cấu kết với nhau tạo không 266 tài khoản vay margin nhằm mục đích chuyển trạng thái dòng tiền tham nhũng tư nhân có được, sang trạng thái dòng tiền của Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản của Công ty HBS để giao dịch mua bán chứng khoán trên sàn HNX, HOSE, sau đó, 266 tài khoản rút tiền ra hợp	243	04/01/2021 đến 24/06/2022

	pháp, hợp lệ đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi đối chiếu số lượng 243 Hợp đồng vay margin (bản cứng) không trùng khớp tên tài khoản, số hợp đồng vay margin trên hệ thống HOS của Công ty HBS		
A	Năm 2021, có 125 cá nhân ký Hợp đồng vay ký quỹ tạo mã định danh Hợp đồng không cho bốn loại:	125	04/01/2021 đến 27/12/2021
1	Loại 01: định danh 06 ký tự số và chữ ví dụ 499/HBS, số lượng 04 HĐ	04	01/06/2021 đến 01/12/2021
2	Loại 2: định danh 07 ký tự số và chữ ví dụ 2830/HBS, số lượng 01 HĐ	01	31/08/2021
3	Loại 3: định danh 09 ký tự số và chữ ví dụ 821199/HBS, số lượng 117 HĐ;	117	04/01/2021 đến 27/12/2021
4	Loại 4: không định danh số Hợp đồng	03	03/03/2021 đến 15/04/2021
B	Năm 2022, có 118 cá nhân ký Hợp đồng vay ký quỹ tạo mã định danh Hợp đồng không cho 03 loại:	118	04/01/2022 đến 24/06/2022
1	Loại 01: định danh 06 ký tự số và chữ ví dụ 548/HBS	02	16/05/2022
2	Loại 2: định danh 08 ký tự số và chữ ví dụ 22245/HBS, số lượng 01 HĐ	01	23/05/2022
3	Loại 3: định danh 09 ký tự số và chữ ví dụ 006112/HBS, số lượng 115 HĐ;	115	04/01/2022 đến 24/06/2022

2. Quá trình kiểm tra trên hệ thống phần mềm giao dịch HOS của Công ty HBS đã phát hiện: Năm 2021, số Hợp đồng tạo lập giao dịch Margin giả tạo 5.120 hợp đồng; Năm 2022, số Hợp đồng tạo lập giao dịch Margin giả tạo 2.075 hợp đồng

STT	Nội dung	Số lượng khách hàng	Số Hợp đồng vay Margin	Số tiền Margin
1	Quá trình rà soát trên Hệ thống năm 2021, số Hợp đồng tạo lập không cho vay Margin 5.120 hợp đồng	220	5.120	1.976.440.376.845
2	Quá trình rà soát trên Hệ thống năm 2022, số Hợp đồng tạo lập không cho vay Margin 2.075 hợp đồng		2.075	545.157.589.661

3. Ban Tổng giám đốc không tuân thủ chỉ đạo của HĐQT Công ty HBS ngày 15/08/2022, HĐQT Công ty HBS đã yêu cầu tạm dừng không cung cấp dịch vụ cho khách hàng sử dụng margin, để tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh của Công ty HBS, trong đó, yêu cầu Ban tổng giám đốc và Phòng dịch vụ tài chính, Phòng công nghệ thông tin của Công ty HBS thực hiện ngay các công việc sau:

3.1. Trách nhiệm của Phòng công nghệ thông tin: Kể từ ngày 15/08/2022, tạm dừng không cung cấp dịch vụ cho khách hàng sử dụng margin, Phòng công nghệ thông tin thực hiện các bước sau trên hệ thống core: (1) Vào

màn hình quản trị thông tin hạn mức của hệ thống (1101); (2) Vào Tab "**Hạn mức dịch vụ hỗ trợ tài chính**" (Tab 2); (3) Tra cứu mã dịch vụ hỗ trợ tài chính "Ký quỹ"; (4) Cập nhật lại tham số "Hạn mức loại vay" = 0.; (5) Sau khi cấu hình xong, hệ thống sẽ không còn hạn mức để cấp margin cho các tài khoản của khách hàng.

Rà soát và báo cáo về việc cấp hạn mức cho vay margin trên từng tài khoản của khách hàng mở tại Công ty HBS. Thời gian thực hiện và gửi báo cáo cho ông Lê Duy Phúc - thư ký HĐQT trước ngày 6/8/2022.

3.2. Trách nhiệm của phòng dịch vụ tài chính: (1) Kể từ ngày 01/8/2022, tạm dừng cung cấp dịch vụ cho khách hàng sử dụng margin (mới) và thu hồi các khoản vay giao dịch ký quỹ đến hạn của tất cả các tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại HBS. (2) **Báo cáo theo ngày dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ** của từng tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại HBS; (3) Báo cáo theo ngày số lượng chứng khoán ký quỹ làm tài sản đảm bảo cho từng khoản vay giao dịch ký quỹ tương ứng theo từng mã chứng khoán, từng tài khoản của khách hàng vay margin. (4) **Báo cáo theo ngày số lượng tài khoản khách hàng không bổ sung đầy đủ TSBĐ** theo yêu cầu ký quỹ bổ sung (nếu có); (5) **Báo cáo theo ngày danh sách khách hàng không trả hết nợ cho HBS** đối với Khoản vay margin đến hạn (nếu có). (6) Thời gian thực hiện và gửi báo cáo cho ông Lê Duy Phúc - thư ký HĐQT trước ngày 6/8/2022.

MỤC IV. XÁC ĐỊNH DÒNG TIỀN CHI RA HỢP PHÁP, HỢP LỆ, ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SỔ PHỤ SAO KÊ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀ DÒNG TIỀN CHI RA KHÔNG HỢP PHÁP HỢP LỆ BÊN NGOÀI SỔ SÁCH KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY HBS

I. TỔNG GIÁ TRỊ DÒNG TIỀN HỢP PHÁP, HỢP LỆ, HOẠT ĐỘNG THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH, NGHIỆP VỤ CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SỔ PHỤ SAO KÊ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG VÀ SỔ SÁCH KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY HBS

Thứ nhất, Giá trị dòng tiền vào từ nguồn vốn điều lệ của Công ty HBS và dòng tiền chi ra gửi tiết kiệm có kỳ hạn thông qua các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số tiền **320.058.710.567** trên tài khoản Vietinbank-115601135959 chi nhánh Quang Trung của Công ty HBS kể từ ngày 28/11/2021 đến ngày 30/08/2025

STT	Nội dung thông tin về các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ nguồn tiền vốn điều lệ của Công ty HBS	Số tiền gửi tiết kiệm
I	Giá trị các Hợp đồng tiền gửi tại Vietinbank từ nguồn tiền Vốn điều lệ của Công ty HBS đến ngày 30/08/2025	320.712.414.945
1	Vietinbank-115601135959 chi nhánh Quang Trung; Từ ngày 07/02/2025 đến 17/09/2025, đang hoạt động; Số dư cuối kỳ 14.512.884.790 đồng	320.058.710.567
2	Vietinbank-115638218686 chi nhánh Quang Trung; Từ ngày 09/05/2025 đến 15/09/2025, đang hoạt động; đang hoạt động; Số dư cuối kỳ 653.159.878 đồng	653.704.378

Thứ hai, Giá trị dòng tiền chi ra thanh toán Cổ tức của VMD, HBS và nội dung HĐQT Công ty HBS hủy bỏ tư cách Cổ đông đại diện quản lý cổ phiếu của Công ty HBS, Công ty VMD và chỉ định các cá nhân là Cổ đông mới của Công ty VMG tại Công ty HBS và Công ty VMD số tiền **384.189.254.957 đồng**, trên 06 tài khoản kể từ ngày 24/06/2021 đến 23/12/2024.

STT	Giá trị dòng tiền chi ra thanh toán Cổ tức của VMD, HBS và nội dung HĐQT Công ty HBS hủy bỏ tư cách Cổ đông đại diện quản lý cổ phiếu của Công ty HBS, Công ty VMD và chỉ định các cá nhân là Cổ đông mới của Công ty VMG tại Công ty HBS và Công ty VMD	Số Tiền Nộp Vào để giao dịch thỏa thuận
1	Tổng giá trị Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra thanh toán tiền cổ tức VMD, HBS và giá trị giao dịch thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu HBS, VMD và giao dịch bán cổ phiếu HBS của Công ty VMG số tiền 384.189.254.957 đồng , trên 06 tài khoản kể từ ngày 24/06/2021 đến 23/12/2024.	384.189.254.957
1	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, Rút từ nguồn tiền của Công ty nộp tiền thỏa thuận mua cổ phiếu HBS của Nguyễn Thị Hải ngày 23/12/2022	
2	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành, Công ty VMG nộp tiền để thỏa thuận mua cổ phiếu HBS của Nguyễn Thị Hải ngày 20/12/2022 và rút ra ngày 23/12/2022	7.490.000.000
3	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, Cổ tức VMD ngày 24/06/2021	24.905.796.300
4	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, Cổ tức VMD, HBS kể từ ngày 22/12/2023 đến 23/12/2024	92.473.037.500
5	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3, Nhận lợi nhuận 246 Công quỹ và trả cổ tức kể từ ngày 02/08/2023 đến 19/12/2024	21.051.510.157
6	Dòng tiền vào, dòng tiền chi ra trên tài khoản MB-565959999 - MBBank chi nhánh Sở GD3, về giao dịch thỏa thuận Chuyển nhượng cổ phiếu VMD, HBS và thanh toán tiền cổ tức của Công ty VMD, Công ty HBS kể từ ngày 09/12/2022 đến 23/12/2024	238.268.911.000

Thứ ba, Kể từ ngày 01/11/2021 đến 30/12/2024: Thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán và thanh toán bù trừ số tiền **364.138.456.370 đồng**, trong đó: (1) Thực hiện giao dịch mua bán chứng khoán số tiền **đồng**, trên tài khoản cá nhân kể từ ngày 08/11/2021 đến 31/12/2024; (2) Tổng số tiền thanh toán thông qua tài khoản thanh toán bù trừ T+2 của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam số tiền **364.138.456.370 đồng**, trên tài khoản BIDV-1220374846 của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 30/12/2024

Như vậy, từ nội dung báo cáo nêu trên cho thấy, **điều bất thường** đã diễn ra tại Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến ngày 31/12/2024, tổng số

tiền giao dịch **mua chứng khoán** trên hệ thống HOS trị giá chứng khoán **5.615.976.459.581 đồng** và tổng số tiền thanh tiền mua chứng khoán thông qua tài khoản thanh toán bù trừ và T+2 của Công ty HBS tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam số tiền **364.138.456.370 đồng** trên tài khoản BIDV-1220374846 Chi nhánh Hà Thành của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 30/12/2024. Thể hiện:

STT	Nội dung	Số tiền chi ra
II	Tổng số tiền thanh toán thông qua tài khoản thanh toán bù trừ T+2 của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam số tiền 364.138.456.370 đồng, trên tài khoản BIDV-1220374846 của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 30/12/2024	364.138.456.370
1	Ngày 08/11/2021; TREM Tir Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phong T+2; giao dịch ngày 04-11-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 795.870.200 đồng	795.870.200
2	Ngày 09/11/2021; REM T AC: 12219000000500 Buoc 1. Da phong T+2 giao dịch ngày 05-11-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 3.227.292.200 đồng	3.227.292.200
3	Ngày 15/11/2021; REM Tífr Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 11-11-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 11.616.665.100 đồng	11.616.665.100
4	Ngày 16/11/2021; REM Tir ÁC: 12219000000500 Buoc 1. Da phong T+2 giao dịch ngày 12-11-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 3.162.190.600 đồng	3.162.190.600
5	Ngày 19/11/2021; REMM Tí Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 17-11-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 2.914.747.000 đồng	2.914.747.000
6	Ngày 23/11/2021; KEM Tr Ác 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2. giao dịch ngày 19-11-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 3.420.393.600 đồng	3.420.393.600
7	Ngày 25/11/2021; KEM Tí Ác: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 23-11-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 13.060.570.000 đồng	13.060.570.000
8	Ngày 01/12/2021; IEM Tí Ác 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 29-11-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 3.552.079.000 đồng	3.552.079.000
9	Ngày 03/12/2021; REM TT Ác 12219000000500 Buuoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 01-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.988.446.000 đồng	1.988.446.000
10	Ngày 06/12/2021; REMM Tir Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2. giao dịch ngày 02 12 2021 (MGTN)-Ctty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 3.102.734.000 đồng	3.102.734.000
11	Ngày 07/12/2021; REM T Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 03-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 5.745.802.000 đồng	5.745.802.000
12	Ngày 08/12/2021; KEM Tr Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 06-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 1.814.844.000 đồng	1.814.844.000

13	Ngày 09/12/2021; REM Tí Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 07-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 154.804.000 đồng	154.804.000
14	Ngày 15/12/2021; REM Tí Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phong T+2 giao dịch ngày 13-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 879.609.000 đồng	879.609.000
15	Ngày 21/12/2021; REM Tí Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 17-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 6.519.935.000 đồng	6.519.935.000
16	Ngày 23/12/2021; KEM T Á 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 21-12-2021 (MGTN)-Cy CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 24.640.280.000 đồng	24.640.280.000
17	Ngày 24/12/2021; REM T Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 22-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 83.538.800 đồng	83.538.800
18	Ngày 27/12/2021; REM Tí Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 23-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 4.996.471.000 đồng	4.996.471.000
19	Ngày 28/12/2021; REM Tr Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 24-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 7.013.915.000 đồng	7.013.915.000
20	Ngày 29/12/2021; REM Tr Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 27-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 4.298.000 đồng	4.298.000
21	Ngày 04/01/2022; REM Tí Ác: 12219000000500 BuOc 1. Da phong T+2 giao dịch ngày 30-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 21.542.886.000 đồng	21.542.886.000
22	Ngày 05/01/2022; REM Tí Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phong T+2 giao dịch ngày 31-12-2021 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 3.294.342.000 đồng	3.294.342.000
23	Ngày 10/01/2022; REM Tí Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2. giao dịch ngày 06-01-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 758.425.500 đồng	758.425.500
24	Ngày 13/01/2022; REM Tr Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 11-01-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 9.060.307.000 đồng	9.060.307.000
25	Ngày 14/01/2022; REM Tí Ác 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 12-01-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.731.853.000 đồng	1.731.853.000
26	Ngày 17/01/2022; REM T Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 13-01-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 15.700.514.000 đồng	15.700.514.000
27	Ngày 19/01/2022; REM Tí Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2. giao dịch ngày 17-01-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 49.604.000 đồng	49.604.000
28	Ngày 20/01/2022; REM Tí Ác: 12219000000500 BuOc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 20-01-2022 (MGTN)-Cy CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 3.123.011.000 đồng	3.123.011.000
29	Ngày 25/01/2022; REM Tí Ác: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 21-01-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.668.661.000 đồng	1.668.661.000

30	Ngày 07/02/2022; REM Tr Ac 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 27-01-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 865.072.000 đồng	865.072.000
31	Ngày 08/02/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 28-01-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 10.687.853.000 đồng	10.687.853.000
32	Ngày 10/02/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 08-02-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 424.395.000 đồng	424.395.000
33	Ngày 11/02/2022; REM Tfr AC: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 09-02-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 172.368.000 đồng	172.368.000
34	Ngày 14/02/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 10-02-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 1.097.685.000 đồng	1.097.685.000
35	Ngày 16/02/2022; REM Tfr A: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 14-02-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 6.615.358.000 đồng	6.615.358.000
36	Ngày 17/02/2022; REM Tr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 15-02-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 637.345.000 đồng	637.345.000
37	Ngày 18/02/2022; REM TTr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 16-02-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 3.429.630.000 đồng	3.429.630.000
38	Ngày 22/02/2022; REM Tr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 18-02-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 6.020.603.000 đồng	6.020.603.000
39	Ngày 25/02/2022; REM Tfr Ac 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 23-02-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 5.407.967.700 đồng	5.407.967.700
40	Ngày 08/03/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 04-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 5.755.805.500 đồng	5.755.805.500
41	Ngày 09/03/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 07-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 3.813.124.000 đồng	3.813.124.000
42	Ngày 10/03/2022; REM Tr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2, giao dịch ngày 08-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 10.850.844.000 đồng	10.850.844.000
43	Ngày 14/03/2022; REM T Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 10-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 1.522.119.000 đồng	1.522.119.000
44	Ngày 15/03/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 11-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 1.410.562.200 đồng	1.410.562.200
45	Ngày 16/03/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2. Giao dịch ngày 14-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 5.365.839.600 đồng	5.365.839.600
46	Ngày 17/03/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 15-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoà Bình; số tiền 6.478.486.000 đồng	6.478.486.000

47	Ngày 18/03/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 16-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 3.181.501.000 đồng	3.181.501.000
48	Ngày 24/03/2022; REM Tí AC: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 22-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 2.085.839.000 đồng	2.085.839.000
49	Ngày 28/03/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 24-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 2.673.528.200 đồng	2.673.528.200
50	Ngày 30/03/2022; REM T Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 28-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 2.200.647.000 đồng	2.200.647.000
51	Ngày 31/03/2022; REM Tif Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 29-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 12.255.727.200 đồng	12.255.727.200
52	Ngày 04/04/2022; REM TT AC 12219000000500 BƯỚC 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 31-03-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 500.019.100 đồng	500.019.100
53	Ngày 05/04/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 01-04-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 3.783.989.000 đồng	3.783.989.000
54	Ngày 06/04/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 BƯỚC 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 04-04-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 6.753.737.000 đồng	6.753.737.000
55	Ngày 07/04/2022; REM Ttr AC: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 05-04-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 3.154.110.000 đồng	3.154.110.000
56	Ngày 12/04/2022; TREM Tr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 07-04-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 1.811.605.000 đồng	1.811.605.000
57	Ngày 22/04/2022; REM Tí AC: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2. Giao dịch ngày 20-04-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 3.943.021.000 đồng	3.943.021.000
58	Ngày 27/04/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 25-04-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 1.862.777.000 đồng	1.862.777.000
59	Ngày 05/05/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 29-04-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 950.507.000 đồng	950.507.000
60	Ngày 06/05/2022; KEM Ttr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 04-05-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 1.143.422.000 đồng	1.143.422.000
61	Ngày 10/05/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2 giao dịch ngày 06-05-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 1.232.638.000 đồng	1.232.638.000
62	Ngày 12/05/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Bước 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 10-05-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 5.339.927.000 đồng	5.339.927.000
63	Ngày 13/05/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 BƯỚC 1. Đa phương T+2 giao dịch ngày 11-05-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 2.681.730.000 đồng	2.681.730.000

64	Ngày 19/05/2022; REM TTr Ac: 12219000000500 BuOc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 17-05-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.240.087.000 đồng	1.240.087.000
65	Ngày 26/05/2022; REM Ttr AC: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 24-05-2022 (MGTN)-CTy CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 2.390.755.700 đồng	2.390.755.700
66	Ngày 31/05/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 BUOC 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 27-05-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 3.860.084.000 đồng	3.860.084.000
67	Ngày 01/06/2022; REM TTr Ac 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 30-05-2022 (MGTN) Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.001.449.000 đồng	1.001.449.000
68	Ngày 06/06/2022; KEM T AC 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 02-06-2022 (MGTN)-Cty CP Chung kh201) Hon Binh; số tiền 1.411.473.000 đồng	1.411.473.000
69	Ngày 14/06/2022; REM Ti AC: 12219000000500 BUOC 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 10-06-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Binh; số tiền 1.588.513.000 đồng	1.588.513.000
70	Ngày 16/06/2022; REM Tr A: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 14-06-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Binh; số tiền 1.860.557.000 đồng	1.860.557.000
71	Ngày 17/06/2022; REM T Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 15-06-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 2.111.793.000 đồng	2.111.793.000
72	Ngày 21/06/2022; TRE Tffr Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phong T+2 giao dịch ngày 17-06-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Binh; số tiền 4.667.486.000 đồng	4.667.486.000
73	Ngày 23/06/2022; REM Ttr Ac: 19 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 21-06-2022 HÀNG (MGTN)-Cty CP Chung khoả Hoa Binh; số tiền 888.747.500 đồng	888.747.500
74	Ngày 29/06/2022; REM TI Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 27-06-2022 (MGTN)-Cy CP Chung khoan Hoà Binh; số tiền 465.268.000 đồng	465.268.000
75	Ngày 04/07/2022; REM T AC 12219000000500 BUOC 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 30-06-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 184.540.000 đồng	184.540.000
76	Ngày 05/07/2022; REM Tr AC: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 01-07-2022 (MGTN)-Cy CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 624.093.000 đồng	624.093.000
77	Ngày 07/07/2022; REM Tif Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 05-07-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 567.864.000 đồng	567.864.000
78	Ngày 08/07/2022; REM Ti AC: 12219000000500 Buoc 1 Da phuong T+2 giao dịch ngày 06-07-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 805.474.000 đồng	805.474.000
79	Ngày 15/07/2022; REM Ti AC: TH 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2.Tlaot dich ngày 13-07-2022 HIEI (MGTN)-Ctty CP Chung khoan Hoa Binh ; số tiền 272.559.000 đồng	272.559.000
80	Ngày 21/07/2022; REM T Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dịch ngày 19-07-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 3.011.003.000 đồng	3.011.003.000

81	Ngày 22/07/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dich ngay 20-07-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 2.352.817.000 đồng	2.352.817.000
82	Ngày 11/08/2022; REM TTP Ac 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dich ngay 09-08-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 288.210.000 đồng	288.210.000
83	Ngày 12/08/2022; REM Tí AC: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dich ngay 10-08-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.152.162.000 đồng	1.152.162.000
84	Ngày 24/08/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giá dich ngay 22-08-2022 - [MGTN)-Cty CP Chung khoan: Hoa Binh; số tiền 537.287.000 đồng	537.287.000
85	Ngày 30/08/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 26-08-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 417.006.000 đồng	417.006.000
86	Ngày 31/08/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2, giao dich ngay 29-08-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 227.712.000 đồng	227.712.000
87	Ngày 06/09/2022; REM Ttr Ac 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dich ngay 31-08-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 316.872.000 đồng	316.872.000
88	Ngày 12/09/2022; REM Tí Ac 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dich ngay 08-09-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 725.363.000 đồng	725.363.000
89	Ngày 15/09/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dich ngay 13-09-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 207.429.900 đồng	207.429.900
90	Ngày 16/09/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 BUOC 1. Da phuong T+2 giao dich ngay 14-09-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 84.550.650 đồng	84.550.650
91	Ngày 19/09/2022; TREM Ttr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 15-09-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 886.762.260 đồng	886.762.260
92	Ngày 20/09/2022; REMM Ttr Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dich ngay 16-09-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 143.890.000 đồng	143.890.000
93	Ngày 21/09/2022; REM TTP Ac: 12219000000500 BUOC 1. Da phuong T+2 giao dich ngay 19-09-2022 [MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 82.468.400 đồng	82.468.400
94	Ngày 22/09/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2. giao dich ngay 20-09-2022 (MGTN)-Cy CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 206.164.450 đồng	206.164.450
95	Ngày 23/09/2022; REM TT Ac 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dlch ngay 21-09-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 13.567.950 đồng	13.567.950
96	Ngày 27/09/2022; REM Tí Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dich ngay 23-09-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.087.770.700 đồng	1.087.770.700
97	Ngày 03/10/2022; REM Ttr Ac: 12219000000500 Buoc 1. Da phuong T+2 giao dich ngay 29-09-2022 [MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 208.560.400 đồng	208.560.400

98	Ngày 05/10/2022; REM Tr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2. giao dịch ngày 03-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 88.601.050 đồng	88.601.050
99	Ngày 06/10/2022; REM Tr Ac 12219000000500 Buoc 1, Da phong T+2 giao dịch ngày 04-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoà Bình; số tiền 444.785.800 đồng	444.785.800
100	Ngày 07/10/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phong T+2 giao dịch ngày 05-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 15.224.700 đồng	15.224.700
101	Ngày 12/10/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 10-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 66.043.600 đồng	66.043.600
102	Ngày 14/10/2022; REM Tfr AC:12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 12-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 724.370.750 đồng	724.370.750
103	Ngày 19/10/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 17-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 41.459.900 đồng	41.459.900
104	Ngày 20/10/2022; REM Tr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 18-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 65.741.600 đồng	65.741.600
105	Ngày 21/10/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dịch ngày 19-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 270.048.750 đồng	270.048.750
106	Ngày 25/10/2022; REM Tfr AC: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 21-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 471.972.350 đồng	471.972.350
107	Ngày 27/10/2022; REMM Tr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phong T+2, giao dịch ngày 25-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 66.506.300 đồng	66.506.300
108	Ngày 28/10/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 6-10-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 60.381.500 đồng	60.381.500
109	Ngày 03/11/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phong T+2. giao dịch ngày 01-11-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 47.075.000 đồng	47.075.000
110	Ngày 07/11/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+ 2.giao dịch ngày 03-11-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 25.255.000 đồng	25.255.000
111	Ngày 08/11/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 04-11-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 206.871.000 đồng	206.871.000
112	Ngày 10/11/2022; RREM T Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong TT2, giao dịch ngày 08-11-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 96.423.700 đồng	96.423.700
113	Ngày 11/11/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2. giao dịch ngày 09-11-2022 (MG IN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 7.547.600 đồng	7.547.600
114	Ngày 14/11/2022; REM Ti Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2 giao dịch ngày 10-11-2022 (MGTN)-Cy CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 191.576.150 đồng	191.576.150

115	Ngày 15/11/2022; REM T Ac: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2. Giao dịch ngày 11-11-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 67.202.100 đồng	67.202.100
116	Ngày 23/11/2022; KEM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1. Đa phuong T+2. giao dịch ngày 21-11-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 438.325.220 đồng	438.325.220
117	Ngày 25/11/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1 Đa phuong T+2, giao dịch ngày 23-11-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 83.840.000 đồng	83.840.000
118	Ngày 28/11/2022; REM Tfr Ac 12219000000500 Buoc 4, Đa phuong T+2 giao dịch 24-11-2022 (MGTN)-Cty Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.670.000 đồng	1.670.000
119	Ngày 05/12/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1. Đa phuong T+2 giao dịch ngày 01-12-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 32.235.000 đồng	32.235.000
120	Ngày 07/12/2022; REM Tif Ac: 12219000000500 Buoc 1. Đa phuong T+2 giao dịch ngày 05-12-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 99.843.000 đồng	99.843.000
121	Ngày 14/12/2022; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2, giao dịch ngày 12-12-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 15.281.330 đồng	15.281.330
122	Ngày 22/12/2022; 12219000000500 BUOC 1, Đa phuong T+2, giao dịch ngày 20-12-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 212.282.500 đồng	212.282.500
123	Ngày 23/12/2022; REM Tfr A: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2 giao dịch ngày 21-12-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 85.601.100 đồng	85.601.100
124	Ngày 28/12/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2, giao dịch ngày 26-12-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 60.902.000 đồng	60.902.000
125	Ngày 29/12/2022; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2, giao dịch ngày 27-12-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 270.315.000 đồng	270.315.000
126	Ngày 03/01/2023; REM ItrAc: 12219000000500 Buoc 1, Oa phuong T+2, giao dịch ngày 29-12-2022 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 910.000 đồng	910.000
127	Ngày 11/01/2023; — REM Tfr Ac: 12219000000500 [h buoc 1, đa phuong TM^1 giao dịch ngày 09-01MQ21 (MGTN)-Cty CP Chung 'J khoan Hoa Binh 1; số tiền 83.020.000 đồng	83.020.000
128	Ngày 13/01/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2, giao dịch ngày 11-01-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 15.072.500 đồng	15.072.500
129	Ngày 27/01/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2, giao dịch ngày 18-01-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 32.860.000 đồng	32.860.000
130	Ngày 30/01/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2, giao dịch ngày 19-01-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 2.217.700 đồng	2.217.700
131	Ngày 01/02/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Đa phuong T+2, giao dịch ngày 30-01-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 8.197.950 đồng	8.197.950

132	Ngày 02/02/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 31-01-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 43.127.340 đồng	43.127.340
133	Ngày 06/02/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 02-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 180.248.000 đồng	180.248.000
134	Ngày 08/02/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 06-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 204.565.000 đồng	204.565.000
135	Ngày 14/02/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 10-02-2023 : MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 174.363.000 đồng	174.363.000
136	Ngày 15/02/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 13-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 19.106.000 đồng	19.106.000
137	Ngày 16/02/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 14-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 28.296.600 đồng	28.296.600
138	Ngày 17/02/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 15-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 24.470.800 đồng	24.470.800
139	Ngày 21/02/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 17-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 146.572.600 đồng	146.572.600
140	Ngày 27/02/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 23-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 27.789.000 đồng	27.789.000
141	Ngày 28/02/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 24-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 276.404.400 đồng	276.404.400
142	Ngày 01/03/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 27-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 64.925.000 đồng	64.925.000
143	Ngày 02/03/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 28-02-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 311.658.300 đồng	311.658.300
144	Ngày 03/03/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 01-03-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 66.961.000 đồng	66.961.000
145	Ngày 07/03/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 03-03-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 58.805.210 đồng	58.805.210
146	Ngày 08/03/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 06-03-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.631.100 đồng	1.631.100
147	Ngày 09/03/2023; REM tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 07-03-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 40.902.000 đồng	40.902.000
148	Ngày 14/03/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 10-03-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 177.217.000 đồng	177.217.000

149	Ngày 16/03/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 14-03-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 335.440.150 đồng	335.440.150
150	Ngày 20/03/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 16-03-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 367.343.500 đồng	367.343.500
151	Ngày 04/04/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Bước 1; Đa phương T+2, giao dịch ngày 31-03-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 5.203.500 đồng	5.203.500
152	Ngày 11/04/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 07-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 98.771.000 đồng	98.771.000
153	Ngày 12/04/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 10-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 426.249.250 đồng	426.249.250
154	Ngày 14/04/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 12-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 666.677.500 đồng	666.677.500
155	Ngày 17/04/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 13-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 63.910.000 đồng	63.910.000
156	Ngày 18/04/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 14-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 663.134.000 đồng	663.134.000
157	Ngày 19/04/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 17-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 61.140.000 đồng	61.140.000
158	Ngày 20/04/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 18-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 57.029.100 đồng	57.029.100
159	Ngày 24/04/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 20-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 147.710.000 đồng	147.710.000
160	Ngày 26/04/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 24-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 16.277.800 đồng	16.277.800
161	Ngày 05/05/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 28-04-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 155.690.000 đồng	155.690.000
162	Ngày 11/05/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 09-05-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 167.742.000 đồng	167.742.000
163	Ngày 19/05/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 17-05-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 138.120.250 đồng	138.120.250
164	Ngày 22/05/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 18-05-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 314.541.000 đồng	314.541.000
165	Ngày 23/05/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 19-05-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 237.735.000 đồng	237.735.000

166	Ngày 29/05/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 25-05-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 388.421.450 đồng	388.421.450
167	Ngày 30/05/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 26-05-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 58.675.400 đồng	58.675.400
168	Ngày 01/06/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 30-05-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 30.641.050 đồng	30.641.050
169	Ngày 02/06/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 31-05-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 298.420.500 đồng	298.420.500
170	Ngày 09/06/2023; R.EM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 07-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 91.507.300 đồng	91.507.300
171	Ngày 12/06/2023; REM tfrac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 08-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 136.000.200 đồng	136.000.200
172	Ngày 13/06/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 09-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 472.789.750 đồng	472.789.750
173	Ngày 14/06/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 12-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 433.408.700 đồng	433.408.700
174	Ngày 19/06/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 15-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 667.419.000 đồng	667.419.000
175	Ngày 22/06/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 20-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 24.095.000 đồng	24.095.000
176	Ngày 28/06/2023; rem Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 26-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 122.555.350 đồng	122.555.350
177	Ngày 29/06/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 27-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 33.176.000 đồng	33.176.000
178	Ngày 03/07/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 29-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 224.821.000 đồng	224.821.000
179	Ngày 04/07/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dlch ngay 30-06-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 452.114.000 đồng	452.114.000
180	Ngày 07/07/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 05-07-2023 (MGTN) Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 209.907.000 đồng	209.907.000
181	Ngày 17/07/2023; ITEM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 13-07-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 60.363.000 đồng	60.363.000
182	Ngày 20/07/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 18-07-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 897.647.900 đồng	897.647.900

183	Ngày 21/07/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 19-07-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 528.650.000 đồng	528.650.000
184	Ngày 25/07/2023; REM TfrA/c: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 21-07-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 91.972.000 đồng	91.972.000
185	Ngày 28/07/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 26-07-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 73.965.250 đồng	73.965.250
186	Ngày 04/08/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 02-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 8.999.000 đồng	8.999.000
187	Ngày 07/08/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 03-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 918.833.300 đồng	918.833.300
188	Ngày 08/08/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 04-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 596.723.040 đồng	596.723.040
189	Ngày 10/08/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 08-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 15.099.900 đồng	15.099.900
190	Ngày 11/08/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 09-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 416.714.900 đồng	416.714.900
191	Ngày 14/08/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 10-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 566.247.000 đồng	566.247.000
192	Ngày 15/08/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 11-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 566.394.600 đồng	566.394.600
193	Ngày 18/08/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 16-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 306.507.500 đồng	306.507.500
194	Ngày 21/08/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 17-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 334.068.000 đồng	334.068.000
195	Ngày 22/08/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 18-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.675.972.000 đồng	1.675.972.000
196	Ngày 23/08/2023; REM Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 21-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 207.229.500 đồng	207.229.500
197	Ngày 24/08/2023; REM TfrAc: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 22-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 180.856.000 đồng	180.856.000
198	Ngày 31/08/2023; rem Tfr Ac: 12219000000500 Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 29-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 451.508.000 đồng	451.508.000
199	Ngày 06/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 31-08-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 150.100.000 đồng	150.100.000

200	Ngày 14/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 12-09-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 92.521.000 đồng	92.521.000
201	Ngày 19/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 15-09-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 212.681.000 đồng	212.681.000
202	Ngày 20/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 18-09-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.554.069.400 đồng	1.554.069.400
203	Ngày 21/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 19-09-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 52.810.370 đồng	52.810.370
204	Ngày 26/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 22-09-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.196.655.000 đồng	1.196.655.000
205	Ngày 27/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 25-09-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 171.149.500 đồng	171.149.500
206	Ngày 28/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 26-09-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 347.127.000 đồng	347.127.000
207	Ngày 29/09/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 27-09-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 182.288.000 đồng	182.288.000
208	Ngày 05/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 03-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 218.990.250 đồng	218.990.250
209	Ngày 06/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 04-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 149.121.800 đồng	149.121.800
210	Ngày 19/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 17-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 198.530.000 đồng	198.530.000
211	Ngày 20/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 18-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 205.422.600 đồng	205.422.600
212	Ngày 23/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 19-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 111.002.000 đồng	111.002.000
213	Ngày 24/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 20-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 255.273.000 đồng	255.273.000
214	Ngày 25/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 23-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 13.871.100 đồng	13.871.100
215	Ngày 27/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 25-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 81.810.500 đồng	81.810.500
216	Ngày 31/10/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 27-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 37.631.000 đồng	37.631.000

217	Ngày 01/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 30-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 92.223.850 đồng	92.223.850
218	Ngày 02/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 31-10-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 21.876.000 đồng	21.876.000
219	Ngày 03/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 01-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 69.208.850 đồng	69.208.850
220	Ngày 06/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 02-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 5.138.000 đồng	5.138.000
221	Ngày 09/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 07-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 5.865.000 đồng	5.865.000
222	Ngày 17/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 15-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 63.133.300 đồng	63.133.300
223	Ngày 20/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 16-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 32.450.000 đồng	32.450.000
224	Ngày 21/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 17-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 23.185.000 đồng	23.185.000
225	Ngày 22/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 20-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 203.225.000 đồng	203.225.000
226	Ngày 23/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 21-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 8.445.000 đồng	8.445.000
227	Ngày 27/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 23-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 31.137.240 đồng	31.137.240
228	Ngày 28/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 24-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 321.945.000 đồng	321.945.000
229	Ngày 30/11/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 28-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 298.115.000 đồng	298.115.000
230	Ngày 04/12/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 30-11-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 11.160.400 đồng	11.160.400
231	Ngày 11/12/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 07-12-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 903.438.400 đồng	903.438.400
232	Ngày 12/12/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 08-12-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 4.094.900 đồng	4.094.900
233	Ngày 13/12/2023; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 11-12-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 11.896.850 đồng	11.896.850

234	Ngày 19/12/2023; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 15-12-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 146.786.000 đồng	146.786.000
235	Ngày 21/12/2023; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 19-12-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 8.418.500 đồng	8.418.500
236	Ngày 25/12/2023; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 21-12-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 17.045.800 đồng	17.045.800
237	Ngày 28/12/2023; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 26-12-2023 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 7.550.000 đồng	7.550.000
238	Ngày 04/01/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 02-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 84.184.000 đồng	84.184.000
239	Ngày 10/01/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 08-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 139.702.000 đồng	139.702.000
240	Ngày 12/01/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 10-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 223.282.800 đồng	223.282.800
241	Ngày 16/01/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 12-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 158.585.000 đồng	158.585.000
242	Ngày 18/01/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 16-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 52.683.500 đồng	52.683.500
243	Ngày 22/01/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 18-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 176.777.100 đồng	176.777.100
244	Ngày 23/01/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 19-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 88.223.500 đồng	88.223.500
245	Ngày 26/01/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 24-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 156.925.000 đồng	156.925.000
246	Ngày 02/02/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 31-01-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 313.108.000 đồng	313.108.000
247	Ngày 07/02/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 05-02-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 195.185.000 đồng	195.185.000
248	Ngày 15/02/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 06-02-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 54.930.000 đồng	54.930.000
249	Ngày 16/02/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 07-02-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 155.950.000 đồng	155.950.000
250	Ngày 23/02/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 21-02-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 180.594.700 đồng	180.594.700

251	Ngày 27/02/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 23-02-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 2.133.904.500 đồng	2.133.904.500
252	Ngày 05/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 01-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 201.586.600 đồng	201.586.600
253	Ngày 07/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 05-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 315.100 đồng	315.100
254	Ngày 08/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 06-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 226.326.000 đồng	226.326.000
255	Ngày 12/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 08-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 23.459.000 đồng	23.459.000
256	Ngày 13/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 11-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.381.584.800 đồng	1.381.584.800
257	Ngày 14/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 12-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 79.385.550 đồng	79.385.550
258	Ngày 20/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 18-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 888.450.000 đồng	888.450.000
259	Ngày 21/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 19-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 913.499.300 đồng	913.499.300
260	Ngày 25/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 21-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 301.134.100 đồng	301.134.100
261	Ngày 27/03/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 25-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 6.228.200 đồng	6.228.200
262	Ngày 02/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 29-03-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 18.142.000 đồng	18.142.000
263	Ngày 03/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 01-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 188.532.500 đồng	188.532.500
264	Ngày 04/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 02-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 251.455.000 đồng	251.455.000
265	Ngày 09/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 05-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 142.037.000 đồng	142.037.000
266	Ngày 11/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 09-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 21.294.300 đồng	21.294.300
267	Ngày 12/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 10-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 384.620.000 đồng	384.620.000

268	Ngày 15/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 11-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 37.478.550 đồng	37.478.550
269	Ngày 16/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 12-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 15.668.300 đồng	15.668.300
270	Ngày 17/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 15-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 334.562.300 đồng	334.562.300
271	Ngày 19/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 16-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 765.450.000 đồng	765.450.000
272	Ngày 23/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 19-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 187.675.000 đồng	187.675.000
273	Ngày 24/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 22-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 48.825.800 đồng	48.825.800
274	Ngày 25/04/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 23-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 65.675.000 đồng	65.675.000
275	Ngày 02/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 25-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.671.000 đồng	1.671.000
276	Ngày 03/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 26-04-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 14.642.500 đồng	14.642.500
277	Ngày 06/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 02-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 4.045.400 đồng	4.045.400
278	Ngày 10/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 08-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 36.173.700 đồng	36.173.700
279	Ngày 15/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 13-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 21.530.000 đồng	21.530.000
280	Ngày 20/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 16-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 7.907.100 đồng	7.907.100
281	Ngày 29/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 27-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 70.284.000 đồng	70.284.000
282	Ngày 30/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 28-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 199.680.000 đồng	199.680.000
283	Ngày 31/05/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 29-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 162.240.900 đồng	162.240.900
284	Ngày 03/06/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 30-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 17.029.000 đồng	17.029.000

285	Ngày 04/06/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 31-05-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 31.020.000 đồng	31.020.000
286	Ngày 06/06/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 04-06-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 67.717.200 đồng	67.717.200
287	Ngày 14/06/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 12-06-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 59.045.000 đồng	59.045.000
288	Ngày 18/06/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 14-06-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 88.645.000 đồng	88.645.000
289	Ngày 19/06/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 17-06-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 99.632.000 đồng	99.632.000
290	Ngày 27/06/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 25-06-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 16.450.000 đồng	16.450.000
291	Ngày 28/06/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 26-06-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 141.763.000 đồng	141.763.000
292	Ngày 01/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 27-06-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 109.309.450 đồng	109.309.450
293	Ngày 02/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 28-06-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 44.027.100 đồng	44.027.100
294	Ngày 08/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 04-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 200.345.000 đồng	200.345.000
295	Ngày 15/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 11-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 5.318.600 đồng	5.318.600
296	Ngày 16/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 12-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 47.260.000 đồng	47.260.000
297	Ngày 17/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 15-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.894.700 đồng	1.894.700
298	Ngày 19/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 17-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 386.590.000 đồng	386.590.000
299	Ngày 22/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 18-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 6.930.000 đồng	6.930.000
300	Ngày 25/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 23-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 298.900.000 đồng	298.900.000
301	Ngày 26/07/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 24-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 38.340.000 đồng	38.340.000

302	Ngày 29/07/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 25-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 3.190.000 đồng	3.190.000
303	Ngày 31/07/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 29-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 1.540.000 đồng	1.540.000
304	Ngày 01/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 30-07-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 610.545.000 đồng	610.545.000
305	Ngày 06/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 02-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 34.350.000 đồng	34.350.000
306	Ngày 07/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 05-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 46.050.000 đồng	46.050.000
307	Ngày 08/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 06-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 15.755.000 đồng	15.755.000
308	Ngày 09/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 07-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 50.544.400 đồng	50.544.400
309	Ngày 12/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 08-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 7.284.000 đồng	7.284.000
310	Ngày 16/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 14-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 9.930.000 đồng	9.930.000
311	Ngày 21/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 19-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 4.610.000 đồng	4.610.000
312	Ngày 23/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 21-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 28.505.800 đồng	28.505.800
313	Ngày 30/08/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 28-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 9.335.000 đồng	9.335.000
314	Ngày 04/09/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 29-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 36.000.000 đồng	36.000.000
315	Ngày 05/09/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 30-08-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 2.337.500 đồng	2.337.500
316	Ngày 06/09/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 04-09-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 24.720.000 đồng	24.720.000
317	Ngày 18/09/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 16-09-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 119.160.000 đồng	119.160.000
318	Ngày 20/09/2024; Bước 1, Đa phương T+2, giao dịch ngày 18-09-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoán Hoa Bình; số tiền 505.000 đồng	505.000

319	Ngày 02/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 30-09-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 545.653.000 đồng	545.653.000
320	Ngày 03/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 01-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 4.800.000 đồng	4.800.000
321	Ngày 04/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 02-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 169.495.000 đồng	169.495.000
322	Ngày 08/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 04-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 7.482.000 đồng	7.482.000
323	Ngày 10/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 08-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 51.105.000 đồng	51.105.000
324	Ngày 15/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 11-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 12.668.250 đồng	12.668.250
325	Ngày 18/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 16-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 14.907.000 đồng	14.907.000
326	Ngày 24/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 22-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 46.608.900 đồng	46.608.900
327	Ngày 28/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 24-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 12.024.000 đồng	12.024.000
328	Ngày 29/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 25-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 1.049.797.000 đồng	1.049.797.000
329	Ngày 30/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 28-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 526.674.000 đồng	526.674.000
330	Ngày 31/10/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 29-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 220.823.600 đồng	220.823.600
331	Ngày 01/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 30-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 33.898.000 đồng	33.898.000
332	Ngày 04/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 31-10-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 66.784.740 đồng	66.784.740
333	Ngày 05/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 01-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 21.253.000 đồng	21.253.000
334	Ngày 06/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 04-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 159.068.000 đồng	159.068.000
335	Ngày 08/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 06-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 29.200.000 đồng	29.200.000

336	Ngày 12/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 08-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 21.248.400 đồng	21.248.400
337	Ngày 13/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 11-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 96.712.000 đồng	96.712.000
338	Ngày 14/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 12-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 29.705.000 đồng	29.705.000
339	Ngày 15/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 13-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 30.345.000 đồng	30.345.000
340	Ngày 19/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 15-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 115.613.200 đồng	115.613.200
341	Ngày 20/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 18-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 24.570.000 đồng	24.570.000
342	Ngày 21/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 19-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 52.660.000 đồng	52.660.000
343	Ngày 28/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 26-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 57.548.000 đồng	57.548.000
344	Ngày 29/11/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 27-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 24.565.500 đồng	24.565.500
345	Ngày 03/12/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 29-11-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 322.400 đồng	322.400
346	Ngày 18/12/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 16-12-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 223.050 đồng	223.050
347	Ngày 23/12/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 19-12-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 12.460.000 đồng	12.460.000
348	Ngày 27/12/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 25-12-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 21.960.320 đồng	21.960.320
349	Ngày 31/12/2024; Buoc 1, Da phuong T+2, giao dich ngay 27-12-2024 (MGTN)-Cty CP Chung khoan Hoa Binh; số tiền 45.390.000 đồng	45.390.000

MỤC V. XÁC ĐỊNH DÒNG TIỀN RÚT RA BỎ NGOÀI GIÁ TRỊ SỔ SÁCH NHƯNG ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SỔ PHỤ SAO KÊ 11 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS MỞ TẠI NGÂN HÀNG

I. TÓM TẮT NỘI DUNG DÒNG TIỀN RÚT RA BỎ NGOÀI GIÁ TRỊ SỔ SÁCH NHƯNG ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SỔ PHỤ SAO KÊ 11 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS MỞ TẠI NGÂN HÀNG

1. Tổng giá trị dòng tiền rút ra bỏ ngoài sổ sách kế toán nhưng được ghi nhận trên sổ phụ sao kê 11 tài khoản ngân hàng số tiền **8.254.770.118.388 đồng** của Công ty HBS, trong đó:

(1) Số tiền mua Chứng chỉ tiền gửi của Mbbank chi nhánh Sở GD3 số tiền **710.596.000.000 đồng** trên 02 tài khoản MB-5111665995, MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023;

(2) Số tiền gửi tiết kiệm bằng hình thức mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số tiền **1.671.644.104.110 đồng** kể từ ngày 16/11/2021 đến 03/12/2024

(3) Công ty HBS chuyển khoản đi số tiền **3.111.130.137.394 đồng** kể từ ngày 12/01/2021 đến 31/12/2024 trên 14 tài khoản của Công ty HBS mở tại ngân hàng để ngoài sổ sách kế toán, nhưng được ghi nhận trên sổ phụ sao kê tài khoản ngân hàng.

(4) Công ty HBS rút séc tiền mặt và rút tiền **1.486.079.102.792 đồng** kể từ ngày 04/01/2021 đến 30/12/2024 trên 10 tài khoản của Công ty HBS để ngoài sổ sách kế toán, nhưng được ghi nhận trên sổ phụ sao kê tài khoản ngân hàng.

2. Số dư chứng khoán đến ngày 22/07/2025 là 10.941.539 cổ phiếu của 519 mã chứng khoán, tương ứng với giá trị 86.667.592.642 đồng, của 356 tài khoản cá nhân.

STT	Nội dung	Số tiền	Tài khoản
I	Tổng giá trị dòng tiền rút ra bỏ ngoài sổ sách kế toán nhưng được ghi nhận trên sổ phụ sao kê 11 tài khoản ngân hàng số tiền 8.254.770.118.388 đồng của Công ty HBS	8.254.770.118.388	11 tài khoản ngân hàng
A	Số tiền mua Chứng chỉ tiền gửi của Mbbank chi nhánh Sở GD3 số tiền 710.596.000.000 đồng	710.596.000.000	02 tài khoản của Công ty HBS mở tại Mbank SGD 3
1	Công ty HBS mua CCTG kể từ ngày 21/04/2023 đến 23/10/2023	137.485.000.000	MB-5111665995
2	Công ty HBS mua CCTG kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023	573.111.000.000	MB-6911665959
B	Số tiền gửi tiết kiệm bằng hình thức mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số tiền 1.671.644.104.110	1.671.644.104.110	04 tài khoản của Công ty HBS mở tại 02 NH
1	Công ty HBS gửi tiết kiệm bằng hình thức mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn kể từ ngày 16/11/2021	822.500.000.000	VCB-0301000327778

2	Công ty HBS gửi tiết kiệm bằng hình thức mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn kể từ ngày 28/09/2021 đến 30/09/2021	57.000.000.000	VCB-0011004136449
3	Công ty HBS gửi tiết kiệm bằng hình thức mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 16/11/2021	20.000.000.000	VCB-0931004198340
4	Công ty HBS gửi tiết kiệm bằng hình thức mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn kể từ ngày 20/09/2022 đến 30/12/2022	140.000.000.000	MB-5111665995
5	Công ty HBS gửi tiết kiệm bằng hình thức mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn kể từ ngày 19/10/2022 đến 03/12/2024	632.144.104.110	MB-6911665959
C	Công ty HBS chuyển khoản đi số tiền 3.111.130.137.394 đồng kể từ ngày 12/01/2021 đến 31/12/2024	3.111.130.137.394	14 tài khoản của Công ty HBS mở tại Ngân hàng
1	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 30/06/2021 đến 09/03/2023	255.043.406.168	VCB-0301000327778
2	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 12/01/2021 đến 08/09/2023	609.814.984.030	VCB-0011004136449
3	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 05/01/2021 đến 16/03/2022	132.200.038.500	VCB-0931004198340
4	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 11/01/2021 đến 11/05/2023	595.355.851.117	BIDV-12210000688459
5	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 11/01/2021 đến 11/05/2023	740.252.801.060	BIDV-1220374846
6	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 04/01/2021 đến 03/12/2021	159.411.569.787	BIDV-12210003663729
7	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 04/01/2021 đến 03/12/2021	141.611.475.667	BIDV-12210003663729
8	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 05/01/2022 đến 27/06/2022	133.017.736.123	HDBANK-020704070000483
9	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 22/03/2021 đến 28/04/2023	129.000.000.000	HDBANK-020704070002279
10	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 12/01/2021 đến 09/08/2024	36.962.000.000	Hdbank-020704070021358
11	Công ty HBS chuyển khoản đi ngày 27/05/2022	75.000.000	MB-0021106178008
12	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 31/10/2022 đến 23/10/2023	10.678.000.000	MB-5111665995
13	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 30/12/2022 đến 31/12/2024	112.237.198.969	MB-565959999
14	Công ty HBS chuyển khoản đi kể từ ngày 22/10/2022 đến 27/12/2024	55.470.075.973	MB-6911665959
D	Công ty HBS rút séc tiền mặt và rút tiền 1.486.079.102.792 đồng kể từ ngày 04/01/2021 đến 30/12/2024 trên 15 tài khoản của Công ty HBS	1.486.079.102.792	15 tài khoản của Công ty HBS mở tại NH

D.1	Công ty HBS rút tiền 966.716.406.307 đồng trên 04 tài khoản mở tại 04 ngân hàng	966.716.406.307	04 tài khoản của Công ty HBS mở tại NH
1	Công ty HBS rút tiền kể từ ngày 09/06/2021 đến 04/07/2023	388.189.210.574	VCB-0011004136449
2	Công ty HBS rút tiền kể từ ngày 04/01/2021 đến 23/12/2022	495.599.710.711	BIDV-12210000688459
3	Công ty HBS rút tiền kể từ ngày 11/02/2022 đến 21/03/2022	35.000.000.000	HDBANK-020704070000483
4	Công ty HBS rút tiền kể từ ngày 05/01/2023 đến 30/12/2024	47.927.485.022	MB-565959999
D.2	Công ty HBS rút séc tiền mặt 519.362.696.485 đồng,	519.362.696.485	10 tài khoản mở tại NH
1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh rút tiền ngày 27/07/2022	16.318.550.000	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai
2	Nguyễn Đức Thắng rút tiền kể từ ngày 08/11/2021 đến 09/09/2022	21.058.392.485	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai
3	Phạm Ngọc Quân rút tiền ngày 08/11/2021	13.133.022.000	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai
4	Nguyễn Anh Đức rút tiền ngày 21/12/2022 số tiền 5.990.000.000 trên MB-565959999 chi nhánh Sở GD3	5.990.000.000	MB-565959999 chi nhánh Sở GD3
5	Công ty HBS rút séc tiền mặt kể từ ngày 13/01/2021 đến 29/12/2021 số tiền 28.350.000.000 trên tài khoản VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai	28.350.000.000	VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai
6	Công ty HBS rút séc tiền mặt kể từ ngày 13/01/2021 đến 17/01/2022 số tiền 215.662.817.000 đồng trên tài khoản VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai	215.662.817.000	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai
7	Công ty HBS rút séc tiền mặt kể từ ngày 09/02/2021 đến 27/09/2021 số tiền 77.994.370.000 đồng trên tài khoản BIDV-12210000688459 chi nhánh Quang Trung	77.994.370.000	BIDV-12210000688459 chi nhánh Quang Trung
8	Công ty HBS rút séc tiền mặt kể từ ngày 01/04/2021 đến 01/10/2021 số tiền 22.190.000.000 đồng trên tài khoản HDBANK-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm	22.190.000.000	HDBANK-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm
9	Công ty HBS rút séc tiền mặt ngày 19/01/2021 số tiền 28.000.000.000 đồng trên tài khoản MB-0021106178008 chi nhánh Sở GD3	28.000.000.000	MB-0021106178008 chi nhánh Sở GD3
10	Công ty HBS thanh toán mua chứng khoán tự doanh kể từ ngày 09/02/2022 đến 06/04/2022 số tiền	90.665.545.000	BIDV-12210003663729 chi nhánh Hà Thành

	90.665.545.000 đồng trên tài khoản BIDV-12210003663729 chi nhánh Hà Thành		
II	Số dư chứng khoán đến ngày 22/07/2025 là 10.941.539 cổ phiếu của 519 mã chứng khoán, tương ứng với giá trị 86.667.592.642 đồng, của 356 tài khoản cá nhân.	86.667.592.642	356 tài khoản cá nhân

(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 đính kèm)

II. CHI TIẾT TỔNG GIÁ TRỊ DÒNG TIỀN RÚT RA BỎ NGOÀI GIÁ TRỊ SỔ SÁCH KẾ TOÁN, NHƯNG ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SỔ PHỤ SAO KÊ 11 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS MỞ TẠI NGÂN HÀNG

Thứ nhất, Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, **Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung** - Kế toán trưởng của Công ty HBS; **Trịnh Ngọc Duyên** – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; **Nguyễn Thị Kim Nguyên** – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; **Phạm Hồng Vương** – PTGD Công ty HBS, **Nguyễn Hà Hải Như** – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 1.843.432.772.535 đồng trên 06 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 04/01/2021 đến 31/10/2021 từ nguồn tiền Vpbank giải ngân 1.830.000.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tổng thầu thi công ô đất TM01.

STT	Tài khoản	Số tiền rút không hợp lệ
A	Dòng tiền chi ra 1.843.432.772.535 đồng trên 06 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 04/01/2021 đến 31/10/2021 từ nguồn tiền Vpbank giải ngân 1.830.000.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tổng thầu thi công ô đất TM01	1.843.432.772.535
1	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 04/01/2021 đến 31/07/2021;	328.577.792.187
1	BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021; Số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng; Số dư cuối kỳ 3.323.310.392 đồng	601.366.075.731
3	BIDV-12210000374846 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021; Số dư đầu kỳ 1.865.271.792 đồng; Số dư cuối kỳ 40.872.297 đồng	675.787.887.036
4	Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 04/01/2021 đến 31/10/2021; Số dư đầu kỳ 212.652.212 đồng; Số dư cuối kỳ 303.263.436 đồng	20.164.211.309
5	HDBANK-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 05/01/2021 đến 31/10/2021; Số dư đầu kỳ 949.475.864 đồng; Số dư cuối kỳ 123.455.677 đồng	105.482.373.752
6	HDBANK-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 05/01/2021 đến 31/10/2021; Số dư đầu kỳ 1.467.564.497 đồng; Số dư cuối kỳ 25.911.729 đồng	112.054.432.520

(Chi tiết phụ lục 02 đính kèm)

Như vậy, nguồn tiền Vpbank giải ngân 1.830.000.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tổng thầu thi công ô đất TM01. Trịnh Ngọc Duyên, Tạ Thị Vân, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang và Luật sư của Tạ Thị Vân cấu kết với Ông Đinh Văn Nho – Phó TGD VPbankvà Ông Nguyễn Duy Kiên – Chủ tịch HĐQT Công ty Kita Investment điều hướng dòng đi của dòng tiền của 11 cá nhân chuyển khoản đi và rút, nộp tiền mặt vào tài khoản “tổng” VCB-03010003277789, VCB-0011004136449,HD-020704070000483 BIDV-12210000374846 của Công ty HBS, số tiền **1.843.432.772.535 đồng**, thể hiện như một nhà đầu tư mua, bán giao dịch chứng khoán trên Sàn, kể từ ngày 01/11/2021 đến 19/01/2023. Đây chính là một kiểu hoạt động kinh tế ngầm mà môi trường thuận lợi của nó là “nền kinh tế tiền mặt”, người thực hiện hành vi này chính là bà Nguyễn Ngọc Dung-Kế toán trưởng của Công ty HBS kể từ năm 2008 đến 30/05/2022, vi phạm nghiêm trọng Điều 13, Luật Kế toán, “Che” thu nhập, “giấu” doanh thu. Đây được hiểu là lạm dụng tư cách pháp nhân là Công ty HBS để thực hiện các hành vi phạm Luật chứng khoán. Công ty HBS chỉ tồn tại như là một vỏ bọc, bức bình phong, một công cụ mà chủ sở hữu hoặc người quản lý nhằm thực hiện những hoạt động không minh bạch, vi phạm pháp luật gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VMG. Mục đích của sự lạm dụng để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nhằm trục lợi cá nhân gây thiệt hại cho các nhà đầu tư, ảnh hưởng đến sự minh bạch của thị trường.

Thứ hai, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang, Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải Nguyễn Kim Nguyên Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như cấu kết với Phương Xuân Thụy từ nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt của Công ty Mỹ Đình, Công ty Nhuệ Giang Hoán đổi dòng tiền 2.748.412.934.584 đồng trên 07 tài khoản của Công ty HBS thành tài sản sở hữu hợp pháp cho cá nhân ông Phương Xuân Thụy số tiền **2.748.413.000.584 đồng** để thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty VMG ủy thác cho 10 ca nhân đại diện quản lý tại 10 Công ty là chủ đầu tư 10 dự án trên diện tích 459,5ha tại thủ đô Hà Nội là vi phạm pháp luật, dấu hiệu của hành vi rửa tiền và vi phạm Điều 143, Luật Quản lý thuế 2019. Lý do: Thỏa thuận với khách hàng thanh toán 100% bằng tiền mặt mua 1.186 căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald của Công ty Mỹ Đình và Dự án Iris Garden của Công ty Nhuệ Giang bỏ ngoài sổ sách kế toán được chuyển đổi và sử dụng để mua 10 dự án bất động sản, nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, thì có thể bị xem là hành vi rửa tiền, vi phạm các quy định về phòng, chống rửa tiền, có thể dẫn đến các hình phạt nghiêm trọng.

STT	Tài khoản	Số tiền
I	Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 2.748.413.000.584 đồng trên 07 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày	2.748.413.000.584

	01/11/2021 đến 31/12/2024 từ nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt của Công ty Mỹ Đình, Công ty Nhuệ Giang Hoàn đổi đồng tiền 2.748.412.934.584 đồng trên 07 tài khoản của Công ty HBS thành tài sản sở hữu hợp pháp cho cá nhân ông Phương Xuân Thụy số tiền 2.748.413.000.584 đồng để thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty VMG ủy thác cho 10 cá nhân đại diện quản lý tại 10 Công ty là chủ đầu tư 10 dự án trên diện tích 459,5ha tại thủ đô HN	
1	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 01/11/2021 đến 05/04/2022	370.636.001.943
2	VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 15/11/2021 đến 11/05/2023;	1.431.995.185.038
3	BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 01/11/2021 đến 11/05/2023;	567.884.406.097
4	BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung, từ ngày 02/11/2021 đến 31/12/2021;	141.012.766.000
5	Hdbank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 02/11/2021 đến 31/12/2024;	55.745.015.657
6	HDBANK-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 08/11/2021 đến 29/05/2023;	101.812.818.276
7	HDBANK-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm, từ ngày 02/11/2021 đến 05/07/2022;	79.326.807.573

Thứ ba, Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, **Phan Sỹ Hải-Q.** TGD Công ty HBS; **Nguyễn Ngọc Dung** - Kế toán trưởng của Công ty HBS; **Trịnh Ngọc Duyên** – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; **Nguyễn Thị Kim Nguyên** – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; **Phạm Hồng Vương** – PTGD Công ty HBS, **Nguyễn Hà Hải Như** – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi **1.725.101.756.713 đồng** trên 07 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 25/11/2021 đến 31/12/2024 từ nguồn tiền chuyển nhượng 10 dự án trên diện tích 459ha tại Hà Nội ủy thác cho 05 cá nhân số tiền **1.724.014.417.994 đồng**

A. Tóm tắt dòng tiền chi ra 1.725.101.756.713 đồng trên 03 tài khoản kể từ ngày 20/09/2022 đến 31/12/2024

STT	Tài khoản	Số tiền
I	Dòng tiền chi ra 1.725.101.756.713 đồng trên 03 tài khoản kể từ ngày 20/09/2022 đến 31/12/2024	1.725.101.756.713
A	MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3, Từ ngày 22/09/2022 đến 29/07/2024,	1.270.782.564.753
1	Giao dịch mua CCTG số tiền 573.111.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023	573.111.000.000
2	Gửi tiết kiệm bằng HBTG có kỳ hạn số tiền 615.270.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 19/10/2022 đến 11/06/2024	615.270.000.000

3	Chuyển khoản đi số tiền 60.501.181.962 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/10/2022 đến 29/07/2024	60.501.181.962
B	MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3, Từ ngày 20/09/2022 đến 23/10/2023;	288.164.507.969
1	Giao dịch mua CCTG số tiền 137.485.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/04/2023 đến 23/10/2023	137.485.000.000
2	Gửi tiết kiệm bằng HDTG có kỳ hạn số tiền 140.000.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 20/09/2022 đến 30/12/2022	140.000.000.000
3	Chuyển khoản đi số tiền 10.678.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 31/10/2022 đến 23/10/2023	10.678.000.000
C	MB-565959999 chi nhánh Sở GD3, Từ ngày 17/12/2022 đến 31/12/2024;	166.154.683.991
1	Chuyển khoản đi số tiền 112.237.198.969 đồng trên tài khoản MB-565959999 của Công ty HBS kể từ ngày 30/12/2022 đến 31/12/2024	112.237.198.969
2	Tổng giá trị rút tiền 53.917.485.022 đồng trên tài khoản MB-565959999 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/12/2022 đến 30/12/2024	53.917.485.022

B. Chi tiết dòng tiền chi ra 1.725.101.756.713 đồng trên 03 tài khoản kể từ ngày 20/09/2022 đến 31/12/2024

1. Tổng giá trị giao dịch mua CCTG số tiền 710.596.000.000 đồng trên 02 tài khoản, trong đó: (1) Mua CCTG số tiền 573.111.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023; (2) Mua CCTG số tiền 137.485.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/04/2023 đến 23/10/2023.

STT	Nội dung	Số tiền mua CCTG của Mbbank
I	Tổng giá trị giao dịch mua CCTG số tiền 710.596.000.000 đồng trên 02 tài khoản, trong đó: mua CCTG số tiền 573.111.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023; mua CCTG số tiền 137.485.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/04/2023 đến 23/10/2023	710.596.000.000
A	Giao dịch mua CCTG số tiền 573.111.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023	573.111.000.000
1	Ngày 22/09/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22265823015583 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
2	Ngày 22/09/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22265380610013 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000

3	Ngày 22/09/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22265032015537 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
4	Ngày 22/09/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22265714213238 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
5	Ngày 23/09/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22266976950707 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
6	Ngày 30/09/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22273004145005 số tiền 15.000.000.000 đồng	15.000.000.000
7	Ngày 10/10/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22283266651211 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
8	Ngày 11/10/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT2228408000590 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
9	Ngày 17/10/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22290128003611 số tiền 9.000.000.000 đồng	9.000.000.000
10	Ngày 24/10/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22297400601184 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
11	Ngày 31/10/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22304703723444 số tiền 15.311.000.000 đồng	15.311.000.000
12	Ngày 11/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304111658180608.38124 trên Biz MBBANK 11/04/2023; số chứng từ FT23101024266008 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
13	Ngày 11/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304111658184767.10458 trên Biz MBBANK 11/04/2023; số chứng từ FT23101 700274^0 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
14	Ngày 17/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304171680200025.52253 trên Biz MBBANK 17/04/2023; số chứng từ FT23107064508479 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
15	Ngày 19/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304191689850368.02382 trên Biz MBBANK 19/04/2023; số chứng từ FT23109320861888 số tiền 13.000.000.000 đồng	13.000.000.000
16	Ngày 19/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304191689852805.17396 trên Biz MBBANK 19/04/2023; số chứng từ FT23109409729538 số tiền 23.000.000.000 đồng	23.000.000.000
17	Ngày 19/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304191689855052.35612 trên Biz MBBANK 19/04/2023; số chứng từ FT23109833850290 số tiền 22.000.000.000 đồng	22.000.000.000
18	Ngày 19/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304191689857058.48224 trên Biz MBBANK 19/04/2023; số chứng từ FT231094956617S3 số tiền 25.000.000.000 đồng	25.000.000.000
19	Ngày 19/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304191689862230.23448 trên Biz MBBANK 19/04/2023; số chứng từ FT23109100227689 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
20	Ngày 04/05/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202305041736068381.59123 trên Biz MBBANK 04/05/2023; số chứng từ FT23124522640766 số tiền 2.000.000.000 đồng	2.000.000.000
21	Ngày 08/05/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202305081750092013.48286 trên Biz MBBANK 08/05/2023; số chứng từ FT23128140020957 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
22	Ngày 08/05/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202305081750096235.16566 trên Biz MBBANK 08/05/2023; số chứng từ FT23.28049278261 số tiền 11.000.000.000 đồng	11.000.000.000

23	Ngày 05/06/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202306051872971496.22289 trên Biz MBBANK 05/06/2023; số chứng từ FT23156605252908 số tiền 3.500.000.000 đồng	3.500.000.000
24	Ngày 21/06/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp aong 202306211964919046.27165 trên Biz MBBANK 21/06/2023; số chứng từ FT23172110263805 số tiền 10.500.000.000 đồng	10.500.000.000
25	Ngày 27/06/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202306271995371068.58590 trên Biz MBANK 27/06/2023; số chứng từ FT23178646565795 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
26	Ngày 27/06/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202306271995453531.26540 trên Biz MBBANK 27/06/2023; số chứng từ FT23178383990906 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
27	Ngày 29/06/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202306292007359013.15595 trên BizMBBANK 29/06/2023; số chứng từ FT23180064682947 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
28	Ngày 30/06/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202306302016124737.43281 trên BizMBBANK 30/06/2023; số chứng từ FT23181043779571 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
29	Ngày 30/08/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 20230830238198666.58810 trên Biz Mbbank 30/08/2023; số chứng từ FT23242518422074 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
30	Ngày 30/08/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202308302381402787.14151 trên Biz Mbbank 30/08/2023; số chứng từ FT23242681320485 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
31	Ngày 02/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310022708676413 40555 liên Biz MBBANK 02/10/2023; số chứng từ FT23275250513280 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
32	Ngày 11/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310113133273725.23641 trên Biz MBBANK 11/10/2023; số chứng từ FT23284205830050 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
33	Ngày 11/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310113128575175.45155 trên Biz MBBANK 11/10/2023; số chứng từ F 1'23284340106047 số tiền 11.000.000.000 đồng	11.000.000.000
34	Ngày 17/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310173289490338468 trên Biz MBBANK 17/10/2023; số chứng từ 1'1'23290948720908 số tiền 11.000.000.000 đồng	11.000.000.000
35	Ngày 19/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310193301906109.15921 trên Biz MBBANK 19/10/2023; số chứng từ FT23292047195535 số tiền 23.000.000.000 đồng	23.000.000.000
36	Ngày 19/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310193301896256.22825 trên Biz MBBANK 19/10/2023; số chứng từ FT23292910380069 số tiền 16.000.000.000 đồng	16.000.000.000
37	Ngày 19/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310193301903977.05145 trên Biz MBBANK 19/10/2023; số chứng từ FT23292083513338 số tiền 25.000.000.000 đồng	25.000.000.000
38	Ngày 19/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310193301898961.36788 trên Biz MBBANK 19/10/2023; số chứng từ FT23292910399112 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
39	Ngày 19/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310193301901840.51913 trên Biz MBBANK 19/10/2023; số chứng từ FT23292818065912 số tiền 22.000.000.000 đồng	22.000.000.000

40	Ngày 31/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310313375780434.18865 trên Biz MBBANK 31/10/2023; số chứng từ FT23304339760924 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
41	Ngày 03/11/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202311033402517499 57400 trên Biz MBBANK 03/11/2023; số chứng từ FT23307040155400 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
42	Ngày 08/11/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202311083433597984.04083 trên Biz MBBANK 08/11/2023; số chứng từ FT23312961709471 số tiền 11.000.000.000 đồng	11.000.000.000
43	Ngày 08/11/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202311083433595284 52856 trên Biz MBBANK 08/11/2023; số chứng từ FT23312286791552 số tiền 12.800.000.000 đồng	12.800.000.000
B	Giao dịch mua CCTG số tiền 137.485.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/04/2023 đến 23/10/2023	137.485.000.000
1	Ngày 21/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304211695926457.52801 trên Biz MBBANK 21/04/2023; số chứng từ FT23111500471064 số tiền 21.710.000.000 đồng	21.710.000.000
2	Ngày 21/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304211695931721.34052 trên Biz MBBANK 21/04/2023; số chứng từ FT23111460400651 số tiền 25.000.000.000 đồng	25.000.000.000
3	Ngày 22/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304221700361344.44961 trên Biz MBBANK 22/04/2023; số chứng từ FT23112702133724 số tiền 10.775.000.000 đồng	10.775.000.000
4	Ngày 22/04/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202304221700362665.05786 trên Biz MBBANK 22/04/2023; số chứng từ FT23112133427410 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
5	Ngày 21/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310213315495542.57381 trên Biz MBBANK 21/10/2023; số chứng từ FT23294210222540 số tiền 23.500.000.000 đồng	23.500.000.000
6	Ngày 21/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310213315497038.10148 trên Biz MBBANK 21/10/2023; số chứng từ FT23294865368867 số tiền 25.000.000.000 đồng	25.000.000.000
7	Ngày 23/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310233322889339.03826 trên Biz MBBANK 23/10/2023; số chứng từ FT23296146290126 số tiền 10.500.000.000 đồng	10.500.000.000
8	Ngày 23/10/2023; Giao dịch mua CCTG thanh công hợp đồng 202310233322886728.52579 trên Biz MBBANK 23/10/2023; số chứng từ FT23296516710473 số tiền 11.000.000.000 đồng	11.000.000.000

2. Tổng giá trị gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 755.270.000.000 đồng trên 02 tài khoản, trong đó: (1) Gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 615.270.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 19/10/2022 đến 11/06/2024; (2) Gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 140.000.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 20/09/2022 đến 30/12/2022;

STT	Nội dung	Số tiền gửi TK tại Mbbank
-----	----------	---------------------------

I	Tổng giá trị gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 755.270.000.000 đồng trên 02 tài khoản, trong đó: Gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 615.270.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 19/10/2022 đến 11/06/2024; Gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 140.000.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 20/09/2022 đến 30/12/2022	755.270.000.000
A	Gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 615.270.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 19/10/2022 đến 11/06/2024	615.270.000.000
1	Ngày 19/10/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 6678935711217; số chứng từ AZ-6678935711217 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
2	Ngày 19/10/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 7512529156587; số chứng từ AZ-7512529156587 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
3	Ngày 19/10/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 2005965877999; số chứng từ AZ-2005965877999 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
4	Ngày 19/10/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 6091724671499; số chứng từ AZ-6091724671499 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
5	Ngày 19/10/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 9130900060995; số chứng từ AZ-9130900060995 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
6	Ngày 07/11/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 0092742444330; số chứng từ AZ-0092742444330 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
7	Ngày 07/11/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 6225835223607; số chứng từ AZ-6225835223607 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
8	Ngày 24/11/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 1065502244657; số chứng từ AZ-1065502244657 số tiền 10.080.000.000 đồng	10.080.000.000
9	Ngày 30/11/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 8596266759362; số chứng từ AZ-8596266759362 số tiền 15.390.000.000 đồng	15.390.000.000
10	Ngày 06/12/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 9498285692827; số chứng từ AZ-9498285692827 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
11	Ngày 06/12/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 1691583450651; số chứng từ AZ-1691583450651 số tiền 15.000.000.000 đồng	15.000.000.000
12	Ngày 06/12/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 2373880633459; số chứng từ AZ-2373880633459 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
13	Ngày 06/12/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 5134873964673; số chứng từ AZ-5134873964673 số tiền 15.000.000.000 đồng	15.000.000.000
14	Ngày 12/12/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 4169597840022; số chứng từ AZ-4169597840022 số tiền 3.500.000.000 đồng	3.500.000.000
15	Ngày 21/12/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 7206347725148; số chứng từ AZ-7206347725148 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
16	Ngày 21/12/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 0949308205912; số chứng từ AZ-0949308205912 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
17	Ngày 30/12/2022; AZ Debits Of ACCOUNT 5643247166731; số chứng từ AZ-5643247166731 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
18	Ngày 19/01/2023; AZ Debits Of ACCOUNT 8678191920999; số chứng từ AZ-8678191920999 số tiền 4.000.000.000 đồng	4.000.000.000
19	Ngày 27/01/2023; AZ Debits Of ACCOUNT 1073901960941; số chứng từ AZ-1073901960941 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
20	Ngày 27/01/2023; AZ Debits Of ACCOUNT 7829473022258; số chứng từ AZ-7829473022258 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000

21	Ngày 23/03/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 1600617424605; số chứng từ AZ-1600617424605 số tiền 3.000.000.000 đồng	3.000.000.000
22	Ngày 27/03/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 4195529004483; số chứng từ AZ-4195529004483 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
23	Ngày 27/03/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 8921587638773; số chứng từ AZ-8921587638773 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
24	Ngày 27/07/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 6186793479936; số chứng từ AZ-6186793479936 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
25	Ngày 29/07/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 0706754661166; số chứng từ AZ-0706754661166 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
26	Ngày 05/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 2837956323623; số chứng từ AZ-2837956323623 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
27	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 3554203322397; số chứng từ AZ-3554203322397 số tiền 25.000.000.000 đồng	25.000.000.000
28	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 2155087034297; số chứng từ AZ-2155087034297 số tiền 23.000.000.000 đồng	23.000.000.000
29	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 6572621118921; số chứng từ AZ-6572621118921 số tiền 24.000.000.000 đồng	24.000.000.000
30	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 8610463580921; số chứng từ AZ-8610463580921 số tiền 26.000.000.000 đồng	26.000.000.000
31	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 4992617936856; số chứng từ AZ-4992617936856 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
32	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 6218386143783; số chứng từ AZ-6218386143783 số tiền 28.000.000.000 đồng	28.000.000.000
33	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 7783129344898; số chứng từ AZ-7783129344898 số tiền 10.500.000.000 đồng	10.500.000.000
34	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 9610159481369; số chứng từ AZ-9610159481369 số tiền 23.500.000.000 đồng	23.500.000.000
35	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 0083015369998; số chứng từ AZ-0083015369998 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
36	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 4430639704507; số chứng từ AZ-4430639704507 số tiền 16.000.000.000 đồng	16.000.000.000
37	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 9354805742140; số chứng từ AZ-9354805742140 số tiền 22.000.000.000 đồng	22.000.000.000
38	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 3478472639529; số chứng từ AZ-3478472639529 số tiền 12.800.000.000 đồng	12.800.000.000
39	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 3926693074607; số chứng từ AZ-3926693074607 số tiền 21.500.000.000 đồng	21.500.000.000
40	Ngày 06/12/2023; AZ Debits OF ACCOUNT 6179223689055; số chứng từ AZ-6179223689055 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
41	Ngày 11/06/2024; MO HOP DONG: AZ-4580027423468; số chứng từ AZ-4580027423468 số tiền 7.000.000.000 đồng	7.000.000.000
B	Gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 140.000.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 20/09/2022 đến 30/12/2022	140.000.000.000
1	Ngày 20/09/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 5085632179003; số chứng từ AZ-5085632179003 số tiền 15.000.000.000 đồng	15.000.000.000
2	Ngày 20/09/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 0639495794850; số chứng từ AZ-0639495794850 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
3	Ngày 20/09/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 6519317004805; số chứng từ AZ-6519317004805 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000

4	Ngày 20/10/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 8483383429139; số chứng từ AZ-8483383429139 số tiền 25.000.000.000 đồng	25.000.000.000
5	Ngày 20/10/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 8976357899076; số chứng từ AZ-8976357899076 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
6	Ngày 22/10/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 0233664599498; số chứng từ AZ-0233664599498 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
7	Ngày 22/10/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 6489144095420; số chứng từ AZ-6489144095420 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
8	Ngày 22/10/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 8268320590243; số chứng từ AZ-8268320590243 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
9	Ngày 23/11/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 5221278291406; số chứng từ AZ-5221278291406 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
10	Ngày 30/12/2022; AZ Debits OF ACCOUNT 9307933431424; số chứng từ AZ-9307933431424 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000

3. Tổng giá trị chuyển khoản đi số tiền 183.416.380.931 đồng đồng trên 03 tài khoản, trong đó: (1) Chuyển khoản đi số tiền 60.501.181.962 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/10/2022 đến 29/07/2024; (2) Chuyển khoản đi số tiền 10.678.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 31/10/2022 đến 23/10/2023; (3) Chuyển khoản đi số tiền 112.237.198.969 đồng trên tài khoản MB-565959999 của Công ty HBS kể từ ngày 30/12/2022 đến 31/12/2024.

STT	Nội dung	Số tiền chuyển khoản đi
I	Tổng giá trị chuyển khoản đi số tiền 183.416.380.931 đồng đồng trên 03 tài khoản, trong đó: (1) Chuyển khoản đi số tiền 60.501.181.962 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/10/2022 đến 29/07/2024; (2) Chuyển khoản đi số tiền 10.678.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 31/10/2022 đến 23/10/2023; (3) Chuyển khoản đi số tiền 112.237.198.969 đồng trên tài khoản MB-565959999 của Công ty HBS kể từ ngày 30/12/2022 đến 31/12/2024	183.416.380.931
A	Chuyển khoản đi số tiền 60.501.181.962 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/10/2022 đến 29/07/2024	60.501.181.962
1	Ngày 22/10/2022; CK lam hop dong tieng gui 1 thang; số chứng từ FT22295198307016 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
2	Ngày 22/10/2022; CK lam hop dong tieng gui 6 thang; số chứng từ FT22295570690615 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
3	Ngày 20/12/2022; THANH TOAN HHMG T11/2022; số chứng từ FT22354029005446 số tiền 4.260.922 đồng	4.260.922
4	Ngày 23/12/2022; CHUYỂN KHOAN MB; số chứng từ FT22357175538022 số tiền 199.618.669 đồng	199.618.669
5	Ngày 05/01/2023; THANH TOAN HHMG T12/2022; số chứng từ FT23005056981010 số tiền 5.554.052 đồng	5.554.052
6	Ngày 09/01/2023; CHUYỂN KHOAN MB; số chứng từ FT2300998944292 số tiền 1.066.810.679 đồng	1.066.810.679

7	Ngày 13/01/2023; CHUYỂN KHOAN MB; số chứng từ FT23013124136713 số tiền 1.443.204.079 đồng	1.443.204.079
8	Ngày 17/01/2023; CHUYỂN KHOAN; số chứng từ FT23017110000013 số tiền 500.000.000 đồng	500.000.000
9	Ngày 31/01/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23031232071844 số tiền 11.918.596 đồng	11.918.596
10	Ngày 03/02/2023; CHUYỂN KHOAN MB; số chứng từ FT23034488091760 số tiền 66.628.449 đồng	66.628.449
11	Ngày 10/02/2023; CHUYỂN KHOAN MB NOI BO; số chứng từ FT23041471968841 số tiền 265.331.000 đồng	265.331.000
12	Ngày 17/02/2023; THANH TOAN HHMG T1/2023; số chứng từ FT23048025984234 số tiền 3.482.820 đồng	3.482.820
13	Ngày 24/02/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23055098020060 số tiền 878.532.457 đồng	878.532.457
14	Ngày 08/03/2023; CTY CP CL HOA BINH TRA PHI QUAN LY TU 01/01 DEN 30/06/2023; số chứng từ FT23067301200003 số tiền 142.380.000 đồng	142.380.000
15	Ngày 08/03/2023; CTY CP CK HOA BINH TRA TIEN DAT coc 01 THANG TIEN THUE VAN PHONG; số chứng từ FT23067301200004 số tiền 166.110.000 đồng	166.110.000
16	Ngày 21/03/2023; THANH TOAN HHMG T2/2023; số chứng từ FT23380532103664 số tiền 4.301.609 đồng	4.301.609
17	Ngày 21/03/2023; CTCP CHUNG KHOAN HOA BINH TRA TIEN THUE VP TU 1/1 DEN 30/06/2023; số chứng từ FT23080110000C05 số tiền 1.096.326.000 đồng	1.096.326.000
18	Ngày 24/03/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23083260916109 số tiền 3.122.949.308 đồng	3.122.949.308
19	Ngày 31/03/2023; CHUYỂN KHOAN HDBANK NOI BO; số chứng từ FT23090078815768 số tiền 1.500.000.000 đồng	1.500.000.000
20	Ngày 31/03/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23090920259500 số tiền 930.676.679 đồng	930.676.679
21	Ngày 07/04/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT230970772182E5 số tiền 3.004.142.035 đồng	3.004.142.035
22	Ngày 11/04/2023; CHUYỂN KHOAN BIDV NOI BO - Ma giao dich/ Trace 727336; số chứng từ FT23101010005654 số tiền 333.504.636 đồng	333.504.636
23	Ngày 13/04/2023; CHUYỂN KHOAN BIDV NOI BO -Ma giao dich/ Trace 826234; số chứng từ FT23103330921068 số tiền 480.000.000 đồng	480.000.000
24	Ngày 13/04/2023; CHUYỂN TIEN BIDV NOI BO - Ma giao dich/ Trace 827166; số chứng từ FT23103581206351 số tiền 480.000.000 đồng	480.000.000
25	Ngày 14/04/2023; TT HHMG T3/2023; số chứng từ FT23104346452276 số tiền 5.974.945 đồng	5.974.945
26	Ngày 17/04/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO BIDV - Ma giao dich/ Trace 605998; số chứng từ FT23107010567017 số tiền 300.000.000 đồng	300.000.000
27	Ngày 17/04/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO BIDV - Ma giao dich/ Trace 605160; số chứng từ FT23107545452499 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000

28	Ngày 21/04/2023; CTCP CHUNG KHOAN HOA BINH TT HDKT so 0201/2023/HDXD/CKHB-HH; số chứng từ FT23111110000018 số tiền 151.723.550 đồng	151.723.550
29	Ngày 28/04/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23118885492320 số tiền 646.695.268 đồng	646.695.268
30	Ngày 05/05/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23125055276012 số tiền 863.217.658 đồng	863.217.658
31	Ngày 15/05/2023; THANH TOAN HHMG T4/2023; số chứng từ FT23135450955955 số tiền 8.334.704 đồng	8.334.704
32	Ngày 19/05/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23139430026674 số tiền 37.987.064 đồng	37.987.064
33	Ngày 31/05/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23151108773209 số tiền 21.133.170 đồng	21.133.170
34	Ngày 06/06/2023; THANH TOAN HHMG T5 2023; số chứng từ FT23157764294220 số tiền 7.646.300 đồng	7.646.300
35	Ngày 09/06/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23160751146560 số tiền 572.016.282 đồng	572.016.282
36	Ngày 03/07/2023; CHI JYEN KI IOAN NOI BO MB; số chứng từ I 123184809861200 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
37	Ngày 03/07/2023; CHUYEN KHOAN NOI BQ MB SANG BIDV - Ma maodich Trace 16854b; số chứng từ FT23184858115370 số tiền 447.369.000 đồng	447.369.000
38	Ngày 05/07/2023; CTCI'CHUNGKHOANHOABINH I R \ III N ; THUE VPTU 1,7 DEN 31/12/2023; số chứng từ I- 1231861 10000003 số tiền 1.096.326.000 đồng	1.096.326.000
39	Ngày 06/07/2023; CTCP CHUNG KHOAN HOA BINH TT 3H1 QUAN LYTU 1 7 DEN 31 12/2023; số chứng từ FT23187110009003 số tiền 142.380.000 đồng	142.380.000
40	Ngày 06/07/2023; TT HHMG T6 2023; số chứng từ FT23187110009030 số tiền 8.491.325 đồng	8.491.325
41	Ngày 07/07/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23188946594078 số tiền 632.504.363 đồng	632.504.363
42	Ngày 21/07/2023; CHIYEN KHOAN MB NOI BO; số chứng từ FT23202399616103 số tiền 95.678.331 đồng	95.678.331
43	Ngày 21/07/2023; CI II: YEN KHOAN NOI BQ BIDV - Ma giao dich/ Trace 584049; số chứng từ FT23202670610084 số tiền 311.432.850 đồng	311.432.850
44	Ngày 28/07/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23209078171223 số tiền 217.266.837 đồng	217.266.837
45	Ngày 08/08/2023; THEO DS HHMG T7 2024; số chứng từ FT23220110000042 số tiền 9.036.397 đồng	9.036.397
46	Ngày 10/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV- ma giao dich/ Trace 378105; số chứng từ FT232217704052 số tiền 450.000.000 đồng	450.000.000
47	Ngày 10/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV- ma giao dich/ Trace 378704; số chứng từ FT23222367904046 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
48	Ngày 28/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23240330702264 số tiền 267.255.137 đồng	267.255.137
49	Ngày 15/09/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23258102605059 số tiền 41.790.835 đồng	41.790.835

50	Ngày 19/09/2023; THANH TOAN HHMG T82023 5 GD NHANH 2 47 202309192531891413; số chứng từ FT23262130220516 số tiền 10.311.248 đồng	10.311.248
51	Ngày 19/09/2023; THANH TOAN HHMG T82023 2 GD TRONG M B 202309192531891413-INIHOUSE; số chứng từ FT23262780796900 số tiền 2.801.994 đồng	2.801.994
52	Ngày 29/09/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FF23272680026003 số tiền 22.074.804 đồng	22.074.804
53	Ngày 06/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23279303127628 số tiền 51.315.625 đồng	51.315.625
54	Ngày 13/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23286708798209 số tiền 25.503.721 đồng	25.503.721
55	Ngày 27/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23300085580506 số tiền 14.457.798 đồng	14.457.798
56	Ngày 30/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23303021060100 số tiền 69.865.410 đồng	69.865.410
57	Ngày 31/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23304081090067 số tiền 88.010.087 đồng	88.010.087
58	Ngày 24/11/2023; CI II YEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23328020897535 số tiền 32.400.344 đồng	32.400.344
59	Ngày 08/12/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23342281923147 số tiền 62.178.239 đồng	62.178.239
60	Ngày 19/12/2023; MUA 69 866.78 USD TY GIA 24530; số chứng từ FX2335385224 số tiền 1.713.832.113 đồng	1.713.832.113
61	Ngày 22/12/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23356858531213 số tiền 466.318.062 đồng	466.318.062
62	Ngày 05/01/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT24005012240164 số tiền 56.931.913 đồng	56.931.913
63	Ngày 12/01/2024; Chuyen Khoan Noi Bo; số chứng từ FT24012295032592 số tiền 193.014.956 đồng	193.014.956
64	Ngày 26/01/2024; CHU YEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT24026254820777 số tiền 236.361.976 đồng	236.361.976
65	Ngày 02/02/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24033830080050 số tiền 94.769.617 đồng	94.769.617
66	Ngày 07/02/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24038048007001 số tiền 222.563.876 đồng	222.563.876
67	Ngày 15/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24075331872605 số tiền 185.927.475 đồng	185.927.475
68	Ngày 12/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24103693105654 số tiền 62.528.477 đồng	62.528.477
69	Ngày 26/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24117601002314 số tiền 49.238.942 đồng	49.238.942
70	Ngày 03/05/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24124050904015 số tiền 39.962.894 đồng	39.962.894
71	Ngày 08/05/2024; Thanh toan tien thue van phong 6 th ang dau nam 2024 HD so 01/2023/HDCT /THT- HBS; số chứng từ FT24129087254285 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
72	Ngày 08/05/2024; Thanh toan tien phi quan ly 6 thang dau nam 2024 HD so 01/2023/HDCT /T H - HBS; số chứng từ FT24129138826258 số tiền 142.380.000 đồng	142.380.000

73	Ngày 08/05/2024; Thanh toán tiền thuê văn phòng 6 tháng đầu năm 2024 HD số 01/2023/HDCT /THT - HBS; số chứng từ FT24129805275351 số tiền 150.000.000 đồng	150.000.000
74	Ngày 09/05/2024; Thanh toán tiền thuê văn phòng 6 tháng đầu năm 2024 HD số 01/2023/HDCT /THT-HBS; số chứng từ FT24130033053565 số tiền 146.326.000 đồng	146.326.000
75	Ngày 09/05/2024; Thanh toán tiền thuê văn phòng 6 tháng đầu năm 2024 HD số 01/2023/HDCT /THT-HBS; số chứng từ FT24130630059760 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
76	Ngày 10/05/2024; THANH TOAN HHMG THANG 01 NAM 2024 1 GD TRONG MB 202405104698902971-INHOUSE; số chứng từ FT24131251718030 số tiền 1.203.247 đồng	1.203.247
77	Ngày 10/05/2024; THANH TOAN HHMG THANG 01 NAM 2024 3 GD NHANH 247 202405104698902971; số chứng từ FT24131335134843 số tiền 2.313.028 đồng	2.313.028
78	Ngày 10/05/2024; THANH TOAN HHMG THANG 12 NAM 2023 3 GD TRONG MB 202405104698824646; số chứng từ FT24131054929510 số tiền 1.950.020 đồng	1.950.020
79	Ngày 10/05/2024; THANH TOAN HHMG THANG 11 NAM 2023 3 GD TRONG MB 20240510469887836; số chứng từ FT24131437000608 số tiền 1.773.041 đồng	1.773.041
80	Ngày 10/05/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24131946947661 số tiền 142.906.678 đồng	142.906.678
81	Ngày 17/05/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24138200108960 số tiền 146.416.182 đồng	146.416.182
82	Ngày 24/05/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO ; số chứng từ FT24145897520000 số tiền 202.402.160 đồng	202.402.160
83	Ngày 07/06/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24159904300722 số tiền 175.026.933 đồng	175.026.933
84	Ngày 14/06/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24166140110240 số tiền 193.161.587 đồng	193.161.587
85	Ngày 18/06/2024; THANH TOAN HHMG T22024 1 GD TRONG M B 202406184973523351-INHOUSE 202406184973523351.INHOUSE.VND1625000210001.IN; số chứng từ FT24170628641981 số tiền 1.149.005 đồng	1.149.005
86	Ngày 18/06/2024; THANH TOAN HHMG T22024 4 GD NHANH 2 47 202406184973523351 ; số chứng từ FT24170865868069 số tiền 3.826.594 đồng	3.826.594
87	Ngày 19/06/2024; THANH TOAN HHMG T32024 2 GD TRONG M B 202406194976053029-INHOUSE 202406194976053029.INHOUSE.VND1625000210001.IN; số chứng từ FT24171739395888 số tiền 1.867.026 đồng	1.867.026
88	Ngày 19/06/2024; THANH TOAN HHMG T32024 4 GD NHANH 2 47 202406194976053029 ; số chứng từ FT24171070452351 số tiền 5.813.011 đồng	5.813.011
89	Ngày 19/06/2024; THANH TOAN HHMG T42024 3 GD NHANH 2 47 202406194976019626 ; số chứng từ FT24171953514705 số tiền 1.884.446 đồng	1.884.446
90	Ngày 21/06/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24173063125586 số tiền 344.343.710 đồng	344.343.710

91	Ngày 12/07/2024; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24194720702064 số tiền 234.608.046 đồng	234.608.046
92	Ngày 18/07/2024; Cong ty chung khoan Hoa Binh thanh toan phi dich vu quan ly 6 thang cu oi nam 2024 ; số chứng từ FT24200812377689 số tiền 142.380.000 đồng	142.380.000
93	Ngày 18/07/2024; Cong ty chung khoan Hoa Binh thanh toan tien thuc Vp tu 1/7 den 31/12/ 2024 ; số chứng từ FT24200205028760 số tiền 1.096.326.000 đồng	1.096.326.000
94	Ngày 29/07/2024; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24211510126762 số tiền 232.763.671 đồng	232.763.671
B	Chuyển khoản đi số tiền 10.678.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 31/10/2022 đến 23/10/2023	10.678.000.000
1	Ngày 31/10/2022; CK noi bo; số chứng từ FT22304708650628 số tiền 118.000.000 đồng	118.000.000
2	Ngày 24/11/2022; CK noi bo; số chứng từ FT22328628723363 số tiền 42.000.000 đồng	42.000.000
3	Ngày 30/06/2023; Chuyển khoản noi bo; số chứng từ FT23181602199204 số tiền 10.428.000.000 đồng	10.428.000.000
4	Ngày 21/10/2023; CK noi bo; số chứng từ FT23294126332556 số tiền 13.000.000 đồng	13.000.000
5	Ngày 23/10/2023; Ck noi bo; số chứng từ FT23296473198925 số tiền 77.000.000 đồng	77.000.000
C	Chuyển khoản đi số tiền 112.237.198.969 đồng trên tài khoản MB-565959999 của Công ty HBS kể từ ngày 30/12/2022 đến 31/12/2024	112.237.198.969
1	Ngày 30/12/2022; CHUYỂN KHOAN MB; số chứng từ FT22364113892934 số tiền 96.000 đồng	96.000
2	Ngày 27/01/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23027333780368 số tiền 16.434.753 đồng	16.434.753
3	Ngày 17/02/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23348091037643 số tiền 158.442.650 đồng	158.442.650
4	Ngày 03/03/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23062190699534 số tiền 412.139.729 đồng	412.139.729
5	Ngày 10/03/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23069926020370 số tiền 403.322.171 đồng	403.322.171
6	Ngày 14/04/2023; CHUYỂN TIEN NOI BO MB; số chứng từ FT23104920925899 số tiền 1.166.604.808 đồng	1.166.604.808
7	Ngày 21/04/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23111924285080 số tiền 578.121.932 đồng	578.121.932
8	Ngày 15/05/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23135361489195 số tiền 1.116.956.853 đồng	1.116.956.853
9	Ngày 26/01/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23146762826959 số tiền 268.420.279 đồng	268.420.279
10	Ngày 02/06/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23153018359728 số tiền 277.420.109 đồng	277.420.109
11	Ngày 16/06/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23167023334356 số tiền 138.670.566 đồng	138.670.566
12	Ngày 26/06/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23177006364966 số tiền 45.837.115 đồng	45.837.115

13	Ngày 30/06/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23181041052018 số tiền 580.474.412 đồng	580.474.412
14	Ngày 03/07/2023; chuyen khoan noi bo mb sang bidv - ma giao dich/ Trace 047870; số chứng từ FT23184104208881 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
15	Ngày 14/07/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23195002478460 số tiền 173.166.781 đồng	173.166.781
16	Ngày 17/07/2023; CHU YEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23198621915200 số tiền 106.702.756 đồng	106.702.756
17	Ngày 31/07/2023; CHUYỂN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23212541545009 số tiền 232.498.266 đồng	232.498.266
18	Ngày 04/08/2023; KH TRAN THI NHUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 205167; số chứng từ FT23216075242039 số tiền 308.307.480 đồng	308.307.480
19	Ngày 04/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23216371990886 số tiền 12.813.870 đồng	12.813.870
20	Ngày 11/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO BIDV - Ma giao dich/ Trace 913161; số chứng từ FT23223613859501 số tiền 450.000.000 đồng	450.000.000
21	Ngày 11/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO BIDV - Ma giao dich/ Trace 505042; số chứng từ FT23223415978024 số tiền 428.681.840 đồng	428.681.840
22	Ngày 11/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23223123002464 số tiền 508.053.192 đồng	508.053.192
23	Ngày 14/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT23226896068370 số tiền 338.980.899 đồng	338.980.899
24	Ngày 15/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO BIDV - Ma giao dich/ Trace 962818; số chứng từ FT23227290887501 số tiền 18.000.000 đồng	18.000.000
25	Ngày 18/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 017828; số chứng từ FT23230472477765 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
26	Ngày 18/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 317644; số chứng từ FT23230822608746 số tiền 274.665.401 đồng	274.665.401
27	Ngày 18/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23230320803105 số tiền 17.432.310 đồng	17.432.310
28	Ngày 21/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 228273; số chứng từ FT23233425303754 số tiền 331.572.500 đồng	331.572.500
29	Ngày 22/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 522584; số chứng từ FT23234148852300 số tiền 151.775.000 đồng	151.775.000
30	Ngày 28/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 234615; số chứng từ FT23240465094241 số tiền 541.567 đồng	541.567
31	Ngày 30/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 924384; số chứng từ FT23242393559411 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000

32	Ngày 31/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 299474; số chứng từ FT23243170901191 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
33	Ngày 31/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 298710; số chứng từ FT23243583695099 số tiền 469.182.700 đồng	469.182.700
34	Ngày 31/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23243523544444 số tiền 323.121.123 đồng	323.121.123
35	Ngày 08/09/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23251090119895 số tiền 3.875.981 đồng	3.875.981
36	Ngày 22/09/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 652572; số chứng từ FT23265415068640 số tiền 123.384 đồng	123.384
37	Ngày 22/09/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23265281516860 số tiền 2.022.587 đồng	2.022.587
38	Ngày 25/09/2023; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 509553; số chứng từ FT23268624245779 số tiền 5.700.000 đồng	5.700.000
39	Ngày 25/09/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23268527620040 số tiền 48.069.245 đồng	48.069.245
40	Ngày 26/09/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 894398; số chứng từ FT23269135021954 số tiền 220.682.400 đồng	220.682.400
41	Ngày 04/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 510282; số chứng từ FT23277645495257 số tiền 54.805.450 đồng	54.805.450
42	Ngày 04/10/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 177408; số chứng từ FT23277406254922 số tiền 40.887.000 đồng	40.887.000
43	Ngày 05/10/2023; CI IUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 861900; số chứng từ FT23278732377851 số tiền 2.311.500 đồng	2.311.500
44	Ngày 06/10/2023; CI IU YEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 449662; số chứng từ FT23279062784692 số tiền 58.086.800 đồng	58.086.800
45	Ngày 09/10/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 639321; số chứng từ FT23282120359880 số tiền 6.715.000 đồng	6.715.000
46	Ngày 18/10/2023; CI IUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 406706; số chứng từ FT23291057812652 số tiền 64.177.142 đồng	64.177.142
47	Ngày 19/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 634282; số chứng từ FT23292591590306 số tiền 110.167.000 đồng	110.167.000
48	Ngày 20/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 339253; số chứng từ FT23293570989901 số tiền 332.873.000 đồng	332.873.000
49	Ngày 20/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23293023074876 số tiền 554.351 đồng	554.351

50	Ngày 23/10/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 753465; số chứng từ FT23296403001968 số tiền 18.630.600 đồng	18.630.600
51	Ngày 26/10/2023; CI IUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 653635; số chứng từ FT23299594483803 số tiền 96.496.108 đồng	96.496.108
52	Ngày 27/10/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 267680; số chứng từ FT23300105300973 số tiền 156.006.000 đồng	156.006.000
53	Ngày 03/11/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23307072652021 số tiền 156.433.901 đồng	156.433.901
54	Ngày 03/11/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 966364; số chứng từ FT23307393245144 số tiền 57.385 đồng	57.385
55	Ngày 10/11/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO; số chứng từ FT23314854327707 số tiền 3.979.327 đồng	3.979.327
56	Ngày 10/11/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich / Trace 675096; số chứng từ FT23314096413360 số tiền 747.435 đồng	747.435
57	Ngày 17/11/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT23321796022333 số tiền 2.219.180 đồng	2.219.180
58	Ngày 20/11/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 128658; số chứng từ FT2332480584209S số tiền 147.087.000 đồng	147.087.000
59	Ngày 21/11/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 043917; số chứng từ FT23325521550995 số tiền 58.095.000 đồng	58.095.000
60	Ngày 23/11/2023; CI IU YEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 693989; số chứng từ FT23327102102303 số tiền 45.267.940 đồng	45.267.940
61	Ngày 24/11/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 721852; số chứng từ FT23328245802452 số tiền 313.133.000 đồng	313.133.000
62	Ngày 28/11/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 271827; số chứng từ FT23332028495339 số tiền 195.436.256 đồng	195.436.256
63	Ngày 30/11/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 358582; số chứng từ FT23334058469801 số tiền 495.000.000 đồng	495.000.000
64	Ngày 30/11/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 357740; số chứng từ FT23334354558224 số tiền 460.000.000 đồng	460.000.000
65	Ngày 30/11/2023; CHUYEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 234111; số chứng từ FT23334480600063 số tiền 232.282.500 đồng	232.282.500
66	Ngày 30/11/2023; CHU YEN KI IOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 236388; số chứng từ FT23334521092019 số tiền 470.000.000 đồng	470.000.000
67	Ngày 30/11/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dich/ Trace 360095; số chứng từ FT23334015811427 số tiền 485.000.000 đồng	485.000.000

68	Ngày 30/11/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch Trace 361008; số chứng từ FT23334060109219 số tiền 480.000.000 đồng	480.000.000
69	Ngày 30/11/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch Trace 362483; số chứng từ FT23334481074850 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
70	Ngày 01/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ; số chứng từ 11'23335467932307 số tiền 16.676.835 đồng	16.676.835
71	Ngày 01/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ; số chứng từ FT23335841737702 số tiền 16.419.849 đồng	16.419.849
72	Ngày 07/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch/ Trace 736048; số chứng từ FT23341507582297 số tiền 430.962.000 đồng	430.962.000
73	Ngày 15/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ; số chứng từ FT23349202511454 số tiền 63.118.264 đồng	63.118.264
74	Ngày 18/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch/ Trace 023712; số chứng từ FT23352144382363 số tiền 10.668.300 đồng	10.668.300
75	Ngày 19/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch/ Trace 071569; số chứng từ FT23353891301500 số tiền 22.118.500 đồng	22.118.500
76	Ngày 29/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch/ Trace 239331; số chứng từ FT23363414108608 số tiền 319.492 đồng	319.492
77	Ngày 29/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch/ Trace 576(109; số chứng từ FT23363063598500 số tiền 18.431 đồng	18.431
78	Ngày 29/12/2023; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ; số chứng từ FT23363076617000 số tiền 1.501.541.290 đồng	1.501.541.290
79	Ngày 04/01/2024; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch/ Trace 135767; số chứng từ 11'24004204303791 số tiền 10.709.350 đồng	10.709.350
80	Ngày 15/01/2024; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ MB SANG BIDV - Ma giao dịch/ Trace 659490; số chứng từ FT24015090016640 số tiền 54.209.000 đồng	54.209.000
81	Ngày 16/01/2024; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ MB SANG BIDV - Ma giao dịch/ Trace 022624; số chứng từ FT24016634080322 số tiền 70.466.000 đồng	70.466.000
82	Ngày 18/01/2024; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ MB SANG BIDV - Ma giao dịch/ Trace 688590; số chứng từ FT24018510927091 số tiền 114.828.500 đồng	114.828.500
83	Ngày 19/01/2024; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ; số chứng từ FT24019647036484 số tiền 148.696.182 đồng	148.696.182
84	Ngày 25/01/2024; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ - Ma giao dịch/ Trace 445954; số chứng từ FT24025599582527 số tiền 123.526.062 đồng	123.526.062
85	Ngày 31/01/2024; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ MB; số chứng từ FT24031566200033 số tiền 348.192.827 đồng	348.192.827
86	Ngày 16/02/2024; CHUYỂN KHOAN NỘI BỘ MB; số chứng từ FT24047293262918 số tiền 96.837.653 đồng	96.837.653

87	Ngày 23/02/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 434440; số chứng từ FT24054461092702 số tiền 40.559.104 đồng	40.559.104
88	Ngày 23/02/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24054071822275 số tiền 296.501.530 đồng	296.501.530
89	Ngày 29/02/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24060520618061 số tiền 14.440.880 đồng	14.440.880
90	Ngày 01/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 502486; số chứng từ FT24061040055376 số tiền 84.698.000 đồng	84.698.000
91	Ngày 01/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT24061630158248 số tiền 1.012.932 đồng	1.012.932
92	Ngày 09/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ ET24069572526960 số tiền 7.225.083 đồng	7.225.083
93	Ngày 11/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 737388; số chứng từ FT24071456784986 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000
94	Ngày 11/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MR SANG BIDV - Ma giao dich Trace 739686; số chứng từ PT24071739700458 số tiền 462.046.140 đồng	462.046.140
95	Ngày 12/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 208190; số chứng từ FT24072170590012 số tiền 17.656.000 đồng	17.656.000
96	Ngày 13/03/2024; CHUYEN KI IOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 985441; số chứng từ FT24073022081935 số tiền 10.019.800 đồng	10.019.800
97	Ngày 18/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 546296; số chứng từ FT24078261974582 số tiền 120.000.000 đồng	120.000.000
98	Ngày 18/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 739210; số chứng từ FT24078880052031 số tiền 480.000.000 đồng	480.000.000
99	Ngày 18/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 545237; số chứng từ FT24078912647764 số tiền 271.991.500 đồng	271.991.500
100	Ngày 18/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 548235; số chứng từ FT24078025937464 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
101	Ngày 18/03/2024; Chuyen khoan noi bo MB sang HD - Ma giao dich/ Trace 767611; số chứng từ FT24078405085306 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
102	Ngày 14/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 690725; số chứng từ ET24079006192889 số tiền 27.400.600 đồng	27.400.600
103	Ngày 22/03/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24082699614606 số tiền 13.386.264 đồng	13.386.264
104	Ngày 01/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24092698849306 số tiền 136.729.132 đồng	136.729.132
105	Ngày 01/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich Trace 217676; số chứng từ FT24092614751754 số tiền 47.610.000 đồng	47.610.000

106	Ngày 02/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 695822; số chứng từ FT24093627052719 số tiền 214.255.000 đồng	214.255.000
107	Ngày 03/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 724713; số chứng từ FT24094720002265 số tiền 19.610.500 đồng	19.610.500
108	Ngày 05/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 957544; số chứng từ FT24096917208049 số tiền 35.990.000 đồng	35.990.000
109	Ngày 05/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO; số chứng từ FT24096793695246 số tiền 4.944.360 đồng	4.944.360
110	Ngày 11/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 583526; số chứng từ FT24102508596258 số tiền 251.812.000 đồng	251.812.000
111	Ngày 11/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 919517; số chứng từ FT24102565110428 số tiền 46.294.300 đồng	46.294.300
112	Ngày 15/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 872618; số chứng từ FT24106668733084 số tiền 279.599.150 đồng	279.599.150
113	Ngày 16/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 611573; số chứng từ FT24107280143666 số tiền 354.962.700 đồng	354.962.700
114	Ngày 16/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 612784; số chứng từ FT24107721597197 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
115	Ngày 17/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 801192; số chứng từ H24108360689615 số tiền 27.152.300 đồng	27.152.300
116	Ngày 19/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 476636; số chứng từ FT24110306653991 số tiền 186.675.000 đồng	186.675.000
117	Ngày 19/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB; số chứng từ FT24110510414808 số tiền 66.936.985 đồng	66.936.985
118	Ngày 23/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 493926; số chứng từ FT24114260957564 số tiền 54.206.373 đồng	54.206.373
119	Ngày 25/04/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 683516; số chứng từ FT24116915301872 số tiền 56.437.386 đồng	56.437.386
120	Ngày 31/05/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24152850325830 số tiền 434.808.435 đồng	434.808.435
121	Ngày 03/06/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 656550 ; số chứng từ FT24155840952372 số tiền 5.987.450 đồng	5.987.450
122	Ngày 04/06/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dịch Trace 070688 ; số chứng từ FT24156770121510 số tiền 71.290.000 đồng	71.290.000
123	Ngày 28/06/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24180316850434 số tiền 504.668.592 đồng	504.668.592

124	Ngày 28/06/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 900863 ; số chứng từ FT24180663606486 số tiền 374.680 đồng	374.680
125	Ngày 05/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24187803936688 số tiền 39.287.774 đồng	39.287.774
126	Ngày 08/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 374497 ; số chứng từ FT24190736960530 số tiền 38.800.000 đồng	38.800.000
127	Ngày 17/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 582271 ; số chứng từ FT24199751806040 số tiền 116.089.553 đồng	116.089.553
128	Ngày 19/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24201008534168 số tiền 210.901.895 đồng	210.901.895
129	Ngày 23/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV ; số chứng từ FT24205150420809 số tiền 25.364.717.400 đồng	25.364.717.400
130	Ngày 23/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV ; số chứng từ FT24205150420809 số tiền 990.000 đồng	990.000
131	Ngày 25/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 404863 ; số chứng từ FT24207900820870 số tiền 1.816.824 đồng	1.816.824
132	Ngày 26/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 573186 ; số chứng từ FT24208180478566 số tiền 5.520.000 đồng	5.520.000
133	Ngày 29/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 956235 ; số chứng từ FT24211678737277 số tiền 1.540.000 đồng	1.540.000
134	Ngày 31/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 482468 ; số chứng từ FT24213896007375 số tiền 9.355.000 đồng	9.355.000
135	Ngày 31/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24213507168764 số tiền 13.591.242 đồng	13.591.242
136	Ngày 31/07/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24213146700176 số tiền 96.000 đồng	96.000
137	Ngày 01/08/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 121949 ; số chứng từ FT24214608691655 số tiền 179.615.000 đồng	179.615.000
138	Ngày 19/08/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 850681 ; số chứng từ FT24232961201273 số tiền 289.343 đồng	289.343
139	Ngày 19/08/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24232170840714 số tiền 432.556.269 đồng	432.556.269
140	Ngày 23/08/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24236128093153 số tiền 86.173 đồng	86.173
141	Ngày 30/08/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24243972250208 số tiền 6.925.000 đồng	6.925.000
142	Ngày 30/08/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 963283 ; số chứng từ FT24243206744764 số tiền 68.306 đồng	68.306

143	Ngày 04/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 775119 ; số chứng từ FT24248344863657 số tiền 25.780.000 đồng	25.780.000
144	Ngày 05/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 523601 ; số chứng từ FT24249107105019 số tiền 11.400.000 đồng	11.400.000
145	Ngày 06/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24250024821404 số tiền 15.627.373 đồng	15.627.373
146	Ngày 20/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV ; số chứng từ FT24264898709600 số tiền 58.875.194.660 đồng	58.875.194.660
147	Ngày 20/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24264006802267 số tiền 326.115.846 đồng	326.115.846
148	Ngày 24/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 076476 ; số chứng từ FT24268448997086 số tiền 1.000.000 đồng	1.000.000
149	Ngày 27/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24271974077822 số tiền 31.523.917 đồng	31.523.917
150	Ngày 27/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB LAN 2 ; số chứng từ FT24271559248065 số tiền 4.132.781 đồng	4.132.781
151	Ngày 30/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 799562 ; số chứng từ FT24274817033006 số tiền 44.290.780 đồng	44.290.780
152	Ngày 30/09/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24274659968298 số tiền 63.998.904 đồng	63.998.904
153	Ngày 03/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 739229 ; số chứng từ FT24277107495084 số tiền 37.048.000 đồng	37.048.000
154	Ngày 04/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 261393 ; số chứng từ FT24278912726069 số tiền 8.762.000 đồng	8.762.000
155	Ngày 25/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 172864 ; số chứng từ FT24299574143153 số tiền 553.663 đồng	553.663
156	Ngày 26/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24300338063585 số tiền 489.209.480 đồng	489.209.480
157	Ngày 28/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 893435 ; số chứng từ FT24302081829237 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
158	Ngày 28/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 894392 ; số chứng từ FT24302212752502 số tiền 102.324.000 đồng	102.324.000
159	Ngày 29/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO BIDV SANG MB - Ma giao dich/ Trace 369004 ; số chứng từ FT24303665440992 số tiền 177.277.000 đồng	177.277.000
160	Ngày 30/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 609582 ; số chứng từ FT24304720513359 số tiền 11.372.000 đồng	11.372.000
161	Ngày 30/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 692860 ; số chứng từ FT24304055931093 số tiền 330.000 đồng	330.000

162	Ngày 31/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 037997 ; số chứng từ FT24305150367109 số tiền 23.193.600 đồng	23.193.600
163	Ngày 31/10/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24305022120200 số tiền 24.842.302 đồng	24.842.302
164	Ngày 01/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 873955 ; số chứng từ FT24306114960167 số tiền 44.496.000 đồng	44.496.000
165	Ngày 01/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24306208609775 số tiền 964.612 đồng	964.612
166	Ngày 04/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 503578 ; số chứng từ FT24309650032403 số tiền 158.489.740 đồng	158.489.740
167	Ngày 06/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 163211 ; số chứng từ FT24311940227072 số tiền 2.680.000 đồng	2.680.000
168	Ngày 07/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 333917 ; số chứng từ FT24312544557157 số tiền 28.657.200 đồng	28.657.200
169	Ngày 08/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 279559 ; số chứng từ FT24313449102511 số tiền 22.010.000 đồng	22.010.000
170	Ngày 08/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24313051067194 số tiền 2.611.791 đồng	2.611.791
171	Ngày 11/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 405114 ; số chứng từ FT24316018885800 số tiền 69.145.333 đồng	69.145.333
172	Ngày 13/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 983347 ; số chứng từ FT24318580707807 số tiền 123.273.400 đồng	123.273.400
173	Ngày 15/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 391966 ; số chứng từ FT24320201046258 số tiền 51.227.800 đồng	51.227.800
174	Ngày 18/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 342870 ; số chứng từ FT24323630380050 số tiền 23.905.800 đồng	23.905.800
175	Ngày 19/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 864611 ; số chứng từ FT24324151079181 số tiền 52.581.200 đồng	52.581.200
176	Ngày 20/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 124623 ; số chứng từ FT24325010345544 số tiền 5.941.900 đồng	5.941.900
177	Ngày 26/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDVU - Ma giao dich/ Trace 305284 ; số chứng từ FT24331253859529 số tiền 28.899.614 đồng	28.899.614
178	Ngày 27/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 472808 ; số chứng từ FT24332706750970 số tiền 2.405.200 đồng	2.405.200
179	Ngày 29/11/2024; CHUYEN KHOAN PHI DUY TRI TAI KHOAN BIDV - Ma giao dich/ Trace 268005 ; số chứng từ FT24334074600081 số tiền 677.600 đồng	677.600

180	Ngày 29/11/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24334022558362 số tiền 2.594.571 đồng	2.594.571
181	Ngày 13/12/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24348995208904 số tiền 19.241.015 đồng	19.241.015
182	Ngày 17/12/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB SANG BIDV - Ma giao dich/ Trace 274594 ; số chứng từ FT24352515197186 số tiền 111.471.450 đồng	111.471.450
183	Ngày 23/12/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24358447927405 số tiền 190.158.210 đồng	190.158.210
184	Ngày 31/12/2024; CHUYEN KHOAN NOI BO MB ; số chứng từ FT24366890553099 số tiền 147.594.203 đồng	147.594.203

4. Tổng giá trị rút tiền 53.917.485.022 đồng trên tài khoản MB-565959999 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/12/2022 đến 30/12/2024.

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng giá trị rút tiền 53.917.485.022 đồng trên tài khoản MB-565959999 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/12/2022 đến 30/12/2024	53.917.485.022
1	Ngày 21/12/2022; KH RUT TIEN; số chứng từ FT22355024176099 số tiền 5.990.000.000 đồng	5.990.000.000
2	Ngày 05/01/2023; KHÁCH HÀNG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 773478; số chứng từ FT23005358300835 số tiền 33.000.000 đồng	33.000.000
3	Ngày 05/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 043249; số chứng từ FT230053980855 4 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
4	Ngày 06/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 720940; số chứng từ FT23006748970468 số tiền 193.360.000 đồng	193.360.000
5	Ngày 06/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 972636; số chứng từ FT23006054506C54 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
6	Ngày 09/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 956246; số chứng từ FT23009031500021 số tiền 4.000.000 đồng	4.000.000
7	Ngày 09/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 961088; số chứng từ FT23009128608340 số tiền 29.850.000 đồng	29.850.000
8	Ngày 10/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 910057; số chứng từ FT23010270502061 số tiền 127.500.000 đồng	127.500.000
9	Ngày 10/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 909120; số chứng từ IT23010302884704 số tiền 60.000.000 đồng	60.000.000
10	Ngày 11/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23011796025012 số tiền 331.900.000 đồng	331.900.000
11	Ngày 11/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN -Magiaodich /Trace 892510; số chứng từ FT23011232261698 số tiền 19.000.000 đồng	19.000.000

12	Ngày 11/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN TK - Ma giao dịch/ Trace 213385; số chứng từ FT23011288822413 số tiền 331.900.000 đồng	331.900.000
13	Ngày 11/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 893300; số chứng từ FT23011406157391 số tiền 945.000 đồng	945.000
14	Ngày 13/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 024724; số chứng từ FT23013307030735 số tiền 20.200.000 đồng	20.200.000
15	Ngày 13/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 363195; số chứng từ FT23013346974315 số tiền 351.432 đồng	351.432
16	Ngày 16/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 484910; số chứng từ FT23016016286314 số tiền 26.000.000 đồng	26.000.000
17	Ngày 16/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 481752; số chứng từ FT23016790739983 số tiền 116.800.000 đồng	116.800.000
18	Ngày 18/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 767753; số chứng từ FT23018000301699 số tiền 40.000.000 đồng	40.000.000
19	Ngày 18/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 766326; số chứng từ FT23018385679103 số tiền 11.300.000 đồng	11.300.000
20	Ngày 18/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 764772; số chứng từ FT23018982613449 số tiền 300.000.000 đồng	300.000.000
21	Ngày 19/01/2023; Khách hàng rút tiền; số chứng từ FT23019648139846 số tiền 18.132.635 đồng	18.132.635
22	Ngày 30/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 221598; số chứng từ FT23030238739386 số tiền 1.340.000 đồng	1.340.000
23	Ngày 30/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 592263; số chứng từ FT23030802408705 số tiền 44.000.000 đồng	44.000.000
24	Ngày 31/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN TK - Ma giao dịch/ Trace 359292; số chứng từ FT23031525120063 số tiền 40.600.000 đồng	40.600.000
25	Ngày 02/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 577542; số chứng từ FT23033365220080 số tiền 32.000.000 đồng	32.000.000
26	Ngày 02/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 578239; số chứng từ FT23033540034423 số tiền 77.000.000 đồng	77.000.000
27	Ngày 03/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 473130; số chứng từ FT23034358311722 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
28	Ngày 06/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 676331; số chứng từ FT23037276569014 số tiền 19.000.000 đồng	19.000.000

29	Ngày 06/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 678667; số chứng từ FT23037350140096 số tiền 30.500.000 đồng	30.500.000
30	Ngày 06/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 676986; số chứng từ FT23037535385901 số tiền 1.346.258 đồng	1.346.258
31	Ngày 07/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 618996; số chứng từ FT23038190546750 số tiền 32.000.000 đồng	32.000.000
32	Ngày 07/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 883917; số chứng từ FT23038230654509 số tiền 56.841.809 đồng	56.841.809
33	Ngày 08/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 901268; số chứng từ FT23039797210093 số tiền 49.600.000 đồng	49.600.000
34	Ngày 09/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 703969; số chứng từ FT23040002348519 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000
35	Ngày 09/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 704497; số chứng từ FT23040251883494 số tiền 33.071.888 đồng	33.071.888
36	Ngày 10/02/2023; K.HACH HANG RUT TI EN - Ma giao dịch/Trace 812282; số chứng từ FT23C41510408729 số tiền 760.000 đồng	760.000
37	Ngày 10/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch /Trace 632981; số chứng từ FT23G41167081796 số tiền 200.000.000 đồng	200.000.000
38	Ngày 10/02/2023; KHÁCH HANG RUT TIER - Ma giao dịch /Trace 632418; số chứng từ FT23041260004577 số tiền 2.000.000 đồng	2.000.000
39	Ngày 10/02/2023; KHÁCH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch /Trace 429587; số chứng từ FT23041877080709 số tiền 63.000.000 đồng	63.000.000
40	Ngày 13/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN TK - Ma giao dịch /Trace 912482; số chứng từ FT23044998693418 số tiền 92.000.000 đồng	92.000.000
41	Ngày 15/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 655074; số chứng từ FT23046250824653 số tiền 128.200.000 đồng	128.200.000
42	Ngày 17/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 455012; số chứng từ FT23348037914974 số tiền 11.000.000 đồng	11.000.000
43	Ngày 20/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 049068; số chứng từ FT23051013517318 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
44	Ngày 22/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 812736; số chứng từ FT23053132652422 số tiền 9.600.000 đồng	9.600.000
45	Ngày 22/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch.'Trace 813337; số chứng từ FT23053780649888 số tiền 7.300.000 đồng	7.300.000

46	Ngày 23/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 664788; số chứng từ FT23054960594616 số tiền 53.500.000 đồng	53.500.000
47	Ngày 24/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 819246; số chứng từ FT23055983678849 số tiền 35.700.000 đồng	35.700.000
48	Ngày 24/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 325731; số chứng từ FT23055102419061 số tiền 5.700.000 đồng	5.700.000
49	Ngày 24/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 326881; số chứng từ FT23055200294035 số tiền 760.000 đồng	760.000
50	Ngày 27/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23058999926766 số tiền 167.700.000 đồng	167.700.000
51	Ngày 27/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 775180; số chứng từ FT23058126511760 số tiền 18.100.000 đồng	18.100.000
52	Ngày 27/02/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 016479; số chứng từ FT23058800804700 số tiền 5.700.000 đồng	5.700.000
53	Ngày 02/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao d ch/ Trace 314966; số chứng từ FT23061256987910 số tiền 23.100.000 đồng	23.100.000
54	Ngày 06/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao d ch/ Trace 937412; số chứng từ FT23065707139689 số tiền 10.100.000 đồng	10.100.000
55	Ngày 06/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23065059202960 số tiền 599.980.000 đồng	599.980.000
56	Ngày 07/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao d ch/ Trace 141438; số chứng từ FT23066622932400 số tiền 78.000.000 đồng	78.000.000
57	Ngày 08/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao d ch/ Trace 369939; số chứng từ FT23067346001120 số tiền 22.500.000 đồng	22.500.000
58	Ngày 09/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao d'ch/ Trace 100769; số chứng từ FT23068859789080 số tiền 25.300.000 đồng	25.300.000
59	Ngày 10/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dxh/ Trace 352585; số chứng từ FT23069285046854 số tiền 455.300.000 đồng	455.300.000
60	Ngày 10/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23069220213313 số tiền 32.000.000 đồng	32.000.000
61	Ngày 13/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN -Ma giaodich / Trace 021913; số chứng từ FT23072417396141 số tiền 13.300.000 đồng	13.300.000
62	Ngày 13/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 303147; số chứng từ FT23072629357249 số tiền 12.800.000 đồng	12.800.000
63	Ngày 15/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23074791195231 số tiền 155.000.000 đồng	155.000.000

64	Ngày 15/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 237275; số chứng từ FT23074525708960 số tiền 19.100.000 đồng	19.100.000
65	Ngày 16/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN TK - Ma giao dich/ Trace 985211; số chứng từ FT23075370607853 số tiền 45.000.000 đồng	45.000.000
66	Ngày 17/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN TK -Ma giao dich/ Trace 092936; số chứng từ FT23076343462041 số tiền 77.400.000 đồng	77.400.000
67	Ngày 17/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN TK -Ma giao dich/ Trace 093880; số chứng từ FT23076339825908 số tiền 2.400.000 đồng	2.400.000
68	Ngày 20/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 227750; số chứng từ FT23079442701370 số tiền 2.500.000 đồng	2.500.000
69	Ngày 20/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23C79604527842 số tiền 6.500.000 đồng	6.500.000
70	Ngày 21/03/2023; BP DUY TRI SMS BANKING KHDN; số chứng từ 565959999.SMSKHDN.202 30321 số tiền 20.000 đồng	20.000
71	Ngày 21/03/2023; BP DUY TRI SMS BANKING KHDN; số chứng từ 565959999.SMSKHDN.202 30321 số tiền 200.000 đồng	200.000
72	Ngày 21/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 021414; số chứng từ FT23080117943983 số tiền 58.000.000 đồng	58.000.000
73	Ngày 23/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 705563; số chứng từ FT23082852039124 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
74	Ngày 23/01/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23082727008582 số tiền 500.000.000 đồng	500.000.000
75	Ngày 27/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 541150; số chứng từ FT23086959243014 số tiền 910.000 đồng	910.000
76	Ngày 27/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 956566; số chứng từ FT23086706308760 số tiền 115.000.000 đồng	115.000.000
77	Ngày 27/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 400298; số chứng từ FT23186182405157 số tiền 2.100.000 đồng	2.100.000
78	Ngày 28/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich / Trace 085142; số chứng từ FT23087140508355 số tiền 35.500.000 đồng	35.500.000
79	Ngày 28/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 086032; số chứng từ FT23087812809649 số tiền 22.500.000 đồng	22.500.000
80	Ngày 28/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23087860700972 số tiền 500.000.000 đồng	500.000.000
81	Ngày 29/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 028374; số chứng từ FT23088681581810 số tiền 6.600.000 đồng	6.600.000

82	Ngày 29/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 783808; số chứng từ FT23088004660712 số tiền 4.500.000 đồng	4.500.000
83	Ngày 30/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 821582; số chứng từ FT23089812571705 số tiền 26.300.000 đồng	26.300.000
84	Ngày 30/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23089208400335 số tiền 119.000.000 đồng	119.000.000
85	Ngày 30/03/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 223991; số chứng từ FT23089794630003 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
86	Ngày 03/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 029214; số chứng từ FT23093323550468 số tiền 64.000.000 đồng	64.000.000
87	Ngày 03/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch / Trace 353404; số chứng từ FT23093008000446 số tiền 319.000.000 đồng	319.000.000
88	Ngày 04/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 341929; số chứng từ FT23094184733022 số tiền 7.400.000 đồng	7.400.000
89	Ngày 05/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 862898; số chứng từ FT23095489448550 số tiền 9.000.000 đồng	9.000.000
90	Ngày 05/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23095590538009 số tiền 1.000.000 đồng	1.000.000
91	Ngày 05/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN -Magiaodich / Trace 641911; số chứng từ FT23095098721302 số tiền 4.300.000 đồng	4.300.000
92	Ngày 05/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 864174; số chứng từ FT23095333113720 số tiền 346.859.897 đồng	346.859.897
93	Ngày 06/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 058585; số chứng từ FT23096709779846 số tiền 2.000.000 đồng	2.000.000
94	Ngày 06/04/2023; REACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 932061; số chứng từ FT23096277843845 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
95	Ngày 06/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 018072; số chứng từ FT23096901064998 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000
96	Ngày 06/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch / Trace 796954; số chứng từ FT23096002688594 số tiền 497.600.000 đồng	497.600.000
97	Ngày 06/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 178620; số chứng từ FT23096465765700 số tiền 36.900.000 đồng	36.900.000
98	Ngày 07/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 792314; số chứng từ FT23097334551426 số tiền 18.700.000 đồng	18.700.000

99	Ngày 07/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 847544; số chứng từ FT23097000770770 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
100	Ngày 07/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 846483; số chứng từ FT23097687006305 số tiền 356.000.000 đồng	356.000.000
101	Ngày 07/04/2023; KHACH HANG RUI TIEN; số chứng từ FT23097024273099 số tiền 40.000.000 đồng	40.000.000
102	Ngày 07/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 100723; số chứng từ FT23097094922787 số tiền 11.000.000 đồng	11.000.000
103	Ngày 07/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 849042; số chứng từ FT23097600204050 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
104	Ngày 07/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch /Trace 100086; số chứng từ FT23097648905016 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
105	Ngày 07/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 851763; số chứng từ FT23097763703570 số tiền 2.000.000 đồng	2.000.000
106	Ngày 10/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23100000440401 số tiền 5.800.000 đồng	5.800.000
107	Ngày 10/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 421085; số chứng từ FT23100480598195 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
108	Ngày 11/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 138433; số chứng từ FT23131105299436 số tiền 12.800.000 đồng	12.800.000
109	Ngày 12/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 310753; số chứng từ FT23132103732941 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
110	Ngày 13/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 035064; số chứng từ FT23103000046394 số tiền 68.500.000 đồng	68.500.000
111	Ngày 17/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 566827; số chứng từ FT23107891882394 số tiền 1.708.000 đồng	1.708.000
112	Ngày 17/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 265124; số chứng từ FT23107103943119 số tiền 87.000.000 đồng	87.000.000
113	Ngày 17/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 264237; số chứng từ FT23107207773880 số tiền 4.000.000 đồng	4.000.000
114	Ngày 18/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 886955; số chứng từ FT23108058459383 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
115	Ngày 18/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dịch/Trace 886203; số chứng từ FT23108929100020 số tiền 2.300.000 đồng	2.300.000

116	Ngày 20/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 482588; số chứng từ FT2311006682241'7 số tiền 5.980.000 đồng	5.980.000
117	Ngày 21/04/2023; KH RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 7 67568; số chứng từ FT23.11262283103 số tiền 4.200.000 đồng	4.200.000
118	Ngày 21/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 766908; số chứng từ FT23111437969408 số tiền 5.700.000 đồng	5.700.000
119	Ngày 21/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 767390; số chứng từ FT23111494188448 số tiền 15.700.000 đồng	15.700.000
120	Ngày 24/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN; số chứng từ FT23114067633080 số tiền 1.300.000 đồng	1.300.000
121	Ngày 24/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 088760; số chứng từ FT23114116478351 số tiền 13.050.000 đồng	13.050.000
122	Ngày 24/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 835013; số chứng từ FT23114173194903 số tiền 1.000.000 đồng	1.000.000
123	Ngày 25/04/2023; KHACH HANG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 818717; số chứng từ FT23115207219368 số tiền 11.000.000 đồng	11.000.000
124	Ngày 25/04/2023; KH PHAM VAN NHIEN RUT TIEN; số chứng từ FT23115341060064 số tiền 76.700.000 đồng	76.700.000
125	Ngày 26/04/2023; KH DAO THI BINH RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 507042; số chứng từ FT23116090910800 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
126	Ngày 26/04/2023; KH DAO THI BINH RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 506475; số chứng từ FT23116307802784 số tiền 300.000.000 đồng	300.000.000
127	Ngày 27/04/2023; KH VU TRONG HIEN RUT TIEN EBS - Ma giao dich/ Trace 874767; số chứng từ FT23117365038107 số tiền 8.100.000 đồng	8.100.000
128	Ngày 27/04/2023; KH NGUYEN THÍ HOAI THU RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 873785; số chứng từ FT23117650576000 số tiền 15.300.000 đồng	15.300.000
129	Ngày 28/04/2023; KH QUAN THIEN THACH RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 976365; số chứng từ FT23118504964502 số tiền 3.700.000 đồng	3.700.000
130	Ngày 28/04/2023; KH KIEU THI THU TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 447061; số chứng từ FT23118305540769 số tiền 9.550.000 đồng	9.550.000
131	Ngày 28/04/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 817563; số chứng từ FT23118908611482 số tiền 10.050.000 đồng	10.050.000
132	Ngày 04/05/2023; KH HO THI NGUYET RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 821461; số chứng từ FT23124596344070 số tiền 374.160.000 đồng	374.160.000
133	Ngày 04/05/2023; KH NGUYEN BACH DANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 231824; số chứng từ FT23124829655835 số tiền 4.500.000 đồng	4.500.000

134	Ngày 04/05/2023; KH HA THI THUY PHUONG RUT TIEN HBS -Ma giao dich/ T race 565168; số chứng từ FT23124631871403 số tiền 43.900.000 đồng	43.900.000
135	Ngày 05/05/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TI EN HBS - Ma giao dich' Trace 265365; số chứng từ FT23125271709654 số tiền 13.000.000 đồng	13.000.000
136	Ngày 05/05/2023; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 255661; số chứng từ FT23125387621487 số tiền 3.700.000 đồng	3.700.000
137	Ngày 05/05/2023; KH THAI THANH THUY RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 254848; số chứng từ FT23125987806893 số tiền 25.600.000 đồng	25.600.000
138	Ngày 05/05/2023; KH HA THI THUY PHUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 254037; số chứng từ FT23125998301098 số tiền 29.000.000 đồng	29.000.000
139	Ngày 05/05/2023; KH DAO THI BINH RUT TIEN HBS - Ma g lao dich' Trace 015185; số chứng từ FT23125371617268 số tiền 200.000.000 đồng	200.000.000
140	Ngày 05/05/2023; KH DAO THI BINH RUT TIEN TK - Ma gi ao dtch/ Trace 321013; số chứng từ FT23125880010700 số tiền 300.000.000 đồng	300.000.000
141	Ngày 05/05/2023; KU KIEL) THI THU TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 322444; số chứng từ FT23125304366338 số tiền 6.083.000 đồng	6.083.000
142	Ngày 08/05/2023; KH NGUYEN THI BICH NGA RUT TIEN HBS -Ms giao dich/ Trace 994417; số chứng từ FT23128031547476 số tiền 38.500.000 đồng	38.500.000
143	Ngày 08/05/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao diet Trace 378473; số chứng từ FT23128759791630 số tiền 25.000.000 đồng	25.000.000
144	Ngày 10/05/2023; KH vu THANH HANG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23130058362909 số tiền 1.700.000 đồng	1.700.000
145	Ngày 10/05/2023; KH TRINH THU THUY RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23130059530052 số tiền 25.600.000 đồng	25.600.000
146	Ngày 10/05/2023; KH NGUYEN BACH DANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 018950; số chứng từ FT23130864158939 số tiền 5.200.000 đồng	5.200.000
147	Ngày 11/05/2023; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 372763; số chứng từ FT23131584544601 số tiền 1.680.000 đồng	1.680.000
148	Ngày 12/05/2023; KI I TRAN THI NGOC BICH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 982262; số chứng từ FT23132035735013 số tiền 137.000.000 đồng	137.000.000
149	Ngày 12/05/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g lao dich' Trace 981615; số chứng từ FT23132624403390 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
150	Ngày 15/05/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN - Ma giac diclt/Trace 725509; số chứng từ FT23135246225632 số tiền 80.000.000 đồng	80.000.000

151	Ngày 15/05/2023; KH NGUYEN KHAC TUAN RUT TIEN - Ma giao dich Trace 724959; số chứng từ FT23135844569099 số tiền 9.000.000 đồng	9.000.000
152	Ngày 15/05/2023; KH LY BICH NGOC RUT TIEN - Ma giao dich Trace 990020; số chứng từ FT23135885508491 số tiền 9.500.000 đồng	9.500.000
153	Ngày 15/05/2023; KH NGUYEN THUY QUYNH RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 014897; số chứng từ FT23135503368092 số tiền 122.000.000 đồng	122.000.000
154	Ngày 15/05/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN - Ma giao dich Trace 016198; số chứng từ FT23135679903815 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
155	Ngày 16/05/2023; KH NGUYEN VAN DONG RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 403121; số chứng từ FT23 36904428375 số tiền 70.000.000 đồng	70.000.000
156	Ngày 18/05/2023; KH PHAN TA THANH HU YEN RUT TIEN - Ma giao dich/ Trace 360823; số chứng từ FT23138483002108 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
157	Ngày 18/05/2023; KH PHAM THI VINH RUT TIEN - Ma giao dich Trace 394587; số chứng từ FT23138028406672 số tiền 14.000.000 đồng	14.000.000
158	Ngày 18/05/2023; KH LE THI PHUONG TRANG RUT TIEN - Ma giao dich Trace 540320; số chứng từ FT23138420035479 số tiền 28.500.000 đồng	28.500.000
159	Ngày 22/05/2023; KH HOANG PHI DIEP RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 120016; số chứng từ FT23142884019503 số tiền 1.013.557 đồng	1.013.557
160	Ngày 23/05/2023; KH DAO THI BINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 961573; số chứng từ FT23143417896052 số tiền 300.000.000 đồng	300.000.000
161	Ngày 23/05/2023; KH DAO THI BINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 962434; số chứng từ FT23143670257069 số tiền 259.000.000 đồng	259.000.000
162	Ngày 24/05/2023; KH PHAM THI VINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 977961; số chứng từ FT23144205865594 số tiền 203.500.000 đồng	203.500.000
163	Ngày 24/05/2023; KH VU THANH HANG RUT TIEN HESS; số chứng từ FT23144100603109 số tiền 1.200.000 đồng	1.200.000
164	Ngày 24/05/2023; KH PHAN HONG QUAN RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23144299719084 số tiền 2.000.000 đồng	2.000.000
165	Ngày 25/05/2023; KH HO THI NGUYET RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 936143; số chứng từ FT23145110958824 số tiền 53.000.000 đồng	53.000.000
166	Ngày 25/05/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 479181; số chứng từ FT23145848431127 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
167	Ngày 26/05/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN UBS - Ma giao dich/ Trace 317314; số chứng từ FT23146336452115 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000

168	Ngày 29/05/2023; KH PHAN TA THANH HUYEN RUT TIEN HBS -Ma giao dich./ Trace 771568; số chứng từ FT23149419007550 số tiền 14.000.000 đồng	14.000.000
169	Ngày 30/05/2023; KH TRIEU THUY HANG RUT TIEN MBS - M a giao dich/ Trace 858566; số chứng từ FT23150401790491 số tiền 1.041.938 đồng	1.041.938
170	Ngày 31/05/2023; KH NGUYEN THI THUY RUT TIEN HBS - M a giao dich/Trace 015940; số chứng từ FT23151260233422 số tiền 26.015.000 đồng	26.015.000
171	Ngày 31/05/2023; KH TRAN HAI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich/ Trace 230816; số chứng từ FT23151376099194 số tiền 60.000.000 đồng	60.000.000
172	Ngày 01/06/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS- Ma g iao dich/ Trace 404753; số chứng từ FT23152219110516 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
173	Ngày 01/06/2023; KH PHAN TA THANH HU YEN RUT TIEN HBS -Ma giao dich Trace 403735; số chứng từ FT23152513713535 số tiền 33.100.000 đồng	33.100.000
174	Ngày 02/06/2023; KH PHAM THU TRA RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23153060573943 số tiền 6.100.000 đồng	6.100.000
175	Ngày 02/06/2023; KH NGUYEN TUAN GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 050632; số chứng từ FT23153097004045 số tiền 2.450.000 đồng	2.450.000
176	Ngày 02/06/2023; KH NGUYEN VAN PHONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 051338; số chứng từ FT23153182107394 số tiền 602.154 đồng	602.154
177	Ngày 02/06/2023; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 115281; số chứng từ FT2315308463724 số tiền 3.000.000 đồng	3.000.000
178	Ngày 02/06/2023; KH LE THI PHUONG TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 855695; số chứng từ FT23153601156610 số tiền 18.100.000 đồng	18.100.000
179	Ngày 02/06/2023; KH QUACH VAN HONG RUT TI EN HBS - Ma giao dich/Trace 114613; số chứng từ FT23153937673204 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
180	Ngày 02/06/2023; KH VU THANH HANG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23153700684093 số tiền 3.000.000 đồng	3.000.000
181	Ngày 05/06/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 707027; số chứng từ FT23156908373112 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
182	Ngày 05/06/2023; KH NGUYEN THI THUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 299799; số chứng từ FT23156880816400 số tiền 27.500.000 đồng	27.500.000
183	Ngày 05/06/2023; KH PHAN TA THANH HU YEN RUT TIEN HBS -Ma giao dich/ Trace 300577; số chứng từ FT23156263008865 số tiền 60.000.000 đồng	60.000.000
184	Ngày 05/06/2023; KH LE THI PHUONG TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich.' Trace 301373; số chứng từ FT23156415770001 số tiền 19.000.000 đồng	19.000.000

185	Ngày 05/06/2023; KH TRUONG THANH HA RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 003331; số chứng từ FT23156805243654 số tiền 162.000.000 đồng	162.000.000
186	Ngày 06/06/2023; KH NGUYEN KHAC TUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 895953; số chứng từ FT231570390487.1 số tiền 5.900.000 đồng	5.900.000
187	Ngày 07/06/2023; KH NGUYEN HAI MINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 425060; số chứng từ FT231588053733:3 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
188	Ngày 07/06/2023; KH NGUYEN THI THUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 486423; số chứng từ FT23158803926333 số tiền 12.190.000 đồng	12.190.000
189	Ngày 08/06/2023; KH BUI THI LAN RUT TIEN HBS - Ma gi ao dichK Trace 020493; số chứng từ FT23159601270937 số tiền 109.160.000 đồng	109.160.000
190	Ngày 09/06/2023; KI I DAO THI BINH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich Trace 838273; số chứng từ FT23160626842754 số tiền 300.000.000 đồng	300.000.000
191	Ngày 09/06/2023; KH DAO THI BINH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich Trace 837503; số chứng từ FT23160705634705 số tiền 200.000.000 đồng	200.000.000
192	Ngày 09/06/2023; KH PHAM THU TRA RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23160900030316 số tiền 7.500.000 đồng	7.500.000
193	Ngày 12/06/2023; KH TRAN THI LAN PHUONG RUT TIEN HBS -Ma giao dich/ Trace 886099; số chứng từ FT23163985956722 số tiền 22.500.000 đồng	22.500.000
194	Ngày 13/06/2023; KH NGUYEN THI NGOC HUYEN RUT TIEN H BS -Ma giao dich/ Trace 817054; số chứng từ FT23164533796290 số tiền 43.800.000 đồng	43.800.000
195	Ngày 13/06/2023; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 923714; số chứng từ FT23164027221688 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
196	Ngày 15/06/2023; KH NGUYEN VAN DONG RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 704265; số chứng từ FT23166827867951 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
197	Ngày 15/06/2023; KH NGUYEN HOANG ANH RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23166015450687 số tiền 22.700.000 đồng	22.700.000
198	Ngày 15/06/2023; KH PHAN TA THANH HUYEN RUT TIEN HBS -Ma giao dich/ Trace 531550; số chứng từ FT23166216545484 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
199	Ngày 16/06/2023; KH TRAN THI THU Y GIANG RUT TIEN BBS - Ma giao dich/ Trace 954824; số chứng từ FT23167178589525 số tiền 180.000.000 đồng	180.000.000
200	Ngày 16/06/2023; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 253803; số chứng từ FT23167790286149 số tiền 1.000.000 đồng	1.000.000
201	Ngày 20/06/2023; KH LE TRUNG DUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 369922; số chứng từ FT23171062566000 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000

202	Ngày 21/06/2023; KH NGUYEN XUAN BIEN RUT TIEN BBS - Ma giao dịch/ Trace 598208; số chứng từ FT23172132008012 số tiền 4.775.512 đồng	4.775.512
203	Ngày 22/06/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 811791; số chứng từ FT23173556890607 số tiền 51.000.000 đồng	51.000.000
204	Ngày 26/06/2023; KH I RAN THI THUY GIANG RUT TIEN - M a giao dịch/ Trace 638405; số chứng từ FT23177929542100 số tiền 55.000.000 đồng	55.000.000
205	Ngày 27/06/2023; KH TRAN THANH TỰ RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/Trace 169173; số chứng từ FT2317805705647C số tiền 211.155.460 đồng	211.155.460
206	Ngày 27/06/2023; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN I IBS - Ma giao dịch/ Trace 036371; số chứng từ FT23178624973232 số tiền 470.000.000 đồng	470.000.000
207	Ngày 27/06/2023; KH DUONG THI I VAN ANH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 605196; số chứng từ FT23178042407290' số tiền 172.900.000 đồng	172.900.000
208	Ngày 27/06/2023; KH PHAN TA THANH HUYEN RUT TIEN HBS -Ma giao dịch/ Trace 605721; số chứng từ FT23178280450305 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
209	Ngày 28/06/2023; KH DAO THU THUY RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 501695; số chứng từ FT23179464073357 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
210	Ngày 28/06/2023; KH VU TRONG HIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 687206; số chứng từ FT23179570960070 số tiền 26.000.000 đồng	26.000.000
211	Ngày 29/06/2023; KH NGUYEN THI THANH HUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 060580; số chứng từ FT23180863027051 số tiền 6.800.000 đồng	6.800.000
212	Ngày 29/06/2023; KH PHAM THI NGOC HA RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 080221; số chứng từ FT23180300037653 số tiền 24.000.000 đồng	24.000.000
213	Ngày 30/06/2023; KH TRUONG TIANH TUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 236542; số chứng từ FT23181701289135 số tiền 19.000.000 đồng	19.000.000
214	Ngày 30/06/2023; KH TRAN VAN CHI RUT TIEN HBS - Ma g iao dịch Trace 235244; số chứng từ FT23181830157884 số tiền 1.500.000 đồng	1.500.000
215	Ngày 30/06/2023; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 775235; số chứng từ FT23131636945538 số tiền 63.000.000 đồng	63.000.000
216	Ngày 30/06/2023; KH NGUYEN BACH DANG RUT TIEN FIBS - Ma giao dịch/ Trace 143031; số chứng từ FT23181125941080 số tiền 13.000.000 đồng	13.000.000
217	Ngày 30/06/2023; KH DAO THU THUY RUT TIEN HBS - Ma g iao dịch/Trace 145235; số chứng từ FT23181256695051 số tiền 19.000.000 đồng	19.000.000
218	Ngày 30/06/2023; KH KIM THI HAO RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23181807920659 số tiền 15.200.000 đồng	15.200.000

219	Ngày 04/07/2023; KH Nguyen van dong ri J i TIEN I ibs - m a giao dich Trace 058759; số chứng từ FT23185047814830 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
220	Ngày 05/07/2023; KH BUI THI LAN RUT TIEN I IBS - Ma gi ao dich Trace 002660; số chứng từ FT23 1 86652335072 số tiền 13.380.000 đồng	13.380.000
221	Ngày 06/07/2023; KH HO thi NGUYET RUT TIEN HBS - Ma giao dich' Trace 664774; số chứng từ FT23187580112810 số tiền 300.000.000 đồng	300.000.000
222	Ngày 06/07/2023; KH NGUYEN THI HUE RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23187130100843 số tiền 50.400.000 đồng	50.400.000
223	Ngày 06/07/2023; ri i ho thi nguyet rut tien hbs - ma giao dich Trace 870509; số chứng từ FT23187469599370 số tiền 489.800.000 đồng	489.800.000
224	Ngày 06/07/2023; KH TRAN THI THU HAO RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 591459; số chứng từ FT23187620490877 số tiền 65.000.000 đồng	65.000.000
225	Ngày 07/07/2023; KH I. Y BICH NGOC RUT TIEN HBS - Ma g tao dich/ Trace 191988; số chứng từ FT23188700917398 số tiền 1.350.000 đồng	1.350.000
226	Ngày 10/07/2023; KH PHAM THI NGOC HA HBS - Ma giao d ich/ Trace 999320; số chứng từ FT23191664743466 số tiền 3.000.000 đồng	3.000.000
227	Ngày 10/07/2023; KH LUONG THI KIM OANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 998477; số chứng từ FT23191871235080 số tiền 23.600.000 đồng	23.600.000
228	Ngày 10/07/2023; KH DOAN THU HANG MARIA RUT TIEN HBS -Ma giao dich/ Trace 282403; số chứng từ FT23191674210920 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
229	Ngày 11/07/2023; KH TRAN VAN CHI RUT TIEN HBS - Ma giao dichTrace 089980; số chứng từ FT23192050241866 số tiền 1.600.000 đồng	1.600.000
230	Ngày 11/07/2023; KH NGUYEN THANH THAO RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 954870; số chứng từ FT23192950287807 số tiền 3.100.000 đồng	3.100.000
231	Ngày 11/07/2023; KH LE Tii BANG TAM RUT TIEN HBS - M a giao dich Trace 079967; số chứng từ FT23192579412772 số tiền 39.700.000 đồng	39.700.000
232	Ngày 11/07/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich Trace 368248; số chứng từ FT23192784049025 số tiền 17.000.000 đồng	17.000.000
233	Ngày 11/07/2023; KH NGU YEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 933878; số chứng từ FT23192837229484 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
234	Ngày 12/07/2023; KI I TRI IONG THANH TUNG RUT TIEN I IBS - Ma giao dielv Trace 192971; số chứng từ FT23193237575784 số tiền 59.300.000 đồng	59.300.000
235	Ngày 12/07/2023; KU TRAN VAN LUU RUT TIEN UBS-Mag tao di h Trace 045680; số chứng từ IT23193303931756 số tiền 65.900.000 đồng	65.900.000

236	Ngày 12/07/2023; KH NGUYEN THU HUYEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 817009; số chứng từ 1 1'23193790452034 số tiền 11.000.000 đồng	11.000.000
237	Ngày 12/07/2023; KH TRAN vu LONG RUT TIEN HBS - Ma g lao dich Trace 819772; số chứng từ 1 T23193255841436 số tiền 17.000.000 đồng	17.000.000
238	Ngày 12/07/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 818108; số chứng từ FT23193904090510 số tiền 186.000.000 đồng	186.000.000
239	Ngày 12/07/2023; ku TRAN VAN CHI RUI TIEN FIBS - Ma g lao dich Trace 597085; số chứng từ FT23193082056370 số tiền 4.500.000 đồng	4.500.000
240	Ngày 12/07/2023; KH NGUYENTHI HOAI THU RITTIEN HBS - Ma Cao dich Trace 597895; số chứng từ 1-T23193563187239 số tiền 19.500.000 đồng	19.500.000
241	Ngày 14/07/2023; KH TRAN TM THU HAO RUT TIEN I IBS - Ma giao dich ■ Trace 436865; số chứng từ FT23195339450161 số tiền 47.000.000 đồng	47.000.000
242	Ngày 14/07/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 282152; số chứng từ FT23195400313510 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
243	Ngày 17/07/2023; KH LE THI BANG TAM RUT TIEN HBS - M a giao dich.'Trace 779287; số chứng từ FT23198002484393 số tiền 43.000.000 đồng	43.000.000
244	Ngày 17/07/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 778815; số chứng từ FT23198237107501 số tiền 51.000.000 đồng	51.000.000
245	Ngày 18/07/2023; KH NGUYEN QUANG DUC RUT TIEN HBS - Ma giao dicin' Trace 822808; số chứng từ FT23199720706864 số tiền 43.800.000 đồng	43.800.000
246	Ngày 18/07/2023; KH TRAN 11 II THU Y GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich' Trace 378726; số chứng từ FT23199665974066 số tiền 150.000.000 đồng	150.000.000
247	Ngày 18/07/2023; KI 1 NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN BBS - Ma giao dich/ Trace 422145; số chứng từ FT23199337237501 số tiền 9.000.000 đồng	9.000.000
248	Ngày 19/07/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Mb giao dich/ Trace 316155; số chứng từ FT23200442536895 số tiền 132.000.000 đồng	132.000.000
249	Ngày 19/07/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iac dice Trace 438074; số chứng từ FT23200715753569 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
250	Ngày 20/07/2023; KH NGUYEN VAN DONG RUT TIEN HBS - M a giao dich Trace 765855; số chứng từ FT23201811501200 số tiền 40.000.000 đồng	40.000.000
251	Ngày 20/07/2023; KI 1 PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iac dich Trace 605323; số chứng từ FT23201317984826 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000

252	Ngày 21/07/2023; KH w THI HUE RUT TIEN UBS - Ma gia 0 dịch Trace 652872; số chứng từ FT23202204013736 số tiền 6.000.000 đồng	6.000.000
253	Ngày 21/07/2023; KI 1 DAO TUI BINH RI 'HEN 1 IBS - Ma g iao dịch Trace 863 557; số chứng từ FT23202344505K0 số tiền 353.000.000 đồng	353.000.000
254	Ngày 24/07/2023; KI 1 PI IAM TIII NHI ' TI A IT KÍT TIEN I IBS - Ma giao dịch Trace 915865; số chứng từ FT23205552720249 số tiền 280.000.000 đồng	280.000.000
255	Ngày 24/07/2023; KI 1 NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dịch' Trace 918040; số chứng từ FT23205318378505 số tiền 4.400.000 đồng	4.400.000
256	Ngày 24/07/2023; i<H VU TRONG HIEN RUT TIEN BBS - Ma giao dịch Trace 627958; số chứng từ FT23205215212049 số tiền 176.500.000 đồng	176.500.000
257	Ngày 25/07/2023; KH PHAM THI ANH RI 1 I U N HBS - Ma g iao dịch» Trace 841433; số chứng từ FT23206192520974 số tiền 12.000.000 đồng	12.000.000
258	Ngày 25/07/2023; KH VUONG THI THU BINH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch- Trace 449064; số chứng từ FT23208578328807 số tiền 7.000.000 đồng	7.000.000
259	Ngày 27/07/2023; KI I MAI THI BACH YEN RUT TIEN BBS - Ma gia© dịch Trace 295580; số chứng từ FT23208272619104 số tiền 4.000.000 đồng	4.000.000
260	Ngày 27/07/2023; KH VU TRONG HIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 508174; số chứng từ FT23208807059577 số tiền 70.500.000 đồng	70.500.000
261	Ngày 27/07/2023; Ki I TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Mi giao dịch/ Trace 518300; số chứng từ 11232080321118'6 số tiền 59.500.000 đồng	59.500.000
262	Ngày 28/07/2023; KH NGUYEN HOANG ANII RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 718350; số chứng từ FT23209802498080 số tiền 7.880.000 đồng	7.880.000
263	Ngày 31/07/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN UBS - Ma g tao dịch-Trace 323662; số chứng từ FT23212209651040 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
264	Ngày 03/08/2023; KH NGUYEN THUY THUY RUT TIEN HBS - M a giao dịch Trace 000768; số chứng từ FT23215034444070 số tiền 1.900.000 đồng	1.900.000
265	Ngày 03/08/2023; KH VU THANH HANG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23215360937413 số tiền 2.200.000 đồng	2.200.000
266	Ngày 03/08/2023; KH NGO TUAN TRUONG RUT TIEN TK - Ma giao dịch Trace 003181; số chứng từ FT23215478303106 số tiền 5.900.000 đồng	5.900.000
267	Ngày 03/08/2023; KH LE TIEN HOAN RUT TIEN HBS Ma giao dịch Trace 157704; số chứng từ FT23215075566041 số tiền 750.000 đồng	750.000
268	Ngày 04/08/2023; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 631575; số chứng từ FT23216020400680 số tiền 5.700.000 đồng	5.700.000

269	Ngày 04/08/2023; KH NGUYEN BACH DANG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 039639; số chứng từ FT23216499273689 số tiền 4.800.000 đồng	4.800.000
270	Ngày 04/08/2023; CHUYEN KHOAN NOI BO - Ma giao dịch Trace 926977; số chứng từ FT23216651034468 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000
271	Ngày 07/08/2023; KH NGUYEN THI NGOC LUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 253473; số chứng từ FT23219220413761 số tiền 1.200.000 đồng	1.200.000
272	Ngày 09/08/2023; KH NGUYEN THUY QUYNH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 622835; số chứng từ FT23221935143571 số tiền 1.200.000 đồng	1.200.000
273	Ngày 09/08/2023; KH NGUYEN KHAC TUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 632365; số chứng từ FT23221001051728 số tiền 13.300.000 đồng	13.300.000
274	Ngày 10/08/2023; KH LE MINH TRI RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 554794; số chứng từ FT23222026458070 số tiền 2.300.000 đồng	2.300.000
275	Ngày 10/08/2023; KH LE HOANG LONG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 855493; số chứng từ FT23222000365990 số tiền 236.000 đồng	236.000
276	Ngày 10/08/2023; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 854949; số chứng từ FT23222728410483 số tiền 11.300.000 đồng	11.300.000
277	Ngày 11/08/2023; KH NGUYEN BACH DANG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 760419; số chứng từ FT23223437542027 số tiền 1.900.000 đồng	1.900.000
278	Ngày 15/08/2023; KH NGUYEN VAN DONG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 042380; số chứng từ FT23227027540894 số tiền 39.700.000 đồng	39.700.000
279	Ngày 16/08/2023; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 043006; số chứng từ FT23228888830724 số tiền 9.800.000 đồng	9.800.000
280	Ngày 16/08/2023; KH LE THI PHUONG TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 775036; số chứng từ FT23228709375073 số tiền 15.700.000 đồng	15.700.000
281	Ngày 16/08/2023; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 782015; số chứng từ FT23228961100040 số tiền 109.178.000 đồng	109.178.000
282	Ngày 16/08/2023; KH TRUONG THANH HA RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 007677; số chứng từ FT23228009423304 số tiền 134.516.000 đồng	134.516.000
283	Ngày 18/08/2023; KH LUU MANH HUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 610726; số chứng từ FT23230090870931 số tiền 2.000.000 đồng	2.000.000
284	Ngày 18/08/2023; KH MAI THI BACH YEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 820763; số chứng từ FT23230687683288 số tiền 12.000.000 đồng	12.000.000
285	Ngày 18/08/2023; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Ma giao dịch Trace 760736; số chứng từ FT23230162033204 số tiền 14.800.000 đồng	14.800.000

286	Ngày 18/08/2023; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 762123; số chứng từ FT23230190243361 số tiền 292.000.000 đồng	292.000.000
287	Ngày 21/08/2023; KH LE MINH TRI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 902852; số chứng từ FT23233478669081 số tiền 9.500.000 đồng	9.500.000
288	Ngày 21/08/2023; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 847515; số chứng từ FT232333000083766 số tiền 1.400.000 đồng	1.400.000
289	Ngày 23/08/2023; KH NGUYEN THI KIM THANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 789111; số chứng từ FT23235416498200 số tiền 115.500.000 đồng	115.500.000
290	Ngày 25/08/2023; KH HOANG QUY THUC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 434826; số chứng từ FT23237729452603 số tiền 189.000.000 đồng	189.000.000
291	Ngày 28/08/2023; KH NGUYEN THI THANH HUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 236284; số chứng từ FT23240398311505 số tiền 8.500.000 đồng	8.500.000
292	Ngày 28/08/2023; KH TRAN DUC THAO RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 050410; số chứng từ FT23240690945010 số tiền 8.500.000 đồng	8.500.000
293	Ngày 28/08/2023; KH HOANG QUY THUC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 771710; số chứng từ FT23240086094479 số tiền 396.000.000 đồng	396.000.000
294	Ngày 28/08/2023; KH HOANG QUY THUC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 508223; số chứng từ FT23240110233269 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
295	Ngày 28/08/2023; KH HOANG QUY THUC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 772791; số chứng từ FT23240426806904 số tiền 480.000.000 đồng	480.000.000
296	Ngày 28/08/2023; KH HOANG QUY THUC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 773519; số chứng từ FT23240581797080 số tiền 450.000.000 đồng	450.000.000
297	Ngày 29/08/2023; KH NGUYEN THI HONG NHUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 772585; số chứng từ FT23241926732667 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
298	Ngày 30/08/2023; KH CHU THUY TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 647933; số chứng từ FT23242643050234 số tiền 40.300.000 đồng	40.300.000
299	Ngày 30/08/2023; KH TOAN LUONG VU RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 546967; số chứng từ FT23242392132951 số tiền 8.000.000 đồng	8.000.000
300	Ngày 31/08/2023; KH NGUYEN BACH DANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 877065; số chứng từ FT23243211008469 số tiền 4.400.000 đồng	4.400.000
301	Ngày 31/08/2023; KH HA TRUNG KIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 876391; số chứng từ FT23243231675396 số tiền 55.000.000 đồng	55.000.000
302	Ngày 31/08/2023; KH TRAN VAN CHI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 050430; số chứng từ FT23243036857767 số tiền 55.000.000 đồng	55.000.000

303	Ngày 05/09/2023; KH vụ THANH HANG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23248050732440 số tiền 500.000 đồng	500.000
304	Ngày 05/09/2023; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 056780; số chứng từ FT23248048535482 số tiền 1.200.000 đồng	1.200.000
305	Ngày 06/09/2023; KH TRAN THI THUYGIANG RUT TIEN UBS; số chứng từ FT23249043930364 số tiền 173.000.000 đồng	173.000.000
306	Ngày 06/09/2023; KH VO THI THUY HOA RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/Trace 137020; số chứng từ FT23249021968206 số tiền 76.431 đồng	76.431
307	Ngày 06/09/2023; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 138478; số chứng từ FT23249560994415 số tiền 25.300.000 đồng	25.300.000
308	Ngày 06/09/2023; KI I NGUYEN HOANG MINH RUT TIEN UBS - Ma giao dich/Trace 137674; số chứng từ FT23249580652223 số tiền 33.151 đồng	33.151
309	Ngày 07/09/2023; KH NGUYEN TII VAN RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 832003; số chứng từ FT23250304498150 số tiền 3.774.000 đồng	3.774.000
310	Ngày 07/09/2023; KH HO THI NGUYET RUT TIEN UBS - Ma giao dich/ Trace 711622; số chứng từ FT23250780150037 số tiền 3.800.000 đồng	3.800.000
311	Ngày 07/09/2023; KH TRAN VAN CI II RUT TIEN I IBS - Ma g iao dich/ Trace 353671; số chứng từ FT23250051458296 số tiền 8.000.000 đồng	8.000.000
312	Ngày 08/09/2023; KH NGUYEN TH I PHUONG I HUY RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 836094; số chứng từ FT23251258135870 số tiền 248.200.000 đồng	248.200.000
313	Ngày 08/09/2023; KI I LE VAN TI IANH RUT TIEN I IBS - Ma g iao dich/ Trace 837084; số chứng từ FT23251290781840 số tiền 417.200.000 đồng	417.200.000
314	Ngày 08/09/2023; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/Trace 143988; số chứng từ FT23251633700497 số tiền 11.100.000 đồng	11.100.000
315	Ngày 08/09/2023; KI I LE DAI NGHIA RUT TIEN UBS; số chứng từ FT23251800621300 số tiền 4.900.000 đồng	4.900.000
316	Ngày 08/09/2023; KI I KHUÔNG THI KIEU OANH RUT TIEN HB S -Ma giaodich/Trace 146595; số chứng từ FT23251237093898 số tiền 2.194.000 đồng	2.194.000
317	Ngày 08/09/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 838358; số chứng từ FT23251566201184 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
318	Ngày 11/09/2023; KH TRAN THI TUYET MAI; số chứng từ FT23254004110700 số tiền 400.000 đồng	400.000
319	Ngày 11/09/2023; KH vụ Ti II MINI I TI IU RUT TIEN I IBS - M a giao dich/ Trace 639954; số chứng từ FT23254596143583 số tiền 1.780.000 đồng	1.780.000
320	Ngày 11/09/2023; KH NGUYEN BICH NGOC RUT TIEN I IBS; số chứng từ FT23254710530284 số tiền 32.900.000 đồng	32.900.000

321	Ngày 11/09/2023; KI I NGUYEN TRAN LAM PI II JOC RUT TIEN 11 BS - Ma giao dich/ Trace 021200; số chứng từ FT23254781850106 số tiền 653.000 đồng	653.000
322	Ngày 11/09/2023; KH PHAN TI III LONG ANH RUT TIEN MBS - Ma giao dich/ Trace 646646; số chứng từ FT23254509896982 số tiền 3.900.000 đồng	3.900.000
323	Ngày 11/09/2023; KI I NGUYEN II II THUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 043134; số chứng từ FT23254003827484 số tiền 207.912.000 đồng	207.912.000
324	Ngày 11/09/2023; KH NGUYEN THI THUAN RU T TIEN UBS - Ma giao dich/ Trace 043869; số chứng từ FT23254830854094 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
325	Ngày 11/09/2023; KH NGUYEN TI II HAI DUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 205797; số chứng từ FT23254461040991 số tiền 1.345.000 đồng	1.345.000
326	Ngày 11/09/2023; KH NGUYEN THI ANH PHUONG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23254012318920 số tiền 5.668.000 đồng	5.668.000
327	Ngày 11/09/2023; KH PHAM THI NHU TU YET RUT TIEN MBS - Ma giao dich/ Trace 721285; số chứng từ FT23254052305785 số tiền 422.500.000 đồng	422.500.000
328	Ngày 11/09/2023; KH DINH I TIEN THANH I RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 722182; số chứng từ FT23254461224329 số tiền 15.200.000 đồng	15.200.000
329	Ngày 11/09/2023; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS- Ma giao dich/ Trace 243456; số chứng từ FT23254840000132 số tiền 336.600.000 đồng	336.600.000
330	Ngày 11/09/2023; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 724186; số chứng từ FT23254924876005 số tiền 336.600.000 đồng	336.600.000
331	Ngày 11/09/2023; KI I TRUONG THE N I AN RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 047523; số chứng từ FT23254120240580 số tiền 996.000 đồng	996.000
332	Ngày 12/09/2023; KHVU TRONG HIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 705286; số chứng từ FT23255050006768 số tiền 24.500.000 đồng	24.500.000
333	Ngày 12/09/2023; KH NGUYEN THI THU HA RUT TIEN HBS- Ma giao dich/ Trace 706099; số chứng từ FT23255463800549 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
334	Ngày 13/09/2023; KH PHAN HONG OU AN RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23256167440619 số tiền 62.900.000 đồng	62.900.000
335	Ngày 13/09/2023; KH LE THI BANG TAM RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 259409; số chứng từ FT23256822765350 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
336	Ngày 13/09/2023; KI I BUI DUC TI IAN RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 422139; số chứng từ FT23256465097550 số tiền 57.200.000 đồng	57.200.000
337	Ngày 14/09/2023; KI I DOAN I HU I IANG MARIA RU T TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 2585 14; số chứng từ FT23257650520458 số tiền 6.700.000 đồng	6.700.000

338	Ngày 14/09/2023; KI 1 QU ACII VAN 1 K)NG RI IT 1 INN 1 IBS - Ma giao dịch Trace 192522; số chứng từ FT23257524061725 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
339	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA N(11' RUT TIEN TK - Ma g iao dịch Trace 432673; số chứng từ 1-1'2325X03585(1640 số tiền 480.000.000 đồng	480.000.000
340	Ngày 15/09/2023; KI 1 NGUYEN GA Nop RI 1 IIEN TK - Ma giao dịch Trace 494490; số chứng từ F 1'23258049580883 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
341	Ngày 15/09/2023; KI 1 NGUYEN GA NOP RUI HEN UBS-Ma giao dịch Trace 493453; số chứng từ FT23258050606912 số tiền 420.000.000 đồng	420.000.000
342	Ngày 15/09/2023; KI 1 NGUYEN GA NOP RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dịch/ Trace 431363; số chứng từ FT23258599082035 số tiền 110.000.000 đồng	110.000.000
343	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA NOP RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/Trace 919778; số chứng từ FT23258067480209 số tiền 193.000.000 đồng	193.000.000
344	Ngày 15/09/2023; KH PHAM VAN DUY RUT TIEN 1 IBS - Ma g iao dịch/ Trace 919319; số chứng từ FT23258911786124 số tiền 1.078.000 đồng	1.078.000
345	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA NOP RU T TIEN HBS - Ma giao dịch/Trace 120653; số chứng từ FT23258040000559 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
346	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA NOP RU T TIEN I IBS - Ma giao dịch/Trace 957221; số chứng từ FT23258765053693 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
347	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA NOP RU T TIEN UBS - Ma giao dịch/ Trace 968037; số chứng từ FT23258411160714 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
348	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA NOP RUT TIEN I IBS - Ma giao dịch/ Trace 132490; số chứng từ FT23258484193008 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
349	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA NOP RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 969497; số chứng từ FT23258530394646 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
350	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA NOP RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/Trace 135760; số chứng từ FT23258200429120 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
351	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN GA NOP RUT TIEN I IBS - Ma giao dịch/ Trace 970384; số chứng từ FT23258365274455 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
352	Ngày 15/09/2023; KI 1 NGUYEN GA NOP RUT TIEN I IBS - Ma giao dịch/ Trace 134962; số chứng từ FT23258630488015 số tiền 490.000.000 đồng	490.000.000
353	Ngày 15/09/2023; KI 1 TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 279820; số chứng từ FT23258686475829 số tiền 27.000.000 đồng	27.000.000
354	Ngày 15/09/2023; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS-Ma giao dịch/ Trace 281419; số chứng từ FT23258896039031 số tiền 106.900.000 đồng	106.900.000

355	Ngày 15/09/2023; MONEY MATCH HR TAG SDN BHD - Ma gia 0 dich/Trace 284271; số chứng từ FT23258926380120 số tiền 25.000.000 đồng	25.000.000
356	Ngày 18/09/2023; KH vu THANH HANG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT23261052061218 số tiền 2.990.000 đồng	2.990.000
357	Ngày 18/09/2023; KII LEQUYNH TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 054171; số chứng từ FT23261842167075 số tiền 9.400.000 đồng	9.400.000
358	Ngày 18/09/2023; KI 1 VU TRONG HIEN RU T TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 237968; số chứng từ FT23261990860155 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
359	Ngày 19/09/2023; KI 1 TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN UBS - Ma giao dich/ Trace 047532; số chứng từ FT23262754833344 số tiền 82.000.000 đồng	82.000.000
360	Ngày 20/09/2023; KI 11 IO TI II NGUYET RUT TIEN I IBS; số chứng từ FT23263124600770 số tiền 41.000.000 đồng	41.000.000
361	Ngày 20/09/2023; KI 1 PI LAN VIET HUNG RUT TIEN TK - Ma giao dich/ Trace 630309; số chứng từ FT23263893460117 số tiền 5.500.000 đồng	5.500.000
362	Ngày 20/09/2023; KH NGUYEN BICH NGOC RUT TIEN UBS; số chứng từ FT23263801878408 số tiền 12.015.000 đồng	12.015.000
363	Ngày 21/09/2023; KU KIM TUI HAO RUT TIEN I IBS; số chứng từ FT23264108496969 số tiền 13.995.000 đồng	13.995.000
364	Ngày 21/09/2023; KI 1 NGO TUI HONG HA RUT TIEN UBS - M a giao dich/Trace 343195; số chứng từ FT23264400944776 số tiền 434.200.000 đồng	434.200.000
365	Ngày 22/09/2023; KH NGUYEN HOANG VIET RU T TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 263444; số chứng từ FT23265046691464 số tiền 4.350.000 đồng	4.350.000
366	Ngày 25/09/2023; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN I IBS; số chứng từ FT23268498364755 số tiền 13.000.000 đồng	13.000.000
367	Ngày 25/09/2023; KH PI LAN TA THANH HUYEN RUT TIEN I IBS -Ma giao dich/ Trace 508890; số chứng từ FT23268624245111 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
368	Ngày 25/09/2023; KH NGUYEN TILL THU DUNG RUT TIEN TK; số chứng từ FT23268207017858 số tiền 64.000.000 đồng	64.000.000
369	Ngày 26/09/2023; KII PHAM TILL ANH RUT TIEN HRS - Ma g iaodich/ Trace 550258; số chứng từ FT23269940706920 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
370	Ngày 26/09/2023; KU PHAN TA THANH HU YEN RUTHEN I IBS -Ma giao dich Trace 550867; số chứng từ 1'123269020686284 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
371	Ngày 27/09/2023; KI 1 PHAM TI II ANH RUT TIEN I IBS - Ma g lao dich Trace 819920; số chứng từ FT23270010835417 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
372	Ngày 27/09/2023; KHTRAN rill HIUYGIANG RU T TIEN HBS -Ma giao dich 'l race 820513; số chứng từ FT23270268232511 số tiền 180.000.000 đồng	180.000.000
373	Ngày 27/09/2023; KH LOAN LUONG VII RUT TIEN UBS - Ma giao dich Trace 22.3919; số chứng từ IT23270515435105 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000

374	Ngày 27/09/2023; KH NGUYEN DAC QUANG RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dịch Trace 287330; số chứng từ 1'1'23270656980520 số tiền 15.200.000 đồng	15.200.000
375	Ngày 28/09/2023; KI 1 VU TRONG 1 HEN RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dịch/Trace 714114; số chứng từ FT23271477393993 số tiền 23.500.000 đồng	23.500.000
376	Ngày 02/10/2023; KI 1 NGUYEN BACH DANG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch- Trace 961947; số chứng từ FT23275658560513 số tiền 4.800.000 đồng	4.800.000
377	Ngày 03/10/2023; KH NGUYEN BACH DANG RU T TIEN 1 IBS - Ma giao dịch/ Trace 231300; số chứng từ FT23276794182519 số tiền 3.000.000 đồng	3.000.000
378	Ngày 03/10/2023; KH LU THI CHUNG RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dịch/ Trace 361943; số chứng từ FT23276635003053 số tiền 500.000 đồng	500.000
379	Ngày 04/10/2023; KH TOAN LUONG vu RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dịch/Trace 176661; số chứng từ FT23277780910438 số tiền 9.600.000 đồng	9.600.000
380	Ngày 06/10/2023; KH PHAN TA TI IANH HU YEN RUT TIEN HBS -Ma giao dịch/ Trace 427992; số chứng từ FT23279542244500 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
381	Ngày 09/10/2023; KH NGUYEN THU Y LINH RUT TIEN HBS- Ma giao dịch/ Trace 390987; số chứng từ FT23282439029041 số tiền 19.000.000 đồng	19.000.000
382	Ngày 10/10/2023; KI 1 PHAM THE THACH RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dịch/ Trace 038665; số chứng từ FT23283262500846 số tiền 1.300.000 đồng	1.300.000
383	Ngày 10/10/2023; KH PI I AM THI KIEU LIEN RUT TIEN 1 IBS - Ma giao di ch/ Trace 440649; số chứng từ FT23283859404490 số tiền 22.000.000 đồng	22.000.000
384	Ngày 10/10/2023; KH TOAN LUONG vu RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 066844; số chứng từ FT23283251818762 số tiền 13.400.000 đồng	13.400.000
385	Ngày 11/10/2023; KH TRUONG TI IANH TUNG RU T TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 935561; số chứng từ FT23284866087604 số tiền 13.800.000 đồng	13.800.000
386	Ngày 12/10/2023; KH NGUYEN HOANG ANH RUT TIEN 1 IBS; số chứng từ FT23285792794560 số tiền 24.600.000 đồng	24.600.000
387	Ngày 12/10/2023; KI 1 NGUYEN BACH DANG RUT TIEN UBS - Ma giao dịch/ Trace 676986; số chứng từ FT23285151135003 số tiền 5.300.000 đồng	5.300.000
388	Ngày 12/10/2023; KU NGUYEN THI NU RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dịch/Trace 878215; số chứng từ FT23285473218308 số tiền 35.000.000 đồng	35.000.000
389	Ngày 13/10/2023; Kf 1 NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN UBS - Ma giao dịch/ Trace 240045; số chứng từ FT23286762082809 số tiền 38.000.000 đồng	38.000.000
390	Ngày 13/10/2023; KU 1 IO THII NGUYET RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dịch/ Trace 634310; số chứng từ FT23286855666676 số tiền 15.300.000 đồng	15.300.000

391	Ngày 13/10/2023; KI I MAI THI BACU YEN RUT TIEN UBS - Ma giao dich/ Trace 917611; số chứng từ FT23286546910879 số tiền 7.000.000 đồng	7.000.000
392	Ngày 17/10/2023; KU PI I AM T111 ANU RUT TIEN TK - Ma gi ao dich/ Trace 528213; số chứng từ FT23290380042393 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
393	Ngày 20/10/2023; KH NGUYEN THUY MEN RUT TIEN UBS; số chứng từ F 1'23293024180254 số tiền 18.000.000 đồng	18.000.000
394	Ngày 23/10/2023; KI I PI I AN TA THANH I I I U YEN RUT TIEN I IBS -Ma giao dich/ Trace 871878; số chứng từ FT23296004909907 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
395	Ngày 23/10/2023; KU NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 874957; số chứng từ FT23296072260512 số tiền 2.500.000 đồng	2.500.000
396	Ngày 24/10/2023; KH PHAM DUY LINH RUT TIEN UBS - Ma giao dich/ Trace 529094; số chứng từ FT23297078710446 số tiền 63.900.000 đồng	63.900.000
397	Ngày 24/10/2023; KII PHAM Tin ANH RUT TIEN HBS-Mag iaodich Trace 157202; số chứng từ FT23297309694322 số tiền 6.000.000 đồng	6.000.000
398	Ngày 27/10/2023; KH NGUYEN BACH DANG RUT TIEN HBS- Ma giao dich Trace 992236; số chứng từ FT23300243320820 số tiền 7.000.000 đồng	7.000.000
399	Ngày 27/10/2023; KII LETHI PHUONG TRANG RUT TIEN IIBS - Ma giao dich Trace 991503; số chứng từ FT23300736277022 số tiền 14.470.000 đồng	14.470.000
400	Ngày 31/10/2023; KU NGUYEN VAN DONG RU I TIEN HBS - M a giao dich Trace 009518; số chứng từ FT23304914608667 số tiền 27.000.000 đồng	27.000.000
401	Ngày 02/11/2023; KII LI TRUNG DUNG RUT TIEN I IBS - Ma giao di ch Trace 312016; số chứng từ FT23306125073343 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000
402	Ngày 02/11/2023; KI I LOAN LI () NG va RUT TIEN I IBS - Ma giao dich Trace 924113; số chứng từ I- 1'23306599180579 số tiền 6.490.000 đồng	6.490.000
403	Ngày 06/11/2023; KH LEQUYNH TRANG RUT TIEN KBS - Ma giao dich/Trace 160120; số chứng từ FT23310670619546 số tiền 3.600.000 đồng	3.600.000
404	Ngày 07/11/2023; KH NGUYEN I I OANG VIET RUT TIEN I IRS - Ma giao dich/ Trace 826886; số chứng từ FT23311009193788 số tiền 2.600.000 đồng	2.600.000
405	Ngày 07/11/2023; KH NGUYEN Ti II HAI RUT TIEN KBS - Ma giao dich/Trace 827399; số chứng từ FT23311947808305 số tiền 42.000.000 đồng	42.000.000
406	Ngày 09/11/2023; KH PHAM TRUONG MINH RUT TIEN UBS - Ma giao dich/ Trace 095011; số chứng từ FT23313160002334 số tiền 450.000.000 đồng	450.000.000
407	Ngày 09/11/2023; KH PHAM TRUONG MINH RUT TIEN UBS - Ma giao dich' Trace 094097; số chứng từ FT23313308931331 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000

408	Ngày 10/11/2023; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 484522; số chứng từ FT23314748906070 số tiền 110.000.000 đồng	110.000.000
409	Ngày 13/11/2023; KH LE THI HIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 499927; số chứng từ FT23317900399279 số tiền 250.000 đồng	250.000
410	Ngày 14/11/2023; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN UBS - Ma giao dich/ Trace 471001; số chứng từ FT23318239284735 số tiền 2.000.000 đồng	2.000.000
411	Ngày 15/11/2023; KH LE QUANG KET RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 549869; số chứng từ FT23319382036746 số tiền 8.500.000 đồng	8.500.000
412	Ngày 15/11/2023; KH NGUYEN THI NU RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 666228; số chứng từ FT23319530235787 số tiền 6.500.000 đồng	6.500.000
413	Ngày 15/11/2023; KH LE THI HIANG RUT TIEN KBS - Ma giao dich/ Trace 712434; số chứng từ FT23319149700215 số tiền 1.600.000 đồng	1.600.000
414	Ngày 16/11/2023; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 254369; số chứng từ FT23320611730103 số tiền 13.400.000 đồng	13.400.000
415	Ngày 16/11/2023; KH NGUYEN HOANG ANH RUT TIEN KBS; số chứng từ FT23320602789657 số tiền 43.900.000 đồng	43.900.000
416	Ngày 22/11/2023; KI I PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 737225; số chứng từ FT23326819218337 số tiền 3.000.000 đồng	3.000.000
417	Ngày 24/11/2023; KH NGUYEN DUY TIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 674863; số chứng từ FT23328108690277 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
418	Ngày 27/11/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN UBS-Ma giao dich/ Trace 613681; số chứng từ FT23331016820635 số tiền 3.500.000 đồng	3.500.000
419	Ngày 28/11/2023; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS-Ma giao dich/ Trace 743018; số chứng từ FT23332682165198 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
420	Ngày 29/11/2023; KH NGUYEN THUY QUYNH RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 073510; số chứng từ FT23333405865908 số tiền 13.600.000 đồng	13.600.000
421	Ngày 01/12/2023; KI I QUACH VAN HONG RUT TIEN IBS - Ma giao dich/ Trace 336545; số chứng từ FT23335110909790 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
422	Ngày 01/12/2023; KH NGUYEN THI THANH LAN RU I HEN HB S-Ma giao dich/ Trace 337543; số chứng từ FT23335110910600 số tiền 17.400.000 đồng	17.400.000
423	Ngày 04/12/2023; KH NGUYEN THI THU HA RUT TIEN HBS-Ma giao dich/ Trace 022316; số chứng từ FT23338814455658 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
424	Ngày 06/12/2023; KH BUI THI VAN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 505838; số chứng từ FT23340074480231 số tiền 7.580.000 đồng	7.580.000

425	Ngày 06/12/2023; KH NGUYEN THI THU HA RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 505069; số chứng từ FT23340943750065 số tiền 53.000.000 đồng	53.000.000
426	Ngày 07/12/2023; KI I TA THI HONG LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 914687; số chứng từ FT23341000798266 số tiền 6.200.000 đồng	6.200.000
427	Ngày 08/12/2023; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/Trace 152785; số chứng từ FT23342498499866 số tiền 1.000.000 đồng	1.000.000
428	Ngày 08/12/2023; KH TRUONG THANH VAN RUT TIEN MBS - Ma giao dich/Trace 153684; số chứng từ FT23342053237527 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
429	Ngày 08/12/2023; KH NGUYEN THI THANH LAN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 676161; số chứng từ FT23342733117106 số tiền 16.300.000 đồng	16.300.000
430	Ngày 11/12/2023; KI I PHAM TI II ANH RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 525857; số chứng từ FT23345878702939 số tiền 19.500.000 đồng	19.500.000
431	Ngày 12/12/2023; KI I TONG KIM XUAN RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/Trace 455063; số chứng từ FT23346800334312 số tiền 264.341.000 đồng	264.341.000
432	Ngày 14/12/2023; KI I DUONG THI VAN ANH RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 747011; số chứng từ FT23348060876866 số tiền 41.200.000 đồng	41.200.000
433	Ngày 15/12/2023; KI I PHAN TA THANH HU YEN RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 585631; số chứng từ FT23349006035461 số tiền 150.000.000 đồng	150.000.000
434	Ngày 15/12/2023; KH LE THI THUY RUT TIEN I IBS; số chứng từ FT23349813641209 số tiền 5.100.000 đồng	5.100.000
435	Ngày 18/12/2023; KH NGUYEN THI LIEN RUT TIEN FIBS; số chứng từ FT23352550268006 số tiền 73.000.000 đồng	73.000.000
436	Ngày 20/12/2023; KI I TRAN TI II THU RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 733878; số chứng từ FT23354783793671 số tiền 26.000.000 đồng	26.000.000
437	Ngày 21/12/2023; KH LY BICH NGOC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 322037; số chứng từ FT23355020159815 số tiền 8.000.000 đồng	8.000.000
438	Ngày 21/12/2023; KH LY BICH NGOC RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 909839; số chứng từ FT23355077584380 số tiền 6.500.000 đồng	6.500.000
439	Ngày 22/12/2023; KH NGUYEN THI HONG NHUNG RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 608669; số chứng từ FT23356083461598 số tiền 9.300.000 đồng	9.300.000
440	Ngày 22/12/2023; KI I HOANG TI II NHU HOA RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 859793; số chứng từ FT23356527205979 số tiền 156.300.000 đồng	156.300.000
441	Ngày 25/12/2023; KH NGUYEN TIEN HUNG RUT TIEN I IBS - Ma giao dich/ Trace 949155; số chứng từ FT23359188530263 số tiền 79.700.000 đồng	79.700.000

442	Ngày 26/12/2023; KH TRAN DUC THIAO RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dich/Trace 993583; số chứng từ FT23360170796804 số tiền 5.200.000 đồng	5.200.000
443	Ngày 26/12/2023; KH NGUYEN TILL THANH HUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 903099; số chứng từ FT23360455800105 số tiền 12.000.000 đồng	12.000.000
444	Ngày 26/12/2023; TONG CONG TY DUONG VIET NAM CTCP R UT TIEN 1 IBS - Ma giao dich/ 'Trace 2 68668; số chứng từ FT23360680705716 số tiền 42.900.000 đồng	42.900.000
445	Ngày 26/12/2023; KI I PI I AM THI VINII RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dich/ Trace 007595; số chứng từ FT23360141101940 số tiền 414.000.000 đồng	414.000.000
446	Ngày 26/12/2023; KI I NGUYEN DUONG BICH DUYEN RUT TIEN 1 IBS - Ma giao dich/ Trace 008342; số chứng từ FT23360909124495 số tiền 1.890.000 đồng	1.890.000
447	Ngày 29/12/2023; KH DUONG LE VAN RUT TIEN HBS-Mag iao dich Trace 258349; số chứng từ FT23363502791129 số tiền 20.300.000 đồng	20.300.000
448	Ngày 02/01/2024; KI I VU TRONG I HEN RU T 'TIEN 1 IBS - Ma giao die 11 Trace 696922; số chứng từ FT24002661434085 số tiền 22.000.000 đồng	22.000.000
449	Ngày 03/01/2024; KH BACH quoc CHINH RI IT i 11 N 1 IBS - M agiao dich Trace 566343; số chứng từ FT24003565534790 số tiền 38.000.000 đồng	38.000.000
450	Ngày 03/01/2024; KH PHAM TILL ANH RUT TIEN HBS- Mag iao dich Trace 347223; số chứng từ I-T24003877828762 số tiền 16.500.000 đồng	16.500.000
451	Ngày 09/01/2024; KI I NGUYEN IIOANG ANI I RUI IEN I IBS; số chứng từ FT24009556381824 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
452	Ngày 09/01/2024; KH HO HOAI VAN RUT TIEN HBS-Magi aodich/ Trace 726465; số chứng từ FT24009178070078 số tiền 13.200.000 đồng	13.200.000
453	Ngày 09/01/2024; KI I TRAN VAN CI II RUT TIEN 1 IBS - Ma g iao dich Trace 167247; số chứng từ FT24009174912833 số tiền 135.500.000 đồng	135.500.000
454	Ngày 11/01/2024; KI I vu DUC T f IANII RUT TIEN 1 IBS - Ma g iao dich/ Trace 247635; số chứng từ FT24011819407006 số tiền 1.800.000 đồng	1.800.000
455	Ngày 11/01/2024; KI I PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich/ Trace 248342; số chứng từ FT24011930063038 số tiền 32.000.000 đồng	32.000.000
456	Ngày 12/01/2024; RUT TIEN TK 082C812202 - Ma giao di ch/ Trace 109371; số chứng từ FT24012060053920 số tiền 8.000.000 đồng	8.000.000
457	Ngày 12/01/2024; RUT TIEN TK 082C806688 - Ma giao di ch/ Trace 383647; số chứng từ FT24012425016117 số tiền 7.200.000 đồng	7.200.000
458	Ngày 12/01/2024; RUT TIEN TK 082C020268 - Ma giao d ich/ Trace 110131; số chứng từ FT24012808034008 số tiền 18.000.000 đồng	18.000.000

459	Ngày 16/01/2024; KH BUI LAM GIANG RUT TIEN I IBS - Ma giao dich Trace 384892; số chứng từ FT24016084092181 số tiền 2.700.000 đồng	2.700.000
460	Ngày 16/01/2024; KH DAO THU THUY RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 305410; số chứng từ FT24016497226909 số tiền 8.000.000 đồng	8.000.000
461	Ngày 18/01/2024; KH HUA HUU PHUOC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 689613; số chứng từ FT24018700159149 số tiền 1.350.000 đồng	1.350.000
462	Ngày 19/01/2024; KH LE THI MY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 530607; số chứng từ FT24019158030619 số tiền 3.900.000 đồng	3.900.000
463	Ngày 19/01/2024; KH PHAM TILL ANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 895038; số chứng từ FT24019894111924 số tiền 8.000.000 đồng	8.000.000
464	Ngày 22/01/2024; KH BUI CONG BON RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 880635; số chứng từ FT24022149478047 số tiền 55.000.000 đồng	55.000.000
465	Ngày 23/01/2024; KH NGUYEN THI THU HANH RUT TIEN IHS -Ma giao dich/Trace 252714; số chứng từ FT24023978038110 số tiền 8.536.815 đồng	8.536.815
466	Ngày 23/01/2024; KH NGUYEN THU HA RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 098496; số chứng từ FT24023667091801 số tiền 8.427.255 đồng	8.427.255
467	Ngày 24/01/2024; Rut tien TK082C817627 - Ma giao di ch/ Trace 449011; số chứng từ FT24024065312170 số tiền 9.600.000 đồng	9.600.000
468	Ngày 24/01/2024; RUT TIEN TK 082COOO587 - Ma giao dich/ Trace 448129; số chứng từ FT24024530603298 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000
469	Ngày 26/01/2024; KH NGUYEN THI KIM THANH RUT TIEN HB S -Ma giao dich/ Trace 078885; số chứng từ FT24026404033966 số tiền 5.800.000 đồng	5.800.000
470	Ngày 29/01/2024; RUT TIEN TKOOO299 MAI THI BACH YEN - Ma giao dich Trace 401555; số chứng từ FT24029832180736 số tiền 51.000.000 đồng	51.000.000
471	Ngày 29/01/2024; RUT TIEN TK826184 NGUYEN THUY LIEN - Ma giao dich Trace 294749; số chứng từ FT24029832750228 số tiền 300.000.000 đồng	300.000.000
472	Ngày 29/01/2024; KH LE THUY TRAM RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 975383; số chứng từ FT24029638902179 số tiền 13.156.985 đồng	13.156.985
473	Ngày 29/01/2024; KH ONG MANH HUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 149381; số chứng từ FT24029223192020 số tiền 10.140.000 đồng	10.140.000
474	Ngày 30/01/2024; KH HUYNH THI KIM CHI RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 740410; số chứng từ FT24030008256478 số tiền 20.800.000 đồng	20.800.000
475	Ngày 30/01/2024; KH TRAN THUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 951302; số chứng từ FT24030054614109 số tiền 19.700.000 đồng	19.700.000

476	Ngày 01/02/2024; KH TRAN THI BICH NGOC RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 483380; số chứng từ FT24032941755010 số tiền 128.000.000 đồng	128.000.000
477	Ngày 06/02/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIF.N HBS - Ma giao dich/ Trace 453668; số chứng từ FT24037121904810 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
478	Ngày 15/02/2024; KH DINH THI PHUONG LOAN RUT TIEN HB S - Ma giao dich/ Trace 122333; số chứng từ FT24046216002757 số tiền 6.700.000 đồng	6.700.000
479	Ngày 19/02/2024; THU PHI SAO KE; số chứng từ CHG240503Q52K số tiền 10.000 đồng	10.000
480	Ngày 19/02/2024; THU PHI SAO KE; số chứng từ CHG240503Q52K số tiền 100.000 đồng	100.000
481	Ngày 19/02/2024; KH DINH THI PHUONG LOAN RUT TIEN HB S -Ma giao dich/ Trace 888407; số chứng từ FT24050386952097 số tiền 35.500.000 đồng	35.500.000
482	Ngày 21/02/2024; KH PHAN TA THANH HUYEN RUT TIEN HBS -Ma giao dich/ Trace 993131; số chứng từ FT24052901805586 số tiền 28.000.000 đồng	28.000.000
483	Ngày 22/02/2024; KH LE THI YEN RUT TIEN HBS - Ma gia o dich Trace 203181; số chứng từ FT24053202100170 số tiền 10.360.000 đồng	10.360.000
484	Ngày 23/02/2024; KH NGUYEN THI THUY RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 186548; số chứng từ FT24054091330492 số tiền 28.900.000 đồng	28.900.000
485	Ngày 23/02/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIF.N HBS - Ma g iao dich Trace 714328; số chứng từ FT24054707208009 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
486	Ngày 26/02/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich Trace 035931; số chứng từ FT24057317281002 số tiền 21.000.000 đồng	21.000.000
487	Ngày 27/02/2024; KH LE DAI NGHIA RUT TIEN HBS; số chứng từ FT24058586603036 số tiền 156.700.000 đồng	156.700.000
488	Ngày 27/02/2024; KH PHAN TA THANH HUYEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 110882; số chứng từ FT24058064860037 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
489	Ngày 28/02/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich Trace 000052; số chứng từ FT24059042903002 số tiền 6.000.000 đồng	6.000.000
490	Ngày 29/02/2024; KH KIM QUOC CUONG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT24060224484191 số tiền 26.900.000 đồng	26.900.000
491	Ngày 01/03/2024; KH BUI THI NGA RUT TIEN HBS - Ma gi ao dich Trace 828388; số chứng từ FT24061343850403 số tiền 45.000.000 đồng	45.000.000
492	Ngày 01/03/2024; KH KIM QUOC CUONG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT24061117818920 số tiền 15.950.000 đồng	15.950.000
493	Ngày 01/03/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich Trace 829393; số chứng từ FT24061200749809 số tiền 26.000.000 đồng	26.000.000

494	Ngày 04/03/2024; KH LE TRUNG DUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 524446; số chứng từ FT24064080919004 số tiền 90.000.000 đồng	90.000.000
495	Ngày 05/03/2024; KH BUI THI VAN RUT TIEN HBS - Ma gi ao dich Trace 766854; số chứng từ FT24065400085177 số tiền 275.000.000 đồng	275.000.000
496	Ngày 05/03/2024; KH BUI THI NG A RU r TIEN HBS - Ma gi ao dich Trace 833482; số chứng từ ET24065144022193 số tiền 55.000.000 đồng	55.000.000
497	Ngày 06/03/2024; KH MAI Tili BACH YEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 364377; số chứng từ FT24066487349301 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
498	Ngày 06/03/2024; KH LUU MANH HUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 737388; số chứng từ FT24066831516108 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
499	Ngày 11/03/2024; KH NGUYEN THI THU DUNG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT24071302006339 số tiền 51.000.000 đồng	51.000.000
500	Ngày 12/03/2024; KH NGUYEN THI THU DUNG RUT TIF.N HBS; số chứng từ FT24072908487583 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
501	Ngày 14/03/2024; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 703238; số chứng từ FT24074139962014 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
502	Ngày 14/03/2024; KH NGUYEN THI THU DUNG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT24074201659088 số tiền 21.000.000 đồng	21.000.000
503	Ngày 14/03/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich Trace 704263; số chứng từ FT24074204251634 số tiền 7.000.000 đồng	7.000.000
504	Ngày 18/03/2024; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 134035; số chứng từ FT24078507633889 số tiền 4.000.000 đồng	4.000.000
505	Ngày 18/03/2024; KH MAI THI BACH YEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 241169; số chứng từ FT24078086366106 số tiền 3.500.000 đồng	3.500.000
506	Ngày 19/03/2024; KH NGUYEN Tili THU DUNG RUT TIEN HBS; số chứng từ FT24079012345379 số tiền 26.000.000 đồng	26.000.000
507	Ngày 21/03/2024; Phi BP duy tri sms batiking ngoai vi; số chứng từ 565959999.BPSME0UTVT .20240321 số tiền 20.000 đồng	20.000
508	Ngày 21/03/2024; Phi BP duy tri sms banking ngoai vi; số chứng từ 5659S9999.BPSME0UTVT .20240321 số tiền 200.000 đồng	200.000
509	Ngày 21/03/2024; KH PHAN TA THANH HUYEN RUT TIEN HBS -Ma giao dich/ Trace 795889; số chứng từ FT24081005043170 số tiền 6.000.000 đồng	6.000.000
510	Ngày 21/03/2024; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 130299; số chứng từ FT24081621730368 số tiền 1.400.000 đồng	1.400.000
511	Ngày 22/03/2024; KH LE TRUNG DUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 386800; số chứng từ FT24082083042478 số tiền 23.000.000 đồng	23.000.000
512	Ngày 22/03/2024; KH NGUYEN THI CHUYEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 171029; số chứng từ FT24082752866941 số tiền 1.100.000 đồng	1.100.000

513	Ngày 25/03/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 747863; số chứng từ FT24085654309283 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
514	Ngày 26/03/2024; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 625859; số chứng từ FT24086203303003 số tiền 31.300.000 đồng	31.300.000
515	Ngày 28/03/2024; KH TRAN THI LAN PHUONG RUT TIEN HBS -Ma mao dich Trace 635837; số chứng từ FT24088790251911 số tiền 10.200.000 đồng	10.200.000
516	Ngày 29/03/2024; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 064938; số chứng từ FT24089825825300 số tiền 2.500.000 đồng	2.500.000
517	Ngày 29/03/2024; KH NGUYEN THI THUY RUT TIEN HBS - M a giao dich/Trace 170545; số chứng từ FT24089747169102 số tiền 25.000.000 đồng	25.000.000
518	Ngày 29/03/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich*Trace 532124; số chứng từ FT24089710401244 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
519	Ngày 01/04/2024; KH KHUONG DUY TUAN RUT TIEN HBS - M a giao dich Trace 556915; số chứng từ FT24092149816893 số tiền 2.000.000 đồng	2.000.000
520	Ngày 03/04/2024; KI I BUI TI II NGA RUT TIEN HBS - Ma gi ao dich Trace 658822; số chứng từ FT24094831456262 số tiền 65.000.000 đồng	65.000.000
521	Ngày 05/04/2024; KH DAO THU THUY RUT TIEN HBS - Ma g iao dich/ Trace 654473; số chứng từ FT24096512646270 số tiền 11.500.000 đồng	11.500.000
522	Ngày 05/04/2024; KH NGUYEN HAI MINH RUT TIEN HBS - M a giao dich/Trace 747530; số chứng từ FT24096371922208 số tiền 40.000.000 đồng	40.000.000
523	Ngày 08/04/2024; KH DAO THU THUY RUT TIEN HBS - Ma g iao dich/Trace 814601; số chứng từ FT24099859815977 số tiền 22.000.000 đồng	22.000.000
524	Ngày 10/04/2024; KH NGUYEN HOANG VIEI RUT TIEN HBS- Ma giao dich Trace 460469; số chứng từ FT24101900295040 số tiền 25.700.000 đồng	25.700.000
525	Ngày 11/04/2024; KII LE QUYNH TRANG RUT TIEN UBS - Ma giao dich/Trace 103630; số chứng từ FT24102473902486 số tiền 8.500.000 đồng	8.500.000
526	Ngày 12/04/2024; KH TA THITHUY AN RU I TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 265339; số chứng từ FT24103733095380 số tiền 120.000.000 đồng	120.000.000
527	Ngày 12/04/2024; KH DUONG THUY ANH RUT TIEN HBS; số chứng từ FT24103283805760 số tiền 2.800.000 đồng	2.800.000
528	Ngày 15/04/2024; KH PHAN TA THANH HUYEN RUT TIEN HBS -Ma ciao dich/ Trace 326695; số chứng từ FT24106548332062 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
529	Ngày 24/04/2024; KH HOANG THI HOA RUT TIEN TK - Ma g iao dich/Trace 047156; số chứng từ FT24115726262076 số tiền 3.890.000 đồng	3.890.000

530	Ngày 25/04/2024; KH NGUYEN CONG DAI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 686187; số chứng từ FT24116439020691 số tiền 1.080.000 đồng	1.080.000
531	Ngày 26/04/2024; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 513170; số chứng từ FT24117006053713 số tiền 7.000.000 đồng	7.000.000
532	Ngày 08/05/2024; KH NGUYEN THI BICH NGA RUT TIEN HBS - Ma giao dich Trace 089602; số chứng từ FT24129947647793 số tiền 36.100.000 đồng	36.100.000
533	Ngày 09/05/2024; KH PHAN TA THANH HUYEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 053403; số chứng từ FT24130086023235 số tiền 4.000.000 đồng	4.000.000
534	Ngày 09/05/2024; KH NGUYEN THI THANH HUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 578101; số chứng từ FT24130505486590 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
535	Ngày 10/05/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich Trace 523480; số chứng từ FT24131102009360 số tiền 9.500.000 đồng	9.500.000
536	Ngày 10/05/2024; KH NGUYEN THI MINH THUY RUT TIEN HB S -Ma giao dich/ Trace 524523; số chứng từ FT241318052601102 số tiền 700.000 đồng	700.000
537	Ngày 10/05/2024; KH NGUYEN MINH NGOC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 525181; số chứng từ F124131852554983 số tiền 6.000.000 đồng	6.000.000
538	Ngày 10/05/2024; KH PHAM NHU KI ANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/Trace 887983; số chứng từ FT24131595246382 số tiền 76.000.000 đồng	76.000.000
539	Ngày 13/05/2024; KH LUU THI HONG HANH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 651156 ; số chứng từ FT24134579597920 số tiền 1.000.000 đồng	1.000.000
540	Ngày 14/05/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich/ Trace 443996 ; số chứng từ FT24135094010732 số tiền 22.000.000 đồng	22.000.000
541	Ngày 16/05/2024; KH NGUYEN THI PHUONG THUY RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 159392 ; số chứng từ FT24137995900724 số tiền 78.800.000 đồng	78.800.000
542	Ngày 17/05/2024; KH NGUYEN THI THANH HUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 761656 ; số chứng từ FT24138096673755 số tiền 50.000.000 đồng	50.000.000
543	Ngày 22/05/2024; RUT TIEN TK082C008816 NGUYEN THI T HANH HUONG - Ma giao dich/ Trace 7 23819 ; số chứng từ FT24143723900596 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000
544	Ngày 22/05/2024; RUT TIEN TK082C000299 MAI THI BACH YEN - Ma giao dich/ Trace 927216 ; số chứng từ FT24143086202107 số tiền 46.000.000 đồng	46.000.000
545	Ngày 22/05/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 662480 ; số chứng từ FT24143863900006 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
546	Ngày 23/05/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Ma g iao dich/ Trace 660959 ; số chứng từ FT24144673352150 số tiền 15.000.000 đồng	15.000.000

547	Ngày 24/05/2024; KH THAI THANH THUY RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 787339 ; số chứng từ FT24145977080866 số tiền 85.000.000 đồng	85.000.000
548	Ngày 24/05/2024; KH PHAM THI KIEU LIEN RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 144413 ; số chứng từ FT24145516483813 số tiền 56.000.000 đồng	56.000.000
549	Ngày 24/05/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Mã g iao dịch/ Trace 807469 ; số chứng từ FT24145270934101 số tiền 8.500.000 đồng	8.500.000
550	Ngày 30/05/2024; KH NGUYEN THI THANH HUONG RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 605608 ; số chứng từ FT24151647270602 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
551	Ngày 03/06/2024; KH NGUYEN THUY LINH RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 334879 ; số chứng từ FT24155289890630 số tiền 25.000.000 đồng	25.000.000
552	Ngày 03/06/2024; KH PHAM THI ANH RUT TIEN HBS - Mã g iao dịch/ Trace 335792 ; số chứng từ FT24155700000022 số tiền 6.850.000 đồng	6.850.000
553	Ngày 04/06/2024; KH TRAN THI LAN PHUONG RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 257765 ; số chứng từ FT24156680880727 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
554	Ngày 05/06/2024; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 556761 ; số chứng từ FT24157008789019 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000
555	Ngày 06/06/2024; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 060252 ; số chứng từ FT24158954500094 số tiền 14.700.000 đồng	14.700.000
556	Ngày 07/06/2024; KH PHAN THANH HUYEN RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 769241 ; số chứng từ FT24159174175562 số tiền 1.000.000 đồng	1.000.000
557	Ngày 07/06/2024; KH PHAN THANH HUYEN RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 610044 ; số chứng từ FT24159780112104 số tiền 44.954 đồng	44.954
558	Ngày 07/06/2024; KH NGUYEN THI NU RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 241068 ; số chứng từ FT24159009511062 số tiền 9.600.000 đồng	9.600.000
559	Ngày 10/06/2024; KH NGUYEN THI THANH HUONG RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 922473 ; số chứng từ FT24162002880927 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
560	Ngày 17/06/2024; KH NGUYEN THI THANH HUONG RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 198553 ; số chứng từ FT24169504090633 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
561	Ngày 17/06/2024; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 594630 ; số chứng từ FT24169336996213 số tiền 190.000.000 đồng	190.000.000
562	Ngày 17/06/2024; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN HBS - Mã giao dịch/ Trace 950428 ; số chứng từ FT24169890621526 số tiền 62.200.000 đồng	62.200.000
563	Ngày 17/06/2024; KH MAC THI DIEM RUT TIEN HBS - Mã g iao dịch/ Trace 240825 ; số chứng từ FT24169504982491 số tiền 22.000.000 đồng	22.000.000

564	Ngày 17/06/2024; KH VO HOANG VAN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 241834 ; số chứng từ FT24169265168949 số tiền 270.000.000 đồng	270.000.000
565	Ngày 18/06/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 337335 ; số chứng từ FT24170049856339 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
566	Ngày 19/06/2024; KH PHI THANH TOAN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 069382 ; số chứng từ FT24171422422093 số tiền 12.700.000 đồng	12.700.000
567	Ngày 20/06/2024; KH DAO THU THUY RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 710200 ; số chứng từ FT24172442214527 số tiền 17.000.000 đồng	17.000.000
568	Ngày 21/06/2024; KH NGUYEN THI THANH HUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 330243 ; số chứng từ FT24173508901001 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
569	Ngày 21/06/2024; KH TRAN THI NHUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 457028 ; số chứng từ FT24173511078674 số tiền 5.200.000 đồng	5.200.000
570	Ngày 21/06/2024; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 882385 ; số chứng từ FT24173266642590 số tiền 200.000.000 đồng	200.000.000
571	Ngày 24/06/2024; KH NGUYEN THI THANH MAI RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 348260 ; số chứng từ FT24176656986665 số tiền 33.900.000 đồng	33.900.000
572	Ngày 24/06/2024; KH TRAN THI THU RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 666961 ; số chứng từ FT24176033299069 số tiền 40.000.000 đồng	40.000.000
573	Ngày 24/06/2024; KH THIEU DUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 668027 ; số chứng từ FT24176248730574 số tiền 13.500.000 đồng	13.500.000
574	Ngày 24/06/2024; KH NGUYEN VAN PHUC RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 047060 ; số chứng từ FT24176730575600 số tiền 500.000 đồng	500.000
575	Ngày 24/06/2024; KH THIEU DUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 612652 ; số chứng từ FT24176384921916 số tiền 296.900.000 đồng	296.900.000
576	Ngày 25/06/2024; KH LE TIEN HOAN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 510019 ; số chứng từ FT24177868057946 số tiền 3.400.000 đồng	3.400.000
577	Ngày 27/06/2024; KH VUONG THI THU BINH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 352353 ; số chứng từ FT24179394956370 số tiền 123.200.000 đồng	123.200.000
578	Ngày 27/06/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 520497 ; số chứng từ FT24179950327932 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
579	Ngày 28/06/2024; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 837879 ; số chứng từ FT24180585225528 số tiền 3.400.000 đồng	3.400.000
580	Ngày 04/07/2024; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 725788 ; số chứng từ FT24186562115327 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000

581	Ngày 04/07/2024; KH DO THUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 770779 ; số chứng từ FT24186820845440 số tiền 4.300.000 đồng	4.300.000
582	Ngày 04/07/2024; KH TRINH HUONG GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 827073 ; số chứng từ FT24186700470223 số tiền 922.890 đồng	922.890
583	Ngày 04/07/2024; KH NGUYEN THUY LINH RUT TIEN HBS L0 2 - Ma giao dich/ Trace 233143 ; số chứng từ FT24186400009571 số tiền 163.000.000 đồng	163.000.000
584	Ngày 04/07/2024; KH NGUYEN THUY LINH RUT TIEN HBS L0 1 - Ma giao dich/ Trace 234697 ; số chứng từ FT24186190910020 số tiền 400.000.000 đồng	400.000.000
585	Ngày 05/07/2024; KH LE MINH TUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 057841 ; số chứng từ FT24187170980018 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
586	Ngày 08/07/2024; KH PHAM NHU KHANH RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24190900900930 số tiền 4.031.000.000 đồng	4.031.000.000
587	Ngày 08/07/2024; KH PHAM NHU KHANH RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24190900900930 số tiền 990.000 đồng	990.000
588	Ngày 08/07/2024; KH NGUYEN THI NU RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 501923 ; số chứng từ FT24190306451600 số tiền 11.400.000 đồng	11.400.000
589	Ngày 08/07/2024; KH TRAN THUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 230590 ; số chứng từ FT24190264827272 số tiền 21.200.000 đồng	21.200.000
590	Ngày 09/07/2024; KH LY BICH NGOC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 227397 ; số chứng từ FT24191068002867 số tiền 101.000.000 đồng	101.000.000
591	Ngày 11/07/2024; KH DINH THI PHUONG LOAN RUT TIEN HB S - Ma giao dich/ Trace 714975 ; số chứng từ FT24193102172562 số tiền 3.300.000 đồng	3.300.000
592	Ngày 12/07/2024; KH LE THI HUYEN CO RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 939548 ; số chứng từ FT24194632837704 số tiền 4.800.000 đồng	4.800.000
593	Ngày 12/07/2024; KH LE THI THUY NGA RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 036445 ; số chứng từ FT24194654105338 số tiền 59.700.000 đồng	59.700.000
594	Ngày 12/07/2024; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 730070 ; số chứng từ FT24194136570409 số tiền 100.000.000 đồng	100.000.000
595	Ngày 12/07/2024; KH TRINH THI THU THUY RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24194584502805 số tiền 1.000.000 đồng	1.000.000
596	Ngày 15/07/2024; KH LE VAN GIOI RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24197916907032 số tiền 60.400.000 đồng	60.400.000
597	Ngày 17/07/2024; KH DAO THU THUY RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 129114 ; số chứng từ FT24199207801264 số tiền 7.000.000 đồng	7.000.000
598	Ngày 17/07/2024; KH LE THI HOA RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 396923 ; số chứng từ FT24199450165208 số tiền 39.000.000 đồng	39.000.000

599	Ngày 18/07/2024; KH NGUYEN THI CHINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 287437 ; số chứng từ FT24200252031003 số tiền 395.500.000 đồng	395.500.000
600	Ngày 24/07/2024; TK 082C81988602 Phạm Duy Linh rút tiền HBS - Ma giao dich/ Trace 5395 77 ; số chứng từ FT24206921333082 số tiền 91.500.000 đồng	91.500.000
601	Ngày 24/07/2024; TK 082C00089800 TRINH NGOC DUYEN RT HBS ; số chứng từ FT24206111110018 số tiền 11.000 đồng	11.000
602	Ngày 25/07/2024; KH LE THI THUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 116404 ; số chứng từ FT24207730220427 số tiền 12.700.000 đồng	12.700.000
603	Ngày 25/07/2024; KH NGUYEN ANH DUNG RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 881417 ; số chứng từ FT24207239031697 số tiền 12.800.000 đồng	12.800.000
604	Ngày 26/07/2024; KH LE THI BANG TAM RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 579381 ; số chứng từ FT24208607019006 số tiền 273.000.000 đồng	273.000.000
605	Ngày 26/07/2024; KH PHAM THI NGOC HA RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 746025 ; số chứng từ FT24208078100070 số tiền 30.000.000 đồng	30.000.000
606	Ngày 31/07/2024; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 540443 ; số chứng từ FT24213608734657 số tiền 35.400.000 đồng	35.400.000
607	Ngày 02/08/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 011598 ; số chứng từ FT24215010900209 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
608	Ngày 07/08/2024; KH NGUYEN THUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 555888 ; số chứng từ FT24220083424830 số tiền 142.000.000 đồng	142.000.000
609	Ngày 08/08/2024; KH NGUYEN THI HONG NHUNG RUT TIEN H BS - Ma giao dich/ Trace 264346 ; số chứng từ FT24221063845215 số tiền 15.200.000 đồng	15.200.000
610	Ngày 08/08/2024; KH NGUYEN THI SONG HA RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 758526 ; số chứng từ FT24221160136620 số tiền 162.000.000 đồng	162.000.000
611	Ngày 09/08/2024; KH TRAN DUC THAO RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 355719 ; số chứng từ FT24222694705695 số tiền 8.500.000 đồng	8.500.000
612	Ngày 12/08/2024; KH LE THANH VINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 841934 ; số chứng từ FT24225799122420 số tiền 19.000.000 đồng	19.000.000
613	Ngày 14/08/2024; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 252900 ; số chứng từ FT24227561007500 số tiền 3.400.000 đồng	3.400.000
614	Ngày 14/08/2024; KH NGUYEN MINH NGOC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 253703 ; số chứng từ FT24227733709803 số tiền 51.300.000 đồng	51.300.000
615	Ngày 16/08/2024; KH TRAN THI THU RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 577955 ; số chứng từ FT24229917063201 số tiền 38.000.000 đồng	38.000.000

616	Ngày 19/08/2024; KH NGUYEN MINH CHAU RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 014261 ; số chứng từ FT24232255512323 số tiền 149.300.000 đồng	149.300.000
617	Ngày 20/08/2024; KH NGUYEN THI THU DUNG RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24233600656061 số tiền 87.000.000 đồng	87.000.000
618	Ngày 20/08/2024; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 798228 ; số chứng từ FT24233420318863 số tiền 70.300.000 đồng	70.300.000
619	Ngày 20/08/2024; KH TRAN THI THU RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 465851 ; số chứng từ FT24233314021287 số tiền 22.500.000 đồng	22.500.000
620	Ngày 21/08/2024; KH PHAM THI BICH NGA RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 100861 ; số chứng từ FT24234456721838 số tiền 95.000.000 đồng	95.000.000
621	Ngày 21/08/2024; KH DO THI HOAN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 101897 ; số chứng từ FT24234865750806 số tiền 4.400.000 đồng	4.400.000
622	Ngày 22/08/2024; KH TRAN THI THUY GIANG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 980564 ; số chứng từ FT24235549245911 số tiền 36.000.000 đồng	36.000.000
623	Ngày 22/08/2024; KH NGUYEN THI THU DUNG RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24235972658020 số tiền 58.000.000 đồng	58.000.000
624	Ngày 22/08/2024; KH LE QUYNH TRANG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 990405 ; số chứng từ FT24235050284186 số tiền 32.870.000 đồng	32.870.000
625	Ngày 22/08/2024; KH TA DINH THI RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 621695 ; số chứng từ FT24235370025477 số tiền 35.700.000 đồng	35.700.000
626	Ngày 23/08/2024; KH NGUYEN DUY TIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 871734 ; số chứng từ FT24236838828340 số tiền 70.000 đồng	70.000
627	Ngày 23/08/2024; KH PHAM THUY NGA RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 091802 ; số chứng từ FT24236274660203 số tiền 6.336.000 đồng	6.336.000
628	Ngày 28/08/2024; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 124818 ; số chứng từ FT24241728590922 số tiền 200.000.000 đồng	200.000.000
629	Ngày 09/09/2024; KH BUI THI NGA RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 729918 ; số chứng từ FT24253542092434 số tiền 175.000.000 đồng	175.000.000
630	Ngày 10/09/2024; KH TRAN YEN HOA RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 190145 ; số chứng từ FT24254191815010 số tiền 80.000.000 đồng	80.000.000
631	Ngày 11/09/2024; KH TRAN YEN HOA RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 527570 ; số chứng từ FT24255538325152 số tiền 85.000.000 đồng	85.000.000
632	Ngày 12/09/2024; KH TRAN YEN HOA RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 276017 ; số chứng từ FT24256658436004 số tiền 275.000 đồng	275.000

633	Ngày 13/09/2024; KH LE THIET HOA RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 011818 ; số chứng từ FT24257927780560 số tiền 982.000 đồng	982.000
634	Ngày 13/09/2024; KH NGUYEN THI NU RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 954159 ; số chứng từ FT24257125777200 số tiền 19.800.000 đồng	19.800.000
635	Ngày 16/09/2024; KH LE DIEU LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 748929 ; số chứng từ FT24260000435388 số tiền 27.493.000 đồng	27.493.000
636	Ngày 19/09/2024; KH TRINH THI LICH RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24263144794026 số tiền 1.164.000 đồng	1.164.000
637	Ngày 26/09/2024; KH TRAN THUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 920000 ; số chứng từ FT24270388233067 số tiền 7.600.000 đồng	7.600.000
638	Ngày 27/09/2024; KH TRINH THI THU THUY RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24271519268929 số tiền 1.600.000 đồng	1.600.000
639	Ngày 30/09/2024; KH MAI THI BACH YEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 462082 ; số chứng từ FT24274512542508 số tiền 5.000.000 đồng	5.000.000
640	Ngày 02/10/2024; KH TRUONG THI PHAM RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 188558 ; số chứng từ FT24276725709503 số tiền 12.800.000 đồng	12.800.000
641	Ngày 03/10/2024; KH NGUYEN THUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 300498 ; số chứng từ FT24277230716053 số tiền 112.000.000 đồng	112.000.000
642	Ngày 07/10/2024; KH MAI THI BACH YEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 708717 ; số chứng từ FT24281901602340 số tiền 3.000.000 đồng	3.000.000
643	Ngày 08/10/2024; KH NGUYEN QUANG DUC RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 374224 ; số chứng từ FT24282707394812 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
644	Ngày 10/10/2024; KH VO THI THUY HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 609461 ; số chứng từ FT24284700704558 số tiền 40.600.000 đồng	40.600.000
645	Ngày 10/10/2024; KH NGUYEN THUY QUYNH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 841338 ; số chứng từ FT24284165509831 số tiền 69.200.000 đồng	69.200.000
646	Ngày 11/10/2024; KH NGUYEN THUY LIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 713769 ; số chứng từ FT24285000314720 số tiền 160.000.000 đồng	160.000.000
647	Ngày 11/10/2024; KH NGUYEN THUY QUYNH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 813072 ; số chứng từ FT24285764289122 số tiền 10.300.000 đồng	10.300.000
648	Ngày 11/10/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 187836 ; số chứng từ FT24285279083083 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
649	Ngày 11/10/2024; KH NGUYEN TIEN THANG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 424738 ; số chứng từ FT24285883301706 số tiền 3.140.000 đồng	3.140.000

650	Ngày 16/10/2024; KH LE DUY ANH TK082C029739 RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 555024 ; số chứng từ FT24290109072624 số tiền 500.000 đồng	500.000
651	Ngày 16/10/2024; KH BUI THI NGA TK 082C814488 RUT TIEN - Ma giao dịch/ Trace 140402 ; số chứng từ FT24290394079648 số tiền 55.564.890 đồng	55.564.890
652	Ngày 16/10/2024; KH NGUYEN THUY LIEN TK082C826184 RU T TIEN - Ma giao dịch/ Trace 55843 0 ; số chứng từ FT24290938540476 số tiền 150.000.000 đồng	150.000.000
653	Ngày 17/10/2024; KH NGUYEN QUANG DUC RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 521008 ; số chứng từ FT24291841280831 số tiền 105.000.000 đồng	105.000.000
654	Ngày 18/10/2024; KH HA THI THU HANG RUT TIEN HBS - M a giao dịch/ Trace 422734 ; số chứng từ FT24292720669197 số tiền 30.400.000 đồng	30.400.000
655	Ngày 23/10/2024; KH PHAM VAN THUY RUT TIEN CO TUC MA HBS - Ma giao dịch/ Trace 797649 ; số chứng từ FT24297153210037 số tiền 982.300 đồng	982.300
656	Ngày 23/10/2024; TK 082C007667 Nguyen Anh Dung rut tien HBS - Ma giao dịch/ Trace 73617 4 ; số chứng từ FT24297246326871 số tiền 7.400.000 đồng	7.400.000
657	Ngày 23/10/2024; TK 082C000185 Nguyen Thi Thanh Thuy rut tien HBS - Ma giao dịch/ Trace 214101 ; số chứng từ FT24297714006703 số tiền 3.600.000 đồng	3.600.000
658	Ngày 23/10/2024; TK 082C000386 Le Thi Thuan rut tien HBS - Ma giao dịch/ Trace 215294 ; số chứng từ FT24297819405500 số tiền 11.600.000 đồng	11.600.000
659	Ngày 25/10/2024; KH NGUYEN THI HAI RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 771770 ; số chứng từ FT24299845971965 số tiền 1.300.000 đồng	1.300.000
660	Ngày 28/10/2024; KH TA THI THUY AN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 732384 ; số chứng từ FT24302287007021 số tiền 150.000.000 đồng	150.000.000
661	Ngày 28/10/2024; KH PHAM THI KIEU LIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 659680 ; số chứng từ FT24302099836057 số tiền 19.000.000 đồng	19.000.000
662	Ngày 30/10/2024; KH TRAN THUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 417366 ; số chứng từ FT24304866009886 số tiền 14.300.000 đồng	14.300.000
663	Ngày 31/10/2024; KH NGUYEN THI NU RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 857087 ; số chứng từ FT24305862000850 số tiền 10.300.000 đồng	10.300.000
664	Ngày 04/11/2024; KH TRAN VAN CHI RUT TIEN HBS - Ma g iao dịch/ Trace 082324 ; số chứng từ FT24309060003007 số tiền 3.800.000 đồng	3.800.000
665	Ngày 14/11/2024; KH HA TRUNG KIEN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 446390 ; số chứng từ FT24319821503844 số tiền 21.500.000 đồng	21.500.000
666	Ngày 15/11/2024; KH DO TAT LOI RUT TIEN HBS - Ma gia o dịch/ Trace 082566 ; số chứng từ FT24320421789481 số tiền 5.500.000 đồng	5.500.000

667	Ngày 27/11/2024; KH NGUYEN THI THOA RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 864010 ; số chứng từ FT24332070306599 số tiền 850.969 đồng	850.969
668	Ngày 28/11/2024; KH NGUYEN THI TU RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 559179 ; số chứng từ FT24333873701810 số tiền 20.828.000 đồng	20.828.000
669	Ngày 28/11/2024; KH NGUYEN THANH LOI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 035205 ; số chứng từ FT24333050875396 số tiền 3.049.038 đồng	3.049.038
670	Ngày 05/12/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 432374 ; số chứng từ FT24340480613550 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
671	Ngày 05/12/2024; KH DO DIEU HUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 701491 ; số chứng từ FT24340023072706 số tiền 5.890.000 đồng	5.890.000
672	Ngày 09/12/2024; KH NGUYEN THI KHANH TRINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 698359 ; số chứng từ FT24344405974102 số tiền 25.000.000 đồng	25.000.000
673	Ngày 11/12/2024; KH TRINH DIEU LINH RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 018069 ; số chứng từ FT24346296698582 số tiền 10.900.000 đồng	10.900.000
674	Ngày 11/12/2024; KH NGUYEN THUY QUYNH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 033756 ; số chứng từ FT24346059360555 số tiền 740.000 đồng	740.000
675	Ngày 11/12/2024; KH THIEU DUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 539283 ; số chứng từ FT24346783840650 số tiền 56.000.000 đồng	56.000.000
676	Ngày 11/12/2024; KH NGUYEN HOANG VIET RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 548243 ; số chứng từ FT24346440564232 số tiền 1.400.000 đồng	1.400.000
677	Ngày 12/12/2024; Cong ty chung khoan Hoa Binh thanh toan tien nuoc uong thang 112024 - Ma giao dich/ Trace 489696 ; số chứng từ FT24347398762377 số tiền 2.600.000 đồng	2.600.000
678	Ngày 16/12/2024; KH TRAN PHU VINH RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 534393 ; số chứng từ FT24351116160347 số tiền 127.900.000 đồng	127.900.000
679	Ngày 20/12/2024; KH NGUYEN THI THIEN HUONG RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 340052 ; số chứng từ FT24355180553167 số tiền 71.864.556 đồng	71.864.556
680	Ngày 20/12/2024; KH MAI HONG VAN RUT TIEN HBS - Ma g iao dich/ Trace 340799 ; số chứng từ FT24355809708742 số tiền 43.731.248 đồng	43.731.248
681	Ngày 20/12/2024; KH THIEU DUY LINH RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 534925 ; số chứng từ FT24355853148282 số tiền 51.400.000 đồng	51.400.000
682	Ngày 20/12/2024; KH HUYNH THI KIM CHI RUT TIEN HBS - Ma giao dich/ Trace 914361 ; số chứng từ FT24355670291528 số tiền 20.900.000 đồng	20.900.000
683	Ngày 23/12/2024; KH DO THI HONG VAN RUT TIEN HBS - M a giao dich/ Trace 522538 ; số chứng từ FT24358538397341 số tiền 9.000.000 đồng	9.000.000

684	Ngày 23/12/2024; KH VU DUC THANH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 523442 ; số chứng từ FT24358146786103 số tiền 1.900.000 đồng	1.900.000
685	Ngày 23/12/2024; KH DUONG LE VAN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 197038 ; số chứng từ FT24358309631129 số tiền 20.000.000 đồng	20.000.000
686	Ngày 24/12/2024; KH NGUYEN THI HONG DIEP RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 844373 ; số chứng từ FT24359737192300 số tiền 13.300.000 đồng	13.300.000
687	Ngày 24/12/2024; KH QUACH VAN HONG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 068076 ; số chứng từ FT24359890020008 số tiền 10.000.000 đồng	10.000.000
688	Ngày 25/12/2024; KH HUA HUU PHUOC RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 916786 ; số chứng từ FT24360577802064 số tiền 1.450.000 đồng	1.450.000
689	Ngày 26/12/2024; KH BUI DUC TUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 256621 ; số chứng từ FT24361611208202 số tiền 5.300.000 đồng	5.300.000
690	Ngày 30/12/2024; KH NGUYEN HOANG ANH RUT TIEN HBS ; số chứng từ FT24365402535408 số tiền 11.100.000 đồng	11.100.000
691	Ngày 30/12/2024; KH LE THI THUAN RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 216607 ; số chứng từ FT24365729020447 số tiền 30.800.000 đồng	30.800.000
692	Ngày 30/12/2024; KH NGUYEN ANH DUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 218223 ; số chứng từ FT24365309304042 số tiền 11.000.000 đồng	11.000.000
693	Ngày 30/12/2024; TONG CONG TY DUOC VIET NAM CTCP RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 034 515 ; số chứng từ FT24365869736215 số tiền 42.900.000 đồng	42.900.000
694	Ngày 30/12/2024; KH DAO NGOC QUYNH RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 339660 ; số chứng từ FT24365943407418 số tiền 73.100.000 đồng	73.100.000
695	Ngày 30/12/2024; KH NGUYEN THI NHUNG RUT TIEN HBS - Ma giao dịch/ Trace 382169 ; số chứng từ FT24365504020809 số tiền 10.800.000 đồng	10.800.000

5. Tổng giá trị giao dịch chuyển nhượng/bán CCTG số tiền 723.187.994.343 đồng trên 02 tài khoản của Công ty HBS, trong đó: (1) Giao dịch chuyển nhượng/bán CCTG số tiền 653.097.703.563 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 22/09/2022 đến 06/12/2023; (2) Giao dịch chuyển nhượng/bán CCTG số tiền 70.090.290.780 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 21/10/2023 đến 23/10/2023. Sau đó, Công ty HBS và Ngân hàng Mbbank chi nhánh Sở GD3, Công ty chứng khoán Mbbank chuyển tiền vào tài khoản cá nhân, sau đó rút tiền ra chiếm dụng.

STT	Nội dung	Số tiền chuyển nhượng/bán CCTG
I	Tổng giá trị giao dịch chuyển nhượng/bán CCTG số tiền 723.187.994.343 đồng trên 02 tài khoản của Công ty HBS,	723.187.994.343

	trong đó: (1) Giao dịch chuyển nhượng/bán CCTG số tiền 653.097.703.563 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 22/09/2022 đến 06/12/2023; (2) Giao dịch chuyển nhượng/bán CCTG số tiền 70.090.290.780 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 21/10/2023 đến 23/10/2023	
A	Giao dịch chuyển nhượng/bán CCTG số tiền 653.097.703.563 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 22/09/2022 đến 06/12/2023	653.097.703.563
1	Ngày 22/09/2022; Giao dịch CCTG trên hệ thống MB Biz; số chứng từ FT22265032015537 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
2	Ngày 22/10/2022; 202209221023383806.16989. Thanh toán tiền chuyển CCTG 22.10.2022; số chứng từ FT22295842005465 số tiền 10.032.876.713 đồng	10.032.876.713
3	Ngày 22/10/2022; 202209221023375590.10510. Thanh toán tiền chuyển CCTG 22.10.2022; số chứng từ FT22295205305679 số tiền 10.032.876.712 đồng	10.032.876.712
4	Ngày 22/10/2022; 202209221023564467.14550. Thanh toán tiền chuyển CCTG 22.10.2022; số chứng từ FT22295842009051 số tiền 10.032.876.712 đồng	10.032.876.712
5	Ngày 24/10/2022; 20220922231026465226.03657. Thanh toán tiền chuyển CCTG 23.10.2022; số chứng từ FT22297628840424 số tiền 10.032.876.712 đồng	10.032.876.712
6	Ngày 31/10/2022; 202209301048317453.35010. Thanh toán tiền chuyển CCTG 30.10.2022; số chứng từ FT22297628840424 số tiền 15.061.643.836 đồng	15.061.643.836
7	Ngày 24/11/2022; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202210241112878182.27195 24/11/2022; số chứng từ FT22328393635800 số tiền 10.042.465.753 đồng	10.042.465.753
8	Ngày 30/11/2022; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202210311133886308.58796 30/11/2022; số chứng từ FT22334718120478 số tiền 15.386.506.301 đồng	15.386.506.301
9	Ngày 10/04/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202210101075077759.55586 10/04/2023; số chứng từ FT231000715220 7 số tiền 10.359.013.699 đồng	10.359.013.699
10	Ngày 11/04/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202210111077788378.20817 11/04/2023; số chứng từ FT23101408120013 số tiền 10.359.013.699 đồng	10.359.013.699
11	Ngày 17/04/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202210171095126967.17399 17/04/2023; số chứng từ FT23107715194011 số tiền 9.341.063.014 đồng	9.341.063.014
12	Ngày 05/06/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202305041736068381.59123 04/06/2023; số chứng từ FT23156765917024 số tiền 2.009.342.466 đồng	2.009.342.466
13	Ngày 05/07/2023; Thanh toán liên chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202306051872971496.22289 05/07/2023; số chứng từ F23186806345370 số tiền 3.514.383.561 đồng	3.514.383.561
14	Ngày 27/07/2023; Thanh toán liên chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202306271995453531.26540 27/07/2023; số chứng từ FT23208827076252 số tiền 10.039.041.096 đồng	10.039.041.096

15	Ngày 27/07/2023; Thanh toán liên chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202306271995371068.58590 27/07/2023; số chứng từ FT23208827086385 số tiền 10.039.041.096 đồng	10.039.041.096
16	Ngày 29/07/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202306292007359013.15595 29/07/2023; số chứng từ FT23210460566109 số tiền 12.046.849.315 đồng	12.046.849.315
17	Ngày 30/09/2023; Thanh toán liên chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202308302381402787.14151 30/09/2023; số chứng từ I' 1'23273230864227 số tiền 12.043.824.658 đồng	12.043.824.658
18	Ngày 11/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304111658184767.10458 11/10/2023; số chứng từ FT23284328160215 số tiền 10.386.054.795 đồng	10.386.054.795
19	Ngày 11/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304111658180608.38124 11/10/2023; số chứng từ FT23284740588005 số tiền 10.386.054.795 đồng	10.386.054.795
20	Ngày 17/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304171680200025.52253 17/10/2023; số chứng từ F 1'23290586198147 số tiền 10.386.054.794 đồng	10.386.054.794
21	Ngày 19/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304191689862230.23448 19/10/2023; số chứng từ IT23292098500018 số tiền 20.772.109.589 đồng	20.772.109.589
22	Ngày 19/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304191689850368.02382 19/10/2023; số chứng từ FT23292510101103 số tiền 13.501.871.233 đồng	13.501.871.233
23	Ngày 19/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304191689855052.35612 19/10/2023; số chứng từ FT23292510102155 số tiền 22.849.320.548 đồng	22.849.320.548
24	Ngày 19/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304191689857058.48224 19/10/2023; số chứng từ FT23292510102731 số tiền 25.965.136.986 đồng	25.965.136.986
25	Ngày 19/10/2023; Thanh toán liên chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304191689852805.17396 19/10/2023; số chứng từ FT23292098502710 số tiền 23.887.926.027 đồng	23.887.926.027
26	Ngày 30/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 20230830238198666.58810 30/10/2023; số chứng từ F 1'23303410681645 số tiền 20.147.068.494 đồng	20.147.068.494
27	Ngày 02/11/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202310022708676413.40555 02/11/2023; số chứng từ FT23306047687090 số tiền 12.043.824.658 đồng	12.043.824.658
28	Ngày 08/11/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202305081750092013 48286 08/11/2023; số chứng từ FT23312088162383 số tiền 12.447.649.315 đồng	12.447.649.315
29	Ngày 08/11/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202305081750096235.16566 08/11/2023; số chứng từ FT23312088163022 số tiền 11.410.345.205 đồng	11.410.345.205
30	Ngày 04/12/2023; Thanh toán liên chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202311033402517499.57400 04/12/2023; số chứng từ FT23338971203419 số tiền 12.040.767.123 đồng	12.040.767.123
31	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310233322886728.52579 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340123940900 số tiền 11.066.301.370 đồng	11.066.301.370

32	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310193301898961.36788 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603070791 số tiền 20.131.506.850 đồng	20.131.506.850
33	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310193301906109.15921 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340123953870 số tiền 23.151.232.877 đồng	23.151.232.877
34	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202306211964919046.27165 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603082761 số tiền 10.847.967.123 đồng	10.847.967.123
35	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310313375780434.18865 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340123958578 số tiền 20.098.630.137 đồng	20.098.630.137
36	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310113128575175.45155 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603087389 số tiền 11.086.071.233 đồng	11.086.071.233
37	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310213315497038.10148 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603087550 số tiền 25.157.534.246 đồng	25.157.534.246
38	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202311083433595284.52856 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340123962366 số tiền 12.849.095.891 đồng	12.849.095.891
39	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310213315495542.57381 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340123967072 số tiền 23.648.082.192 đồng	23.648.082.192
40	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310233322889339.03826 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603095982 số tiền 10.563.287.671 đồng	10.563.287.671
41	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310193301901840.51913 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340123970879 số tiền 22.144.657.534 đồng	22.144.657.534
42	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310113133273725.23641 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603100691 số tiền 12.093.895.890 đồng	12.093.895.890
43	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202311083433597984.04083 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603104307 số tiền 11.042.191.781 đồng	11.042.191.781
44	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310173289490338468 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340123980376 số tiền 11.075.342.466 đồng	11.075.342.466
45	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310193301903977.05145 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603104560 số tiền 25.164.383.562 đồng	25.164.383.562
46	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202306302016124737.43281 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603109105 số tiền 10.274.438.356 đồng	10.274.438.356
47	Ngày 06/12/2023; Giao dịch ban CCTG thanh công hợp đồng 202310193301896256.22825 tại quay 06/12/2023; số chứng từ FT23340603109266 số tiền 16.105.205.479 đồng	16.105.205.479
B	Giao dịch chuyển nhượng/bán CCTG số tiền 70.090.290.780 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 21/10/2023 đến 23/10/2023	70.090.290.780

1	Ngày 21/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304211695926457.52801 21/10/2023; số chứng từ FT23294390906520 số tiền 22.548.124.958 đồng	22.548.124.958
2	Ngày 21/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304211695931721.34052 21/10/2023; số chứng từ FT23294390906934 số tiền 25.965.136.986 đồng	25.965.136.986
3	Ngày 23/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304221700361344.44961 22/10/2023; số chứng từ FT23296486080860 số tiền 11.190.974.041 đồng	11.190.974.041
4	Ngày 23/10/2023; Thanh toán tiền chuyển nhượng CCTG hợp đồng 202304221700362665.05786 22/10/2023; số chứng từ FT23296593053051 số tiền 10.386.054.795 đồng	10.386.054.795

6. Tổng giá trị tất toán HĐTG số tiền 423.515.451.587 đồng trên 02 tài khoản của Công ty HBS, trong đó: (1) Tất toán HĐTG số tiền 280.443.177.615 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 30/12/2022 đến 06/09/2024; (2) Tất toán HĐTG số tiền 143.072.273.972 đồng trên tài khoản MB-5111665995 kể từ ngày 20/10/2022 đến 30/06/2023. Sau đó, Công ty HBS và Ngân hàng Mbbank chi nhánh Sở GD3, Công ty chứng khoán Mbbank chuyển tiền vào tài khoản cá nhân, sau đó rút tiền ra chi tiêu.

STT	Nội dung	Số tiền tất toán HĐTG
I	Tổng giá trị tất toán HĐTG số tiền 423.515.451.587 đồng trên 02 tài khoản của Công ty HBS, trong đó: (1) Tất toán HĐTG số tiền 280.443.177.615 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 30/12/2022 đến 06/09/2024; (2) Tất toán HĐTG số tiền 143.072.273.972 đồng trên tài khoản MB-5111665995 kể từ ngày 20/10/2022 đến 30/06/2023	423.515.451.587
A	Tất toán HĐTG số tiền 280.443.177.615 đồng trên tài khoản MB-6911665959 kể từ ngày 30/12/2022 đến 06/09/2024	280.443.177.615
1	Ngày 30/12/2022; PRE CLOSURE OF AZ-8596266759362 DEPOSIT; số chứng từ AZ-8596266759362 số tiền 15.465.895.890 đồng	15.465.895.890
2	Ngày 12/01/2023; PRE CLOSURE OF AZ-4169597840022 DEPOSIT; số chứng từ AZ-4169597840022 số tiền 3.500.000.000 đồng	3.500.000.000
3	Ngày 27/01/2023; PRE CLOSURE OF AZ-1065502244657 DEPOSIT; số chứng từ AZ-1065502244657 số tiền 10.186.324.952 đồng	10.186.324.952
4	Ngày 27/01/2023; PRE CLOSURE OF AZ-0949308205912 DEPOSIT; số chứng từ AZ-0949308205912 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
5	Ngày 23/03/2023; PRE CLOSURE OF AZ-8678191920999 DEPOSIT; số chứng từ AZ-8678191920999 số tiền 4.000.000.000 đồng	4.000.000.000
6	Ngày 27/03/2023; PRE CLOSURE OF AZ-1073901960941 DEPOSIT; số chứng từ AZ-1073901960941 số tiền 10.097.220.852 đồng	10.097.220.852

7	Ngày 27/03/2023; PRE CLOSURE OF AZ-7829473022258 DEPOSIT; số chứng từ AZ-7829473022258 số tiền 10.097.220.852 đồng	10.097.220.852
8	Ngày 30/03/2023; PRE CLOSURE OF AZ-1600617424605 DEPOSIT; số chứng từ AZ-160061742-505 số tiền 3.000.000.000 đồng	3.000.000.000
9	Ngày 19/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-2005965877999 DEPOSIT; số chứng từ AZ-2005965877999 số tiền 20.737.972.603 đồng	20.737.972.603
10	Ngày 19/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-6091724671499 DEPOSIT; số chứng từ AZ-6091724671499 số tiền 20.737.972.603 đồng	20.737.972.603
11	Ngày 19/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-6678935711217 DEPOSIT; số chứng từ AZ-6678935711217 số tiền 20.737.972.603 đồng	20.737.972.603
12	Ngày 19/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-7512529156587 DEPOSIT; số chứng từ AZ-7512529156587 số tiền 20.737.972.603 đồng	20.737.972.603
13	Ngày 19/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-9130900060995 DEPOSIT; số chứng từ AZ-9130900060995 số tiền 20.737.972.603 đồng	20.737.972.603
14	Ngày 08/05/2023; PRE CLOSURE OF AZ-0092742444330 DEPOSIT; số chứng từ AZ-0092742444330 số tiền 10.408.876.712 đồng	10.408.876.712
15	Ngày 08/05/2023; PRE CLOSURE OF AZ-6225835223607 DEPOSIT; số chứng từ AZ-6225835223607 số tiền 12.490.652.055 đồng	12.490.652.055
16	Ngày 21/06/2023; PRE CLOSURE OF AZ-7206347725148 DEPOSIT; số chứng từ AZ-7206347725148 số tiền 10.423.835.616 đồng	10.423.835.616
17	Ngày 27/06/2023; PRE CLOSURE OF AZ-4195529004483 DEPOSIT; số chứng từ AZ-4195529004483 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
18	Ngày 27/06/2023; PRE CLOSURE OF AZ-8921587638773 DEPOSIT; số chứng từ AZ-8921587638773 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
19	Ngày 29/06/2023; PRE CLOSURE OF AZ-5643247166731 DEPOSIT; số chứng từ AZ-5643247166731 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
20	Ngày 28/08/2023; EARLY REDEMPTION OF 83287671 VND; số chứng từ AZ-6186793479936 số tiền 83.287.671 đồng	83.287.671
21	Ngày 30/08/2023; PRE CLOSURE OF AZ-0706754661166 DEPOSIT; số chứng từ AZ-0706754661166 số tiền 12.000.000.000 đồng	12.000.000.000
22	Ngày 30/08/2023; PRE CLOSURE OF AZ-6186793479936 DEPOSIT; số chứng từ AZ-6186793479936 số tiền 20.000.000.000 đồng	20.000.000.000
23	Ngày 08/05/2024; EARLY REDEMPTION OF 2000000000 VND; số chứng từ AZ-2837956323623 số tiền 2.000.000.000 đồng	2.000.000.000

24	Ngày 16/08/2024; RUT 1 PHAN GOC TAI KHOAN; AZ-4580027423468; số chứng từ AZ-4580027423468 số tiền 1.000.000.000 đồng	1.000.000.000
25	Ngày 06/09/2024; TAT TOAN HOP DONG; AZ-2837956323623; số chứng từ AZ-2837956323623 số tiền 10.000.000.000 đồng	10.000.000.000
B	Tất toán HDTG số tiền 143.072.273.972 đồng trên tài khoản MB-5111665995 kể từ ngày 20/10/2022 đến 30/06/2023	143.072.273.972
1	Ngày 20/10/2022; PRE CLOSURE OF AZ-5085632179003 DEPOSIT; số chứng từ AZ-5085632179003 số tiền 15.039.452.055 đồng	15.039.452.055
2	Ngày 20/10/2022; PRE CLOSURE OF AZ-0639495794850 DEPOSIT; số chứng từ AZ-0639495794850 số tiền 20.052.602.740 đồng	20.052.602.740
3	Ngày 20/10/2022; PRE CLOSURE OF AZ-6519317004805 DEPOSIT; số chứng từ AZ-6519317004805 số tiền 10.026.301.370 đồng	10.026.301.370
4	Ngày 23/11/2022; PRE CLOSURE OF AZ-0233664599498 DEPOSIT; số chứng từ AZ-0233664599498 số tiền 10.042.465.753 đồng	10.042.465.753
5	Ngày 30/12/2022; PRE CLOSURE OF AZ-5221278291406 DEPOSIT; số chứng từ AZ-5221278291406 số tiền 10.049.315.068 đồng	10.049.315.068
6	Ngày 20/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-8483383429139 DEPOSIT; số chứng từ AZ-8483383429139 số tiền 25.922.465.753 đồng	25.922.465.753
7	Ngày 20/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-8976357899076 DEPOSIT; số chứng từ AZ-8976357899076 số tiền 20.737.972.603 đồng	20.737.972.603
8	Ngày 22/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-6489144095420 DEPOSIT; số chứng từ AZ-6489144095420 số tiền 10.388.931.507 đồng	10.388.931.507
9	Ngày 22/04/2023; PRE CLOSURE OF AZ-8268320590243 DEPOSIT; số chứng từ AZ-8268320590243 số tiền 10.388.931.507 đồng	10.388.931.507
10	Ngày 30/06/2023; PRE CLOSURE OF AZ-9307933431424 DEPOSIT; số chứng từ AZ-9307933431424 số tiền 10.423.835.616 đồng	10.423.835.616

Thứ ba, Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, **Phan Sỹ Hải-Q.** TGD Công ty HBS; **Nguyễn Ngọc Dung** - Kế toán trưởng của Công ty HBS; **Trịnh Ngọc Duyên** – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; **Nguyễn Thị Kim Nguyên** – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; **Phạm Hồng Vương** – PTGD Công ty HBS, **Nguyễn Hà Hải Như** – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 888.384.184.125 đồng trên 03 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 16/11/2021 đến 25/09/2023 từ nguồn tiền chuyển nhượng ô đất TM01, BT02 để ngoài Hợp đồng, PLHĐ

STT	Tài khoản	Số tiền
-----	-----------	---------

I	Dòng tiền chi ra 888.384.184.125 đồng trên 03 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 16/11/2021 đến 25/09/2023 từ nguồn tiền chuyển nhượng ô đất TM01, BT02 để ngoài Hợp đồng, PLHD	888.384.184.125
1	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 06/04/2022 đến 25/09/2023	436.500.782.355
2	VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 16/11/2021 đến 25/09/2022;	20.200.247.500
	BIDV-12210000374846 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 01/01/2022 đến 27/07/2022	431.683.154.270

Thứ tư, Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, **Phan Sỹ Hải-Q.** TGD Công ty HBS; **Nguyễn Ngọc Dung** - Kế toán trưởng của Công ty HBS; **Trịnh Ngọc Duyên** – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; **Nguyễn Thị Kim Nguyên** – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; **Phạm Hồng Vương** – PTGD Công ty HBS, **Nguyễn Hà Hải Như** – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi **512.284.029.702 đồng trên 02 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 từ nguồn tiền doanh thu phí phân phối dược phẩm của Công ty Vimedimex Bình Dương; Doanh thu phí cho thuê văn phòng 45 Võ Thị Sáu; Doanh thu phí đỗ xe tầng hầm CT8, Iris Garden;**

I	Dòng tiền chi ra 512.284.029.702 đồng trên 02 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024	512.284.029.702
1	BIDV-12210000374846 chi nhánh Hà Thành, từ ngày 01/11/2021 đến 30/12/2024	484.530.812.224
2	MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3, Từ ngày 02/08/2024 đến 31/12/2024	27.753.217.478

Thứ năm, Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, **Phan Sỹ Hải-Q.** TGD Công ty HBS; **Nguyễn Ngọc Dung** - Kế toán trưởng của Công ty HBS; **Trịnh Ngọc Duyên** – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; **Nguyễn Thị Kim Nguyên** – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; **Phạm Hồng Vương** – PTGD Công ty HBS, **Nguyễn Hà Hải Như** – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi **423.114.757.123 đồng trên 05 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 04/01/2021 đến 29/10/2021, trong đó:**

I	Dòng tiền chi ra 423.114.757.123 đồng trên 02 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024	423.114.757.123
1	Dòng tiền chi ra 132.000.253.000 đồng trên tài khoản VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 05/01/2021 đến 25/10/2021; số dư đầu kỳ ngày 31/12/2020 số tiền 59.001.850.854 đồng	132.000.253.000
2	Dòng tiền chi ra 31.581.034.787 đồng trên tài khoản BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung, từ ngày 04/01/2021 đến 08/10/2021; số dư đầu kỳ ngày 31/12/2020 số tiền 10.133.941.780 đồng	31.581.034.787

3	Dòng tiền chi ra 195.649.696.955 đồng trên tài khoản VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 02/08/2021 đến 29/10/2021	195.649.696.955
4	Dòng tiền chi ra 35.883.772.381 đồng trên tài khoản VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai, từ ngày 12/01/2021 đến 28/10/2021	35.883.772.381
5	Dòng tiền chi ra 28.000.000.000 đồng trên tài khoản MB-0021106178008 chi nhánh Sở GD3 ngày 19/01/2021	28.000.000.000

MỤC VI. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CÔNG TY HBS VÀ CÔNG TY VMG

I. TRUY VẾT DÒNG TIỀN, KIỂM TOÁN LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TÌM RA CÁC HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

Thứ nhất, Quá trình rà soát đã truy vết dòng tiền, kiểm toán lại báo cáo tài chính và tìm ra các hành vi chiếm đoạt tài sản của **Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải; Nguyễn Ngọc Dung; Trịnh Ngọc Duyên; Nguyễn Thị Kim Nguyễn Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như** dưới sự chỉ đạo của Nhóm bán tài sản bất hợp pháp: **Trịnh Ngọc Duyên, Tạ Thị Vân, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thủy Trang và Luật sư của Tạ Thị Vân** cấu kết với **Ông Đinh Văn Nho – Phó TGD VPbankvà Ông Nguyễn Duy Kiên – Chủ tịch HĐQT Công ty Kita Investment; VietAbank, Mbbank Sở GD3, Phương Xuân Thủy** xóa nguồn gốc dòng tiền tham nhũng và lợi dụng chức vụ quyền hạn được phân công ủy quyền mà có **8.254.770.118.388 đồng** thành dòng tiền hợp pháp

Đặc biệt, bỏ ngoài sổ sách kế toán **8.254.770.118.388 đồng** nhưng được ghi nhận trên sổ phụ sao kê 11 tài khoản của Công ty HBS mở tại ngân hàng là vi phạm **Luật Kế toán 2015** quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực kế toán, trong đó có hành vi: "bỏ ngoài sổ kế toán tài sản nợ phải trả của đơn vị kế toán. Việc bỏ ngoài hệ thống kế toán nhằm **mục đích che giấu, làm sai lệch thông tin tài chính**, gây khó khăn cho việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty HBS, đồng thời có thể gây thiệt hại cho Công ty VMG và các cá nhân liên quan. Hoạt động này bị cho là nhằm lợi dụng Công ty HBS để hợp thức hóa, chiếm đoạt tài sản của người khác, dẫn đến thiệt hại số tiền **8.254.770.118.388 đồng**."

Như vậy, hành vi lạm dụng tư cách pháp nhân không vì lợi ích của công ty mà phục vụ lợi ích cá nhân. Những người quản lý **Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải; Nguyễn Ngọc Dung; Trịnh Ngọc Duyên; Nguyễn Thị Kim Nguyễn Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như** lạm dụng tư cách pháp nhân của công ty HBS, nhằm "giao dịch mua bán chứng khoán, bỏ ngoài giá trị sổ sách **8.254.770.118.388 đồng** không vì lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho Công ty VMG số tiền **5.873.095.566.405 đồng**" từ nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán mua căn hộ chung cư cao tầng, biệt thự liền kề tại các dự án The Emerald, dự án Iris Garden, dự án Bellerville Hà Nội, Dự án Eden Rose, Dự án Khu đô thị Mới Đại Kim, dự án thành phần BT05, BT01, TM01 mang thương hiệu Vimefulland mang thương hiệu Vimefulland kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 của Công ty VMG.

Thứ hai, Vpbank giải ngân 1.830.000.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tổng thầu thi công ô đất TM01. Trịnh Ngọc Duyên, Tạ Thị Vân, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang và Luật sư của Tạ Thị Vân cấu kết với Ông Đinh Văn Nho – Phó TGD VPbankvà Ông Nguyễn Duy Kiên – Chủ tịch HĐQT Công ty Kita Investment điều hướng dòng đi của dòng tiền của 11 cá nhân chuyển khoản đi và rút, nộp tiền mặt vào tài khoản “tổng” VCB-03010003277789, VCB-0011004136449,HD-020704070000483 BIDV-12210000374846 của Công ty HBS, số tiền **1.843.432.772.535 đồng**, thể hiện như một nhà đầu tư mua, bán giao dịch chứng khoán trên Sàn, kể từ ngày 01/11/2021 đến 19/01/2023. Đây chính là một kiểu hoạt động kinh tế ngầm mà môi trường thuận lợi của nó là “**nền kinh tế tiền mặt**”, người thực hiện hành vi này chính là bà **Nguyễn Ngọc Dung-Kế toán trưởng của Công ty HBS** kể từ năm 2008 đến 30/05/2022, vi phạm nghiêm trọng Điều 13, Luật Kế toán, “**Che**” thu nhập, “**giấu**” doanh thu. Đây được hiểu là lạm dụng tư cách pháp nhân là Công ty HBS để thực hiện các hành vi, vi phạm Luật chứng khoán. Công ty HBS chỉ tồn tại như là một vỏ bọc, bức bình phong, một công cụ **Trịnh Ngọc Duyên, Tạ Thị Vân, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang, Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải Nguyễn Kim Nguyên Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như** và Luật sư của **Tạ Thị Vân** cấu kết với Ông **Đinh Văn Nho – Phó TGD VPbankvà Ông Nguyễn Duy Kiên – Chủ tịch HĐQT Công ty Kita Investment** cùng với các cá nhân có liên quan xóa dấu vết nguồn gốc dòng tiền từ hành vi, vi phạm pháp luật, gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VMG, Công ty HBS, ảnh hưởng đến sự minh bạch của thị trường Chứng khoán

Thứ ba, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang, Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải Nguyễn Kim Nguyên Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như cấu kết với Phương Xuân Thụy “**Hoán đổi dòng tiền 2.748.412.934.584 đồng trên 07 tài khoản của Công ty HBS từ nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt của Công ty Mỹ Đình, Công ty Nhuệ Giang thành tài sản sở hữu hợp pháp cho cá nhân ông Phương Xuân Thụy số tiền 2.748.412.934.584 đồng** để thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty VMG ủy thác cho 10 cá nhân đại diện quản lý tại 10 Công ty là chủ đầu tư 10 dự án trên diện tích 459,5ha tại thủ đô HN là **vi phạm pháp luật**, dấu hiệu của hành vi rửa tiền và vi phạm Điều 143, Luật Quản lý thuế 2019. Lý do: **Thỏa thuận với khách hàng thanh toán 100% bằng tiền mặt mua 1.186 căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald của Công ty Mỹ Đình và Dự án Iris Garden của Công ty Nhuệ Giang** bỏ ngoài sổ sách kế toán được chuyển đổi và sử dụng để mua 10 dự án bất động sản, nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, thì có thể bị xem là hành vi rửa tiền, vi phạm các quy định về phòng, chống rửa tiền, có thể dẫn đến các hình phạt nghiêm trọng.

Thứ tư, Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải - Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty

HBS ký chứng từ chuyển tiền đi **423.114.757.123 đồng** trên **02 tài khoản của Công ty HBS** kể từ ngày **01/11/2021 đến 31/12/2024** từ nguồn tiền doanh thu phí phân phối được phẩm của Công ty Vimedimex Bình Dương; Doanh thu phí cho thuê văn phòng 45 Võ Thị Sáu; Doanh thu phí đỗ xe tầng hầm CT8, Iris Garden;

Thứ năm, Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (sau đây gọi tắt là “**Công ty VMG/Chủ sở hữu**”) ủy quyền cho **Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Anh Đức, Liêu Thúy Quỳnh, Quân Anh Tuấn, Nguyễn Tiến Mạnh** (sau đây gọi tắt là “**Người nhận ủy thác**”) tại Hợp đồng ủy thác nhân danh Chủ sở hữu, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14, Luật Doanh nghiệp 2020. Trong đó:

“**Tài sản ủy thác**” có nghĩa là các tài sản thuộc sở hữu của Công ty VMG được Công ty VMG ủy thác cho **Người nhận ủy thác** thực hiện quản lý tài sản là tiền mặt và mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 05 tài khoản cá nhân mở tại MBBank - chi nhánh SGD3, kèm theo Hợp đồng ủy thác quản lý tài sản bằng tiền mặt.

“**Người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu**” được hiểu là các cá nhân **Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Anh Đức, Liêu Thúy Quỳnh, Quân Anh Tuấn, Nguyễn Tiến Mạnh**, nhận ủy quyền bằng văn bản quy định nội dung tại 06 Hợp đồng ủy thác, nhân danh Chủ sở hữu, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định tại Hợp đồng ủy thác ký ngày 29/09/2022 quy định quản lý tài sản là tiền mặt và mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 05 tài khoản cá nhân mở tại MBBank - chi nhánh SGD3

Tuy nhiên, Người nhận ủy thác là Trịnh Ngọc Duyên đã chỉ đạo Nguyễn Anh Đức, Nguyễn Tiến Mạnh, Quân Anh Tuấn, Liêu Thúy Quỳnh và cá nhân bà Trịnh Ngọc Duyên rút tiền ra, nộp vào **03 tài khoản của Công ty HBS** mở tại MBBank chi nhánh Sở GD3 để ngoài sổ sách kế toán. Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải **1.725.101.756.713 đồng**, trong đó: Giao dịch mua CCTG số tiền **710.596.000.000 đồng** kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023; Mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số tiền **755.270.000.000 đồng** kể từ ngày 20/09/2022 đến 11/06/2024; Chuyển khoản đi số tiền **183.416.380.931 đồng** kể từ ngày 22/10/2022 đến 31/12/2024; Rút tiền trên tài khoản **53.917.485.022 đồng** kể từ ngày 21/12/2022 đến 30/12/2024, thể hiện:

STT	Nội dung	Số tiền
I	Dòng tiền chi ra 1.725.101.756.713 đồng trên 03 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 20/09/2022 đến 31/12/2024	1.725.101.756.713
1	Tổng giá trị giao dịch mua CCTG số tiền 710.596.000.000 đồng trên 02 tài khoản, trong đó: (1) Mua CCTG số tiền 573.111.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023; (2) Mua CCTG số tiền 137.485.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/04/2023 đến 23/10/2023	710.596.000.000

2	Tổng giá trị gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 755.270.000.000 đồng trên 02 tài khoản, trong đó: (1) Gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 615.270.000.000 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 19/10/2022 đến 11/06/2024; (2) Gửi tiết kiệm bằng HĐTG có kỳ hạn số tiền 140.000.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 20/09/2022 đến 30/12/2022	755.270.000.000
3	Tổng giá trị chuyển khoản đi số tiền 183.416.380.931 đồng trên 03 tài khoản, trong đó: (1) Chuyển khoản đi số tiền 60.501.181.962 đồng trên tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 22/10/2022 đến 29/07/2024; (2) Chuyển khoản đi số tiền 10.678.000.000 đồng trên tài khoản MB-5111665995 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 31/10/2022 đến 23/10/2023; (3) Chuyển khoản đi số tiền 112.237.198.969 đồng trên tài khoản MB-565959999 của Công ty HBS kể từ ngày 30/12/2022 đến 31/12/2024	183.416.380.931
4	Tổng giá trị rút tiền 53.917.485.022 đồng trên tài khoản MB-565959999 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/12/2022 đến 30/12/2024	53.917.485.022

Thứ sáu, Trịnh Ngọc Duyên cầu kết với **Nguyễn Thị Huyền Trang** Phó Phòng KHCN của Mbbank chi nhánh Sở GD3 chuẩn bị hồ sơ mở tài khoản thứ 2, thứ ba **MBBank chi nhánh SGD 3** và yêu cầu các cá nhân nhận ủy thác ký hồ sơ mở tài khoản thứ 2, thứ 3 để mua, bán CCTG nhằm mục đích “**Chuyển quyền sở hữu tài sản số tiền 1.725.101.756.713 của Công ty VMG sang Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Anh Đức, Liêu Thúy Quỳnh, Quân Anh Tuấn, Nguyễn Tiến Mạnh** theo từng lần giao dịch mua, bán CCTG số tiền 1.705.437.625.981 đồng” không có thỏa thuận rõ ràng hoặc không được sự đồng ý của Bên ủy thác là Công ty VMG bị xem là vi phạm pháp luật. Đặc biệt, **Chuyển quyền sở hữu tài sản số tiền 1.725.101.756.713 đồng** của Công ty VMG sang **Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Anh Đức, Liêu Thúy Quỳnh, Quân Anh Tuấn, Nguyễn Tiến Mạnh**, **Trịnh Ngọc Duyên** chỉ đạo rút tiền ra nộp vào tài khoản của Công ty HBS bỏ ngoài sổ sách kế toán và tiếp tục thực hiện hành vi: (1) Mua CCTG số tiền **710.596.000.000 đồng**; (2) Gửi tiết kiệm bằng Hợp đồng tiền gửi số tiền **755.270.000.000 đồng**; (3) **Chuyển khoản đi số tiền 183.416.380.931 đồng**; (4) **Rút tiền 53.917.485.022 đồng** trên tài khoản MB-565959999 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/12/2022 đến 30/12/2024.

Công ty HBS mở 03 tài khoản tại Mbbank - Chi nhánh Sở giao dịch 3 kể từ ngày 20/09/2022 đến 21/05/2024, vi phạm khoản 4.4, Điều 4, Hợp đồng ủy thác quy định: “**Chuyển giao Tài Sản Ủy Thác, lợi ích phát sinh từ Tài Sản Ủy Thác.** Tùy thuộc vào quyết định và yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty VMG, Người nhận ủy thác quản lý tài sản sẽ phải hoàn trả, chuyển giao tài sản ủy thác, các quyền và lợi ích mà Người nhận ủy thác nắm giữ phát sinh từ tài sản ủy thác theo quy định tại Hợp Đồng ủy thác:

(1) Người nhận ủy thác quản lý tài sản phải hoàn trả toàn bộ hoặc một phần tài sản ủy thác theo yêu cầu của Chủ sở hữu;

(2) Người nhận ủy thác phải chuyển giao quyền quản lý tài sản ủy thác cho Bên thứ ba theo yêu cầu của Chủ sở hữu;

(3) Người nhận ủy thác quản lý tài sản có trách nhiệm chuyển toàn bộ tất cả lợi ích phát sinh từ tài sản ủy thác cho Chủ sở hữu theo yêu cầu của Chủ sở hữu”.

Quá trình rà soát đã phát hiện Trịnh Ngọc Duyên cấu kết với Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải đã sử dụng pháp nhân Công ty HBS mua CCTG dùng tiền của nhà đầu tư để mua chứng chỉ tiền gửi (CCTG) là vi phạm pháp luật vì CTCK không được phép sử dụng tiền của nhà đầu tư hoặc dùng tiền của công ty HBS để đảm bảo nghĩa vụ cho bên thứ ba. CTCK không có chức năng nhận tiền gửi như tổ chức tín dụng, và các hoạt động này có thể bị coi là huy động vốn trái phép.

Thứ bảy, Công ty cổ phần Tập Đoàn Dược phẩm Vimedimex đề nghị Đại hội Cổ đông năm 2025 thông qua thu hồi **5.800.000 cổ phiếu** của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình mã cổ phiếu HBS tương ứng số tiền **35.000.000.000 đồng**, chiếm tỷ lệ **17,58%**. Lý do thu hồi tư cách cổ đông của ông **Nguyễn Anh Đức**:

(1) **Thay đổi cơ cấu quản lý**: Khi cơ cấu quản lý của Vimedimex thay đổi, có thể có những quy định mới về tiêu chuẩn người đại diện, và ông Nguyễn Anh Đức có thể không còn đáp ứng được những tiêu chuẩn đó.

(2) **Chấm dứt tư cách cổ đông**: Việc thay đổi cơ cấu quản lý cũng có thể dẫn đến việc không còn là cổ đông của công ty và theo quy định, người đại diện phải là cổ đông. Do đó, việc ông **Nguyễn Anh Đức** không còn là người đại diện là một hệ quả tất yếu của việc thay đổi cơ cấu quản lý và chấm dứt tư cách cổ đông của ông **Nguyễn Anh Đức**, phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020 và Luật chứng khoán năm 2019 và **Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty**.

(3) Đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (HBS) xác nhận Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex **sở hữu 5.800.000 cổ phiếu HBS**, tương đương **17,58% vốn điều lệ**, kể từ ngày **01/1/2025**.

STT	Nội dung	Số tiền
I	Công ty VMG chỉ định và ủy thác cho Ông Nguyễn Anh Đức đại diện phần vốn góp 5.800.000 cổ phần với tổng giá trị là 35.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 17,58%. Ông Nguyễn Anh Đức nhận tiền ủy thác để giao dịch thỏa thuận từ ngày 18/11/2022 đến ngày 12/12/2022 mua lại cổ phần của các cổ đông lớn là Bà Lê Thị Thanh Nhân số cổ phần 4,3 triệu cổ phần và Ông Nguyễn Hữu Dũng số cổ phần là 1,5 triệu cổ phần.	35.000.000.000
1	Ngày 09/12/2022, Nop tien TK Chung Khoan 082C8233368.00 Nguyen Anh Duc tai HBS; T22343912778010	35.000.000.000
2	Ngày 21/12/2022, KH RUT TIEN; FT22355024176099	5.990.000.000

MỤC VII. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CỐ TÌNH BỎ NGOÀI SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀ ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SỔ PHỤ SAO KÊ 11 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY HBS MỞ TẠI NGÂN HÀNG KẾ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN NGÀY 31/12/2024.

I. XÁC ĐỊNH HÀNH VI ĐỂ NGOÀI SỔ SÁCH KẾ TOÁN CÔNG TY HBS ĐƯỢC QUY ĐỊNH LÀ HÀNH VI PHẠM TỘI TẠI KHOẢN 1, ĐIỀU 206, BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015

1. Đối với hành vi để ngoài sổ sách tài sản của công ty trong hệ sinh thái Group để tham nhũng tư nhân, nghiệp vụ kế toán sẽ phải ghi nhận tài sản đó vào sổ sách kế toán công ty. Đồng thời, đơn vị cần thực hiện truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với cá nhân liên quan do vi phạm quy định về kế toán và tham nhũng, dựa trên hành vi cụ thể và giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

Về mặt nghiệp vụ kế toán: Ghi nhận tài sản vào sổ sách: Hành vi để ngoài sổ sách kế toán tài sản là vi phạm pháp luật kế toán. Do đó, kế toán phải thực hiện ghi nhận tài sản này vào hệ thống sổ sách kế toán của công ty để đảm bảo tính chính xác và minh bạch của báo cáo tài chính. **Kiểm tra, đối chiếu nội bộ:** Cần rà soát lại toàn bộ quy trình kiểm soát nội bộ để xác định nguyên nhân dẫn đến việc tài sản bị bỏ ngoài sổ sách và ngăn chặn những hành vi tương tự xảy ra trong tương lai.

Về mặt pháp lý và xử lý vi phạm:

Xác định tội danh: (1) Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng: Hành vi để ngoài sổ sách tài sản công ty được quy định là hành vi phạm tội tại Khoản 1, Điều 206, Bộ luật Hình sự 2015. (2) Tội tham ô tài sản: Nếu hành vi đó được thực hiện bởi người có chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản.

Biện pháp khắc phục hậu quả: (1) Người phạm tội sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo mức độ của hành vi, có thể bị phạt tù từ 03 - 20 năm. (2) Ngoài ra, có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 - 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. (3) Đối với tài sản của công ty trong hệ sinh thái Group, đơn vị cần có cơ chế quản lý chặt chẽ để đảm bảo tài sản đó luôn được hạch toán đầy đủ và đúng quy định.

Về mặt quản trị hệ sinh thái Group: (1) Tăng cường kiểm soát nội bộ: Công ty cần xem xét lại các quy trình luân chuyển tài sản giữa các đơn vị trong Group, đặc biệt là các giao dịch liên quan đến tài sản và tài chính. (2) Thiết lập quy định minh bạch: Xây dựng các quy trình quản lý tài sản rõ ràng, phân định rõ ràng quyền sở hữu, trách nhiệm quản lý và sử dụng tài sản của từng đơn vị trong Group.

II. HẠCH TOÁN VÀO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CỦA CÔNG TY HBS KỲ KẾ TOÁN KẾ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/12/2024

Thứ nhất, Quá trình rà soát đã truy vết dòng tiền, kiểm toán lại báo cáo tài chính và tìm ra các hành vi chiếm đoạt tài sản của **Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải; Nguyễn Ngọc Dung; Trịnh Ngọc Duyên; Nguyễn Thị Kim Nguyên Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như** dưới sự chỉ đạo của Nhóm bán tài sản

bất hợp pháp: **Trịnh Ngọc Duyên, Tạ Thị Vân, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang và Luật sư của Tạ Thị Vân cấu kết với Ông Đinh Văn Nho – Phó TGD VPbankvà Ông Nguyễn Duy Kiên – Chủ tịch HĐQT Công ty Kita Investment; VietAbank, Mbbank Sở GD3, Phương Xuân Thụy** xóa nguồn gốc dòng tiền tham nhũng và lợi dụng chức vụ quyền hạn được phân công ủy quyền mà có **8.254.770.118.388 đồng** thành dòng tiền hợp pháp

Đặc biệt, bỏ ngoài sổ sách kế toán **8.254.770.118.388 đồng** nhưng được ghi nhận trên sổ phụ sao kê 18 tài khoản của Công ty HBS mở tại ngân hàng là vi phạm **Luật Kế toán 2015** quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực kế toán, trong đó có hành vi: "bỏ ngoài sổ kế toán tài sản nợ phải trả của đơn vị kế toán. Việc bỏ ngoài hệ thống kế toán nhằm **mục đích che giấu, làm sai lệch thông tin tài chính**, gây khó khăn cho việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty HBS, đồng thời có thể gây thiệt hại cho Công ty VMG và các cá nhân liên quan. Hoạt động này bị cho là nhằm lợi dụng Công ty HBS để hợp thức hóa, chiếm đoạt tài sản của người khác, dẫn đến thiệt hại số tiền **8.254.770.118.388 đồng**.

1. Tổng giá trị dòng luân chuyển vào số tiền 7.934.211.509.199 đồng và luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng từ hoạt động kinh doanh trên 18 tài khoản, bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

1.1 Giá trị dòng tiền luân chuyển vào 7.233.463.542.249 đồng và dòng tiền luân chuyển ra 7.742.003.737.487 đồng hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

1.2 Giá trị dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra từ hoạt động môi giới chứng khoán 673 tài khoản cá nhân bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: **(1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng; (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.**

STT	Nội dung	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh
I	Tổng giá trị dòng luân chuyển vào số tiền 7.934.211.509.199 đồng và luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng từ hoạt động kinh doanh trên 18 tài khoản, bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	7.934.211.509.199	8.254.770.118.388
A	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	7.233.463.542.249	7.742.003.737.487

1	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh số tiền 2.571.930.730 đồng bỏ ngoài Sổ sách kế toán của HBS (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh số tiền 2.913.505.799.648 đồng bỏ ngoài Sổ sách kế toán của HBS	2.571.930.582.730	2.913.505.799.648
2	11 Tài khoản chưa phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.661.532.959.519 đồng. (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.828.497.937.839 đồng.	4.661.532.959.519	4.828.497.937.839
B	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra từ hoạt động môi giới chứng khoán 673 tài khoản cá nhân bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng. (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.	700.747.966.950	512.766.380.901

B. Chi tiết giá trị dòng tiền luân chuyển vào số tiền **7.934.211.509.199 đồng** và luân chuyển ra **8.254.770.118.388 đồng** từ hoạt động kinh doanh của Công ty HBS **bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS** kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó:

1. Chi tiết giá trị dòng tiền luân chuyển vào số tiền **2.571.930.582.730 đồng** và luân chuyển ra **2.913.505.799.648 đồng** từ hoạt động kinh doanh trên 08 Tài khoản của Công ty HBS **bỏ ngoài Sổ sách kế toán** kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

2. 11 Tài khoản **chưa phản ánh** trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó:

(1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền **4.661.532.959.519 đồng**.

(2) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền **4.828.497.937.839 đồng**.

3. Giá trị dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra từ hoạt động môi giới chứng khoán **673 tài khoản cá nhân** bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

(1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân **số tiền 700.747.966.950 đồng.**

(1) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân **số tiền 512.766.380.901 đồng.**

STT	Số tài khoản đã phản ánh trên bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh
A	08 Tài khoản đã phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	2.571.930.582.730	2.913.505.799.648
1	BIDV-12211000003189; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 723.066 đồng	543	723.609
2	BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2021, đã đóng tài khoản 31/12/2022	367.680.049.674	377.813.991.454
3	HDBank-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 đến 29/05/2023, đã đóng tài khoản 29/05/2023; số dư đầu kỳ 949.475.864 đồng	203.626.433.790	204.575.909.654
4	HDBank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 04/01/2021 đến 30/06/2025, đã đóng tài khoản 03/07/2025; số dư đầu kỳ 593.757.941 đồng	74.851.463.564	74.893.996.221
5	TCB-1910953999011; Từ 20/01/2021 đến 25/12/2021, đã đóng tài khoản 31/05/2023; số dư đầu kỳ 2.337.861 đồng		1.320.000
6	VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 499.745.095 đồng	1.363.161.195.029	1.363.660.940.124
7	VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 25/09/2022 và từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 59.001.850.854 đồng	93.303.089.672	152.304.962.526
8	BIDV-1220374846-12210000374846 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2024, chưa đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 1.865.271.792 đồng; số dư cuối kỳ 194.856.071 đồng	469.308.350.458	740.253.956.060

2. 11 Tài khoản **chưa phản ánh** trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó:

(1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.661.532.959.519 đồng.

(2) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng.

(3) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.828.497.937.839 đồng.

(4) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.

STT	Nội dung	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh		Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	
		Cá nhân	Công ty HBS	Cá nhân	Công ty HBS
A	11 Tài khoản chưa phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.661.532.959.519 đồng. (2) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng. (3) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.828.497.937.839 đồng. (4) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.	700.747.966.950	4.661.532.959.519	512.766.380.901	4.828.497.937.839
1	BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Giai đoạn 2: Số chỉ tiết tài khoản 112 từ ngày 04/01/2022 đến 30/12/2022, Trên , Số tiền liên quan đến 232 tỷ của ô đất TM01 chuyển vào Công ty VMD, rút séc tiền mặt; số dư đầu kỳ 19.406.259.896 đồng		232.284.346.667		212.878.086.771
2	BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng	435.022.671.294	741.690.810.534	184.188.407.733	992.523.736.287
3	BIDV-8620024954 chi nhánh Hà Thành; từ ngày 17/05/2024 đến 31/12/2024, Chưa đóng TK; số dư đầu kỳ 0; số dư cuối kỳ 62.709.268 đồng		8.400.385.000		8.463.340.405
4	BIDV-12110000067088; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 770.539 đồng		771.113		574

5	HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022, đã đóng tài khoản 29/05/2023,		206.221.905.900		204.754.341.403
	HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 1: Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022 trên sổ phụ sao kê; số dư đầu kỳ 1.467.564.497 đồng		191.381.174.093		189.913.876.036
	HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết 112 Từ 06/07/2022 đến 29/05/2022; số dư đầu kỳ 266.440 đồng		14.840.731.807		14.840.465.367
6	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng	255.320.440.523	1.092.403.669.557	325.986.716.757	1.021.735.551.258
7	VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết tài khoản 112 từ 25/09/2022 đến 11/05/2023		201.407.778		89.231
8	MBB-6911665959 chi nhánh Sở GD3; Từ 22/09/2022 đến 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025		1.616.199.126.852		1.616.199.126.852
9	MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025	10.404.855.133	447.889.241.107	2.591.256.411	455.702.839.829
10	MBB-5111665995 chi nhánh Sở GD3; Từ 20/09/2022 tới 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024		288.164.507.969		288.164.507.969
11	MBB-21106178008 chi nhánh Sở GD3; Từ 19/01/2021 đến 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024; số dư đầu kỳ 469.782 đồng		28.076.787.042		28.076.317.260

Như vậy, hành vi lạm dụng tư cách pháp nhân không vì lợi ích của công ty mà phục vụ lợi ích cá nhân. Những người quản lý **Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải; Nguyễn Ngọc Dung; Trịnh Ngọc Duyên; Nguyễn Thị Kim Nguyễn Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải** Như lạm dụng tư cách pháp nhân của công ty HBS, nhằm “giao dịch mua bán chứng khoán, bỏ ngoài giá trị sổ sách **8.254.770.118.388 đồng** không vì lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho Công ty VMG số tiền **5.873.095.566.405 đồng**” từ nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán mua căn hộ chung cư cao tầng, biệt thự liền kề tại các dự án The Emerald, dự án Iris Garden, dự án Bellerville Hà Nội, Dự án Eden Rose, Dự án Khu đô thị Mới Đại Kim, dự án thành phần BT05, BT01, TM01 mang thương hiệu Vimefulland mang thương hiệu Vimefulland kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 của Công ty VMG.

Thứ hai, Vpbank giải ngân **1.830.000.000.000 đồng** thông qua **Hợp đồng tổng thầu thi công ô đất TM01**. Trịnh Ngọc Duyên, Tạ Thị Vân, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang và Luật sư của Tạ Thị Vân cấu kết với Ông Đình

Văn Nho – Phó TGD VPbankvà Ông Nguyễn Duy Kiên – Chủ tịch HĐQT Công ty Kita Investment điều hướng đường đi của dòng tiền của 11 cá nhân chuyển khoản đi và rút, nộp tiền mặt vào tài khoản “tổng” VCB-03010003277789, VCB-0011004136449, HD-020704070000483 BIDV-12210000374846 của Công ty HBS, số tiền **1.843.432.772.535 đồng**, thể hiện như một nhà đầu tư mua, bán giao dịch chứng khoán trên Sàn, kể từ ngày 01/11/2021 đến 19/01/2023. Đây chính là một kiểu hoạt động kinh tế ngầm mà môi trường thuận lợi của nó là “nền kinh tế tiền mặt”, người thực hiện hành vi này chính là bà Nguyễn Ngọc Dung-Kế toán trưởng của Công ty HBS kể từ năm 2008 đến 30/05/2022, vi phạm nghiêm trọng Điều 13, Luật Kế toán, “Che” thu nhập, “giấu” doanh thu. Đây được hiểu là lạm dụng tư cách pháp nhân là Công ty HBS để thực hiện các hành vi, vi phạm Luật chứng khoán. Công ty HBS chỉ tồn tại như là một vỏ bọc, bức bình phong, một công cụ Trịnh Ngọc Duyên, Tạ Thị Vân, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang, Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải Nguyễn Kim Nguyên Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như và Luật sư của Tạ Thị Vân cấu kết với Ông Đinh Văn Nho – Phó TGD VPbankvà Ông Nguyễn Duy Kiên – Chủ tịch HĐQT Công ty Kita Investment cùng với các cá nhân có liên quan xóa dấu vết nguồn gốc dòng tiền từ hành vi, vi phạm pháp luật, gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VMG, Công ty HBS, ảnh hưởng đến sự minh bạch của thị trường Chứng khoán

Thứ ba, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang, Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải Nguyễn Kim Nguyên Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như cấu kết với Phương Xuân Thụy “Hoán đổi dòng tiền **2.748.412.934.584 đồng trên 07** tài khoản của Công ty HBS từ nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt của Công ty Mỹ Đình, Công ty Nhuệ Giang thành tài sản sở hữu hợp pháp cho cá nhân ông Phương Xuân Thụy số tiền **2.748.412.934.584 đồng** để thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty VMG ủy thác cho 10 cá nhân đại diện quản lý tại 10 Công ty là chủ đầu tư 10 dự án trên diện tích 459,5ha tại thủ đô HN là vi phạm pháp luật, dấu hiệu của hành vi rửa tiền và vi phạm Điều 143, Luật Quản lý thuế 2019. Lý do: Thỏa thuận với khách hàng thanh toán 100% bằng tiền mặt mua 1.186 căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald của Công ty Mỹ Đình và Dự án Iris Garden của Công ty Nhuệ Giang bỏ ngoài sổ sách kế toán được chuyển đổi và sử dụng để mua 10 dự án bất động sản, nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, thì có thể bị xem là hành vi rửa tiền, vi phạm các quy định về phòng, chống rửa tiền, có thể dẫn đến các hình phạt nghiêm trọng.

Thứ tư, Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải-Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi **512.284.029.702 đồng** trên 02 tài khoản của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 từ nguồn tiền doanh thu phí phân

phối dược phẩm của Công ty Vimedimex Bình Dương; Doanh thu phí cho thuê văn phòng 45 Võ Thị Sáu; Doanh thu phí đỗ xe tầng hầm CT8, Iris Garden;

Thứ năm, Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (sau đây gọi tắt là “Công ty VMG/Chủ sở hữu”) ủy quyền cho **Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Anh Đức, Liêu Thúy Quỳnh, Quân Anh Tuấn, Nguyễn Tiến Mạnh** (sau đây gọi tắt là “Người nhận ủy thác”) tại Hợp đồng ủy thác nhân danh Chủ sở hữu, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14, Luật Doanh nghiệp 2020. Trong đó:

“Tài sản ủy thác” có nghĩa là các tài sản thuộc sở hữu của Công ty VMG được Công ty VMG ủy thác cho Người nhận ủy thác thực hiện quản lý tài sản là tiền mặt và mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 05 tài khoản cá nhân mở tại MBBank - chi nhánh SGD3, kèm theo Hợp đồng ủy thác quản lý tài sản bằng tiền mặt.

“Người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu” được hiểu là các cá nhân **Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Anh Đức, Liêu Thúy Quỳnh, Quân Anh Tuấn, Nguyễn Tiến Mạnh**, nhận ủy quyền bằng văn bản quy định nội dung tại 06 Hợp đồng ủy thác, nhân danh Chủ sở hữu, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định tại Hợp đồng ủy thác ký ngày 29/09/2022 quy định quản lý tài sản là tiền mặt và mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 05 tài khoản cá nhân mở tại MBBank - chi nhánh SGD3

Tuy nhiên, Người nhận ủy thác là Trịnh Ngọc Duyên đã chỉ đạo Nguyễn Anh Đức, Nguyễn Tiến Mạnh, Quân Anh Tuấn, Liêu Thúy Quỳnh và cá nhân bà Trịnh Ngọc Duyên rút tiền ra, nộp vào **03 tài khoản của Công ty HBS** mở tại MBBank chi nhánh Sở GD3 để ngoài sổ sách kế toán. Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải **1.725.101.756.713 đồng**, trong đó: Giao dịch mua CCTG số tiền **710.596.000.000 đồng** kể từ ngày 22/09/2022 đến 08/11/2023; Mở Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số tiền **755.270.000.000 đồng** kể từ ngày 20/09/2022 đến 11/06/2024; Chuyển khoản đi số tiền **183.416.380.931 đồng** kể từ ngày 22/10/2022 đến 31/12/2024; Rút tiền trên tài khoản **53.917.485.022 đồng** kể từ ngày 21/12/2022 đến 30/12/2024.

Thứ sáu, Trịnh Ngọc Duyên cấu kết với Nguyễn Thị Huyền Trang Phó Phòng KHCN của Mbbank chi nhánh Sở GD3 chuẩn bị hồ sơ mở tài khoản thứ 2, thứ ba MBBank chi nhánh SGD 3 và yêu cầu các cá nhân nhận ủy thác ký hồ sơ mở tài khoản thứ 2, thứ 3 để mua, bán CCTG nhằm mục đích “Chuyển quyền sở hữu tài sản số tiền 1.725.101.756.713 của Công ty VMG sang Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Anh Đức, Liêu Thúy Quỳnh, Quân Anh Tuấn, Nguyễn Tiến Mạnh theo từng lần giao dịch mua, bán CCTG số tiền 1.705.437.625.981 đồng” không có thỏa thuận rõ ràng hoặc không được sự đồng ý của Bên ủy thác là Công ty VMG bị xem là vi phạm pháp luật. Đặc biệt, Chuyển quyền sở hữu tài sản số tiền **1.725.101.756.713 đồng** của Công ty VMG sang Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Anh Đức, Liêu Thúy Quỳnh, Quân Anh Tuấn, Nguyễn Tiến Mạnh, Trịnh Ngọc Duyên chỉ đạo rút tiền ra nộp vào tài khoản của Công ty HBS bỏ ngoài sổ sách kế toán và tiếp tục thực hiện hành vi: (1) Mua CCTG

số tiền 710.596.000.000 đồng ; (2) Gửi tiết kiệm bằng Hợp đồng tiền gửi số tiền 755.270.000.000 đồng; (3) Chuyển khoản đi số tiền 183.416.380.931 đồng; (4) Rút tiền 53.917.485.022 đồng trên tài khoản MB-565959999 chi nhánh Sở GD3 của Công ty HBS kể từ ngày 21/12/2022 đến 30/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀ BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Mẫu số B03a-CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016 /TT-
BTC ngày 27/12/2016 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ năm 2021 – 2024

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Số tiền
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Dòng tiền luân chuyển vào từ hoạt động kinh doanh bỏ ngoài sổ sách kế toán	11		7.233.463.542.249
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12211000003189; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 723.066 đồng			543
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2021, đã đóng tài khoản 31/12/2022			367.680.049.674
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 đến 29/05/2023, đã đóng tài khoản 29/05/2023; số dư đầu kỳ 949.475.864 đồng			203.626.433.790
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 04/01/2021 đến 30/06/2025, đã đóng tài khoản 03/07/2025; số dư đầu kỳ 593.757.941 đồng			74.851.463.564
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 499.745.095 đồng			1.363.161.195.029
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 25/09/2022 và từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 59.001.850.854 đồng			93.303.089.672
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-1220374846-12210000374846 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2024, chưa đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 1.865.271.792 đồng; số dư cuối kỳ 194.856.071 đồng			469.308.350.458
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Giai đoạn 2: Sổ chi tiết tài khoản 112 từ ngày 04/01/2022 đến 30/12/2022, Trên , Số tiền liên quan đến 232 tỷ của ô đất TM01 chuyển vào Công ty VMD, rút séc tiền mặt; số dư đầu kỳ 19.406.259.896 đồng			232.284.346.667
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-8620024954 chi nhánh Hà Thành; từ ngày 17/05/2024			8.400.385.000

đến 31/12/2024, Chưa đóng TK; số dư đầu kỳ 0; số dư cuối kỳ 62.709.268 đồng			
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12110000067088; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 770.539 đồng			771.113
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 1: Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022 trên sổ phụ sao kê; số dư đầu kỳ 1.467.564.497 đồng			191.381.174.093
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết 112 Từ 06/07/2022 đến 29/05/2022; số dư đầu kỳ 266.440 đồng			14.840.731.807
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết tài khoản 112 từ 25/09/2022 đến 11/05/2023			201.407.778
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-6911665959 chi nhánh Sở GD3; Từ 22/09/2022 đến 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			1.616.199.126.852
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-5111665995 chi nhánh Sở GD3; Từ 20/09/2022 tới 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024			288.164.507.969
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-21106178008 chi nhánh Sở GD3; Từ 19/01/2021 đến 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024; số dư đầu kỳ 469.782 đồng			28.076.787.042
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			447.889.241.107
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng			1.092.403.669.557
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng			741.690.810.534
Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh bỏ ngoài sổ sách kế toán	12		(7.742.003.737.487)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12211000003189; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 723.066 đồng			(723.609)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2021, đã đóng tài khoản 31/12/2022			(377.813.991.454)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 đến 29/05/2023, đã đóng tài khoản 29/05/2023; số dư đầu kỳ 949.475.864 đồng			(204.575.909.654)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 04/01/2021 đến 30/06/2025, đã đóng tài khoản 03/07/2025; số dư đầu kỳ 593.757.941 đồng			(74.893.996.221)

Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK TCB-1910953999011; Từ 20/01/2021 đến 25/12/2021, đã đóng tài khoản 31/05/2023; số dư đầu kỳ 2.337.861 đồng			(1.320.000)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 499.745.095 đồng			(1.363.660.940.124)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 25/09/2022 và từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 59.001.850.854 đồng			(152.304.962.526)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-1220374846-12210000374846 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2024, chưa đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 1.865.271.792 đồng; số dư cuối kỳ 194.856.071 đồng			(740.253.956.060)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Giai đoạn 2: Sổ chi tiết tài khoản 112 từ ngày 04/01/2022 đến 30/12/2022, Trên , Số tiền liên quan đến 232 tỷ của ô đất TM01 chuyển vào Công ty VMD, rút séc tiền mặt; số dư đầu kỳ 19.406.259.896 đồng			(212.878.086.771)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-8620024954 chi nhánh Hà Thành; từ ngày 17/05/2024 đến 31/12/2024, Chưa đóng TK; số dư đầu kỳ 0; số dư cuối kỳ 62.709.268 đồng			(8.463.340.405)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12110000067088; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 770.539 đồng			(574)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 1: Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022 trên sổ phụ sao kê; số dư đầu kỳ 1.467.564.497 đồng			(189.913.876.036)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết 112 Từ 06/07/2022 đến 29/05/2022; số dư đầu kỳ 266.440 đồng			(14.840.465.367)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết tài khoản 112 từ 25/09/2022 đến 11/05/2023			(89.231)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-6911665959 chi nhánh Sở GD3; Từ 22/09/2022 đến 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			(1.616.199.126.852)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-5111665995 chi nhánh Sở GD3; Từ 20/09/2022 tới 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024			(288.164.507.969)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-21106178008 chi nhánh Sở GD3; Từ 19/01/2021 đến 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024; số dư đầu kỳ 469.782 đồng			(28.076.317.260)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			(455.702.839.829)

Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng			(1.021.735.551.258)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng			(992.523.736.287)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		(508.540.195.238)
PHẦN LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
Chỉ tiêu	Mã số	TM	Số tiền
Dòng tiền luân chuyển vào giao dịch chứng khoán bỏ ngoài sổ sách kế toán	11		700.747.966.950
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			10.404.855.133
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng			255.320.440.523
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng			435.022.671.294
Dòng tiền luân chuyển ra giao dịch chứng khoán bỏ ngoài sổ sách kế toán	12		(512.766.380.901)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			(2.591.256.411)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng			(325.986.716.757)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng			(184.188.407.733)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		187.981.586.049

Thứ nhất, Để khắc phục hành vi "bỏ ngoài sổ sách kế toán số tiền nộp vào 11 tài khoản của Công ty HBS **7.934.211.509.199 đồng** và số tiền rút ra **8.254.770.118.388 đồng**" để chiếm đoạt tài sản và che giấu tham nhũng, cần khôi phục lại toàn bộ các giao dịch đó vào hệ thống sổ sách kế toán, đồng thời đánh giá và áp dụng các quy định về tài khoản ngoại bảng để quản lý tài sản không thuộc sở hữu của Công ty HBS. Việc này yêu cầu theo dõi chi tiết, đúng đắn và minh bạch các tài khoản này để đảm bảo trách nhiệm quản lý tài sản và tránh sai sót, nhầm lẫn với tài sản của công ty HBS.

Thứ hai, Tuân thủ quy định của Thông tư 200 về phản ánh trên tài khoản ngoại bảng 002, Công ty HBS cần mở tài khoản cấp 0, ghi nhận tài sản ngoại bảng, theo dõi và quản lý chặt chẽ và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính để đảm bảo sự minh bạch, quản lý hiệu quả và tuân thủ quy định pháp

luật. Các tài khoản loại 0 như Tài khoản 002 - Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường, dùng để ghi nhận tài sản không thuộc quyền sở hữu của công ty HBS. Các bước thực hiện:

Bước 1. Mở tài khoản ngoại bảng: Công ty HBS sẽ sử dụng các tài khoản cấp 0 theo quy định của chế độ kế toán để phản ánh các tài sản không thuộc sở hữu của công ty.

Bước 2. Ghi nhận tài sản ngoại bảng: Khi Công ty HBS nhận tiền nộp vào tài khoản, giá trị của khoản tiền này sẽ được ghi nhận vào các tài khoản ngoại bảng tương ứng.

Bước 3. Theo dõi và quản lý tài sản: Công ty HBS phải theo dõi chặt chẽ các giao dịch và tình hình sử dụng tài sản ngoại bảng để đảm bảo chúng được sử dụng đúng mục đích, tránh hao hụt hoặc thất thoát.

Bước 4. Trình bày trong báo cáo tài chính:

Các tài sản ngoại bảng sẽ được trình bày riêng biệt trong phần thuyết minh báo cáo tài chính để người đọc hiểu rõ bản chất tài sản, rằng chúng không phải là tài sản của Công ty HBS.

1. Mục đích sử dụng tài khoản ngoại bảng 002: Phản ánh tài sản không thuộc quyền sở hữu của công ty HBS: (1) Giúp báo cáo tài chính minh bạch, tránh nhầm lẫn với tài sản thuộc sở hữu của Công ty HBS. (2) Giúp Công ty HBS quản lý chặt chẽ các tài sản mà mình đang quản lý, từ đó giảm thiểu rủi ro. (3) Phù hợp với các quy định của chế độ kế toán Việt Nam, giúp Công ty HBS hoạt động đúng pháp luật. (4) Tài khoản 002 - Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường, được sử dụng để phản ánh tài sản không thuộc quyền sở hữu của Công ty HBS.

2. Kết cấu tài khoản 002

Phản ánh, mô tả sự sai lệch trong hoạt động kế toán và tài chính của Công ty HBS, cụ thể là việc Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS và các cá nhân có liên quan đã cố tình "bỏ ngoài sổ sách kế toán và Bảng cân đối phát sinh" nộp tiền vào tài khoản của Công ty HBS, sau đó Công ty HBS nộp tiền vào các giao dịch mua/bán chứng khoán trị giá hàng **7.934.211.509.199 đồng** để chiếm đoạt tài sản, đồng thời che giấu hành vi tham nhũng. Diễn giải chi tiết:

BÊN NỢ: Giá trị chứng khoán đã giao dịch mua phát sinh Nợ TK 002 theo Mã chứng khoán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

1. Giá trị chứng khoán đã giao dịch mua phát sinh Nợ TK 002 theo Mã chứng khoán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/10/2021

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị phát sinh Nợ		136.388.551	2.427.671.555.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDJ	533.900	11.296.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBC	419.100	6.547.315.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHR	20.500	1.225.790.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCM	43.700	2.303.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAS	374.200	5.459.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPG	1.314.300	70.029.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MHC	6.786.400	79.610.261.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTD	92.100	1.239.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRE	27.900	767.305.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBB	1.163.300	34.546.395.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIX	9.188.800	289.951.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	JVC	2.217.900	11.505.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGP	55.000	959.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NKG	131.200	5.145.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GVR	198.400	6.010.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLF	341.700	1.172.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBS	1.266.500	8.842.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABC	5.100	86.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMI	13.000	411.925.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OGC	288.000	1.963.807.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BID	104.000	4.566.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKG	10.400	128.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTB	9.000	3.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CST	8.600	49.015.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDM	29.800	836.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNP	79.600	920.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCM	127.200	2.408.705.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCI	1.943.700	96.794.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAV	2.200	57.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOS	158.000	795.838.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KBC	356.500	13.709.665.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	4.400	52.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCL	55.800	719.275.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSB	214.700	6.331.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJS	6.400	270.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRC	45.400	1.413.205.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LMH	54.000	149.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACC	58.300	1.050.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	WSS	9.000	46.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAI	42.400	170.135.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEG	40.500	770.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSM	5.000	89.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDV	10.600	752.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBT	175.400	3.827.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDO	42.500	103.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTM	18.700	58.194.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCS	282.800	4.832.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHI	400	5.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HII	12.100	250.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PWA	300	4.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVN	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TGG	18.700	87.344.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SPP	-	-

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCL	200	3.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITQ	75.100	445.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLD	188.400	1.356.018.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BWE	3.600	131.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVP	365.000	5.113.223.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TYA	5.900	99.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSV	900	34.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAX	7.000	162.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSB	10.000	24.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGB	2.000	28.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSC	2.000	122.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCS	500	65.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMR	82.400	619.339.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMP	500	24.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAT	31.800	598.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMX	6.900	252.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIO	200	11.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DNM	500	19.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIB	19.600	888.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMB	1.000	12.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVU	1.100	11.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXI	400	1.168.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATA	100	160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIS	500	7.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNC	200	2.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD7	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HRT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLB	500	24.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTV	1.100	9.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DS3	10.000	75.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHP	2.000	29.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKU	300	11.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSG	100	470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDV	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPG	284.900	11.279.265.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVN	101.000	1.335.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PFL	123.700	494.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXG	445.300	10.106.865.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRE	475.900	15.205.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCC	126.612	1.573.613.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCG	1.410.200	20.795.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDC	5.500	230.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHC	58.800	2.519.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BOT	106.800	5.514.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHB	2.777.500	72.113.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	58.200	1.162.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QBS	157.100	560.875.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAN	7.508	237.514.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHP	496.800	5.319.605.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LPB	2.195.200	49.262.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCT	500	35.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVH	26.800	1.581.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGC	873.400	25.774.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNT	54.400	156.845.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSN	18.300	1.874.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCB	599.900	14.455.245.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTP	3.600	353.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCD	1.800	10.942.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HQC	1.908.800	6.567.862.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAP	99.400	1.386.441.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIB	13.100	310.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDN	101.600	2.260.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHN	10.335	103.787.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTB	57.000	424.619.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVB	29.100	389.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KVC	10.900	38.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSH	6.218.564	16.729.409.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLX	27.600	1.458.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIP	6.000	286.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPC	4.800	163.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVG	337.800	1.016.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TID	27.700	850.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GKM	1.500	31.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VND	32.400	1.469.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICT	1.000	23.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BNA	8.900	401.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	253.100	15.500.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRE	1.400	24.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRI	1.600	16.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XMC	1.200	16.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCI	2.300	83.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVH	300	296.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IBC	26.500	665.175.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LUT	5.100	36.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCA	4.800	84.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJM	10.000	46.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMC	29.900	1.269.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAC	600	3.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NED	309.400	3.218.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PND	200	3.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGL	7.000	48.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBC	4.300	46.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	REE	17.100	984.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGC	1.000	17.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGS	100	1.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ORS	15.400	423.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TJC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNM	19.100	153.670.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trj giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHP	1.300	28.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHA	300	14.705.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHA	700	22.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTT	40.000	70.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLG	50.000	60.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NET	500	36.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGT	54.100	2.084.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITC	172.200	3.803.715.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHD	28.700	371.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STB	945.300	24.719.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVI	19.800	68.963.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S99	3.397.810	80.286.045.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNG	141.000	3.384.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAR	195.000	4.544.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRH	1.135.200	12.196.524.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJF	3.159.900	11.108.566.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOC	110.800	2.869.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUT	373.300	3.253.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRT	4.300	55.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APS	2.152.900	25.462.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ART	306.500	2.238.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TEG	253.400	3.467.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHE	77.500	526.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTG	822.000	34.615.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDC	1.104.800	56.367.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAA	288.300	4.784.375.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVB	168.600	3.386.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SWC	13.800	399.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTN	92.800	4.596.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTR	148.900	12.685.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPM	21.300	555.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTL	16.900	140.492.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZC	40.600	1.683.765.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRA	54.200	508.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PET	126.500	2.780.175.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCB	11.200	1.121.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CII	92.900	1.947.865.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTC	611.400	8.321.598.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIC	5.000	141.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVM	48.100	1.097.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVL	254.300	682.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAS	215.200	3.181.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	100	990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NLG	114.000	4.731.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAV	5.000	80.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVG	10.100	103.978.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVG	48.700	637.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVD	4.100	45.896.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHG	981.500	3.970.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCM	-	-

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trj giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XPH	16.300	171.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TSC	615.800	10.082.335.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMX	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TXM	3.200	17.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACV	17.500	1.278.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTP	27.500	569.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCM	11.600	645.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHD	7.900	22.806.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABS	360.200	7.756.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILB	1.500	35.175.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVN	23.400	80.451.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVD	74.600	1.050.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VJC	200	23.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAM	100	1.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC5	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEA	13.100	571.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIL	5.000	316.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSH	22.600	418.615.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCL	300	9.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLX	7.000	148.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHG	318.100	4.580.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIC	30.000	50.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDT	100	2.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCF	5.000	44.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTN	400	6.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBT	2.100	36.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPS	500	6.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCM	4.300	37.856.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPH	3.400	137.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICF	3.000	10.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	556.600	30.811.665.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCH	4.016.800	80.432.485.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C69	163.800	2.014.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QCG	9.000	76.035.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BII	76.300	606.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBC	61.200	3.643.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APH	9.400	401.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSC	10.000	336.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MWG	14.200	1.983.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGG	87.100	3.208.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DSC	17.600	250.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBS	71.900	2.071.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDB	320.400	9.694.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMD	61.100	2.336.285.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GDT	400	18.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIG	1.192.800	10.609.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBC	1.000	25.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTL	29.700	819.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LAS	325.700	5.249.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QTP	201.400	3.167.890.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAF	2.400	56.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSH	1.200	13.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVB	387.856	7.432.662.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NRC	1.000	25.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THD	300	48.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVX	84.500	178.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNR	800	20.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLC	5.000	143.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLP	38.800	405.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTS	32.800	276.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTD	6.200	446.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSP	2.800	25.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D2D	5.100	323.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNV	12.000	26.393.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCX	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVR	624.100	3.625.223.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTH	211.100	782.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHD	100	1.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMB	14.300	75.296.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLH	422.500	7.411.125.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRC	33.600	371.143.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCI	1.200	14.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIC	7.100	77.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGP	100	1.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBL	100	1.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCR	49.000	1.374.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD2	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHV	320.800	6.606.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FOX	2.000	158.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMS	208.300	3.302.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDS	500	12.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDN	900	13.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMW	1.800	5.223.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TC6	13.000	122.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSG	5.700	9.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YBM	2.000	16.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVO	700	6.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FID	45.000	264.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C47	115.500	1.620.965.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBB	5.300	222.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BRC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L62	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ROS	4.184.100	22.188.379.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPT	680.400	1.667.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCN	729.700	10.296.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVS	1.143.849	26.978.151.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEO	1.191.900	13.207.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDI	457.600	3.317.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPB	111.500	3.643.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIG	255.900	8.083.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHS	1.173.600	8.810.244.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trj giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSH	1.100	46.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MIG	45.900	919.225.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BFC	45.400	942.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVC	251.000	2.671.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCG	385.800	7.249.935.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDG	111.700	5.526.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LSS	7.600	78.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVN	129.500	2.362.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMC	10.900	111.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTS	6.400	109.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MST	164.500	1.897.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABB	1.089.500	19.995.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACL	5.200	68.105.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNH	8.100	28.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSI	384.400	17.039.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIC	28.000	2.966.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASD	200	1.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	7.000	119.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHA	3.100	22.341.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCE	21.100	286.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SIP	400	85.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTP	34.700	196.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIX	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNI	567.200	2.691.899.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDD	11.700	55.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILA	6.000	45.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIP	99.200	977.621.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNJ	22.600	2.200.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAR	208.500	1.419.026.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGS	98.200	2.963.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKV	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPH	86.300	578.884.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCL	39.300	1.445.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXS	2.000	12.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ELC	10.000	132.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVJ	2.800	649.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VBB	35.000	584.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSL	100	658.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SEA	400	10.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD3	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L18	14.200	370.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITD	4.900	89.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLG	700	27.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GSP	5.100	64.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMH	500	8.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLI	498.900	4.838.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHG	5.000	13.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCW	1.100	32.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IPA	34.100	2.020.500.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAG	800	25.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVE	200	3.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NNC	1.100	26.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDP	1.000	4.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFG	9.400	136.055.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCR	500	2.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSW	7.200	92.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHH	28.000	1.086.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHC	10.000	171.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HKB	10.000	20.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRT	168.900	5.090.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRC	108.900	1.210.727.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGX	669.300	12.576.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FLC	971.100	11.618.166.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTF	2.235.500	16.558.753.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVC	40.500	616.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAH	44.300	282.235.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FPT	85.600	6.844.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POW	805.700	10.197.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDS	111.000	1.617.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCM	339.300	12.820.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDH	137.000	4.518.705.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVD	833.700	18.949.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKG	729.200	14.033.515.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPI	61.600	2.126.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTI	92.400	1.485.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVV	48.100	92.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGR	214.300	2.950.942.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAM	367.900	4.452.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HND	3.400	72.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDC	106.600	2.103.645.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVS	20.800	535.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCG	7.900	32.782.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSG	372.900	15.357.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNG	2.100	51.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHM	53.400	5.381.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPC	100	110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBS	69.200	848.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIT	2.575.600	36.844.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHB	427.900	876.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDT	3.000	36.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMG	500	18.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXL	500	5.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDP	4	40.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXP	13.100	224.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANV	15.700	446.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BKG	94.500	996.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIG	5.300	28.543.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGB	27.600	594.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NOS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPN	7.100	34.741.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCG	400	17.870.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trj giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEI	1.000	593.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMC	2.000	38.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L14	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJD	1.000	18.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AFX	10.500	161.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTM	500	6.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCC	2.000	21.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNA	4.700	79.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAB	33.100	974.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAB	3.900	94.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLA	3.000	2.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASP	600	7.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVX	600	3.193.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSD	21.000	391.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAV	5.600	335.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXS	600	16.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPC	100	1.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PJT	1.100	14.565.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNS	27.100	1.375.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTO	85.900	1.061.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVG	7.500	40.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HU4	2.900	45.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSI	12.200	140.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V15	2.200	1.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MVB	6.200	155.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FDC	3.400	45.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCT	100	890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GGG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE8	3.200	30.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FMC	200	10.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD9	3.900	63.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC6	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSR	1.450.000	25.526.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDH	156.500	1.420.734.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSR	285.930	6.066.007.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNH	106.000	3.005.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCB	811.300	35.909.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAG	584.200	3.120.795.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASM	1.623.200	25.477.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRG	22.000	608.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTN	307.900	7.458.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNG	1.495.700	16.765.234.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLG	1.189.600	3.124.795.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCR	810.900	7.809.991.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZB	5.000	182.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGI	57.620	2.525.186.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DMC	500	26.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OIL	61.300	811.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RAL	1.600	283.100.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGC	64.400	6.069.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMV	70.600	941.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AVF	27.800	8.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNA	10.600	138.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFS	19.400	203.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MML	50	2.705.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POM	58.400	1.005.185.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMX	55.500	835.715.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVB	93.900	1.621.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCS	12.800	11.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLD	7.700	249.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIG	55.700	368.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTB	4.400	413.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGN	5.000	101.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLB	2.700	60.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMD	43.200	1.000.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDV	2.230.200	32.412.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCD	175.700	3.116.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVT	377.900	7.708.975.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MFS	5.000	164.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TV2	3.000	172.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACM	319.400	943.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVN	54.300	1.420.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLC	1.100	41.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KKC	5.000	65.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPG	13.200	481.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDA	345.300	4.203.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HID	230.200	1.324.876.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTT	30.000	18.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VKC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPX	500	17.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCS	13.800	1.565.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCJ	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TST	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPC	2.000	51.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC2	700	12.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HEM	51.431	775.130.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGW	400	54.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSB	5.300	201.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S74	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCH	2.300	290.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDR	40.200	3.580.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGV	1.000	18.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDC	100	590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASA	1.000	4.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APC	1.200	25.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVI	-	-

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trj giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHP	74.400	178.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTP	1.000	61.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEX	1.179.800	28.745.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APG	394.300	4.694.254.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACB	118.200	3.851.595.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSB	994.700	27.523.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSI	103.900	1.587.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIG	1.042.000	9.443.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DST	988.100	4.161.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMG	858.178	14.536.463.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVL	23.600	1.923.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBG	393.800	2.746.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITA	4.516.800	31.407.309.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTS	105.800	1.877.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C4G	257.900	2.726.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDG	740.800	6.289.735.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAH	60.600	1.512.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IJC	3.463.000	103.260.095.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVP	9.400	138.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNM	41.000	3.781.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NT2	59.100	1.341.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMD	324.600	1.417.442.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVT	200	1.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHS	434.100	13.643.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G36	363.400	4.288.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIA	1.100	14.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RIC	8.000	222.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNB	104.800	1.967.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HOM	15.900	98.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAG	10.800	61.723.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C32	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTW	4	141.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVH	900	9.045.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC3	34.300	840.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVF	49.100	614.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GAS	16.500	1.462.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LTG	26.200	925.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKD	23.400	78.628.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAC	6.000	68.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMS	8.000	29.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD2	500	4.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PV2	48.400	238.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAB	1.000	166.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTA	4.200	64.545.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATB	105.700	227.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ADS	10.800	344.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD6	600	2.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YEG	2.500	39.785.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHG	20.300	888.695.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTN	5.100	20.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPD	18.500	65.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIS	100	1.850.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSN	15.400	100.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNE	242.900	2.287.392.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBD	1.000	89.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	API	301.600	12.803.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCS	90.300	310.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTD	3.000	101.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MVC	3.000	45.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD5	7.100	84.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DZM	-	-

2. Giá trị chứng khoán đã giao dịch mua phát sinh Nợ TK 002 theo Mã chứng khoán kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAA	743.400	12.445.856.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAH	22.300	86.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAM	600	8.578.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAS	66.300	1.796.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAT	26.800	344.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAV	16.400	214.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABB	286.334	3.971.474.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABC	800	12.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABS	491.300	12.019.985.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABW	3.100	42.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACB	109.132	3.648.824.550
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACC	2.000	34.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACG	13.000	885.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACL	103.000	1.940.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACM	94.000	333.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACV	600	52.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ADS	23.700	691.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AFX	5.600	93.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGG	3.300	157.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGR	39.100	774.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMD	129.300	759.214.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AME	11.800	147.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMS	67.500	976.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMV	431.000	3.553.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANV	48.200	2.452.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APC	2.200	55.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APF	4.400	261.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APG	104.100	1.144.738.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APH	162.300	4.062.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	API	429.700	31.415.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APS	913.786	34.007.129.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ARM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ART	635.070	7.614.294.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASM	600.504	10.859.857.690
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASP	1.400	12.800.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATB	51.300	112.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATG	100	850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AVF	10.500	13.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAB	600	13.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAF	73.900	2.411.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BBC	200	11.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCC	46.100	937.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCE	35.200	484.065.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCG	2.035.900	48.659.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCM	70.600	5.235.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCP	100	900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BFC	199.200	7.926.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIC	1.000	34.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BID	27.543	1.108.484.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIG	400	6.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BII	360.900	5.260.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BKG	8.000	111.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BLF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMG	200	3.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMI	12.300	490.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMP	300	17.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMS	9.100	187.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BNA	17.700	776.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BOT	23.100	237.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BPC	1.000	12.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSI	5.000	212.095.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSR	294.400	7.543.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTP	1.000	13.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTS	16.800	253.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVB	154.200	3.416.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVG	6.600	54.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVH	17.400	892.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVS	6.132	190.939.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BWE	21.300	1.136.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C21	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C47	455.900	8.369.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C4G	330.600	6.557.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C69	231.100	3.630.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAP	400	35.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CBI	1.400	39.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCL	88.000	1.498.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDN	500	15.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDO	23.500	136.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEN	200.000	3.777.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEO	195.332	8.890.438.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CFP	3.100	5.518.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CGV	3.000	20.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHP	3.900	7.386.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIG	16.500	198.115.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CII	315.060	7.742.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CJC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKG	128.170	4.025.915.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLG	11.800	31.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLH	500	15.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLL	1	29.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLX	6.500	190.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMD	100	1.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMG	21.800	1.286.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMS	7.000	123.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMT	1.100	24.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMW	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMX	237.800	4.272.395.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNG	400	14.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPO	4.700	1.548.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRC	2.400	26.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRE	23.000	731.125.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSC	14.500	667.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CST	100	243.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSV	23.200	1.194.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTC	38.200	180.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTD	114.200	10.166.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTG	129.084	4.111.022.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTI	29.800	604.355.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTR	89.500	8.117.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTS	70.767	2.122.791.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVI	900	1.778.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVN	1.300	7.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVP	47.000	73.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVR	1.800	486.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D11	6.000	256.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D2D	1.000	63.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAG	222.300	1.979.979.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAH	42.200	499.372.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBC	86.600	3.646.545.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBD	1.000	53.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DC2	2.100	34.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DC4	47.900	973.989.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCL	12.200	492.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCM	324.300	12.305.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCS	5.500	4.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDG	6.400	48.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDN	400	9.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDV	282.100	6.433.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGC	8.300	938.800.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGT	29.300	1.083.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGW	2.100	238.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHA	4.100	152.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHG	800	91.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIC	600	3.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DID	2.000	26.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIG	240.931	11.472.314.450
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLI	392.165	5.238.785.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLG	207.400	1.644.896.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DNW	1.000	27.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPC	100	860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPG	173.800	11.035.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPM	2.795.900	166.720.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPR	6.900	566.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPS	40.100	50.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DQC	2.800	100.355.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRC	25.700	859.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRG	5.000	113.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRH	254.630	4.870.719.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRI	117.900	2.018.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DS3	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DST	228.800	1.653.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTD	16.100	465.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTL	100	2.895.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVG	188.900	2.420.130.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVN	3.400	85.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXG	355.904	9.697.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXP	59.800	1.301.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXS	20.000	344.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXV	2.400	19.152.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DZM	3.000	28.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EFI	7.000	25.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIB	42.300	1.006.235.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIN	32.900	466.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ELC	75.100	1.998.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVE	8.200	175.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVF	83.954	1.247.312.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVG	23.500	392.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVS	400	16.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCM	29.800	302.407.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCN	799.300	19.283.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FID	41.000	312.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIT	1.783.961	25.265.008.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FLC	815.200	9.321.865.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FMC	1.200	72.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FOX	600	41.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FPT	25.233	2.506.788.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRM	100	290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRT	121.500	12.314.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTM	20.504	100.005.200

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTS	4.200	140.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G36	47.900	777.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GAS	9.700	1.177.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GDT	874	50.695.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEE	55.600	2.423.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEG	76.000	1.681.395.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEX	4.517.741	181.862.760.550
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GGG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIL	16.100	1.244.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMD	34.100	1.919.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GSP	9.200	100.225.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTN	46.600	962.395.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTT	1.665.334	2.922.011.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GVR	135.300	4.524.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAC	300	2.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAG	397.397	3.850.803.050
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAH	30.300	1.849.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAI	96.100	563.774.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAP	4.900	61.117.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAR	10.500	45.085.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAX	8.000	169.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBC	524.700	12.513.507.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBS	20.851.355	130.924.523.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCD	45.100	609.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCM	237.300	9.101.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD2	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD6	600	22.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDA	2.000	11.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDB	83.700	2.328.695.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDC	45.200	2.187.455.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDG	118.149	4.477.304.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDO	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HEM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHG	24.400	142.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHP	8.100	115.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHS	3.441.600	33.647.826.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHV	400.200	9.503.139.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HID	194.600	2.229.927.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HII	52.000	919.403.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HKB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLD	6.900	301.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMC	9.900	276.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HND	1.100	19.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNF	5.000	140.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNG	1.179.348	9.449.497.510
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNM	390	3.532.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HOM	284.200	2.634.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPG	831.957	31.879.530.650
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPP	300	19.950.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trj giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPX	66.400	358.385.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HQC	831.900	5.749.197.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HRT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSG	522.796	18.718.806.050
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSL	17.000	170.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSV	2.000	8.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	50.005	1.114.861.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTN	100.900	5.801.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUT	877.800	25.238.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVG	444.400	1.746.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVH	400	5.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVN	335.900	7.613.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVT	100	7.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVX	200	1.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IBC	18.900	48.272.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICF	5.000	18.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICG	2.000	9.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICT	1.400	28.375.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDC	1.110.943	89.824.300.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDI	414.400	7.006.283.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDJ	762.062	20.971.301.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDV	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IJC	509.000	12.916.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILA	3.000	37.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IME	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IN4	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	INN	1.000	41.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IPA	66.100	3.428.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITA	931.100	14.322.823.090
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITC	120.400	2.479.478.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITD	9.000	159.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITQ	58.100	201.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IVS	1.000	8.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	JVC	440.600	3.936.066.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KBC	83.800	4.037.815.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDH	9.000	378.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDM	1.300	13.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHA	400	4.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHB	22.600	188.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHD	10.700	123.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHG	168.873	3.215.402.370
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHP	32.000	412.753.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KKC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLF	352.500	2.112.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMR	1.100	11.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KOS	1.000	33.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KPF	700	12.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSB	44.600	1.623.255.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSD	400	2.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSH	2.145.200	9.353.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSQ	33.100	295.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KST	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KVC	60.400	453.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L18	31.600	1.868.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LAS	289.200	5.567.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCG	940.600	18.829.328.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCM	2.500	18.545.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDG	1.265.789	17.988.961.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGL	223.300	1.170.153.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGM	204	2.634.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHG	39.600	1.890.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIC	2.100	128.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIG	1.038.300	16.225.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LM7	300	2.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LMH	25.000	238.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LPB	556.041	10.632.149.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LSS	24.000	404.732.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LTG	26.400	1.100.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LUT	44.400	253.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAC	11.532	107.900.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBB	347.382	9.732.359.050
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBG	303.479	4.077.392.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBS	47.200	1.312.636.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCG	53.500	407.906.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCM	1.600	105.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCP	2	40.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MEL	10.000	71.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MHC	14.000	190.146.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MIG	63.500	1.642.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MKP	600	41.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MLS	900	33.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPC	10.800	460.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSB	579.350	11.676.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSH	2.000	129.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSN	5.200	577.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSR	21.700	577.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MST	110.800	1.844.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MTC	100	750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MWG	13.000	1.054.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAB	400	10.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAF	3.500	80.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBB	41.200	1.578.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBC	600	8.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCT	100	11.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ND2	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDF	800	2.150.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDN	219.600	4.992.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDX	500	5.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NED	80.600	950.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NET	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NFC	4	64.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHA	4.000	128.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHH	600	19.875.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHP	1.000	1.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NKG	180.200	6.649.371.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NLG	104.559	5.749.277.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NOS	800	2.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NRC	74.000	475.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSH	17.200	236.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NST	1.300	14.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NT2	700	16.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTL	64.500	2.395.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTP	1.000	64.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVB	1.800	29.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVL	275.160	12.208.038.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCB	18.100	429.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCH	40.700	637.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OGC	724.700	8.160.208.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OIL	65.280	1.098.234.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ORS	28.300	711.295.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAN	336.200	9.969.425.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAS	9.800	227.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PBP	200	2.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCI	133.800	5.427.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDC	42	299.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDR	72.500	1.571.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDV	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PET	34.200	1.444.935.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PFL	198.100	1.487.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGB	8.200	216.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGC	12.200	209.765.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGV	227	6.618.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHC	93.800	1.373.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHP	1.300	41.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHR	124.200	7.959.755.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PIT	4	16.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PIV	6.900	11.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PJT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLC	10.000	451.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLP	3.600	42.818.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLX	169.400	6.685.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMB	200	3.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMG	596.758	10.637.723.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNJ	1.000	113.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POM	10.500	167.540.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POW	517.200	8.094.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPH	1.800	59.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRT	2.000	55.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSD	1.000	43.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSH	24.900	309.965.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSI	3.000	53.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSP	32.300	418.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSW	300	8.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTB	40.900	2.813.715.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTC	385.100	19.423.345.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTD	2.600	19.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTL	129.300	1.511.829.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTS	500	8.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTV	5.100	40.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PV2	5.600	14.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVA	510	1.015.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVB	66.000	1.529.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVC	165.540	3.536.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVD	951.530	28.257.304.750
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVG	24.900	336.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVI	16.250	862.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVL	39.400	530.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVM	30.800	725.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVP	13.100	232.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVS	456.700	12.624.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVT	155.100	4.152.925.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVV	15.000	43.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVX	155.900	443.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PWA	1.700	27.543.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXI	11.200	62.977.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXL	556.800	8.587.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXS	125.000	755.344.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXT	22.600	139.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QBS	18.900	105.971.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QCG	5.800	100.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNS	27.500	1.393.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QPH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QTP	23.500	426.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RAL	1.500	243.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RDP	2.300	32.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	REE	19.700	1.541.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ROS	561.000	4.593.119.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RTB	2.800	99.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S96	35.926	97.653.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S99	300.400	7.112.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAM	120.200	2.097.805.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAV	100	2.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBS	300.600	5.296.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBT	107.400	2.512.695.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBV	10.002	177.376.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCI	23.900	1.066.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCR	446.628	8.842.111.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD2	2.800	39.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD3	5.300	45.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD4	3.000	27.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD6	100	510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD7	18.500	153.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD9	20.100	271.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDA	248.700	10.685.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDD	71.500	502.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDP	17.900	119.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDT	3.000	27.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SEA	2.000	94.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFG	3.400	54.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGD	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGH	300	8.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGI	1.500	43.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGN	2	134.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGR	27.700	798.455.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGS	1	18.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGT	10.700	316.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHA	8.500	76.477.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHB	1.012.009	19.882.629.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHI	23.700	438.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHN	1.000	7.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHS	289.063	5.445.031.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJI	100	1.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJD	46.400	1.003.895.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJF	1.125.000	15.753.842.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJS	100	7.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKG	60.400	1.388.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKV	900	31.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMC	33.500	415.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMT	100	2.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SQC	100	920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRA	434.600	4.617.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSB	100	3.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSF	630	3.339.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSI	667.821	25.666.144.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSN	8.040	78.006.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ST8	250	3.342.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STB	444.100	13.214.225.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STL	1.300	6.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STP	1.000	10.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVD	100	347.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVN	900	6.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVT	1.500	26.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SWC	1.700	57.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZC	30.700	1.811.295.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TA9	43.200	625.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAR	97.600	3.359.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBD	60.000	4.080.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TC6	95.000	894.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCB	221.600	10.777.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCD	80.000	1.841.937.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCH	643.384	12.674.966.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCI	59.300	965.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCL	2.000	69.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCM	10.000	678.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCO	6.800	88.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDC	109.400	2.489.472.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDG	230.700	2.535.901.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDH	7.034	39.610.450
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDM	600	21.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDN	4.100	42.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDT	8.100	115.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TEG	348.300	5.559.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TGG	141.000	2.757.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THT	7.100	122.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THW	300	5.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TID	200	12.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIE	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIG	16.200	264.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIP	18.200	985.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIS	30.100	408.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKU	1.700	19.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TL4	500	10.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLD	46.400	530.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLG	1.200	80.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLH	18.100	230.532.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLI	4.400	23.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMT	5.300	107.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMX	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNA	1.700	29.805.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNG	103.100	3.248.270.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trj giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNH	2.200	119.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNI	569.900	3.815.314.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNS	12.000	55.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNT	16.900	84.134.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TOP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPB	16.800	610.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPC	4	28.840
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TRA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TRT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TS5	700	4.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TSC	31.400	397.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTA	21.100	328.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTB	78.900	612.113.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTC	4	57.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTF	553.100	6.755.331.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTH	418.800	3.020.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTN	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTZ	3.000	21.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TV2	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVB	5.400	147.532.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVC	132.100	2.789.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVD	53.100	910.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVN	26.700	451.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVT	200	6.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TXM	2.500	18.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TYA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDC	8.000	96.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDJ	20.600	303.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UNI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UPH	200	1.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V12	500	9.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAB	3.300	34.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAF	2.300	32.285.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAT	30.000	64.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC1	1.600	24.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC2	80.800	3.449.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC3	66.500	3.178.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC6	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC7	44.000	675.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC9	18.700	137.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCB	4.131	383.120.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCG	195.569	6.519.049.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	56.202	2.366.492.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCR	21.500	1.009.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCX	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDP	4	141.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE1	5.100	37.220.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE8	4.000	49.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE9	4.000	25.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEA	9.400	408.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEC	3.000	66.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEF	1.000	260.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFS	3.000	51.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGC	211.800	10.225.305.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGI	34.900	1.133.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGS	35.500	499.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGT	50.900	1.321.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHC	37.200	2.624.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHD	3.000	123.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHE	78.600	830.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHG	6.479.235	53.291.382.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHM	133.940	7.860.352.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIB	77.600	2.077.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIC	48.200	3.978.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIG	18.307	245.312.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIP	110.700	1.269.391.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIS	300	4.935.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIX	4.607.600	91.537.073.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VJC	1.000	124.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VKC	5.000	25.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLB	2.000	99.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLC	4.263	84.768.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMC	21.100	545.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMD	889.188	15.613.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNA	4.900	177.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNB	72.600	1.613.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNC	4	222.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VND	323.277	8.396.240.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNE	45.500	568.508.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNF	4	98.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNG	200	1.821.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNH	24.900	204.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNM	81.200	7.028.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNP	9.000	234.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNZ	4	3.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOC	14.700	508.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOS	81.800	1.456.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	395.800	12.379.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPG	45.860	2.774.749.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPH	9.800	131.615.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPI	5.000	224.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPR	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRE	345.800	8.918.995.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRG	400	14.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSC	54.700	2.545.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSF	500	12.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VST	3.200	12.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	300	3.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTD	29.332	565.778.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTO	67.900	807.559.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTP	26.946	2.102.803.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTV	8.300	73.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTZ	5.000	60.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VWS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XMC	11.400	99.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YBM	500	3.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YEG	37.700	892.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YTC	-	-

BÊN CỎ: Giá trị chứng khoán đã giao dịch bán phát sinh Có TK 002 theo Mã chứng khoán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

1. Giá trị chứng khoán đã giao dịch bán phát sinh Có TK 002 theo Mã chứng khoán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/10/2021

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
Tổng giá trị phát sinh Có		134.891.436	2.473.353.528.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDJ	1.270.700	24.866.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBC	402.900	6.725.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHR	15.500	929.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCM	71.300	3.865.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAS	442.200	5.646.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPG	1.269.800	68.173.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MHC	6.798.700	77.340.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTD	444.000	5.986.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRE	17.900	477.305.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBB	1.300.800	38.803.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIX	9.555.000	295.867.045.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	JVC	2.159.200	11.513.882.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGP	52.400	982.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NKG	162.000	4.410.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GVR	167.500	4.964.415.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLF	528.300	1.680.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBS	1.360.985	9.564.422.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABC	5.100	81.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMI	34.200	1.062.055.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OGC	238.700	1.608.021.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BID	81.900	3.499.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKG	10.400	129.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTB	34.000	18.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CST	8.600	80.481.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDM	31.200	917.275.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNP	79.600	1.044.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCM	170.600	3.243.755.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCI	2.635.010	129.446.436.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAV	2.200	62.015.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOS	157.800	775.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KBC	310.600	11.312.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	4.400	55.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCL	55.600	761.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSB	193.400	5.817.605.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJS	6.400	286.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRC	44.200	1.423.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LMH	68.940	192.730.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACC	55.300	956.165.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	WSS	9.000	56.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAI	56.200	258.304.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEG	36.000	689.165.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSM	5.000	95.945.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDV	10.600	733.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBT	175.400	3.885.785.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXM	4.000	1.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDO	42.500	162.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTM	14.600	39.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHL	12.000	12.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCS	278.400	4.736.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHI	400	8.195.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HII	1.900	35.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PWA	800	10.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVN	300	840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TGG	18.700	122.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SPP	2.000	1.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCL	400	5.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTM	1.500	9.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITQ	75.100	444.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLD	174.800	1.280.777.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BWE	3.600	127.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVP	345.000	5.727.992.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TYA	5.900	95.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSV	900	38.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAX	7.000	158.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSB	10.000	29.845.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGB	2.000	31.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSC	3.300	202.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCS	500	64.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMR	83.900	689.578.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMP	500	22.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAT	21.800	404.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMX	6.900	256.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIO	200	13.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DNM	500	19.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIB	19.500	797.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHP	1.800	40.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMB	1.000	11.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVU	-	-

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXI	400	1.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATA	100	170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIS	500	6.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNC	200	2.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD7	500	1.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HRT	2.800	17.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTV	500	4.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DS3	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKU	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDV	16	166.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPT	1.300	15.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPG	244.600	10.319.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVN	98.200	1.378.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PFL	278.400	1.015.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXG	533.700	11.830.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRE	391.500	12.285.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCC	128.452	1.802.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCG	1.407.700	21.187.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDC	5.500	233.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHC	69.900	3.163.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BOT	146.300	8.777.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHB	2.475.700	65.596.039.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	69.700	1.397.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QBS	190.300	603.892.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAN	25.513	867.092.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHP	381.700	4.428.473.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LPB	2.166.900	49.880.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCT	500	34.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVH	25.700	1.523.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGC	873.900	28.605.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNT	288.900	2.346.847.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSN	19.500	2.009.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCB	591.400	14.829.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTP	4.100	387.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCD	1.800	12.626.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HQC	1.785.400	6.707.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAP	98.700	1.300.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIB	14.900	374.275.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDN	97.700	2.274.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHN	10.335	142.449.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTB	38.100	252.716.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVB	29.100	379.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KVC	49.600	232.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSH	5.672.990	17.224.537.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLX	22.200	1.155.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIP	6.000	263.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPC	6.800	232.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVG	21.000	67.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TID	16.100	563.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GKM	1.500	28.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VND	42.330	1.884.710.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICT	1.000	22.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BNA	8.900	435.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	148.400	9.258.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRE	1.400	23.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRI	11.600	109.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XMC	1.100	12.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCI	16.900	561.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCM	4.200	9.933.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVH	300	264.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IBC	26.500	641.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LUT	5.100	24.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCA	4.800	71.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJM	10.100	46.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMC	29.800	1.325.725.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAC	3.765	29.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NED	291.300	2.664.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PND	200	2.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGL	7.000	41.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBC	4.300	48.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	REE	17.100	1.024.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGC	1.000	17.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGS	100	1.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAG	646	6.569.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ORS	8.902	255.689.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TJC	200	2.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STP	300	2.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNM	19.000	160.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHP	1.300	32.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHA	300	14.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHA	200	6.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTT	40.000	92.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLG	25.000	45.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NET	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGT	26.600	1.093.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGT	16	217.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITC	19.500	397.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHD	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJC	100	240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STB	1.101.400	29.998.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVI	2.900	5.531.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S99	3.868.956	97.903.986.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNG	152.300	3.467.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAR	265.740	6.409.992.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRH	1.183.500	13.852.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJF	3.123.400	12.710.009.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOC	80.900	2.130.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUT	213.252	1.352.324.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRT	4.600	63.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APS	2.199.800	32.774.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ART	307.700	2.253.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TEG	385.700	4.333.615.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHE	68.500	573.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTG	767.600	31.647.795.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDC	829.000	42.588.510.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAA	283.500	4.572.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVB	172.600	3.410.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SWC	32.400	765.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTN	83.600	4.330.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTR	137.966	12.141.275.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPM	22.200	642.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTL	500	3.324.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZC	40.600	1.604.525.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRA	51.500	471.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PET	132.500	2.909.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCB	11.700	1.184.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CII	87.900	1.843.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTC	606.200	8.670.536.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIC	2.000	41.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVM	46.200	1.109.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVL	274.400	854.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAS	215.200	3.178.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NLG	99.600	4.006.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAV	5.724	88.423.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVG	10.100	113.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVG	38.900	521.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVD	500	7.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHG	423.590	1.862.322.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCM	1.300	90.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XPH	15.300	147.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TSC	635.500	9.000.688.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMX	4.600	80.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TXM	3.250	22.027.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACV	17.500	1.258.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSI	5.579	17.429.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTP	27.500	557.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCM	8.200	445.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHD	7.900	33.022.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABS	155.200	3.349.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILB	1.500	38.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVN	23.300	59.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVD	64.100	1.128.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VJC	200	23.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAM	100	1.075.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC5	100	140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEA	3.100	131.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIL	5.400	359.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSH	22.600	483.365.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCL	300	10.035.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLX	7.000	169.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHG	312.100	4.647.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIC	20.000	40.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDT	100	2.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCF	5.000	46.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTN	200	3.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBT	1.000	17.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPS	500	6.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCM	-	-

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSB	1.830	15.426.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	615.500	31.188.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCH	3.827.100	75.792.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C69	342.900	4.352.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QCG	9.000	81.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BII	75.220	607.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBC	47.700	2.730.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APH	1.400	67.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSC	16.300	566.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MWG	13.700	1.948.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGG	77.100	2.754.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DSC	17.600	295.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBS	49.175	1.271.485.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDB	336.100	10.489.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMD	54.600	2.081.195.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GDT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIG	1.027.000	10.833.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBC	2.000	56.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTL	41.700	1.184.875.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LAS	325.700	5.554.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QTP	192.700	3.049.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAF	2.600	60.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSH	1.200	15.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVB	282.156	5.729.384.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NRC	400	8.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THD	300	50.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVX	95.610	173.093.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNR	800	22.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLC	7.000	212.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLP	38.800	394.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTS	25.100	217.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTD	5.000	330.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSP	2.800	23.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D2D	1.700	94.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNV	12.000	31.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCX	10.000	102.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVR	247.700	772.731.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTH	209.300	772.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHD	100	1.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMB	14.300	85.107.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLH	416.600	7.769.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRC	33.600	325.184.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCI	1.200	15.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIC	7.100	88.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGP	100	1.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBL	100	1.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCR	31.000	1.036.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD2	500	3.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHV	93.800	1.973.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FOX	2.000	166.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMS	160.400	2.912.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDS	500	12.300.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDN	900	17.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMW	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TC6	22.050	316.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YBM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVO	700	6.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FID	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDH	200	250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C47	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBB	300	13.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BRC	3.800	60.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L62	82	447.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ROS	3.729.500	20.590.923.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPT	815.400	2.297.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCN	575.100	8.554.055.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVS	1.136.698	27.633.968.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEO	1.189.800	12.525.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDI	372.300	2.781.567.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPB	109.500	3.651.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIG	246.600	7.634.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHS	887.600	6.434.306.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSH	5.100	219.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MIG	60.450	1.109.984.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BFC	48.900	1.098.085.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVC	256.004	2.905.032.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCG	366.100	6.465.735.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDG	118.300	5.959.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LSS	12.600	127.125.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVN	151.000	3.206.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMC	24.300	284.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTS	6.400	156.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MST	226.100	2.365.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABB	1.011.600	18.881.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACL	200	2.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNH	6.900	26.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSI	277.000	14.154.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIC	6.400	625.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASD	100	700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	7.000	123.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHA	12.000	78.296.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCE	18.400	269.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SIP	400	80.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTP	62.400	301.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIX	3.000	177.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNI	148.800	708.988.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDD	11.729	71.462.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILA	6.900	51.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIP	99.800	958.876.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNJ	26.200	2.487.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMI	800	1.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAR	263.000	1.352.575.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGS	111.160	3.416.218.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKV	500	6.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPH	86.300	459.557.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCL	29.300	1.049.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ELC	11.000	152.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVJ	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VBB	36.400	760.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSL	100	658.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SEA	400	10.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTI	53	1.553.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD3	500	2.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDF	800	1.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L18	14.200	473.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITD	3.500	61.885.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLG	700	31.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GSP	5.100	73.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMH	500	7.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DL1	413.200	4.687.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHG	5.000	13.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCW	1.100	33.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IPA	31.600	2.086.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVE	200	3.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NNC	1.100	31.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDP	1.000	3.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFG	3.600	58.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCR	500	2.225.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSW	7.200	96.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHH	28.000	1.138.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHC	10.000	173.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HKB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRT	210.300	6.208.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRC	46.800	455.379.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGT	683.300	13.195.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FLC	923.400	10.775.831.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTF	2.075.100	16.063.941.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVC	38.300	604.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAH	46.900	285.044.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FPT	80.100	6.678.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POW	722.200	8.795.285.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDS	111.000	1.721.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCM	334.500	13.307.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDH	138.400	4.930.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVD	808.000	18.711.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKG	729.000	14.454.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPI	61.600	2.183.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTI	94.400	1.527.645.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVV	30.000	66.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGR	211.500	3.059.125.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAM	368.600	4.087.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HND	3.400	65.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDC	107.400	2.202.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVS	19.200	506.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCG	32.500	100.875.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSG	311.900	13.357.695.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNG	2.100	85.940.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHM	52.700	5.312.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBS	69.216	886.744.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIT	1.944.800	27.739.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHB	442.900	1.742.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDT	3.000	39.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMG	500	18.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXL	12.500	140.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXP	11.700	238.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANV	15.700	480.935.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BKG	93.500	1.029.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIG	5.300	31.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGB	27.600	609.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NOS	10.100	4.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPN	6.600	32.162.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCG	2.400	108.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEI	1.000	410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMC	2.000	30.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L14	5.000	371.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAS	4.800	182.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJD	21.000	355.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAC	5.000	174.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AFX	10.500	147.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTM	500	8.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCC	2.000	20.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNA	4.700	78.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAB	33.700	912.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAB	3.900	79.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLA	71.000	70.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASP	600	8.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSH	600	11.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVX	600	3.594.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSD	21.000	392.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAV	5.600	386.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXS	600	15.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPC	100	1.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PJT	100	1.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNS	20.200	1.016.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTO	64.400	869.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVG	7.500	46.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HU4	2.900	51.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSI	12.200	156.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V15	2.200	2.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MVB	6.200	167.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FDC	3.400	47.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GGG	6.600	23.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE8	2.500	27.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FMC	200	10.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD9	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC6	300	2.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSR	1.394.800	25.050.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDH	335.200	3.088.532.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSR	301.030	6.686.167.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNH	106.000	3.057.175.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCB	814.100	38.276.375.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAG	586.100	3.043.635.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASM	2.285.100	38.032.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRG	38.000	1.042.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTN	374.400	9.498.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNG	1.256.600	13.202.472.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLG	2.232.900	5.034.341.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCR	808.200	8.167.569.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZB	5.000	176.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGI	58.120	2.480.016.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DMC	500	27.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OIL	61.300	788.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RAL	1.600	277.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGC	88.000	8.513.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMV	123.100	1.429.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AVF	27.600	11.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNA	7.600	102.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFS	19.400	177.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MML	50	2.611.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POM	54.100	900.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMX	14.000	219.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVB	95.200	1.667.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCS	14.800	13.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLD	14.200	500.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIG	68.600	417.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTB	3.200	302.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGN	7.800	128.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLB	2.700	66.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMD	685.100	34.210.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDV	2.224.200	31.144.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCD	181.300	3.025.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVT	433.300	8.339.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MFS	5.000	149.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TV2	4.000	228.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACM	302.500	1.172.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVN	56.200	1.504.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLC	1.100	44.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KKC	9.300	151.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPG	13.200	533.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDA	636.566	8.460.187.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HID	237.400	1.556.029.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTP	200	2.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTT	46.000	23.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VKC	3.016	20.195.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPX	500	17.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCS	16.530	1.851.063.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVT	3.800	178.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCJ	2.000	7.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TST	700	6.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPH	500	6.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC2	2.150	37.300.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HEM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGW	500	62.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSB	5.300	202.325.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S74	1.500	11.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POT	700	10.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCC	1.000	4.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCH	2.300	291.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDR	40.200	3.580.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGV	1.000	19.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDC	100	616.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APC	1.200	25.895.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVI	1.200	52.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHP	60.400	174.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTP	1.000	60.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEX	932.100	22.285.665.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APG	423.500	4.821.897.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACB	181.800	6.065.075.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSB	932.900	27.481.985.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSI	103.100	1.665.345.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIG	1.017.222	9.307.293.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DST	1.001.500	4.141.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMG	263.620	5.231.713.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVL	23.300	1.957.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBG	563.400	3.881.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITA	4.591.800	32.959.679.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTS	103.400	1.703.425.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C4G	224.584	2.347.099.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDG	315.100	2.377.653.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAH	60.600	1.620.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IJC	3.286.500	98.453.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVP	9.400	152.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNM	32.300	3.032.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NT2	43.900	936.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMD	349.900	1.514.652.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVT	1.100	8.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHS	442.215	14.231.524.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G36	376.490	4.083.227.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIA	1.100	15.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RIC	8.000	195.765.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNB	57.900	1.089.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HOM	50.088	216.499.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAG	15.000	91.186.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C32	6.600	181.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTW	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVH	1.000	10.185.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC3	41.849	1.014.289.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVF	64.100	783.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GAS	16.100	1.384.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LTG	26.300	1.010.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKD	9.000	35.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAC	5.500	68.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMS	8.000	26.026.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD2	400	3.440.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PV2	28.400	121.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAB	1.000	164.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTA	1.700	24.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATB	2.000	6.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ADS	1.000	14.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD6	600	3.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YEG	2.500	39.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHG	19.800	919.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTN	5.100	17.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPD	18.500	51.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIS	300	5.275.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSN	11.000	85.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNE	249.100	2.541.151.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPB	1.100	18.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBD	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	API	113.700	4.722.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCS	90.300	372.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTD	3.000	106.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MVC	3.000	45.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATS	300	10.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD5	7.100	91.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DZM	16	184.000

2. Giá trị chứng khoán đã giao dịch bán phát sinh Có TK 002 theo Mã chứng khoán kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
Tổng giá trị		125.960.424	2.404.667.604.210
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAA	878.669	14.455.955.640
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAH	8.300	50.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAM	400	5.415.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAS	138.800	3.939.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAT	35.580	451.974.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAV	16.700	211.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABB	472.676	6.161.432.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABC	800	9.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABS	688.206	18.327.187.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABW	2.000	23.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACB	134.663	4.422.717.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACC	5.000	106.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACG	13.000	836.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACL	108.000	2.392.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACM	112.000	335.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACV	600	53.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ADS	25.000	780.505.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AFX	5.600	96.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGG	11.300	491.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGR	37.648	670.032.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMD	116.020	669.918.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AME	11.800	127.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMS	113.100	1.733.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMV	441.900	3.172.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANV	47.900	2.317.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APC	2.200	54.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APF	4.400	299.620.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APG	104.300	1.160.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APH	136.325	2.403.927.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	API	617.600	42.612.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APS	1.028.286	36.641.446.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ARM	2.000	64.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ART	631.330	8.919.387.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASA	600	6.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASM	622.448	11.409.969.760
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASP	1.400	15.130.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATB	45.000	81.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATG	100	430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AVF	11.200	13.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAB	600	15.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAF	13.900	407.345.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BBC	2.100	144.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCC	46.744	919.248.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCE	25.900	457.592.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCG	2.134.358	50.666.887.530
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCM	72.500	5.294.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCP	100	900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BFC	200.200	8.802.075.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIC	5.000	152.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BID	56.915	2.320.242.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIG	400	6.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BII	359.600	3.219.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BKG	9.000	113.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BLF	1.060	4.762.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMG	200	3.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMI	12.300	502.385.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMP	300	17.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMS	8.100	148.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BNA	11.700	515.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BOT	613.400	6.595.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BPC	1.000	12.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSI	3.700	159.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSR	368.900	9.123.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTP	1.080	15.336.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTS	23.700	343.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVB	176.070	3.446.758.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVG	6.600	53.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVH	17.500	897.495.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVS	10.400	394.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BWE	21.300	1.201.565.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C21	8	104.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C47	443.700	9.149.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C4G	368.260	7.798.676.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C69	137.800	2.070.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAG	800	20.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAP	1.300	98.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CBI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCA	4.000	73.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCL	90.704	1.265.299.910
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDN	500	15.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDO	23.100	151.810.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEN	199.900	3.296.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEO	287.929	10.643.437.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CFP	3.100	3.257.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CGV	3.000	19.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHP	7.700	98.969.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIG	16.500	180.801.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CII	301.605	7.530.726.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CJC	1.200	19.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKG	112.800	3.350.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLG	35.200	90.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLH	500	18.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLX	6.500	166.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMD	100	1.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMG	37.537	1.861.258.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMI	1.200	3.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMS	7.000	148.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMT	1.100	28.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMW	1.800	6.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMX	274.330	5.210.623.660
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNG	400	15.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNT	4.046	52.115.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPO	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRC	66.000	798.435.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRE	29.000	881.165.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSC	14.644	737.848.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSM	5.806	119.551.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CST	100	33.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSV	23.200	1.141.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTC	36.900	181.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTD	115.633	8.440.833.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTG	237.211	7.647.483.150
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTI	30.600	600.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTP	23.900	185.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTR	105.355	9.597.541.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTS	82.733	2.183.644.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVI	400	908.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVN	500	5.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVP	47.000	65.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVR	1.800	468.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D11	6.000	269.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D2D	4.600	299.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAG	216.610	1.725.078.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAH	42.600	521.425.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBC	121.264	4.156.620.750
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBD	1.000	56.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBT	700	12.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DC2	2.100	31.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DC4	48.480	1.176.813.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCL	22.200	780.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCM	323.800	13.148.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCS	8.400	11.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCT	8	31.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDG	4.500	37.100.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDN	460	9.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDV	288.100	6.624.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGC	7.904	963.622.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGT	56.800	1.972.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGW	1.927	249.985.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHA	4.100	150.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHG	800	92.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIC	10.600	35.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DID	2.000	27.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIG	254.409	11.735.457.950
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLI	482.800	5.291.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLG	215.840	1.655.460.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DNW	1.000	27.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPC	100	620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPG	174.200	11.052.375.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPM	2.790.800	172.654.295.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPR	6.900	544.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPS	40.600	59.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DQC	2.800	117.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRC	30.200	925.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRG	5.000	94.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRH	252.230	4.657.240.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRI	117.900	2.169.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DS3	10.000	84.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DST	252.500	1.973.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTD	11.120	181.458.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTL	102	2.777.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVG	178.600	2.035.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVN	10.400	250.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXG	405.984	10.944.026.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXP	8.500	154.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXS	22.000	195.213.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXV	2.400	18.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DZM	3.000	28.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EFI	7.000	24.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIB	5.118	173.155.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIN	32.900	329.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ELC	75.100	1.846.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVE	8.200	127.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVF	72.023	1.094.220.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVG	23.500	411.946.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVS	400	15.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCM	29.000	288.108.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCN	867.100	16.190.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FID	86.000	666.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIT	2.397.776	32.802.876.280
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FLC	776.600	9.185.545.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FMC	1.200	73.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FOX	100	7.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FPT	33.751	3.432.896.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRT	123.770	14.515.013.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTI	8	44.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTM	20.100	94.888.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTS	4.000	144.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G36	48.706	716.647.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GAS	8.900	1.091.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GDT	2.400	100.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEE	54.500	2.200.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEG	79.500	1.777.995.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEX	4.888.024	191.161.722.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GGG	1.670	9.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIL	15.258	1.198.331.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMD	40.781	2.294.083.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GSP	9.200	104.575.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTN	55.900	1.113.945.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTT	1.248.034	1.530.098.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GVR	159.200	5.340.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAC	906	12.676.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAG	404.586	4.066.759.560
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAH	30.490	1.890.408.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAI	82.100	469.959.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAM	2	41.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAP	4.100	48.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAR	70.833	891.185.880
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAX	6.700	152.035.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBC	757.755	18.953.058.650
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBS	23.782.858	169.635.416.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCD	41.000	610.391.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCM	209.811	7.422.835.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD2	100	1.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD6	600	22.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDB	92.384	2.576.968.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDC	44.700	2.161.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDG	115.500	4.561.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDO	40	48.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HEM	51.431	498.880.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHG	24.400	167.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHP	10.100	145.555.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHS	5.435.227	54.012.343.710
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHV	597.800	13.721.797.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HID	194.600	2.033.615.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HII	54.700	604.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HKB	20.000	56.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLA	4.200	8.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLD	3.700	172.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMC	9.900	294.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HND	1.000	16.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNG	1.335.039	10.853.101.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNM	4.990	46.907.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HOM	223.000	1.935.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPG	1.017.351	34.584.814.450
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPP	300	17.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPT	100	1.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPX	63.400	322.174.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HQC	991.000	6.990.697.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HRT	5.700	41.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSG	565.069	17.875.963.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSL	15.000	148.793.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSV	2.000	7.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	34.055	748.736.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTN	110.500	6.779.485.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUT	1.051.610	27.249.131.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVG	761.200	2.897.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVH	400	5.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVN	333.994	7.569.761.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVT	100	6.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVX	200	1.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IBC	18.900	49.095.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICF	8.000	28.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICG	2.576	22.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICT	1.400	27.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDC	1.387.047	113.524.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDI	513.301	8.573.182.550
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDJ	807.947	22.902.537.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDV	720	51.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IJC	692.288	19.152.613.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILA	3.000	36.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IME	1	72.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IN4	6	227.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	INN	1.000	39.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IPA	63.080	2.920.616.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITA	1.022.211	14.831.116.710
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITC	257.421	5.645.511.750
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITD	7.423	137.655.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITQ	48.910	158.143.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITS	10.000	105.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IVS	1.000	9.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	JVC	489.900	4.146.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KBC	140.033	6.865.344.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDH	3.000	162.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDM	1.300	23.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHA	200	1.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHB	21.500	157.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHD	24.400	285.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHG	160.625	2.089.279.590
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHL	2.000	4.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHP	21.000	275.428.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KKC	1.300	7.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLF	363.023	2.273.825.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMR	5.113	45.852.680
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KOS	1.000	34.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KPF	715	12.905.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSB	67.110	2.443.557.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSD	4.800	40.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSH	2.185.714	9.140.538.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSQ	33.100	246.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KST	30	354.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KVC	60.400	330.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L18	31.600	1.847.360.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LAS	283.000	5.610.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCG	910.912	16.048.286.480
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCM	3.500	23.596.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDG	1.708.669	25.292.678.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGC	12	679.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGL	54.200	621.906.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGM	204	2.328.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHG	40.100	1.863.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIC	2.100	108.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIG	1.136.225	17.541.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LM7	200	480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LMH	25.000	233.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LPB	674.364	12.704.801.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LSS	20.205	324.095.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LTG	26.400	1.076.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LUT	3.100	4.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAC	13.091	129.650.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBB	385.487	10.896.621.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBG	275.205	3.524.246.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBS	70.743	2.240.283.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCG	76.040	646.672.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCM	3.000	191.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCP	1	20.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MEL	10.000	63.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MHC	72.108	928.511.960
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MIG	69.000	1.855.505.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MKP	100	5.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MLS	800	8.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPC	10.800	507.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSB	621.479	11.540.751.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSH	2.000	134.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSN	5.100	650.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSR	23.300	605.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MST	114.480	1.947.438.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MTC	100	720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MWG	13.786	1.079.418.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAB	4.200	87.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAF	3.500	70.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBB	47.000	1.795.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBC	400	5.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBP	1.500	27.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCS	1.000	24.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCT	100	12.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ND2	57	1.782.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDF	800	2.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDN	220.620	5.055.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDX	500	4.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NED	96.200	1.147.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NET	500	28.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NFC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHA	4.500	167.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHH	600	21.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHP	13.000	54.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NKG	231.572	8.574.962.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NLG	119.547	6.134.528.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NOS	800	2.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NRC	46.630	281.457.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSH	17.200	281.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NST	1.300	12.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NT2	15.900	375.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTL	48.500	1.706.185.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTP	1.000	62.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVL	201.514	10.849.754.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCB	29.425	683.752.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCH	40.700	388.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OGC	591.390	5.967.671.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OIL	56.980	985.117.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ORS	32.900	837.605.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAN	333.202	7.943.728.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAS	9.800	227.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PBP	200	3.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCI	170.565	7.007.045.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCT	100	890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDC	42	258.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDR	46.700	1.147.385.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDV	2.835	34.001.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PET	46.220	2.006.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PFL	213.900	1.937.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGB	8.200	211.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGC	12.200	194.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGT	3.620	22.212.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGV	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHC	87.600	1.267.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHP	1.300	39.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHR	129.200	8.207.915.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PIT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PIV	6.900	22.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PJT	1.000	12.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLC	10.000	467.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLP	2.500	18.893.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLX	159.400	6.879.385.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMB	200	4.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMG	1.191.316	16.084.746.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNJ	5.016	529.113.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POM	10.500	92.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POW	583.750	9.182.989.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPC	1.800	24.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPH	5.200	172.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPI	1.004	1.603.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRT	2.000	44.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSD	1.000	37.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSG	11.700	33.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSH	23.600	260.323.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSI	3.600	54.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSP	29.100	354.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSW	300	8.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTB	40.700	3.046.070.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTC	383.100	18.568.698.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTD	2.600	17.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTL	145.700	1.760.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTS	500	7.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTV	5.100	44.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PV2	25.600	142.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVA	2.520	6.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVB	66.000	1.425.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVC	163.360	3.219.308.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVD	1.013.816	27.553.169.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVG	37.700	547.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVI	17.600	870.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVL	33.804	369.826.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVM	30.800	721.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVP	13.520	237.254.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVS	497.398	13.640.833.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVT	194.462	4.923.595.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVV	35.100	121.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVX	162.334	580.672.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PWA	600	6.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXI	11.200	48.371.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXL	557.200	7.200.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXS	135.500	859.311.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXT	22.605	128.862.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QBS	24.100	132.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QCG	9.600	141.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNC	48	364.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNS	33.900	1.685.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QPH	5.607	170.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QTP	32.200	565.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RAL	200	23.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RDP	2.300	29.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	REE	19.883	1.629.282.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ROS	1.001.200	8.396.547.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RTB	2.800	89.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S96	35.926	60.938.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S99	459.065	10.261.496.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAC	2	52.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAM	115.118	1.663.193.950
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAV	100	2.945.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBS	267.900	4.199.130.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBT	57.642	1.235.344.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBV	10.011	166.116.050
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCI	114.500	5.010.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCL	40	1.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCR	420.571	7.680.566.560
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD2	2.800	40.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD3	5.300	47.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD4	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD6	100	520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD7	13.700	129.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD9	24.000	317.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDA	459.066	14.006.064.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDD	71.000	530.430.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDH	3.800	9.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDP	2.000	8.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDT	3.000	25.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SEA	2.000	87.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFG	9.200	151.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFI	1	30.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGD	2.600	56.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGH	4	106.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGI	1.500	40.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGN	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGP	3.100	128.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGR	27.700	821.575.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGT	9.480	302.679.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHA	10.140	86.226.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHB	1.403.265	26.391.811.890
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHI	21.900	393.155.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHN	1.069	9.448.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHP	162	4.406.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHS	292.538	4.869.908.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJI	100	1.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJC	900	3.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJD	46.400	939.205.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJF	1.621.800	18.583.236.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJS	265	18.217.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKG	59.100	1.410.025.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKV	900	42.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMA	8	65.650
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMC	38.400	483.515.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMT	100	2.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SQC	100	420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRA	411.960	4.314.152.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSB	100	3.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSF	630	3.586.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSI	802.015	29.781.748.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSN	18.440	168.846.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ST8	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STB	587.156	17.696.776.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STP	4.644	45.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVD	3.600	44.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVN	900	6.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVT	1.500	28.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SWC	3.300	90.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZC	26.700	1.578.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TA9	22.500	359.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAR	92.600	2.955.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBD	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TC6	110.400	1.027.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCB	221.150	9.474.762.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCD	85.769	1.884.357.320
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCH	1.042.501	21.449.053.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCI	59.304	858.148.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCL	2.000	70.835.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCM	10.000	720.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCO	6.800	86.392.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDC	106.160	2.490.782.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDG	225.707	2.439.399.650
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDH	7.100	45.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDM	600	23.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDN	4.100	42.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDT	7.800	113.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TEG	533.900	8.211.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TFC	9	274.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TGG	133.900	2.615.114.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THG	8	321.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THT	7.120	122.244.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THW	300	2.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TID	11.800	807.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIE	16	176.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIG	56.434	1.083.506.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIP	18.200	498.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIS	30.000	347.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKC	39	421.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKU	238	9.607.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TL4	500	10.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLD	59.500	696.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLG	1.200	68.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLH	19.700	255.153.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLI	4.400	20.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLT	25.700	380.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMS	74	4.474.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMT	5.300	105.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMX	200	1.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNA	4.700	79.505.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNB	4	46.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNG	113.544	3.637.363.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNH	2.200	81.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNI	980.600	8.399.227.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNS	24.400	205.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNT	542.900	6.390.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TOP	100	270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPB	18.720	672.547.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPS	1	19.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TRA	18	1.651.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TRT	200	2.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TS5	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TSC	31.819	418.101.440
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTA	23.600	363.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTB	70.473	690.098.950
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTF	680.400	8.086.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTH	420.000	2.547.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTN	200	3.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTZ	3.000	19.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TV2	2	80.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVB	5.405	104.118.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVC	123.300	2.637.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVD	63.600	1.153.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVN	22.400	364.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVT	200	6.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TXM	2.500	21.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TYA	1	11.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDC	8.000	122.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDJ	20.600	275.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UNI	1.100	20.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UPH	200	2.130.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V12	200	5.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAB	7.343	70.753.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAF	2.300	32.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAT	30.000	57.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC1	6.800	137.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC2	69.120	2.848.175.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC3	94.411	4.105.618.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC6	10	100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC7	45.338	664.355.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC9	18.700	151.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCB	31.500	2.806.502.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCG	178.628	5.879.770.150
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	160.916	9.335.406.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCP	8.770	207.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCR	41.100	1.719.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCX	1.000	12.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDL	2.000	37.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDS	31	552.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE1	5.100	34.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE8	4.700	47.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE9	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEA	18.300	787.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEC	3.000	56.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEF	1.000	236.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFC	8	176.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFS	3.000	58.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGC	211.700	9.906.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGI	33.400	1.032.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGS	35.796	558.940.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGT	51.300	1.205.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHC	43.200	3.347.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHD	3.000	105.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHE	86.500	691.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHG	6.833.300	60.957.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHL	20	498.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHM	122.800	7.749.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIB	23.800	613.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIC	66.706	5.328.017.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIG	18.807	242.600.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIP	110.703	1.307.086.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIS	300	4.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIX	5.260.164	78.452.145.520
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VJC	1.000	125.550.000

002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VKC	5.000	26.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLB	2.501	141.784.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLC	7.518	130.932.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMC	21.700	546.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMD	1.667.647	39.748.459.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMG	700	6.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNA	4.900	187.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNB	107.900	2.202.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VND	324.843	8.454.068.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNE	58.000	762.915.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNG	200	1.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNH	20.200	147.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNM	85.004	6.686.451.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNP	9.100	249.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNZ	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOC	44.600	1.520.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOS	83.000	1.504.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	439.968	14.079.995.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPC	100	490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPG	120.826	7.602.111.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPH	10.264	142.977.880
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPI	91.900	5.542.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPR	2	31.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPS	4	34.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRE	365.117	10.879.373.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSA	10	200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSC	54.320	2.599.381.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSF	500	18.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSG	140	576.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VST	3.200	13.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	2.400	19.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	300	3.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTD	37.138	586.154.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTO	89.400	1.084.327.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTP	29.143	2.082.637.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTV	10.300	94.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTZ	5.000	64.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VWS	1.828	28.885.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XMC	300	3.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YBM	2.000	21.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YEG	37.710	786.217.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YTC	2	106.600

SỐ DƯ BÊN NỢ: Số dư chứng khoán còn lại trên tài khoản cá nhân, tổ chức mở tại Công ty HBS: Đây là giá trị chứng khoán còn lại của HBS vẫn đang giữ trong tài khoản cá nhân. **Tổng số dư chứng khoán đến ngày 22/07/2025, 10.941.539 cổ phiếu** của 519 mã chứng khoán trên **356** tài khoản cá nhân, tương ứng với trị giá ngày 22/07/2025 số tiền **86.667.592.642 đồng**, trong đó :

1. Tổng số 245 tài khoản cá nhân mở tài khoản tại Công ty HBS. 245 khách hàng này không nộp tiền, nhưng có số dư chứng khoán trị giá **39.497.379.506 đồng**.

2. Khách hàng Lê Thị Băng Tâm- tài khoản giao dịch chứng khoán 082C106868; CCCD số 010043782, ngày cấp 18/02/2008; Ngày sinh 16/04/1947; Địa chỉ: Tầng 10, Số 32 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0903401189.

(1) Số tiền nộp vào trên tài khoản BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành số tiền **825.000.000 đồng** ngày 05/04/2022

(2) Số tiền rút ra trên tài khoản MB-565959999 chi nhánh Sở GD3 số tiền **405.700.000 đồng** kể từ ngày 11/07/2023 đến 26/07/2024

(3) Số tiền rút ra trên tài khoản VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai số tiền **317.000.000 đồng** kể từ ngày 30/09/2022 đến 13/06/2023

(4) Số dư cuối ngày 26/07/2024 số tiền **102.300.000 đồng**;

Tuy nhiên số dư chứng khoán đến số dư chứng khoán đến ngày 22/07/2025 có trị giá là **21.009.530.260 đồng**.

3. Khách hàng Phạm Như Khánh-082C500209; CCCD số 023141849, ngày cấp 14/12/2006; Ngày sinh 02/09/1960; Địa chỉ: 243/2/6 Chu Văn An -P12-Q Bình Thạnh -HCM; số điện thoại 0903801767. **Không nộp tiền**, nhưng rút tiền **4.907.000.000 đồng** và số dư chứng khoán đến ngày 22/07/2025 trị giá **4.907.000.000 đồng**

4. Tổng số 111 tài khoản mở tài khoản tại Công ty HBS, số tiền nộp vào **41.763.794.134 đồng**, số tiền rút ra **35.420.155.533 đồng**; số dư chứng khoán đến ngày 22/07/2025, có trị giá **28.443.412.875 đồng**. trong đó:

(1) Nguyễn Thị Hoan-082C010669; CCCD số 001165007543, ngày cấp 04/12/2024; Ngày sinh 02/11/1965; Địa chỉ: B11 tập thể Tinh Đội - Phúc La - Hà Đông - Hn; số điện thoại 0982564168; Số tiền nộp vào số tiền **864.000.000 đồng**, tuy nhiên trị giá chứng khoán đến ngày 22/07/2025, số tiền **2.282.730.000 đồng**

(2) Trần Diệu Quỳnh Hoa-082C000221; CCCD số 011604659, ngày cấp 21/03/2008; Ngày sinh 15/08/1970; Địa chỉ: Đại Sứ Quán Anh - Tầng 4 - 31 Hai Bà Trưng - Hà Nội; số điện thoại 0904158551. Nộp tiền vào **8.000.000 đồng**; Rút tiền ra **60.000.000 đồng**; Tuy nhiên, số dư chứng khoán đến ngày 22/07/2025, có trị giá **813.486.950 đồng**;

(3) Phạm Xuân Liên-082C912233; CCCD số 036060007345, ngày cấp 22/11/2021; Ngày sinh 19/05/1960; Địa chỉ: 15 Đường 56, KP3 Bình Trưng Đông, TP Thủ Đức, TP.HCM; số điện thoại 0903845347; Số tiền nộp vào: **600.000.000 đồng**; Số tiền rút ra: **238.300.000 đồng**; Số dư chứng khoán có trị giá đến ngày 22/07/2025, số tiền **1.604.908.000 đồng**;

(4) Nguyễn Thị Hải, mở tài khoản 082C812968 tại Công ty HBS; CCCD số 038183003584, ngày cấp 20/08/2022; Ngày sinh 13/10/1983; Địa chỉ: P1924 - CT12B ĐTM Kim Văn - Kim Lũ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội; số điện thoại 0976693976; Số tiền nộp vào: **420.000.000 đồng**; Số tiền rút ra: **577.019.000 đồng**; Số dư chứng khoán có trị giá đến ngày 22/07/2025, số tiền **978.430.000 đồng**;

(5) Nguyễn Thị Song Hà mở tài khoản 082C129977 tại Công ty HBS; CCCD số 026179002850, ngày cấp 17/01/2018; Ngày sinh 30/05/1979; Địa chỉ: Số 22 ngõ 235 ngách 15 tổ 23 Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; số điện thoại 0986399977. Số tiền nộp vào: **3.181.358 đồng**; Số tiền rút ra: **162.000.000 đồng**; Số dư chứng khoán có trị giá đến ngày 22/07/2025, số tiền **2.777.940.000 đồng**;

(6) Phan Tạ Thanh Huyền, mở tài khoản 082C020268 tại Công ty HBS; CCCD số 001178030372, ngày cấp 25/04/2021; Ngày sinh 25/10/1978; Địa chỉ: Số 42, Ngõ 115 Trần Cung, Tổ 15, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội; số điện thoại 0912075136; Nộp tiền vào: **134.000.000 đồng**; Rút tiền ra: **696.100.000 đồng**; Số dư chứng khoán đến ngày 22/07/2025, có trị giá **837.749.500 đồng**;

Tóm lại, nội dung thuyết minh diễn tả lại hành vi gian lận tài chính, trong đó: Bên Nợ: thể hiện dòng tiền vào và các giao dịch mua chứng khoán. **Bên Có:** thể hiện dòng tiền ra và việc chiếm đoạt tiền từ các giao dịch bán chứng khoán. **Số dư bên Nợ:** là tài sản còn lại trên các tài khoản cá nhân mở tại Công ty HBS. Toàn bộ hoạt động này, theo cáo buộc, được thực hiện bởi **Trần Kiên Cường, Phan Sỹ, Hải Nguyễn Ngọc Dung, Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Thị Kim Nguyên và các cá nhân có liên quan** của Công ty HBS, bỏ ngoài sổ sách kế toán để che giấu hành vi chiếm đoạt tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HOÀ BÌNH**

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Mẫu số B01 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016
/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ
tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2024	Số đầu năm 31/12/2023
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		319.769.571.399	371.090.194.323
I. Tài sản tài chính	110		318.170.503.898	369.245.767.580
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A7.1	12.770.076.065	15.502.993.929
1.1. Tiền	111.1		12.770.076.065	3.502.993.929
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		0	12.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	A7.3.1	2.014.991.480	7.823.951.700
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	A7.3.3	296.893.117.809	334.300.000.000
4. Các khoản cho vay	114	A7.3.4	0	0
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		0	0
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		0	0
7. Các khoản phải thu	117	A.7.5	3.471.027.363	7.038.427.566
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		0	0
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	A7.3.5	3.471.027.363	7.038.427.566

7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		0	0
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		3.471.027.363	7.038.427.566
8. Trả trước cho người bán	118	A.7.8	105.000.000	0
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		0	0
10. Phải thu nội bộ	120		0	0
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		0	0
12. Các khoản phải thu khác	122	A.7.5	2.916.291.181	4.580.394.385
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129		0	0
II. Tài sản ngắn hạn khác	130	A.7.8	1.599.067.501	1.844.426.743
1. Tạm ứng	131		26.505.202	33.055.371
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		0	0
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		1.511.846.280	1.750.655.353
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		0	0
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		60.716.019	60.716.019
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		0	0
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		0	0
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		0	0
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		49.132.904.043	53.098.829.421
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		6.477.540.461	6.397.223.140
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		0	0
2. Các khoản đầu tư	212	A.7.3.2	8.376.160.000	8.376.160.000
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		0	0
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		0	0
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		2.940.000.000	2.940.000.000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		5.436.160.000	5.436.160.000
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-1.898.619.539	-1.978.936.860
II. Tài sản cố định	220		1.426.087.198	3.200.438.288
1. Tài sản cố định hữu hình	221	A.7.14	23.587.200	47.174.400
- Nguyên giá	222		18.431.251.607	18.431.251.607
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		-18.407.664.407	-18.384.077.207
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		0	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a		0	0
- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	A.7.15	1.402.499.998	3.153.263.888
- Nguyên giá	228		20.849.916.470	20.849.916.470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		-19.447.416.472	-17.696.652.582
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		0	0
III. Bất động sản đầu tư	230	A.7.16	28.830.741.156	30.782.961.252
- Nguyên giá	231		76.868.886.130	76.868.886.130
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-48.038.144.974	-46.085.924.878
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		0	0

IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	250		12.398.535.228	12.718.206.741
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	A.7.7	166.110.000	166.110.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.7.6	668.008.837	1.301.036.060
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		570.408.324	359.949.686
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A.7.17	10.994.008.067	10.891.110.995
5. Tài sản dài hạn khác	255		0	0
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		368.902.475.442	424.189.023.744
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		6.058.027.294	4.252.654.804
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		6.058.027.294	4.252.654.804
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		0	0
1.1. Vay ngắn hạn	312		0	0
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		0	0
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		0	0
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cầu phần nợ	315		0	0
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		0	0
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		0	0
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	A.7.9	13.975.570	14.824.366
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		0	0
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.7.12	330.054.653	390.631.359
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		0	0
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.7.10	1.963.447.583	1.870.480.882
11. Phải trả người lao động	323		1.195.533.987	1.087.861.150
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		194.763.910	195.338.089
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.7.11	205.131.126	187.112.311
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		0	0
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		0	0
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		0	0
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.7.13	845.821.186	0
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		0	0
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		1.309.299.279	506.406.647
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		0	0
II. Nợ phải trả dài hạn	340		0	0
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		0	0
1.1. Vay dài hạn	342		0	0
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		0	0
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		0	0
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cầu phần nợ	345		0	0
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		0	0
5. Phải trả người bán dài hạn	347		0	0
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		0	0
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		0	0
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		0	0
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		0	0

10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		0	0
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		0	0
13. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		0	0
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		0	0
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		0	0
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		362.844.448.148	419.936.368.940
I. Vốn chủ sở hữu	410		362.844.448.148	419.936.368.940
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		329.999.800.000	329.999.800.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		329.999.800.000	329.999.800.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		329.999.800.000	329.999.800.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		0	0
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		0	0
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phân vốn	411.3		0	0
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		0	0
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		0	0
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		0	0
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		0	0
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		5.879.833.400	4.991.340.768
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		5.879.833.400	4.991.340.768
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		21.084.981.348	79.953.887.404
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		20.549.842.593	78.366.455.460
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		535.138.755	1.587.431.944
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		0	0
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		368.902.475.442	424.189.023.744

III. KẾT LUẬN CỦA CÔNG TY HBS

Thứ nhất, Kết quả rà soát trên sổ phụ sao kê ngân hàng của Công ty HBS đối chiếu với Biên bản bàn giao ngày 01/06/2022 giữa kế toán trưởng Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Thị Thu Dung và so sánh với số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh từ tháng 04 đến tháng 05/2022 của Công ty HBS, thể hiện:

1. Tổng giá trị dòng luân chuyển vào số tiền 7.934.211.509.199 đồng và luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng từ hoạt động kinh doanh trên 18 tài khoản, bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

1.1 Giá trị dòng tiền luân chuyển vào 7.233.463.542.249 đồng và dòng tiền luân chuyển ra 7.742.003.737.487 đồng hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

1.2 Giá trị dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra từ hoạt động môi giới chứng khoán 673 tài khoản cá nhân bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950

đồng; (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.

STT	Nội dung	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh
I	Tổng giá trị dòng luân chuyển vào số tiền 7.934.211.509.199 đồng và luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng từ hoạt động kinh doanh trên 18 tài khoản, bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	7.934.211.509.199	8.254.770.118.388
A	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	7.233.463.542.249	7.742.003.737.487
1	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh số tiền 2.571.930.730 đồng bỏ ngoài Sổ sách kế toán của HBS (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh số tiền 2.913.505.799.648 đồng bỏ ngoài Sổ sách kế toán của HBS	2.571.930.582.730	2.913.505.799.648
2	11 Tài khoản chưa phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.661.532.959.519 đồng. (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.828.497.937.839 đồng.	4.661.532.959.519	4.828.497.937.839
B	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra từ hoạt động môi giới chứng khoán 673 tài khoản cá nhân bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng. (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.	700.747.966.950	512.766.380.901

2. Để khắc phục hành vi "bỏ ngoài sổ sách kế toán số tiền nộp vào 11 tài khoản của Công ty HBS **7.934.211.509.199 đồng** và số tiền rút ra **8.254.770.118.388 đồng**" để chiếm đoạt tài sản và che giấu tham nhũng, cần khôi phục lại toàn bộ các giao dịch đó vào hệ thống sổ sách kế toán, đồng thời đánh giá và áp dụng các quy định về tài khoản ngoại bảng để quản lý tài sản không thuộc sở hữu của Công ty HBS. Việc này yêu cầu theo dõi chi tiết, đúng đắn và minh bạch các tài khoản này để đảm bảo trách nhiệm quản lý tài sản và tránh sai sót, nhầm lẫn với tài sản của công ty HBS.

2.1 Tuân thủ quy định của Thông tư 200 về phản ánh trên tài khoản ngoại bảng 002, Công ty HBS cần mở tài khoản cấp 0, ghi nhận tài sản ngoại bảng, theo dõi và quản lý chặt chẽ và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính để đảm bảo sự minh bạch, quản lý hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật. Các tài khoản loại 0 như Tài khoản 002 - Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường, dùng để ghi nhận tài sản không thuộc quyền sở hữu của công ty HBS. Các bước thực hiện:

Bước 1. Mở tài khoản ngoại bảng: Công ty HBS sẽ sử dụng các tài khoản cấp 0 theo quy định của chế độ kế toán để phản ánh các tài sản không thuộc sở hữu của công ty.

Bước 2. Ghi nhận tài sản ngoại bảng: Khi Công ty HBS nhận tiền nộp vào tài khoản, giá trị của khoản tiền này sẽ được ghi nhận vào các tài khoản ngoại bảng tương ứng.

Bước 3. Theo dõi và quản lý tài sản: Công ty HBS phải theo dõi chặt chẽ các giao dịch và tình hình sử dụng tài sản ngoại bảng để đảm bảo chúng được sử dụng đúng mục đích, tránh hao hụt hoặc thất thoát.

Bước 4. Trình bày trong báo cáo tài chính:

Các tài sản ngoại bảng sẽ được trình bày riêng biệt trong phần thuyết minh báo cáo tài chính để người đọc hiểu rõ bản chất tài sản, rằng chúng không phải là tài sản của Công ty HBS.

2.2 Mục đích sử dụng tài khoản ngoại bảng 002: Phản ánh tài sản không thuộc quyền sở hữu của công ty HBS: (1) Giúp báo cáo tài chính minh bạch, tránh nhầm lẫn với tài sản thuộc sở hữu của Công ty HBS. (2) Giúp Công ty HBS quản lý chặt chẽ các tài sản mà mình đang quản lý, từ đó giảm thiểu rủi ro. (3) Phù hợp với các quy định của chế độ kế toán Việt Nam, giúp Công ty HBS hoạt động đúng pháp luật. (4) Tài khoản 002 - Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường, được sử dụng để phản ánh tài sản không thuộc quyền sở hữu của Công ty HBS.

2.3 Kết cấu tài khoản 002

Phản ánh, mô tả sự sai lệch trong hoạt động kế toán và tài chính của Công ty HBS, cụ thể là việc Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS và các cá nhân có liên quan đã cố tình "bỏ ngoài sổ sách kế toán và Bảng cân

đổi phát sinh" nộp tiền vào tài khoản của Công ty HBS, sau đó Công ty HBS nộp tiền vào các giao dịch mua/bán chứng khoán trị giá hàng 7.934.211.509.199 đồng để chiếm đoạt tài sản, đồng thời che giấu hành vi tham nhũng. Diễn giải chi tiết:

BÊN NỢ: Giá trị chứng khoán đã giao dịch mua phát sinh Nợ TK 002 theo Mã chứng khoán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

BÊN CÓ: Giá trị chứng khoán đã giao dịch bán phát sinh Có TK 002 theo Mã chứng khoán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

Thứ hai, Trong giai đoạn 2021–2024, các hoạt động tài chính và nghiệp vụ của HBS có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống các quy định của Luật Kế toán năm 2015, Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020. Thể hiện:

1. Tổng số 11 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển vào Công ty HBS số tiền 7.934.211.509.199 đồng và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển ra của Công ty HBS số tiền 8.254.770.118.388 đồng bỏ ngoài sổ sách kế toán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024. Đặc biệt, báo cáo tài chính không trung thực khi không hạch toán giá trị dòng tiền luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng trên 11 tài khoản, bỏ ngoài Sổ sách kế toán dẫn đến khi chi trả Cổ tức 20% bằng tiền mặt đã sử dụng nguồn tiền thu lãi tiền gửi của vốn điều lệ của Công ty HBS và nguồn tiền hỗ trợ phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh tòa nhà 246 Cống Quỳnh kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 số tiền 63.974.825.814 đồng để chi trả cổ tức 20% bằng tiền mặt cho Cổ đông, mã chứng khoán HBS của Công ty cổ phần chứng khoán Hòa Bình năm 2023. Thể hiện:

STT	Nội dung	Số tiền
I	Tổng dòng tiền thu lãi tiền gửi từ nguồn tiền vốn điều lệ của Công ty HBS và nguồn tiền phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh tòa nhà 246 Cống Quỳnh kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 số tiền 63.974.825.814 đồng đã chi trả cổ tức 20% bằng tiền mặt cho Cổ đông, mã chứng khoán HBS của Công ty cổ phần chứng khoán Hòa Bình.	63.974.825.814
1	Giá trị lãi Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty HBS số tiền 18.375.722.741 đồng trên 02 tài khoản MB-6911665959 chi nhánh Sở GD3 và chi nhánh Hoàng Mai kể từ ngày 16/12/2021 đến 06/12/2024	18.375.722.741
2	Giá trị lợi nhuận tòa nhà 246 Cống Quỳnh trả về Công ty HBS từ năm 2021 đến 2024 số tiền 45.599.103.073 đồng trên tài khoản HDBANK-020704070002279; MB-6911665959 kể từ ngày 05/02/2021 đến 19/12/2024	45.599.103.073

2. HĐQT Công ty HBS yêu cầu Ban Tổng giám đốc sau khi có kết quả Kiểm toán, xác định làm rõ nguồn tiền chi trả cổ tức của năm 2023, HĐQT sẽ phê duyệt quyết định phân phối lợi nhuận 6% bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HBS ngày 26/06/2025.

Thứ ba, Căn cứ vào kết quả rà soát nêu trên, Hội đồng sáng lập, Hội đồng quản trị có đủ cơ sở để kết luận các cá nhân dưới đây đã thực hiện các

hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn sử dụng Công ty chứng khoán HBS làm công cụ cho các mục đích cá nhân. Thể hiện:

1. Tổng số 11 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển vào Công ty HBS số tiền 7.934.211.509.199 đồng và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển ra của Công ty HBS số tiền 8.254.770.118.388 đồng bỏ ngoài sổ sách kế toán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

2. Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 1.843.432.772.535 đồng trên 06 tài khoản của Công ty HBS bỏ ngoài sổ sách kế toán kể từ ngày 04/01/2021 đến 31/10/2021 từ nguồn tiền Vpbank giải ngân 1.830.000.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tổng thầu thi công ô đất TM01.

3. Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang, Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải Nguyễn Kim Nguyên Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như cấu kết với Phương Xuân Thụy từ nguồn tiền doanh thu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt của Công ty Mỹ Đình, Công ty Nhuệ Giang Hoán đổi dòng tiền 2.748.412.934.584 đồng trên 07 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS thành tài sản sở hữu hợp pháp cho cá nhân ông Phương Xuân Thụy số tiền 2.748.413.000.584 đồng để thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty VMG ủy thác cho 10 cá nhân đại diện quản lý tại 10 Công ty là chủ đầu tư 10 dự án trên diện tích 459,5ha tại thủ đô Hà Nội là vi phạm pháp luật, dấu hiệu của hành vi rửa tiền và vi phạm Điều 143, Luật Quản lý thuế 2019. Lý do: Thỏa thuận với khách hàng thanh toán 100% bằng tiền mặt mua 1.186 căn hộ chung cư cao tầng dự án The Emerald của Công ty Mỹ Đình và Dự án Iris Garden của Công ty Nhuệ Giang bỏ ngoài sổ sách kế toán được chuyển đổi và sử dụng để mua 10 dự án bất động sản, nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, thì có thể bị xem là hành vi rửa tiền, vi phạm các quy định về phòng, chống rửa tiền, có thể dẫn đến các hình phạt nghiêm trọng.

4. Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 1.725.101.756.713 đồng trên 07 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 25/11/2021 đến 31/12/2024 từ nguồn tiền chuyển nhượng 10 dự án trên diện tích 459ha tại Hà Nội ủy thác cho 05 cá nhân số tiền 1.724.014.417.994 đồng

5. Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS;

Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; **Phạm Hồng Vương** – PTGD Công ty HBS, **Nguyễn Hà Hải Như** – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi **888.384.184.125 đồng** trên 03 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 16/11/2021 đến 25/09/2023 từ nguồn tiền chuyển nhượng ô đất TM01, BT02 để ngoài Hợp đồng, PLHD.

Đặc biệt, các cá nhân này là những thành phần cùng chung tay với Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải, Nguyễn Hà Hải Như, Phạm Hồng Vương, Nguyễn Kim Nguyên sử dụng nguồn tiền cho mục đích cá nhân số tiền **459.044.367.928 đồng** bằng hình thức rút séc tiền mặt thể hiện:

STT	Nội dung	Số tiền
I	Đặc biệt các cá nhân dưới đây là những thành phần cùng chung tay với Trần Kiên Cường, Phan Sỹ Hải, Nguyễn Hà Hải Như, Phạm Hồng Vương, Nguyễn Kim Nguyên sử dụng nguồn tiền cho mục đích cá nhân số tiền 459.044.367.928 đồng bằng hình thức rút séc tiền mặt	459.044.367.928
1	Bùi Như Liễu-082C025666; Thủ quỹ Công ty HBS; CCCD số 017186000538, ngày cấp 15/12/2017; Ngày sinh 11/07/1986; Địa chỉ: Tầng 8 Số 46,48 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0917172119	276.245.810.162
2	Vũ Thị Toàn-082C021948 người nhà Nguyễn Ngọc Dung; CCCD số 011470978, ngày cấp 09/03/2012; Ngày sinh 01/01/1948; Địa chỉ: Long Biên, Hà Nội	
	Phạm Đức Việt-082C862005 người nhà Nguyễn Ngọc Dung; CCCD số 001205001272, ngày cấp 22/11/2021; Ngày sinh 02/01/2000; Địa chỉ: Long Biên, Hà Nội	12.679.798.636 18.881.635.698 6.742.630.222
	Đỗ Chiến Thắng người nhà Nguyễn Ngọc Dung; CCCD số 010048109, ngày cấp 15/08/2011; Ngày sinh 01/01/1985; Địa chỉ: Số 9, B18 Đầm Trấu, Hà Nội	4.070.283.713 8.471.723.646 <u>15.835.090.827</u>
	Nguyễn Thị Bình-082C002848 người nhà Nguyễn Ngọc Dung; CCCD số 001155012848, ngày cấp 20/11/2019; Ngày sinh 28/08/1955; Địa chỉ: 55 Hàng Buồm, Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	66.681.162.742
	Nguyễn Thị Là-082C009990 người nhà Nguyễn Ngọc Dung; CCCD số 141929487, ngày cấp 13/02/2007; Ngày sinh 19/10/1980; Địa chỉ: Nam Chính, Nam Sách, Hải Dương	Nguyễn Ngọc Dung kế toán trưởng Công ty HBS từ năm 2008 đến 30/05/2022
3	Nguyễn Đức Thắng-082C002079; TP hành chính quản trị công ty VMG; CCCD số 012533207, ngày cấp 29/07/2008; Ngày sinh 11/11/1986; Địa chỉ: Khu Tập Thể Ga Bắc, Dốc Lã, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội; số điện thoại 0912052711	26.188.392.485 <u>960.719.000</u>
	Nguyễn Thị Hải-082C812968; Thủ quỹ Công ty VMG; CCCD số 038183003584, ngày cấp 20/08/2022; Ngày sinh 13/10/1983; Địa chỉ: P1924 - CT12B ĐTM Kim Văn - Kim Lũ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội; số điện thoại 0976693976	27.149.111.485
4	Nguyễn Hà Hải Như-082C127979; Phó TGD HBS; CCCD số 042179000572, ngày cấp 13/11/2021; Ngày sinh 12/01/1979; Địa chỉ: Số 46 Bà Triệu, Hà Nội; số điện thoại 0983242909	49.011.000 <u>15.546.531.994</u>
	Vũ Minh Đức-082C129339; Trưởng phòng môi giới 3 HBS; CCCD số 001084066423, ngày cấp 09/05/2021; Ngày sinh 16/12/1984; Địa chỉ: 20B Trần Xuân Soạn, Hai Bà Trưng, Hà Nội; số điện thoại 0936689339	15.595.542.994

5	Nguyễn Anh Đức-082C823368 Chủ tịch Công ty Thanh Trì, Phó TGD Công ty VMG, bố Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, mở ngày 06/05/2022; CCCD số 017068004131, ngày cấp 07/01/2022; Ngày sinh 26/05/1968; Địa chỉ: TK Lâm Lý, Thị trấn Đà Bắc, Đà Bắc, Hòa Bình; số điện thoại 0989899238	5.990.000.000 <u>16.318.550.000</u>
	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh-082C000222; Phó Phòng Hành chính Quản trị Công ty VMG; CCCD số 113467990, ngày cấp 07/07/2008; Ngày sinh 10/02/1992; Địa chỉ: Nhà Số 2, Ngõ 98, phố Quan Nhân, Nhân Chính, Hà Nội	<u>22.308.550.000</u>
6	Nguyễn Văn Linh-082C850188; Liên quan Nguyễn Kim Nguyên - Trưởng phòng kế toán giao dịch HBS; CCCD số 019085000188, ngày cấp 03/02/2017; Ngày sinh 14/02/1985; Địa chỉ: K322 - D11 KĐT Đặng Xá, Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	20.580.621.565 <u>15.000.000</u>
	Phạm Đức Vinh-082C802268 người nhà Phan Sỹ Hải Tổng GD Công ty HBS; CCCD số 001202003615, ngày cấp 25/04/2021; Ngày sinh 09/10/2002; Địa chỉ: Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	<u>20.595.621.565</u>
7	Nguyễn Thị Thanh Lan-082C000440; Giám đốc tài chính VMG; CCCD số 001180000614, ngày cấp 13/10/2014; Ngày sinh 15/03/1980; Địa chỉ: Số 17, Ngách 124/64, Ngõ 124 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội; số điện thoại 0398321725	265.061.000
8	Nguyễn Bảo Ngọc-082C801990; Kế toán trưởng Mỹ Đình; CCCD số 025190017593, ngày cấp 09/05/2021; Ngày sinh 21/11/1990; Địa chỉ: Thanh Miếu, TP Việt Trì, Phú Thọ; số điện thoại 0389981832	
	Đặng Thu Trang-082C813686; Kế toán trưởng Mỹ Đình và VMD; CCCD số 019190000124, ngày cấp 02/10/2015; Ngày sinh 13/08/1990; Địa chỉ: Số 46-48 Bà Triệu, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0975725765	63.777.529 363.241.363 13.133.022.000
	Phạm Ngọc Quân-082C002828; Chủ tịch HĐQT Cty Nhuệ Giang; CCCD số 012589456, ngày cấp 08/11/2012; Ngày sinh 06/08/1988; Địa chỉ: P306, E9, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	<u>110.513.000</u>
	Trần Thị Thu Hào-082C817997; Kế toán trưởng Nhuệ Giang; CCCD số 211770994, ngày cấp 29/06/2012; Ngày sinh 16/03/1985; Địa chỉ: Số 46- 48 Bà Triệu, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại 0933767997	<u>13.670.553.892</u>
9	Phạm Thị Thu Thảo-082C100304; Kế toán trưởng VMD2; CCCD số 036191004844, ngày cấp 18/06/2018; Ngày sinh 03/04/1991; Địa chỉ: Tổ 8, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội; số điện thoại 0349587724	211.856.509
10	Tạ Thị Thủy Trang-082C002380; Phó TGD Cty VMG; CCCD số 045182000210, ngày cấp 10/04/2021; Ngày sinh 02/03/1982; Địa chỉ: B4 116, Đồng Xa, Mai Dịch Cầu Giấy, Hà Nội; số điện thoại 0889391368	2.913.773.000
11	Nguyễn Hoàng Minh-082C825688; Chuyên viên Phòng Mối giới HBS; CCCD số 012114159, ngày cấp 05/06/2013; Ngày sinh 19/05/1980; Địa chỉ: 72 Ngõ 7 Phố Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội; số điện thoại 0936218890	367.919.671
12	Quản Thị Như Hoa-082C000499; Phó phòng tư vấn chứng khoán HBS; CCCD số 172394908, ngày cấp 03/04/2012; Ngày sinh 27/04/1983; Địa chỉ: Thị trấn Hà Trung, Thanh Hoá; số điện thoại 0983274086	305.475.317
13	Nguyễn Thanh Phương-082C001312; Chuyên viên Phòng Quản Trị; CCCD số 012571336, ngày cấp 08/12/2002; Ngày sinh 13/12/1986; Địa chỉ: 56 tổ 18 Phường Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội; số điện thoại 0987736786	124.709.466
14	Công ty cổ phần TMDV Đăng Huy; CCCD số 0108823224, ngày cấp 26/08/2019; Ngày sinh 00/01/1900; Địa chỉ: Số 131 ngõ 205 đường Xuân Đình, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội; số điện thoại 0855989521 (không nộp tiền, không giao dịch chứng khoán nhưng rút tiền)	6.397.400.000

15	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển SCO; CCCD số 0107487001, ngày cấp 12/12/2019; Ngày sinh 00/01/1900; Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà - Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội; số điện thoại 0916016886 (không nộp tiền, không giao dịch chứng khoán nhưng rút tiền)	3.253.400.000
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Giáo Dục; CCCD số 0102556300, ngày cấp 15/07/2020; Ngày sinh 00/01/1900; Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Icon 4, số 243A đường Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội; số điện thoại 0988158686 (không nộp tiền, không giao dịch chứng khoán nhưng rút tiền)	2.958.420.125

6. Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, **Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung** - Kế toán trưởng của Công ty HBS; **Trịnh Ngọc Duyên** – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; **Nguyễn Thị Kim Nguyên** – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; **Phạm Hồng Vương** – PTGD Công ty HBS, **Nguyễn Hà Hải Như** – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi **512.284.029.702 đồng** trên 02 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024 từ nguồn tiền doanh thu phí phân phối được phẩm của Công ty Vimedimex Bình Dương; Doanh thu phí cho thuê văn phòng 45 Võ Thị Sáu; Doanh thu phí đỗ xe tầng hầm CT8, Iris Garden;

7. Hội đồng sáng lập và Hội đồng quản trị Công ty HBS yêu cầu Bà Trần Mỹ Linh- Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban tổng giám đốc của Công ty HBS thu hồi toàn bộ cổ phiếu HBS được mua bằng nguồn tiền bất hợp pháp, bao gồm 5.800.000 cổ phiếu mã HBS trị giá 35.000.000.000 đồng, để hoàn trả cho Công ty VMG và các bên có quyền lợi hợp pháp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HBS ngày 26/06/2025.

8. Hội đồng sáng lập và Hội đồng quản trị Công ty HBS yêu cầu Bà Trần Mỹ Linh- Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban tổng giám đốc của Công ty HBS tiếp tục phong tỏa số dư chứng khoán đến ngày 29/10/2025 là 10.941.539 cổ phiếu của 519 mã chứng khoán, tương ứng với giá trị 86.667.592.642 đồng, của 356 tài khoản cá nhân mở tại Công ty HBS cho đến khi có kết luận của Cơ quan bảo vệ pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi chuyển dịch chứng khoán và mua bán, giao dịch liên quan đến 10.941.539 cổ phiếu của 519 mã chứng khoán tại Công ty HBS.

9. Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/4/2022, đã miễn nhiệm chức danh Thành viên – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS đối với Bà Nguyễn Thị Loan và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, trong đó, có Ông Lê Xuân Tùng (Ông Lê Xuân Tùng là con trai của Bà Nguyễn Thị Loan) không tham dự Đại hội và không được ai trao đổi về nội dung này. Ngày 11/05/2022, Ông Trần Kiên Cường – ký Quyết định số 05/2022/NQ-HĐQT bổ nhiệm Ông Trần Kiên Cường – Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty HBS Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 10/05/2022.

Như vậy, Quyết định miễn nhiệm chức danh thành viên - Chủ tịch HĐQT **trái quy định pháp luật phải bị hủy bỏ** vì nó vi phạm pháp luật, làm

cho quyết định đó trở nên vô hiệu và không có giá trị pháp lý. Cụ thể, việc miễn nhiệm cần tuân thủ các căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm việc không đủ tiêu chuẩn, có đơn từ chức hoặc các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ Công ty HBS.

9.1 Căn cứ hủy bỏ Quyết định: (1) Vi phạm pháp luật: Quyết định miễn nhiệm trái pháp luật sẽ không có hiệu lực pháp luật và **bị coi là vô hiệu.** **(2) Bảo vệ quyền lợi cổ đông:** Việc hủy bỏ quyết định đảm bảo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, vốn có thể bị ảnh hưởng bởi các quyết định quản trị vi phạm pháp luật gây tổn thất cho Công ty VMG số tiền **8.254.770.118.388 đồng.**

9.2 HĐQT Công ty HBS giao cho bà Trần Mỹ Linh làm việc với các Cơ quan chức năng làm rõ các nội dung liên quan như sau:

Ngày 04/01/2022, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hà Nội, có địa chỉ tại tầng 1, đến tầng 5, số 11B Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP Hà Nội. Đại diện: **Bà Phạm Thị Hồng Vân – PGĐ chi nhánh (Bên A)** và Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình, Đại diện **Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS (Bên B)** ký **Hợp đồng sử dụng tài khoản** trong đó có nội dung:

Tại Điều 1: Thông tin tài khoản của khách hàng quy định: Số tài khoản: 0011004136449; Tên tài khoản: Công ty cổ phần chứng khoán Hòa Bình; Chi nhánh quản lý tài khoản: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hà Nội

Kết quả kiểm tra tài khoản VCB-0011004136449 - Vietcombank Chi nhánh Hà Nội, kể từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; Dòng tiền luân chuyển vào 1.347.327.448.830 đồng và dòng tiền luân chuyển ra 1.343.364.658.440 đồng.

Tại Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng quy định: (1) Được quyền sử dụng số dư được phép sử dụng trên tài khoản để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ. Chủ tài khoản được VCB tạo mọi điều kiện để sử dụng tài khoản của mình thuận tiện và an toàn. **(2) Được lựa chọn sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán phù hợp với nhu cầu của mình do VCB cung cấp.** **(3) Được uỷ quyền cho người khác sử dụng tài khoản** theo quy định của pháp luật và của VCB. **(4) Được yêu cầu VCB thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp các thông tin về các giao dịch thanh toán, số dư trên tài khoản của mình trong thoả thuận với.** **(5) Được yêu cầu VCB tạm khóa, đóng tài khoản khi cần thiết; được gửi thông báo cho VCB về việc phát sinh tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung.** **(5) Được nhận thông tin quảng cáo về tất cả các sản phẩm, dịch vụ, chương trình hoạt động của VCB bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc qua các kênh khác theo thoả thuận của KH với VCB.** **(6) Đảm bảo có đủ số tiền trên tài khoản để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập.** Trường hợp có thoả thuận thấu chi thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản. **(7) Chấp hành các quy định của pháp luật và Quy định của VCB về mở và sử dụng tài khoản tại VCB.** **(8) Thông báo kịp thời cho VCB khi phát hiện**

thấy sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng. (9) **Hoàn trả hoặc phối hợp với VCB** hoàn trả các khoản tiền do sai sót nhầm lẫn đã ghi có vào tài khoản của mình (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của VCB/tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác). (10) **Chịu trách nhiệm trước pháp luật** về tính chính xác, trung thực của các thông tin và chứng từ thanh toán mà mình cung cấp. (11) **Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác** các thông tin liên quan về mở và sử dụng tài khoản tại VCB. Thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho VCB khi có sự thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở tài khoản. (12) **Chịu mọi trách nhiệm về những thiệt hại** do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản và các sai sót do lỗi của mình. (13) **Không được cho thuê, cho mượn tài khoản** của mình. (14) **Không được sử dụng tài khoản** của mình để thực hiện các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. (15) **Tuân thủ các quy định của pháp luật** và của VCB về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, đạo luật FATCA và các quy định khác có liên quan. (16) **Chịu trách nhiệm bảo vệ** các bí mật thông tin TK, giao dịch của cá nhân do mình quản lý để đảm bảo an toàn, bảo mật trong giao dịch thanh toán. (17) **Trường hợp KH** đề nghị tra soát, khiếu nại trong quá trình sử dụng tài khoản qua tổng đài điện thoại chăm sóc khách hàng của VCB, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc KH cần bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo 2 mẫu của VCB quy định cho từng dịch vụ cung ứng (mẫu giấy hoặc mẫu điện tử) làm căn cứ chính thức để xử lý tra soát, khiếu nại. (18) **Các quyền và nghĩa vụ khác** theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với VCB không trái với quy định của pháp luật hiện hành. (19) **Nếu KH đề nghị hủy bỏ một yêu cầu giao dịch đã được KH** tự thực hiện thì VCB có quyền quyết định trong phạm vi có thể theo các quy định, thông lệ của hệ thống ngân hàng để nỗ lực hỗ trợ KH. KH đồng ý rằng KH sẽ chịu mọi trách nhiệm ngay cả trong trường hợp người hướng dẫn đã nhận tiền và KH chịu mọi chi phí phát sinh nếu có.

9.3 HĐQT Công ty HBS yêu cầu bà Trần Mỹ Linh và Ban kiểm soát nội bộ phối hợp với các Cơ quan chức năng rà soát các tài khoản BIDV-8640025396; BIDV-12219000000500; BIDV-12219000001327 và các chứng từ, hồ sơ liên quan chưa có Sổ phụ sao kê ngân hàng và báo cáo HĐQT, Hội đồng sáng lập kết quả thực hiện.

IV. CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM BIÊN BẢN

Phụ lục 01: Chi tiết nguồn tiền luân chuyển vào 7.934.211.509.199 đồng vào 11 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán, được ghi nhận trên sổ phụ, sao kê tài khoản ngân hàng của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

Phụ lục 02: Chi tiết giá trị 8.254.770.118.388 đồng dòng tiền luân chuyển ra trên 11 tài khoản bỏ ngoài sổ sách kế toán, được ghi nhận trên sổ phụ, sao kê tài khoản ngân hàng của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024

V. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Hội đồng quản trị phê chuẩn các nội dung nêu tại Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV, Mục V, Mục VI, Mục VII Biên bản này.

1. Những thành viên tán thành: tất cả các thành viên Hội đồng quản trị

tham gia họp; Tổng số phiếu tán thành: **05 phiếu**

2. Những thành viên không tán thành: không có thành viên nào. Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

3. Những thành viên không có ý kiến: không có thành viên nào. Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

4. Những thành viên có ý kiến khác: không có thành viên nào. Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu

VI. CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP

Căn cứ vào kết quả biểu quyết nêu trên, Hội đồng quản trị đã thông qua các nội dung nêu tại **Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV, Mục V, Mục VI, Mục VII** Biên bản này.

Cuộc họp kết thúc vào lúc **16 giờ** cùng ngày. Biên bản này được lập trước khi kết thúc cuộc họp này và được lập thành **05** (năm) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Các thành viên Hội đồng quản trị dự họp không có ý kiến gì thêm. Thư ký cuộc họp đã đọc cho tất cả các thành viên dự họp nghe đầy đủ nội dung của biên bản này.



CHỦ TỌA

Ths.BS. Trần Mỹ Linh

THƯ KÝ

Vũ Ngọc Tuấn

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG SÁNG LẬP

**CHỦ TỊCH
HĐSL**

TS. Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HĐSL

Ths.BS. Trần Mỹ Linh

**PHÓ CHỦ TỊCH
HĐSL**

Ths. Trịnh Thanh Giảng

**PHÓ CHỦ TỊCH
HĐSL**

TS. Nguyễn Văn Cẩn

THÀNH VIÊN HĐSL

LS. Dương Đình Khuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Ths.BS. Trần Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HĐQT



Trịnh Thanh Giảng

THÀNH VIÊN HĐQT



Nguyễn Minh Sơn

THÀNH VIÊN HĐQT



Lê Trí Dũng

THÀNH VIÊN HĐQT



Nguyễn Phan Trung Kiên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY HBS

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phan Trung Kiên

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bế Công Sơn

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Tiến Dũng



